|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 137 ngày 10 tháng 06 năm 2015 của*

*Trường Đại học Phan Thiết)*

1. ***Thông tin tổng quát***
2. Tên chương trình tiếng Việt: **Kế Toán**
3. Tên chương trình tiếng Anh: **Accounting**
4. Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**
5. Ngành đào tạo tiếng Việt: **Kế Toán**
6. Ngành đào tạo tiếng Anh: **Accounting**
7. Mã ngành: **C340301**
8. Thời gian đào tạo: **03 năm**
9. Loại hình đào tạo: **Chính quy**
10. Số tín chỉ: 94
11. Văn bằng tốt nghiệp:
12. Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt**
13. ***Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra***

# Mục tiêu đào tạo

## Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Cao đẳng ngành Kế toán được thiết kế để đào tạo người học đạt được các mục tiêu sau:

* Có nền tảng kiến thức căn bản và chuyên ngành để có thể tự nghiên cứu tiếp thu các thành tựu của khoa học công nghệ hoặc học lên các bậc học cao hơn để đáp ứng yêu cầu phát triển của bản thân, của khoa học kỹ thuật và của nền kinh tế xã hội;
* Có trình độ kỹ năng và khả năng đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn trong lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán;
* Có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp kế toán - kiểm toán, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, có sức khỏe để làm việc;
* Có trình độ tiếng Anh đạt chuẩn theo quy định của trường Đại học Phan Thiết, có thể đọc và giao tiếp bằng tiếng Anh.

## Mục tiêu cụ thể

### Về kiến thức

##### Lý luận chính trị cơ bản

Hiểu biết về đường lối, chính sách và pháp luật của Nhà nước CHXHCN Việt Nam; hiểu biết cơ bản về Chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

##### Khoa học xã hội

Có kiến thức cơ bản về các nguyên tắc cơ bản trong khoa học xã hội (như chủ nghĩa xã hội khoa học) và ứng dụng các nguyên tắc đó vào thực tiễn học tập, nghiên cứu, và làm việc.

##### Khoa học – toán ứng dụng

Có kiến thức cơ bản về các nguyên lý tổng quát trong tự nhiên (như toán học, vật lý, …). ứng dụng các kiến thức ấy vào lĩnh vực chuyên ngành.

##### Khoa học về ngành Kế Toán

##### Khoa học về chuyên ngành Kế Toán

##### Pháp luật:

Có kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, luật kinh tế, luật kế toán

### Về kỹ năng

##### Quá trình đào tạo tích hợp việc truyền đạt các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc hợp tác, kỹ năng lập kế hoạch và triển khai thực thi.

##### Sinh viên được trang bị kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và tin học cần thiết cho giao tiếp và thực hành nghề nghiệp trong môi trường làm việc hiện đại.

### Về thái độ

##### Sinh viên có nhận thức và vận dụng đúng đắn các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, cư xử có trách nhiệm với xã hội.

##### Biết được trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và hiện trạng kinh tế, môi trường và xã hội.

### Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

##### k. Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

# Chuẩn đầu ra

# Về kiến thức

Hiểu biết về chính trị, xã hội, pháp luật của Đảng và Nhà nước, về pháp luật trong kinh doanh và văn hoá trong doanh nghiệp;

Hiểu biết về trách nhiệm bảo vệ môi trường và con người, ý thức trong việc bảo vệ sức khoẻ và rèn luyện thân thể;

Nắm vững các nguyên lý kinh tế học trong nền kinh tế thị trường làm nền tảng để tiếp thu, nghiên cứu các môn học chuyên ngành;

Nắm vững các văn bản qui phạm pháp luật liên quan đến ngành kế toán như: Luật kế toán, Luật thuế, các Chuẩn mực kế toán, các Chế độ kế toán và các văn bản dưới luật có liên quan đến ngành kế toán;

Nắm vững kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ Kế toán tài chính, Kế toán thuế, Kế toán chi phí, Kế toán quản trị, Hệ thống thông tin kế toán;

Vận dụng toán học, công nghệ thông tin trong quản lý kinh tế làm nền tảng cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành

Nắm được kiến thức cơ bản về tài chính, ngân hàng. Nắm vững kiến thức về tài chính doanh nghiệp, nghiệp vụ ngân hàng thương mại;

Có kiến thức về quản trị để tham mưu cho lãnh đạo doanh nghiệp.

* 1. **Về kỹ năng**

**2.2.1 Kỹ năng cứng**

Có thể làm được ngay công việc kế toán thực tế bằng tay và bằng phần mềm kế toán như: lập chứng từ, nhận diện và phân loại chứng từ, lưu giữ chứng từ, ghi sổ kế toán, và quy trình lập báo cáo tài chính;

10. Lập báo cáo thuế giá trị gia tăng hàng tháng và báo cáo quyết toán thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp cuối năm;

11. Đọc hiểu và lập được các báo cáo tài chính như: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; và Thuyết minh báo cáo tài chính;

12. Có khả năng lập và phân tích các báo cáo kế toán quản trị cơ bản như: báo cáo kết quả kinh doanh theo hình thức số dư đảm phí, báo cáo dự toán, báo cáo về mối quan hệ Chi phí – Sản lượng – Lợi nhuận, các báo cáo về giá thành… để phục vụ cho việc ra quyết định trong kinh doanh.

**2.2.2 Kỹ năng mềm**

13. Có khả năng giao tiếp cơ bản với người nước ngoài bằng tiếng Anh, sử dụng được tiếng Anh chuyên ngành trong công việc chuyên môn, và khi tốt nghiệp có trình độ tiếng Anh tương đương 350 điểm TOEIC, hoặc các chứng chỉ Anh ngữ quốc tế tương đương; Có thể sử dụng thành thạo Internet và các phần mềm cơ bản như MS-Word, MS-Excel, MS-PowerPoint, đồng thời biết ứng dụng Excel để phân tích tài chính, lập dự toán, dự báo, thống kê.

14. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và cập nhật kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

15. Có kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm, tranh luận, trình bày ý tưởng, viết đề án.

16. Có tư duy logic, phát hiện và xử lý các tình huống xảy ra.

### Về thái độ

**2.3.1 Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân**

# 17. Có ý thức trách nhiệm công dân, chấp hành pháp luật

# 18. Có đạo đức nghề nghiệp;

**2.3.2 Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ**

# 19. Có tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp;

# 20. Có tinh thần hợp tác và sẵn sàng làm việc theo nhóm, linh hoạt, mềm dẻo;

# 21. Có ý thức tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn;

# 22. Có hoài bão và thăng tiến trong nghề nghiệp.

# Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình này, người học có thể làm việc tốt tại các vị trí sau:

* Kế toán tổng hợp, kế toán các phần hành trong phòng kế toán của tất cả các loại hình doanh nghiệp;
* Nhân viên cho các Công ty hành nghề kế toán;
* Làm nhân viên phụ trách công tác tài chính trong các đơn vị;
* Làm nhân viên trong các cơ quan quản lý hoạt động kế toán của Nhà nước.

# Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

* Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể tiếp tục tham gia các chương trình đào tạo sau cao đẳng như: đại học trong lĩnh vực kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh của tất cả các tổ chức đào tạo trong và ngoài nước.
* Có thể tham gia học và thi lấy các chứng chỉ hành nghề về kế toán, thuế theo qui định (Chứng chỉ hành nghề kế toán, Chứng chỉ hành nghề Đại lý thuế).

# Các tài liệu chương trình tham khảo

Các chương trình đào tạo ngành Kế Toán của một số trường Đại học trong nước:

* Trường đại học Kinh tế TPHCM
* <http://www.ueh.edu.vn/UserData/FileManagers/ToChucHanhChinh/ChuongTrinhDaoTao/CDCQ/ketoan/ketoandoanhnghiep.pdf>
* Trường đại học Ngân hàng TPHCM
* <http://buh.edu.vn/dao-tao/cao-dang-chinh-quy/nganh-ke-toan-kiem-toan.html>
* Trường đại học Mở TPHCM

<http://www.ou.edu.vn/ktkt/AnhHoatDong/CTDT%20chuyen%20nganh%20Ke%20toan%202011-2014.pdf>

Các chương trình đào tạo ngành Kế Toán của một số trường Đại học quốc tế:

* Mays Business School (Texas university – USA)
* <http://catalog.tamu.edu/undergraduate/course-descriptions/acct/>
* Alfred college (New York – USA)
* http://catalog.alfredstate.edu/current/programs/accounting/

1. ***Nội dung chương trình***

# Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo của chương trình là **03** năm.

# Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức tích lũy cho toàn khóa tối thiểu là 94tín chỉ, không bao gồm Giáo dục Thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng (8 tín chỉ).

# Đối tượng tuyển sinh

Công dân đã có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

# Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

## Quy trình đào tạo

Căn cứ vào quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Phan Thiết - Ban hành kèm theo Quyết định số ……./QĐ-ĐHPT ngày ... tháng ... năm ... của Hiệu trưởng trường Đại học Phan Thiết;

Được tổ chức theo hệ thống tín chỉ và thực hiện theo Quyết định số: 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉvà Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

## Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện được quy định tại điều 27 Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007, được sửa chữa, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định hiện hành của Trường Đại học Phan Thiết, cụ thể như sau:

* Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
* Tích lũy đủ số tín chỉ môn học và khối lượng kiến thức quy định cho CTĐT mỗi khóa;
* Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.00 trở lên;
* Đạt điểm rèn luyện từ 50 điểm trở lên.
* Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và hoàn thành môn học Giáo dục Thể chất.
* Có chứng chỉ tiếng Anh: TOEIC quốc tế 350 điểm hoặc chứng nhận tiếng Anh do trường Đại học Phan Thiết cấp.
* Có chứng chỉ tin học cơ bản, nâng cao do trường Đại học Phan Thiết cấp.
* Chứng nhận hoạt động cộng đồng (tương đương 200 giờ hoạt động cộng đồng)

# Thang điểm

Chương trình sử dụng thang điểm 10, quy tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy định của Trường.

# Nội dung chương trình

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên môn học** | **Mã môn học** | **Số tín chỉ** | | | **Ghi chú**  **(Môn học trước)** |
| **TC** | **LT** | **TH** |
| Kiến thức giáo dục đại cương | | | **43** |  |  |  |
|  | Lý luận chính trị | | **10** |  |  |  |
|  | Những NLCB CN Mac-Lenin (P1) | 10119 | 3 |  |  |  |
|  | Những NLCB CN Mac-Lenin (P2) | 10120 | 2 |  |  |  |
|  | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 20009 | 2 |  |  |  |
|  | Đường lối CM của Đảng CSVN | 20002 | 3 |  |  |  |
|  | Khoa học xã hội | | **4** |  |  |  |
|  | Pháp luật đại cương | 20015 | 2 |  |  |  |
|  | Kỹ năng mềm | 10147 | 2 |  |  |  |
|  | Ngoại ngữ | | **9** |  |  |  |
|  | Tiếng anh 1 | 10067 | 3 |  |  |  |
|  | Tiếng anh 2 | 10081 | 3 |  |  |  |
|  | Tiếng anh chuyên ngành kế toán | 10125 | 3 |  |  |  |
|  | Toán – Tin – Khoa học tự nhiên | | **9** |  |  |  |
|  | Toán cao cấp C | 20013 | 3 |  |  |  |
|  | Tin học căn bản | 20010 | 3 |  |  |  |
|  | Lý thuyết xác suất thống kê | 23001 | 3 |  |  |  |
|  | Giáo dục thể chất | | **3** |  |  |  |
|  | Giáo dục thể chất 1 | 20000 | 2 |  |  |  |
|  | Giáo dục thể chất 2 | 20091 | 1 |  |  |  |
|  | Giáo dục Quốc phòng - An ninh | | **8** |  |  |  |
|  | Giáo dục Quốc phòng | 20003 | 8 |  |  |  |
| Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp | | | **65** |  |  |  |
|  | Kiến thức cở sở của khối ngành | | **19** |  |  |  |
|  | Kinh tế vi mô | 22001 | 3 |  |  |  |
|  | Luật kinh tế | 23001 | 2 |  |  |  |
|  | Nguyên lý thống kê kinh tế | 23002 | 3 |  |  |  |
|  | Tài chính tiền tệ | 22007 | 3 |  |  |  |
|  | Nguyên lý kế toán | 22004 | 3 |  |  |  |
|  | Toán tài chính | 10133 | 2 |  |  |  |
|  | Thuế | 10183 | 3 |  |  |  |
|  | Kiến thức ngành và chuyên sâu | | **39** |  |  |  |
|  | Kiến thức chung | | **26** |  |  |  |
|  | ***Bắt buộc*** | | **26** |  |  |  |
|  | Kế toán tài chính 1 | 10220 | 4 |  |  |  |
|  | Kế toán tài chính 2 | 23005 | 3 |  |  |  |
|  | Kế toán tài chính 3 | 23009 | 3 |  |  |  |
|  | Kế toán quản trị | 23010 | 3 |  |  |  |
|  | Kiểm toán 1 | 10091 | 2 |  |  |  |
|  | Tin học kế toán 1 | 10215 | 3 |  |  |  |
|  | Thuế ứng dụng | 10138 | 2 |  |  |  |
|  | Quản trị tài chính 1 | 10301 | 3 |  |  |  |
|  | Nghiệp vụ ngân hàng thương mại | 10168 | 3 |  |  |  |
|  | Kiến thức chuyên ngành | | **13** |  |  |  |
|  | ***Bắt buộc*** | | **10** |  |  |  |
|  | Kế toán tài chính 4 | 10303 | 3 |  |  |  |
|  | Kế toán mô phỏng | 10102 | 4 |  |  |  |
|  | Tin học kế toán 2 | 10148 | 3 |  |  |  |
|  | ***Tự chọn: Chọn 01 trong các môn sau theo thứ tự ở cột ghi chú*** | | **3** |  |  |  |
|  | Phân tích hoạt động kinh doanh | 23011 | 3 |  |  |  |
|  | Kiểm soát nội bộ | 10324 | 3 |  |  |  |
|  | Thực tập | | **4** |  |  |  |
|  | Thực tập Tốt nghiệp | 23014 | 4 |  |  |  |

# Kế hoạch giảng dạy

*Các môn Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng đào tạo theo kế hoạch chung của Trường.*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên môn học** | **Mã môn học** | **Số tín chỉ** | | | **Ghi chú** |
| **TC** | **LT** | **TH** |
| **HỌC KỲ 1** | |  | **15** |  |  |  |
| 1 | Toán cao cấp C | 20013 | 4 | 3 | 1 |  |
| 2 | Tiếng Anh 1 | 20005 | 3 |  |  |  |
| 3 | Những NLCB của CN Mác – Lênin 1 | 10119 | 3 | 3 |  |  |
| 4 | Những NLCB của CN Mác – Lênin 2 | 10120 | 2 | 2 |  |  |
| 5 | Kinh tế vi mô | 22001 | 3 | 2 | 1 |  |
| **HỌC KỲ 2** | |  | **16** |  |  |  |
| 1 | Tin học căn bản | 20010 | 3 | 2 | 1 |  |
| 2 | Pháp luật đại cương | 20015 | 2 | 2 |  |  |
| 3 | Nguyên lý kế toán | 22004 | 3 |  |  |  |
| 4 | Tiếng Anh 2 | 10081 | 3 |  |  |  |
| 5 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 20009 | 2 |  |  |  |
| 6 | Tài chính tiền tệ | 22007 | 3 |  |  |  |
| **HỌC KỲ 3** | |  | **15** |  |  |  |
| 1 | Thuế | 10183 | 3 |  |  |  |
| 2 | Lý thuyết xác suất và thống kê toán | 23001 | 3 |  |  |  |
| 3 | Thuế ứng dụng | 10138 | 2 |  |  |  |
| 4 | Tin học kế toán 1 (Kế toán Excel) | 10215 | 3 |  |  |  |
| 5 | Kế toán tài chính 1 | 10220 | 4 |  |  |  |
| **HỌC KỲ 4** | |  | **21** |  |  |  |
| 1 | Quản trị tài chính 1 | 10301 | 2 |  |  |  |
| 2 | Luật kinh tế | 10182 | 2 |  |  |  |
| 3 | Kế toán tài chính 2 | 23005 | 3 |  |  |  |
| 4 | Phân tích hoạt động kinh doanh | 23011 | 3 |  |  |  |
| 5 | Nguyên lý thống kê kinh tế | 23002 | 3 |  |  |  |
| 6 | Đường lối CM của Đảng CSVN | 20002 | 3 |  |  |  |
| 7 | Toán tài chính | 10133 | 2 |  |  |  |
| 8 | Tin học kế toán 2 (Phần mềm kế toán) | 10148 | 3 |  |  |  |
| **HỌC KỲ 5** | |  | **21** |  |  |  |
| 1 | Nghiệp vụ ngân hàng thương mại | 10168 | 3 |  |  |  |
| 2 | Kế toán tài chính 3 | 23009 | 3 |  |  |  |
| 3 | Kế toán quản trị | 23010 | 3 |  |  |  |
| 4 | Kiểm toán 1 | 10091 | 2 |  |  |  |
| 5 | Anh văn chuyên ngành kế toán | 10029 | 3 |  |  |  |
| 6 | Kế toán tài chính 4 | 10303 | 3 |  |  |  |
| 7 | Kế toán mô phỏng | 10102 | 4 |  |  |  |
| **HỌC KỲ 6** | |  | **6** |  |  |  |
| 1 | Thực tập tốt nghiệp | 23014 | 4 |  |  |  |
| 2 | Kỹ năng mềm | 10143 | 3 |  |  |  |

***Lưu ý:*** Kế hoạch học kỳ dự kiến trên chỉ mang tính chất tham khảo, Sinh viên lựa chọn môn học trong kế hoạch học kỳ của các chuyên ngành khác, các khóa đã triển khai nhằm tích lũy đủ số môn theo chương trình đào tạo.

# Hướng dẫn thực hiện chương trình

* Sinh viên chọn chuyên ngành:
* Sinh viên học vượt:
* Sinh viên bị ở lại khóa:

## Tính liên thông

Chương trình đào tạo trình độ đại học đã chú ý đến tính liên thông, đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp đại học có thể học lên trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ.

## Xây dựng đề cương chi tiết các môn học

Trên cơ sở chương trình đào tạo, giảng viên biên soạn đề cương chi tiết theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường với một số điểm cần lưu ý:

* Việc triển khai chi tiết các môn học phải đảm bảo tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, cần qui định các môn học tiên quyết của môn học kế tiếp trong chương trình đào tạo;
* Về nội dung: Trừ phần kiến thức tự chọn, các môn học còn lại là bắt buộc thực hiện. Nội dung trong đề cương là những nội dung cốt lõi của môn học. Có thể bổ sung thêm nội dung hay thời lượng cho một môn học nào đó, phần thời lượng thêm vào được lấy từ thời lượng môn học tự học của khối kiến thức tương ứng;
* Phần kiến thức tự chọn: Sinh viên lựa chọn các môn học trên cơ sở số tín chỉ tích lũy quy định cho nhóm môn học tự chọn để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ. Phần kiến thức tự chọn, hàng năm có thể thay đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu cập nhật và hội nhập.
* Ngoài ra chương trình có môn học Kiến tập nhằm giúp cho sinh viên làm quen với thực tế doanh nghiệp từ năm thứ 2, sẽ triển khai vào học kỳ 6 của khóa học. Trong học kỳ này sinh viên chỉ học môn học kỹ năng còn toàn bộ thời gian sinh viên đến kiến tập tại doanh nghiệp;

Về yêu cầu thực hiện số lượng bài tập (nếu có) của các môn học do giảng viên qui định nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện kỹ năng cần thiết;

Tất cả các môn học đều phải có giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn… đã in sẵn cung cấp cho sinh viên. Tùy theo nội dung các môn học, giảng viên xác định phương pháp giảng dạy cho phù hợp.

## Định hướng phương pháp dạy học

* Chương trình được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học đại học: giảm số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự học tập, nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực tập;
* Khối kiến thức của chương trình phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho chương trình giáo dục trình độ đại học 04 năm.

## Định hướng đánh giá

* Đánh giá học tập thường xuyên bằng kiểm tra lý thuyết, thực hành, viết tiểu luận, vấn đáp.
* Kỹ năng học tập và các môn học chuyên đề Kỹ năng được đánh giá kết quả học tập theo thang điểm 10, được tính vào điểm trung bình chung tích lũy.
* Tổ chức thi kết thúc môn học theo hình thức: tự luận, trắc nghiệm khách quan, viết tiểu luận hoặc kết hợp với các hình thức trên.
* Quy trình tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá thực hiện theo quy chế hiện hành của nhà trường.

## Tốt nghiệp

Sinh viên học môn kỹ năng mềm (3 TC) và đi thực tập tốt nghiệp (6 TC)

# Mối liên hệ giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **a** | **b** | **c** | **d** | **e** | **f** | **g** | **h** | **i** | **j** | **k** |
| **Chuẩn đầu ra** | 11, 12, 13, 14, 15 | 3, 7, 8, 9, 10, | 1, 2, 3 | 1, 2, 3, 4, 5 | 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 | 11, 12, 13, 14, 15 | 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8 | 3, 7, 8, 9, 10 | 11, 12, 13, 14, 15 | 11, 12, 13, 14, 15 | 1, 2, 3, 4, 8, 9  22  20,21 |

**Mối liên hệ giữa mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CÁC HỌC PHẦN TRONG**  **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | **CHUẨN ĐẦU RA** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Chuẩn kiến thức** | | | | | | | **Chuẩn kỹ năng** | | | | | | | | | | **Thái độ** | | | | | |
| **Cứng** | | | | | **Mềm** | | | | |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** | **22** |
| **KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. Các NLCB của Chủ nghĩa Mac-Lenin | 🗸 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  |
| 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh | 🗸 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  | 🗸 | 🗸 | 🗸 | 🗸 | 🗸 |  |
| 1. Đường lối cơ bản của Đảng CSVN | 🗸 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  |
| 1. Pháp luật đại cương | 🗸 |  | 🗸 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  |
| 1. Anh văn (1,2,3,4) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. Toán cao cấp C |  | 🗸 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  |  |
| 1. Lý thuyết xác suất và thống kê toán |  | 🗸 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  |  |
| 1. Tin học căn bản |  | 🗸 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  |  |
| 1. Giáo dục thể chất |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |
| 1. Giáo dục quốc phòng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |
| 1. Hướng nghiệp |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |
| **KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Kiến thức cơ sở ngành*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. Kinh tế vi mô |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. Kinh tế vĩ mô |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. Nguyên lý kế toán |  |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  | 🗸 |
| 1. Tài chính tiền tệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  |  |
| 1. Nguyên lý thống kê kinh tế |  | 🗸 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  |  |
| 1. Luật kinh tế | 🗸 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  | 🗸 | 🗸 |  |  |  |  |  |
| 1. Toán tài chính |  | 🗸 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  |  |
| **Kiến thức ngành** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. Kế toán tài chính 1 |  |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  | 🗸 | 🗸 | |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  | 🗸 |
| 1. Kế toán tài chính 2 |  |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  | 🗸 | 🗸 | |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  | 🗸 |
| 1. Kế toán chi phí |  |  |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  |  | |  | 🗸 |  | 🗸 |  |  |  |  |  | 🗸 |
| 1. Kế toán quản trị |  |  |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  |  | |  | 🗸 |  | 🗸 |  |  |  |  |  | 🗸 |
| 1. Kiểm toán 1 |  |  |  |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  | |  |  | 🗸 | 🗸 |  |  |  |  |  | 🗸 |
| 1. Kế toán tài chính 3 |  |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  | 🗸 | 🗸 | |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  | 🗸 |
| 1. Kế toán tài chính 4 |  |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  | 🗸 | 🗸 | |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  | 🗸 |
| 1. Ứng dụng Excel trong kế toán |  |  |  |  |  |  |  | 🗸 | 🗸 | 🗸 | 🗸 |  | |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  | 🗸 |
| 1. Ứng dụng phần mềm kế toán |  |  |  |  |  |  |  | 🗸 | 🗸 | 🗸 | 🗸 |  | |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  | 🗸 |
| 1. Hệ thống thông tin kế toán |  |  |  |  |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  | |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  |  |
| 1. Kế toán Mỹ |  |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  |  |
| 1. Kế toán hành chính sự nghiệp |  |  |  |  |  |  |  |  | 🗸 |  | 🗸 |  | |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  | 🗸 |
| 1. Kế toán ngân hàng |  |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  | 🗸 |
| 1. Thuế ứng dụng |  |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  |  |
| 1. Kiểm toán 2 |  |  |  |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  | |  |  | 🗸 | 🗸 |  |  |  |  |  | 🗸 |
| 1. Thuế |  |  |  |  | 🗸 |  |  |  | 🗸 |  | 🗸 |  | |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  |  |
| 1. Quản trị tài chính 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | 🗸 |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  |  |
| 1. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  |  |
| 1. Phân tích hoạt động kinh doanh |  | 🗸 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  | 🗸 |  |  |  |  |  |  |
| 1. Anh văn chuyên ngành kế toán |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. Mô phỏng kế toán |  |  |  |  | 🗸 |  |  |  | 🗸 |  | 🗸 | 🗸 | | 🗸 |  |  | 🗸 | 🗸 | 🗸 | 🗸 | 🗸 |  | 🗸 |
| 1. Bảo vệ khoá luận tốt nghiệp | 🗸 | 🗸 | 🗸 | 🗸 | 🗸 | 🗸 | 🗸 | 🗸 |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | 🗸 | 🗸 | 🗸 | 🗸 |  |
| 1. Kỹ năng mềm |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  | 🗸 |  | 🗸 | 🗸 | 🗸 |  |  |
| 1. Thực tập |  |  |  |  | 🗸 |  |  |  | 🗸 |  | 🗸 | 🗸 | |  |  |  | 🗸 |  | 🗸 | 🗸 | 🗸 |  |  |

# 11. Lộ trình đào tạo chuẩn

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HK1** | **HK2** | **HK3** | | **HK4** | **HK5** | | **HK6** |
| Toán cao cấp C | Tin học căn bản | Thuế | | Quản trị tài chính 1 | Kế toán tài chính 4 | | Thực tập tốt nghiệp |
| Những NLCB của CN Mác – Lênin 1 | Pháp luật đại cương | Lý thuyết xác suất và thống kê toán | | Luật kinh tế | Kế toán tài chính 3 | | Kỹ năng mềm |
| Những NLCB của CN Mác – Lênin 2 | Tiếng Anh 2 | Kế toán tài chính 1 | | Kế toán tài chính 2 | Kế toán quản trị | |  |
| Kinh tế vi mô | Nguyên lý kế toán | Thuế ứng dụng | | Đường lối CM của Đảng CSVN | Kiểm toán 1 | |  |
| Tiếng Anh 1 | Tài chính tiền tệ | Tin học kế toán 1 (Kế toán Excel) | | Phân tích hoạt động kinh doanh | Anh văn chuyên ngành kế toán | |  |
|  | Tư tưởng Hồ Chí Minh |  | | Nguyên lý thống kê kinh tế | Kế toán mô phỏng | |  |
|  |  |  | | Toán tài chính | Nghiệp vụ ngân hàng thương mại | |  |
|  |  |  | | Tin học kế toán 2 (Phần mềm kế toán) |  | |  |
| Đề cương chi tiết môn học *(đính kèm)* | | |  | | |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HIỆU TRƯỞNG** |

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: …………………………….……….

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: Toán cao cấp C - Mã học phần: 20013**

**2. Khoa phụ trách: Bộ môn cơ bản**

**3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**

**3.1. Họ và tên: Nguyễn Đình Khuông**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Bộ môn cơ bản
* ĐT: 0972370094 - Email: ndkhuong15051987@gmail.com
* Các hướng nghiên cứu chính: Giải tích toán học, Toán ứng dụng

**3.2. Họ và tên: Lê Trường Giang**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Bộ môn cơ bản
* ĐT: 0935757524 - Email: truonggiang@thd.vn
* Các hướng nghiên cứu chính: Giải tích toán học, Toán ứng dụng

**4. Số tín chỉ: 4**

**5. Phân bổ thời gian (tiết): 60 tiết**

* Lên lớp: 60 tiết
* Tự học: 120 tiết

**6. Học phần tiên quyết:** không có

**7. Mục tiêu của học phần:**

Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc mô hình và phân tích các bài toán kinh tế bao gồm: giới hạn, tính liên tục, đạo hàm của hàm số một biến và nhiều biến, các phép tính vi phân, tích phân hàm một biến và phương trình vi phân. Giúp người học biết phân tích một số bài toán kinh tế thông dụng như tối ưu hàm hữu dụng, phân tích độ nhạy cảm của một đại lượng kinh tế khi một đại lượng khác thay đổi, ước lượng giá của trái phiếu khi có rủi ro lãi suất, tính thặng dư của người tiêu dùng, phân tích động thái thị trường, công thức lãi kép liên tục…, rèn luyện khả năng tư duy logic và các kỹ năng khác cho người học.

Cung cấp cho người học đầy đủ kiến thức toán cơ bản để hỗ trợ cho các môn học tiếp theo, biết vận dụng kiến thức toán cao cấp như một công cụ định lượng hỗ trợ việc phán đoán và giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyên ngành của mình.

**8. Chuẩn đầu ra học phần:** Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

***-* Kiến thức:**

1. Các vấn đề cơ bản về hàm số một biến, nhiều biến

2. Một số ứng dụng của hàm số trong các bài toán kinh tế (Tốc độ biến thiên và chi phí biên trong kinh tế, Lãi kép liên tục, Thời gian đáo hạn bình quân và độ lồi của trái phiếu, Thặng dư của người tiêu dung, Hàm sản xuất Cobb – Douglass,…)

3. Các kiến thức cơ bản về ma trận, định thức

4. Các kiến thức cơ bản về hệ phương trình tuyến tính

5. Ứng dụng của hệ phương trình tuyến tính

**- Kỹ năng:**

6. Thành thạo các phép tính liên quan đến hàm số (đạo hàm, tìm giới hạn, tìm cực đại, cực tiều,...)

7. Thành thạo các phép tính tích phân

8. Thành thạo các phép tính trên ma trận, định thức

9. Giải được hệ phương trình tuyến tính

10. Biết ứng dụng vào các bài toán kinh tế thông dụng

11. Tăng kỹ năng sử dụng máy tính bỏ túi và các chương trình trên máy tính để hỗ trợ cho việc tính toán trong môn học

**- Thái độ:**

12. Đi học chuyên cần, nghiêm túc tiếp thu kiến thức trên lớp

13. Tích cực chủ động trong việc học tập trên lớp và nghiên cứu môn học ở nhà

14. Tham gia thảo luận nhóm, làm các bài kiểm tra, bài thi đầy đủ.

***-* Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

15. Chủ động giải quyết các vấn đề được đưa ra trong giờ học

16. Chủ động trong việc đặt câu hỏi với giảng viên nếu có thắc mắc trong môn học

17. Giúp đỡ bạn bè trong học tập, hoàn thành nhiệm vụ do giảng viên, tổ/nhóm phân công.

**9. Nội dung học phần:**

**9.1. Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần gồm có hai phần chính là Giải tích và Đại số, trong đó phần Giải tích giới thiệu về hàm số một biến và hàm nhiều biến với các vấn đề liên quan như đạo hàm, giới hạn, vi phân, tích phân, cực đại, cực tiểu và các ứng dụng trong kinh tế. Phần Đại số giới thiệu về ma trận và định thức, các phép toán trên ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính và phương pháp giải các hệ phương trình tuyến tính.

**9.2. Nội dung học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chương** | **Mục, tiểu mục** | **Số tiết** | | | | **TL**  **TH** | **CĐR** |
| **TC** | **LT** | **BT** | **TH** |
| 1 | Chương 1. Hàm số và giới hạn | * 1. Hàm số   - Định nghĩa hàm số  - Hàm được định nghĩa từng phần  - Tính đối xứng  - Hàm số tang, giảm  - Kết hợp các hàm  - Hàm số ngược  - Các hàm số cơ bản: hàm tuyến tính, đa thức, hàm lũy thừa, hàm hữu tỷ, hàm đại số, hàm lượng giác, hàm lượng giác ngược, hàm số mũ, hàm logarit, hàm siêu việt  1.2 Giới hạn của hàm số  - Bài toán tiếp tuyến  - Định nghĩa giới hạn hàm số  - Giới hạn 1 phía  - Luật tính giới hạn  - Định nghĩa chính xác của giới hạn: định nghĩa giới hạn của hàm số tại 1 điểm, giới hạn vô cùng, giới hạn tại vô cùng, giới hạn vô cùng tại vô cùng  1.3 Tính liên tục của hàm số | 8 | 6 | 2 |  | 12 | 1, 6, 11, 12, 13, 15, 16 |
| 2 | Chương 2. Đạo hàm và ứng dụng | 2.1 Đạo hàm và tốc độ biến thiên  - Tiếp tuyến  - Đạo hàm tại 1 điểm  - Tốc độ biến thiên  - Đạo hàm là 1 hàm số  - Đạo hàm cấp cao  2.2 Các quy tắc tính đạo hàm  - Hàm hằng  - Hàm lũy thừa  - Hàm số mũ  - Quy tắc tổng, hiệu, tích và thương  - Đạo hàm các hàm lượng giác  - Quy tắc dây chuyền  2.3 Đạo hàm hàm ẩn  - Phương pháp tính đạo hàm hàm ẩn  - Đạo hàm các hàm lượng giác ngược  - Đạo hàm hàm logarit  - Tính đạo hàm bằng phương pháp lấy logarit  2.4 Vi phân  - Xấp xỉ tuyến tính  - Định nghĩa vi phân  2.5 Các ứng dụng của đạo hàm  - Các giá trị lớn nhất và nhỏ nhất  - Đạo hàm phản ánh hình dáng đồ thị  - Bài toán tối ưu  - Tốc độ biến thiên và chi phí biên trong kinh tế  - Hệ số co dãn  - Lãi kép lien tục  - Quy tắc l’Hospital và các dạng vô định  - Triển khai Taylor  - Thời gian đáo hạn bình quân và độ lồi của trái phiếu | 12 | 8 | 4 |  | 20 | 1, 2, 6, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 |
| 3 | Chương 3. Tích phân | 3.1 Nguyên hàm  - Định nghĩa  - Bảng công thức nguyên hàm  3.2 Tích phân xác định  - Bài toán diện tích  - Định nghĩa tích phân xác định  - Quy tắc trung điểm  - Tính chất của tích phân xác định  - Các tính chất so sánh của tích phân  - Định lí cơ bản của giải tích  3.3 Tích phân bất định  3.4 Các phương pháp tính tích phân  - Quy tắc thế  - Tích phân từng phần  3.5 Các kỹ thuật tính tích phân  - Tích phân hàm đối xứng  - Tích phân hàm lượng giác  - Đổi biến lượng giác  - Tích phân hàm hữu tỷ  3.6 Chiến lược tính tích phân  3.7 Tích phân suy rộng  - Loại 1: Khoảng vô hạn  - Loại 2: Hàm lấy tích phân gián đoạn  - Tiêu chuẩn so sánh của tích phân suy rộng  3.8 Ứng dụng trong kinh tế  - Tìm các hàm trong kinh tế từ các hàm giá trị cận biên  - Thặng dư của người tiêu dùng | 12 | 8 | 4 |  | 20 | 2, 7, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 |
| 4 | Chương 4. Hàm nhiều biến | 4.1 Các định nghĩa  - Hàm 2 biến  - Đồ thị  - Hàm 3 biến hay nhiều biến hơn  4.2 Giới hạn và liên tục  - Giới hạn  - Liên tục  4.3 Đạo hàm và vi phân  - Đạo hàm riêng của hàm 2 biến  - Đạo hàm riêng của hàm nhiều hơn 2 biến  - Đạo hàm cấp cao  - Hàm khả vi  - Vi phân  - Quy tắc dây chuyền  - Đạo hàm hàm ẩn  4.4 Giá trị cực đại và cực tiểu  - Giá trị cực đại địa phương và cực tiểu địa phương  - Cực trị địa phương có điều kiện  - Giá trị cực đại tuyệt đối và cực tiểu tuyệt đối của hàm hai biến trên một tập đóng  bị chặn  4.5 Ứng dụng trong kinh tế  - Hàm sản xuất Cobb – Douglass  - Đạo hàm riêng và vi phân toàn phần đo lường sự thay đổi tuyệt đối  - Hệ số co dãn  - Ứng dụng cực trị trong một số bài toán kinh tế | 12 | 8 | 4 |  | 20 | 1, 2, 6, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 |
| 5 | Chương 5. Ma trận và định thức | * 1. Định nghĩa ma trận   2. Các phép toán trên ma trận   - Phép cộng trừ hai ma trận  - Phép nhân vô hướng  - Phép nhân hai ma trận  - Phép chuyển vị.  5.3 Phép biến đổi sơ cấp trên dòng của ma trận  5.4 Ma trận bậc thang  5.5 Ma trận nghịch đảo  5.6 Định thức  5.7 Các tính chất cơ bản của định thức  5.8 Khai triển Laplace  5.9 Ứng dụng định thức tìm ma trận nghịch đảo  5.10 Hạng của ma trận | 8 | 5 | 3 |  | 20 | 3, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 |
| 6 | Chương 6. Hệ phương trình tuyến tính | 6.1 Hệ phương trình tổng quát  6.2 Định lý Crocnecker-Capelli  6.3 Phương pháp giải hệ phương trình tổng quát  6.4 Định nghĩa hệ phương trình thuần nhất  6.5 Phương pháp giải hệ phương trình thuần nhất | 6 | 4 | 2 |  | 12 | 4, 5, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 |
| 7 | Ôn tập |  | 2 | 1 | 1 |  | 16 |  |
| **Tổng cộng** | | | **60** | **40** | **20** |  | **120** | |

**10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:**

* Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 40 tiết, sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, sinh viên phải ghi chép thêm. Những thắc mắc (nếu có) của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
* Phần bài tập được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm , mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bất chợt giải đáp trên lớp (các nhóm đều sẽ lần lượt được mời lên giải bài tập).

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần) .

* Sinh viên tham gia kiểm tra giữa kỳ 1 lần (45 phút), điểm chuyên cần và điểm kiểm tra giữa kỳ sinh viên phải đạt từ 4 điểm trở lên (theo thang điểm 10) thì mới được thi cuối học kỳ (90 phút).

**11. Phương pháp đánh giá học phần:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Những nội dung cần đánh giá** | **Số lần đánh giá** | **Trọng số (%)** |
| Chuyên cần (đi học đủ 100% được 9 điểm, vắng 1 buổi có phép trừ 1 điểm, không phép trừ 2 điểm, trả lời đúng câu hỏi hoặc tích cực xung phong trả lời câu hỏi, làm bài tập,… được cộng 1 điểm) | 15 | 10 |
| Kiểm tra tự luận giữa học kỳ (45 phút) | 1 | 30 |
| Thi kết thúc học phần tự luận (90 phút) cuối học kỳ | 1 | 60 |
|  |  | **Tổng: 100%** |

**12. Học liệu**

**12.1.Tài liệu chính:**

[1] Lê Tài Thu (chủ biên). Toán cao cấp. NXB Giáo dục 2014.

[2] Lê Tài Thu (chủ biên).  Bài tập Toán cao cấp.  NXB Giáo dục 2014.

**12.2 Tài liệu tham khảo:**

[1] Lê Đình Thúy. Giáo trình Toán cao cấp cho các nhà kinh tế. Phần II: Giải tích toán học. NXB Đại  học Kinh tế quốc dân, 2012.

[2] Calculus, *James Steward (Seventh Edition)*, McMaster University and University of

[3] Toronto, Cengage Learning, 2010.

[4] Toán học cao cấp (tập 1), *Nguyễn Đình Trí* (chủ biên), NXB Giáo dục, 2006

[5] Toán học cao cấp (tập 2), *Nguyễn Đình Trí* (chủ biên), NXB Giáo dục, 2006

[6] Toán học cao cấp (tập 3), *Nguyễn Đình Trí* (chủ biên), NXB Giáo dục, 2006

**12.3. Tư liệu trực tuyến:**

* + Tổng cục Thống kê: <http://www.gso.gov.vn/>
  + Website: [www.gso.gov.vn](http://www.gso.gov.vn)

**13. Tổ chức giảng dạy và học tập**

Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007, được sửa chữa, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định hiện hành của Trường Đại học Phan Thiết**.**

**14. Kế hoạch giảng dạy :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết** | **Hoạt động giảng dạy - học tập** |
| Buổi 1  (tiết 1-4) | Bài giảng: Định nghĩa hàm số, các hàm số cơ bản, Giới hạn của hàm số  - Phương pháp giảng dạy: Giảng lý thuyết, sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, sinh viên phải ghi chép thêm, sinh viên đặt câu hỏi nếu thắc mắc.  - Yêu cầu: Sinh viên nắm được định nghĩa hàm số, biết 1 số hàm số cơ bản, hiểu thế nào là giới hạn của hàm số. Sinh viên về nhà tự nghiên cứu thêm tài liệu theo hướng dẫn. |
| Buổi 2  (tiết 5-8) | Bài giảng: Giới hạn của hàm số (tt), tính liên tục của hàm số  - Phương pháp giảng dạy: Giảng lý thuyết (2 tiết), sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, sinh viên phải ghi chép thêm, sinh viên đặt câu hỏi nếu thắc mắc, cho bài tập ví dụ, hướng dẫn giải và cho bài tập để sinh viên tự làm, có thể trao đổi theo nhóm.  - Yêu cầu: Sinh viên nắm được cách tính giới hạn hàm số, các giới hạn hàm số, biết thế nào là hàm số liên tục, cách xác định hàm số liên tục. Sinh viên tích cực làm bài tập, thảo luận nhóm trên lớp. Sinh viên về nhà tự nghiên cứu thêm tài liệu và làm bài tập theo hướng dẫn. |
| Buổi 3  (tiết 9-12) | Bài giảng: Đạo hàm và các quy tắc tính đạo hàm  - Phương pháp giảng dạy: Giảng lý thuyết kết hợp bài tập ví dụ, sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, sinh viên phải ghi chép thêm, sinh viên đặt câu hỏi nếu thắc mắc. Cho bài tập về nhà cho sinh viên.  - Yêu cầu: Sinh viên nắm được định nghĩa đạo hàm, đạo hàm cấp cao, các quy tắc tính đạo hàm của một số hàm số cơ bản (hàm lũy thừa, hàm mũ, hàm lượng giác). Sinh viên về nhà tự nghiên cứu thêm tài liệu và làm bài tập theo hướng dẫn. |
| Buổi 4  (tiết 13-16) | Bài giảng: Các quy tắc tính đạo hàm (tt), vi phân  - Phương pháp giảng dạy: Giảng lý thuyết kết hợp bài tập ví dụ (2 tiết), sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, sinh viên phải ghi chép thêm, sinh viên đặt câu hỏi nếu thắc mắc. Cho bài tập để sinh viên tự làm, có thể trao đổi theo nhóm (2 tiết). Cho bài tập về nhà cho sinh viên.  - Yêu cầu: Sinh viên nắm được các quy tắc tính đạo hàm của một số hàm số (hàm ẩn, hàm lượng giác ngược, hàm logarit), nắm được định nghĩa vi phân. Sinh viên tích cực làm bài tập, thảo luận nhóm trên lớp. Sinh viên về nhà tự nghiên cứu thêm tài liệu và làm bài tập theo hướng dẫn. |
| Buổi 5  (tiết 17-20) | Bài giảng: Các ứng dụng của đạo hàm  - Phương pháp giảng dạy: Giảng lý thuyết kết hợp bài tập ví dụ (2 tiết), sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, sinh viên phải ghi chép thêm, sinh viên đặt câu hỏi nếu thắc mắc. Cho bài tập để sinh viên tự làm, có thể trao đổi theo nhóm (2 tiết). Cho bài tập về nhà cho sinh viên.  - Yêu cầu: Sinh viên ứng dụng đạo hàm vào các bài toán kinh tế thông dụng. Sinh viên tích cực làm bài tập, thảo luận nhóm trên lớp. Sinh viên về nhà tự nghiên cứu thêm tài liệu và làm bài tập theo hướng dẫn. |
| Buổi 6  (tiết 21-24) | Bài giảng: Định nghĩa nguyên hàm, tích phân xác định, tích phân bất định  - Phương pháp giảng dạy: Giảng lý thuyết kết hợp ví dụ, sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, sinh viên phải ghi chép thêm, sinh viên đặt câu hỏi nếu thắc mắc.  - Yêu cầu: Sinh viên nắm được định nghĩa nguyên hàm và tích phân, các tính chất của tích phân. Sinh viên về nhà tự nghiên cứu thêm tài liệu theo hướng dẫn. |
| Buổi 7  (tiết 25-28) | Bài giảng: Các phương pháp và kỹ thuật tính tích phân  - Phương pháp giảng dạy: Giảng lý thuyết kết hợp bài tập ví dụ (2 tiết), sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, sinh viên phải ghi chép thêm, sinh viên đặt câu hỏi nếu thắc mắc. Cho bài tập để sinh viên tự làm, có thể trao đổi theo nhóm (2 tiết). Cho bài tập về nhà cho sinh viên.  - Yêu cầu: Sinh viên nắm được các phương pháp và kỹ thuật tính tích phân các hàm số. Sinh viên về nhà tự nghiên cứu thêm tài liệu và làm bài tập theo hướng dẫn. |
| Buổi 8  (tiết 29-32) | Bài giảng: Tích phân suy rộng, các ứng dụng trong kinh tế  - Phương pháp giảng dạy: Giảng lý thuyết kết hợp bài tập ví dụ (2 tiết), sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, sinh viên phải ghi chép thêm, sinh viên đặt câu hỏi nếu thắc mắc. Cho bài tập để sinh viên tự làm, có thể trao đổi theo nhóm (1 tiết). Cho bài tập về nhà cho sinh viên.  **Cho sinh viên kiểm tra giữa kỳ: tự luận 45 phút, nội dung chương 1, 2, 3**  - Yêu cầu: Sinh viên nắm được thế nào là tích phân suy rộng. Biết áp dụng tích phân trong các bài toán kinh tế thông dụng (tìm các hàm trong kinh tế từ các hàm giá trị cận biên, thặng dư của người tiêu dùng). Sinh viên về nhà tự nghiên cứu thêm tài liệu và làm bài tập theo hướng dẫn. |
| Buổi 9  (tiết 33-36) | Bài giảng: Hàm nhiều biến, giới hạn và liên tục, đạo hàm và vi phân  - Phương pháp giảng dạy: Giảng lý thuyết kết hợp bài tập ví dụ, sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, sinh viên phải ghi chép thêm, sinh viên đặt câu hỏi nếu thắc mắc. Cho bài tập về nhà cho sinh viên.  - Yêu cầu: Sinh viên nắm được định nghĩa, tính liên tục và giới hạn của hàm nhiều biến. Biết tính đạo hàm riêng của hàm nhiều biến. Sinh viên về nhà tự nghiên cứu thêm tài liệu và làm bài tập theo hướng dẫn. |
| Buổi 10  (tiết 37-40) | Bài giảng: Đạo hàm và vi phân của Hàm nhiều biến (tt), giá trị cực đại, cực tiểu  - Phương pháp giảng dạy: Giảng lý thuyết kết hợp bài tập ví dụ (2 tiết), sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, sinh viên phải ghi chép thêm, sinh viên đặt câu hỏi nếu thắc mắc. Cho bài tập để sinh viên tự làm, có thể trao đổi theo nhóm (2 tiết). Cho bài tập về nhà cho sinh viên.  - Yêu cầu: Sinh viên nắm được các quy tắc tính đạo hàm và vi phân hàm nhiều biến, tìm được giá trị cực đại, cực tiểu. Sinh viên về nhà tự nghiên cứu thêm tài liệu và làm bài tập theo hướng dẫn. |
| Buổi 11  (tiết 41-44) | Bài giảng: Ứng dụng của hàm nhiều biến trong kinh tế  - Phương pháp giảng dạy: Giảng lý thuyết kết hợp bài tập ví dụ (2 tiết), sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, sinh viên phải ghi chép thêm, sinh viên đặt câu hỏi nếu thắc mắc. Cho bài tập để sinh viên tự làm, có thể trao đổi theo nhóm (2 tiết). Cho bài tập về nhà cho sinh viên.  - Yêu cầu: Sinh viên nắm được ứng dụng của hàm nhiều biến trong một số bài toán kinh tế thông dụng. Sinh viên về nhà tự nghiên cứu thêm tài liệu và làm bài tập theo hướng dẫn. |
| Buổi 12  (tiết 45-48) | Bài giảng: Định nghĩa và các phép toán trên ma trận  - Phương pháp giảng dạy: Giảng lý thuyết kết hợp bài tập ví dụ (3 tiết), sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, sinh viên phải ghi chép thêm, sinh viên đặt câu hỏi nếu thắc mắc. Cho bài tập để sinh viên tự làm, có thể trao đổi theo nhóm (1 tiết). Cho bài tập về nhà cho sinh viên.  - Yêu cầu: Sinh viên nắm được định nghĩa và các loại ma trận, biết làm các phép toán cơ bản , phép biến đổi sơ cấp trên ma trận. Sinh viên về nhà tự nghiên cứu thêm tài liệu và làm bài tập theo hướng dẫn. |
| Buổi 13  (tiết 49-52) | Bài giảng: Định thức và các tính chất cơ bản của định thức  - Phương pháp giảng dạy: Giảng lý thuyết kết hợp bài tập ví dụ (2 tiết), sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, sinh viên phải ghi chép thêm, sinh viên đặt câu hỏi nếu thắc mắc. Cho bài tập để sinh viên tự làm, có thể trao đổi theo nhóm (2 tiết). Cho bài tập về nhà cho sinh viên.  - Yêu cầu: Sinh viên nắm được thế nào là định thức, biết các tính chất cơ bản của định thức, biết khai triển định thức và 1 số ứng dụng của định thức. Sinh viên về nhà tự nghiên cứu thêm tài liệu và làm bài tập theo hướng dẫn. |
| Buổi 14  (tiết 53-56) | Bài giảng: Hệ phương trình tuyến tính  - Phương pháp giảng dạy: Giảng lý thuyết kết hợp bài tập ví dụ (4 tiết), sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, sinh viên phải ghi chép thêm, sinh viên đặt câu hỏi nếu thắc mắc. Cho bài tập về nhà cho sinh viên.  - Yêu cầu: Sinh viên nắm hệ phương trình tổng quát, định lý Crocneker-Capelli, các phương pháp giải hệ phương trình tổng quát, định nghĩa và phương pháp giải hệ thuần nhất. Sinh viên về nhà tự nghiên cứu thêm tài liệu và làm bài tập theo hướng dẫn. |
| Buổi 15  (tiết 57-60) | Bài giảng: Hệ phương trình tuyến tính (tt) – Ôn tập cuối kỳ  - Phương pháp giảng dạy: Sửa bài tập buổi 14 (2 tiết). Cho bài tập để sinh viên tự làm, có thể trao đổi theo nhóm, dặn dò ôn tập, cấu trúc đề thi,… (2 tiết).  - Yêu cầu: Sinh viên nắm được tổng quát nội dung toàn môn học, các phần trọng tâm, các dạng toán ứng dụng phổ biến. Sinh viên về nhà tự nghiên cứu thêm tài liệu và làm bài tập theo hướng dẫn. Ôn tập chuẩn bị thi kết thúc học phần. |

**15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:**

- Thời gian: Theo lịch thi chung của trường.

- Hình thức thi: Tự luận, không được sử dụng tài liệu.

**Phan Thiết, ngày tháng năm 2015**

**Trưởng khoa**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: QUẢN TRỊ KINH DOANH

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần:** Kinh tế vi mô **- Mã học phần :** 22001

**2. Khoa phụ trách:** Quản trị kinh doanh

**3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**

**3.1. Họ và tên: Nguyễn Ngọc Hoa Kỳ**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Quản trị kinh doanh
* ĐT: 0932051414; Email: nnhky@upt.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế phát triển

**3.2.** **Họ và tên: Hồ Nhật Hưng**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Quản trị kinh doanh
* ĐT: 0903134918; Email: hungcntp@yahoo.com.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế phát triển

**4. Số tín chỉ: 3**

**5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết**

* Lên lớp: 45 tiết
* Tự học: 135 tiết

**6. Học phần tiên quyết:** Toán cao cấp (không bắt buộc)

**7. Mục tiêu của học phần:**

Môn học giới thiệu đến sinh viên các nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô, sử dụng các lý thuyết và mô hình để giải thích các hiện tượng kinh tế. Việc ứng dụng các lý thuyết và mô hình luôn được quan tâm đúng mức trong suốt môn học. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

* Hiểu các vấn đề cơ bản của kinh tế vi mô
* Hiểu cách thức thị trường họat động và các ứng dụng của nó
* Hiểu cách thức giá cả được hình thành trong các cơ cấu thị trường khác nhau
* Ứng dụng lý thuyết kinh tế trong các vấn đề thực tế.

**8. Chuẩn đầu ra học phần:** Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể:

*-* **Kiến thức:**

1. Khái niệm cơ bản của kinh tế học vi mô

2. Các vấn đề cơ bản của cung cầu và thị trường

3. Lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng

4. Lý thuyết sản xuất và chi phí

5. Thị trường cạnh tranh hoàn toàn

6. Thị trường độc quyền hòan tòan

7. Thị trường cạnh tranh độc quyền và độc quyền nhóm

8. Thị trường các yếu tố sản xuất

**- Kỹ năng*:***

9. Xác định đúng các hoạt động kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô

10. Phân tích được sự thay đổi trong trạng thái cân bằng của thị trường, ứng dụng của độ co giãn, các chính sách của chính phủ

11. Phân tích được sự lựa chọn tối ưu của người tiêu dùng được thực hiện như thế nào trong từng trường hợp cụ thể

12. Phân tích được hiệu quả sản xuất tối ưu của công ty được thực hiện như thế nào trong từng trường hợp cụ thể, thiết lập được đường đẳng phí

13. Hiểu các đặc trưng của thị trường cạnh tranh hoàn hảo và công ty cạnh tranh hoàn hảo. Phân tích được hành vi của công ty cạnh tranh trong ngắn hạn như tối đa hóa lợi nhuận, tối thiểu hóa lỗ, ngừng sản xuất

14. Phân tích được thị trường độc quyền hòan tòan. Phân tích được hành vi của công ty trong ngắn hạn như tối đa hóa lợi nhuận, tối thiểu hóa lỗ, ngừng sản xuất.

15. Nắm được thị trường cạnh tranh độc quyền và độc quyền nhóm. Phân tích được hành vi của công ty trong ngắn hạn như tối đa hóa lợi nhuận, tối thiểu hóa lỗ, ngừng sản xuất.

16. Phân biệt được sự khác biệt giữa thị trường cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, cạnh tranh độc quyền, và độc quyền nhóm.

17. Kỹ năng làm việc nhóm

18. Kỹ năng thuyết trình

19. Kỹ năng tự học

20. Tư duy phản biện khoa học

**- Thái độ:**

21. Tích cực tập trung và tham gia đóng góp ý kiến trong giờ học

22**.** Không làm việc riêng gây mất trật tự hoặc làm ảnh hưởng đến các bạn khác

23. Chủ động ghi chú thêm nội dung thảo luận

***-* Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

24. Chuẩn bị bài trước khi đến lớp

25. Tổng hợp nội dung đã học sau khi kết thúc mỗi chương

26. Tuân thủ theo các yêu cầu của giảng viên và của nhà trường

27. Không có hành vi gian dối trong quá trình học như sao chép, đạo văn

**9. Nội dung học phần:**

**9.1. Tóm tắt nội dung học phần:**

Môn học bao gồm những kiến thức kinh tế vi mô cơ bản: kinh tế học vi mô và những vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp; cung cầu và giá cả hàng hóa; hành vi của doanh nghiệp và người tiêu dùng; lý thuyết về các loại hình thị trường và sự lựa chọn tối ưu của doanh nghiệp; và vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường tác động đến hoạt động kinh tế vi mô.

**9.2. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chương** | **Mục, tiểu mục** | **Số tiết** | | | | **TL**  **TH** | **CĐR** |
| **TC** | **LT** | **BT** | **TH** |
| 1. | **Nhập môn về kinh tế học** | * 1.1 Khái niệm về Kinh tế học   1.1.1 Quy luật khan hiếm, sự lựa chọn và chi phí cơ hội.  1.1.2 Kinh tế học là gì?  1.1.3 Kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô.   * 1.1.4 Kinh tế học thực chứng và kinh tế học chuẩn tắc. * 1.2 Ba vấn đề cơ bản của tổ chức kinh tế và các mô hình kinh tế . * 1.3 Đường giới hạn khả năng sản xuất. * 1.4 Sơ đồ chu chuyển của hoạt động kinh tế | 4 | 2 | 2 |  | 12 | 1, 9, 17, 18, 19, 20 , 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 |
| 2. | **Cầu, cung và cân bằng thị trường** | * 2.1 Cầu   2.1.1 Khái niệm  2.1.2 Biểu cầu, hàm số cầu, đường cầu  2.1.3 Quy luật cầu   * 2.2 Cung   2.2.1 Khái niệm  2.2.2 Biểu cung, hàm số cung, đường cung  2.2.3 Quy luật cung   * 2.3 Trạng thái cân bằng của thị trường. * 2.4 Sự thay đổi của trạng thái cân bằng thị trường   2.4.1 Sự thay đổi của cầu và thay đổi của cung  2.4.2 Các trường hợp cụ thể của thay đổi trạng thái cân bằng thị trường   * 2.5 Độ co giãn của cầu và độ co giãn của cung   2.5.1 Độ co giãn của cầu.  \* Độ co giãn của cầu theo giá.  \* Độ co giãn của cầu theo thu nhập.  \* Độ co giãn chéo của cầu.  2.5.2 Độ co giãn của cung   * 2.6 Sự can thiệp của chính phủ vào thị trường (Vận dụng cung cầu)   2.61 Sự can thiệp trực tiếp của chính phủ: giá trần và giá sàn  2.6.2 Sự can thiệp gián tiếp của chính phủ: thuế và trợ cấp. | 12 | 8 | 4 |  | 28 | 2, 10, 17, 18, 19, 20 , 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 |
| 3. | **Lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng** | * 3.1 Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng ( hay cân bằng tiêu dùng) dựa vào thuyết hữu dụng   3.1.1 Hữu dụng, tổng hữu dụng , hữu dụng biên  3.1.2 Quy luật hữu dụng biên giảm dần  3.1.3 Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng   * 3.2 Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng ( hay cân bằng tiêu dùng) bằng hình học   3.2.1 Ba giả thiết cơ bản về sở thích của người tiêu dùng  3.2.2 Đường đẳng ích  3.2.3. Đường ngân sách  3.2.4 Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng   * 3.3 Sự hình thành đường cầu thị trường   3.3.1 Đường giá cả – tiêu dùng và đường cầu cá nhân  3.3.2 Đường cầu thị trường   * 3.4 Đường thu nhập – tiêu dùng và đường Engel - Hàng hoá thông thường và hàng cấp thấp | 4 | 2 | 2 |  | 12 | 3, 11, 17, 18, 19, 20 , 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 |
| 4. | **Lý thuyết sản xuất và chi phí** | * 4.1 . Hàm sản xuất * 4.2 Sản xuất với một đầu vào biến đổi   4.2.1 Tổng sản phẩm, năng suất trung bình và năng suất biên  4.2.2 Quy luật năng suất biên giảm dần  - 4.3 Sản xuất với hai đầu vào biến đổi  4.3.1 Đường đẳng lượng  4.3.2 Đường đẳng phí  4.3.3 Phối hợp tối ưu các yếu tố sản xuất  4.3.4 Vấn đề hiệu suất theo quy mô   * 4.4 Chi phí kế toán, Chi phí cơ hội, Chi phí kinh tế, Chi phí hiện, Chi phí ẩn * 4.5 Các chỉ tiêu chi phí ngắn hạn.   4.5.1 Các chỉ tiêu chi phí tổng: Tổng chi phí cố định, Tổng chi phí biến đổi và Tổng chi phí  4.5.2 Các chỉ tiêu chi phí đơn vị: Chi phí cố định trung bình, Chi phí biến đổi trung bình và Chi phí trung bình.  4.5.3 Chi phí biên   * 4.6 Các chỉ tiêu chi phí dài hạn.   4.6.1 Chi phí trung bình dài hạn  4.6.2 Chi phí biên dài hạn.   * 4.7 Mối quan hệ giữa chi phí ngắn hạn và chi phí dài hạn * 4.8 Quy mô sản xuất tối ưu. | 8 | 4 | 4 |  | 18 | 4, 12, 17, 18, 19, 20 , 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 |
| 5. | **Thị trường Cạnh tranh hoàn tòan** | * 5.1 Các đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn tòan * 5.2 Phân tích ngắn hạn   5.2.1 Đường cầu sản phẩm của doanh nghiệp và tổng doanh thu.  5.2.2 Doanh thu biên và giá bán  5.2.3 Tối đa hoá lợi nhuận  5.2.4 Tối thiểu hoá lỗ  5.2.5 Trường hợp hoà vốn  5.2.6 Đường cung ngắn hạn của doanh nghiệp  5.2.7 Đường cung ngắn hạn của ngành   * 5.3 Phân tích dài hạn   5.3.1 Tối đa hoá lợi nhuận của doanh nghiệp trong dài hạn.  5.3.2 Cân bằng của ngành trong dài hạn  5.3.3 Sự thay đổi trạng thái cân bằng và đường cung dài hạn của ngành   * 5.4 Hiệu quả của thị trường cạnh tranh hoàn tòan | 8 | 4 | 4 |  | 20 | 5, 13, 17, 18, 19, 20 , 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 |
| 6. | **Thị trường độc quyền hòan tòan** | * 6.1 Những lý do tồn tại độc quyền. * 6.2 Hoạt động của doanh nghiệp độc quyền   6.2.1 Đường cầu sản phẩm của doanh nghiệp và Tổng doanh thu.  6.2.2 Doanh thu biên và giá bán  6.2.3 Quy tắc tối đa hoá lợi nhuận  6.2.4 Những mục tiêu ngắn hạn khác của doanh nghiệp  6.2.5 Hệ số định giá   * 6.3 Nguyên tắc phân bổ sản lượng khi doanh nghiệp có nhiều cơ sở sản xuất * 6.4 . Nguyên tắc phân bổ số lượng hàng bán của doanh nghiệp trước nhiều thị trường (phân biệt giá cấp 3) * 6.5 Kiểm soát độc quyền   6.5.1 Đo lường mức độ độc quyền  6.5.2 Lý do kiểm soát độc quyền (Tổn thất xã hội do độc quyền)  6.5.3 Biện pháp kiểm soát độc quyền của chính phủ | 4 | 2 | 2 |  | 12 | 6, 14, 17, 18, 19, 20 , 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 |
| 7. | **Thị trường Cạnh tranh độc quyền và Độc quyền nhóm** | * 7.1 Thị trường cạnh tranh độc quyền   7.1.1 Đặc điểm của thị trường cạnh tranh độc quyền.  7.1.2 Đường cầu trước doanh nghiệp cạnh tranh độc quyền  7.1.3 Mức giá và sản lượng tối đa hoá lợi nhuận của doanh nghiệp cạnh tranh độc quyền  7.1.4 Cân bằng dài hạn của doanh nghiệp cạnh tranh độc quyền   * 7.2 Giới thiệu sơ lược về lý thuyết trò chơi. Cân bằng Nash và cân bằng của chiến lược ưu thế. * 7.3 Thị trường độc quyền nhóm   7.3.1 Mô hình Cournot  7.3.2 Mô hình Doanh nghiệp dẫn đạo Stackelberg  7.3.3 Mô hình Bertrand  7.3.4 Cạnh tranh và cấu kết  7.3.5 Cartel OPEC và CIPEC  7.3.6 Mô hình đường cầu gãy |  |  |  |  | 18 | 7, 15, 19, 20, 25, 26, 27 |
| 8. | **Thị trường các yếu tố sản xuất** | * 8.1 Thị trường yếu tố sản xuất cạnh tranh   8.1.1 Cầu của doanh nghiệp về một yếu tố sản xuất khi chỉ có một yếu tố sản xuất biến đổi  8.1.2 Cầu của doanh nghiệp về một yếu tố sản xuất khi có nhiều yếu tố sản xuất biến đổi  8.1.3 Đường cầu thị trường  8.1.4 Cung thị trường về các yếu tố sản xuất  8.1.5 Cân bằng trong thị trường yếu tố sản xuất cạnh tranh   * 8.2 Thị trường yếu tố sản xuất với sức mạnh độc quyền mua   8.2.1 Chi tiêu biên và chi tiêu trung bình về yếu tố sản xuất  8.2.2 Quyết định của doanh nghiệp về mua yếu tố sản xuất   * 8.3 Thị trường yếu tố sản xuất với sức mạnh độc quyền bán   8.3.1 Sức mạnh độc quyền bán  8.3.2 Độc quyền song phương trên thị trường lao động |  |  |  |  | 15 | 8, 16, 19, 20, 24, 25, 26, 27 |

**10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:**

Môn học giới thiệu đến sinh viên các nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô, sử dụng các lý thuyết và mô hình để giải thích các hiện tượng kinh tế. Việc ứng dụng các lý thuyết và mô hình luôn được quan tâm đúng mức trong suốt môn học. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

* + - Hiểu các vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp
    - Hiểu đượn mô hình cung - cầu và giá cả
    - Phân tích lý thuyết hành vi người tiêu dùng và lý thuyết về sản xuất và chi phí
    - Hiểu cách thức giá cả được hình thành trong các cơ cấu thị trường khác nhau.
    - Ứng dụng lý thuyết kinh tế trong các vấn đề thực tế.

Phương pháp giảng dạy và học:

* Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 11 buổi. Những thắc mắc (nếu có) của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp.
* Phần thực hành và bài tập được tổ chức theo nguyên tắc làm bài cá nhân hoặc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

- Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị bài mới ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

- Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được giảng viên ghi nhận cộng vào điểm giữa kỳ).

* Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
* Trong quá trình học, sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần).
* Trong giờ học sinh viên tuyệt đối không nói chuyện, làm việc riêng và để điện thoại ở chế độ rung.
* Vào **tuần thứ 8,** sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ dài 60 phút hình thức trắc nghiệm và tự luận chiếm **30 %** tổng số điểm.
* **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ có một bài thi cuối kỳ dài 60 phút hình thức trắc nghiệm và tự luận chiếm **60%** tổng số điểm.

**11. Phương pháp đánh giá học phần:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Những nội dung**  **cần đánh giá** | **Số lần đánh giá** | **Trọng số (%)** |
| Dự lớp | 10 | 10 |
| Thảo luận |  |  |
| Bản thu hoạch |  |  |
| Thuyết trình | 1 | 5 |
| Bài tập | 1 | 5 |
| Thi giữa học kỳ | 1 | 20 |
| Thi cuối học kỳ | 1 | 60 |
|  |  | **Tổng: 100%** |

* Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 11 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên **đi học trễ 15 phút** sẽ coi như đi trễ buổi học hôm đó (2 buổi trễ bằng 1 buổi vắng).Sinh viên **về sớm** sẽ coi như về sớm buổi học hôm đó (2 buổi sớm bằng 1 buổi vắng). Sinh viên **vắng có phép** phải có lý do rõ ràng và có đơn xin phép (2 buổi phép bằng 1 buổi vắng). **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm).
* **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu hoặc làm bài tập đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần hoặc giữa kỳ (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
* Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
* **Có hành động không trung thực**: Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn…) thì sẽ bị điểm 0.

**12. Học liệu:**

**12.1 Tài liệu chính:**

[1] TS Lê Bảo Lâm, TS Nguyễn Như Ý, ThS Trần Thị Bích Dung, ThS Trần Bá Thọ, “Kinh tế vi mô”, Nhà xuất bản kinh tế TpHCM, 2013.

[2] TS Nguyễn Như Ý, ThS Trần Thị Bích Dung, ThS Trần Bá Thọ, TS Nguyễn Hoàng Bảo, “Câu hỏi, Bài tập trắc nghiệm Kinh tế vi mô”, Nhà xuất bản kinh tế TpHCM, 2013.

[3] Bài giảng của giảng viên.

**12.2 Tài liệu tham khảo:**

[1] David Begg, Stanley Fischer và Rudiger Dornbusch. Kinh tế học, Tái bản lần

thứ tám của Nhà xuất bản Mc Graw Hill, bản dịch tiếng Việt của Nhà xuất bản Thống

kê, năm 2009.

[2] Jack Hirshleifer và Amihai Glazer ,Lý thuyết giá cả và sự vận dụng, Tái bản lần

thứ năm, bản dịch tiếng Việt của Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật, năm 1996.

[3] N. Gregory Mankiw, Nguyên lý Kinh tế học tập II , bản dịch tiếng Việt của Nhà

xuất bản Thống kê, năm 2003.

[4] Paul A Samuelson và William D. Nordhalls, Kinh tế học tập1 , tái bản lần thứ

nhất, bản dịch của nhà xuất bản Thống kê, năm 2002.

**12.3 Tư liệu trực tuyến:**

* Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/)
* Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/>
* Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/>
* Bộ kế hoạch và Đầu tư: <http://www.mpi.gov.vn/>
* Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn)

**13. Tổ chức giảng dạy và học tập:**

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

**14. Kế hoạch giảng dạy : (mô tả cụ thể từ buổi 1 đến buổi cuối cùng, mỗi buổi 4 tiết trên lớp, tối thiểu 12 tiết tự học)**

**TUẦN 1 (4 tiết) Chương 1: Nhập môn về kinh tế học**

* + Giới thiệu ngắn nội dung bài giảng:

Các vấn đề cơ bản trong kinh tế học

Một số khái niệm

Sơ đồ chu chuyển kinh tế

* + Phương pháp giảng dạy:

Giảng viên đưa ra vấn đề thảo luận nhóm và trình bày trước lớp

Tổng kết nội dung chính

Làm câu hỏi trắc nghiệm áp dụng

* + Kết quả mong muốn:

Hiểu được các nội dung cơ bản của kinh tế học và kinh tế vi mô nói riêng

Kỹ năng học nhóm

Kỹ năng trình bày trước lớp

Yêu cầu chuẩn bị nội dung bài học tiếp theo và tự học ở nhà

* + Đọc tài liệu: tài liệu chính Chương 1 “Nhập môn kinh tế học” và các tài liệu tham khảo

**TUẦN 2 (4 tiết) Chương 2: Cầu, cung và cân bằng thị trường**

* + Giới thiệu ngắn nội dung bài giảng:

Cầu Thị trường

Cung Thị trường

Thị trường cân bằng

Độ co giãn của cầu và cung

Sự can thiệp của chính phủ vào thị trường

* + Phương pháp giảng dạy:

Tổng kết lại chương 1

Giảng viên phân tích mẫu và cho sinh viên tự suy luận

Vẽ và đọc được đồ thị

Giải quyết được bài tập

Làm câu hỏi trắc nghiệm áp dụng

Yêu cầu chuẩn bị nội dung bài học tiếp theo và tự học ở nhà

* + Kết quả mong muốn:

Hiểu của khái niệm, quy luật và các cách biểu diễn của cầu và cung và cho ví dụ trong thực tế

Phân biệt được sự dịch chuyển và sự trượt dọc

Các yếu tố gây ra sự dịch chuyển và sự trượt dọc

Thị trường cân bằng

Kỹ năng trình bày trước lớp

Tư duy phản biện khoa học

Kỹ năng thảo luận nhóm

* + Đọc tài liệu: tài liệu chính Chương 2 “Cầu, cung và cân bằng thị trường” và các tài liệu tham khảo

**TUẦN 3 (4 tiết) Chương 2: Cầu, cung và cân bằng thị trường (tt)**

* + Giới thiệu ngắn nội dung bài giảng:

Cầu Thị trường

Cung Thị trường

Thị trường cân bằng

Độ co giãn của cầu và cung

Sự can thiệp của chính phủ vào thị trường

* + Phương pháp giảng dạy:

Tổng kết lại phần khái niệm cung cầu và thị trường cân bằng

Giảng viên phân tích mẫu và cho sinh viên tự suy luận

Yêu cầu sinh viên tóm tắt nội dung đã học

Vẽ và đọc được đồ thị

Giải quyết được bài tập

Làm câu hỏi trắc nghiệm áp dụng

Yêu cầu chuẩn bị nội dung bài học tiếp theo và tự học ở nhà

* + Kết quả mong muốn:

Hiểu được độ co giãn của cầu và cung

Kỹ năng trình bày trước lớp

Tư duy suy luận vấn đề

Kỹ năng thảo luận nhóm

* + Đọc tài liệu: tài liệu chính Chương 2 “Cầu, cung và cân bằng thị trường” và các tài liệu tham khảo

**TUẦN 4 (4 tiết) Chương 2: Cầu, cung và cân bằng thị trường (tt)**

* + Giới thiệu ngắn nội dung bài giảng:

Cầu Thị trường

Cung Thị trường

Thị trường cân bằng

Độ co giãn của cầu và cung

Sự can thiệp của chính phủ vào thị trường

* + Phương pháp giảng dạy:

Tổng kết lại phần độ co giãn của cầu và cung

Vẽ và đọc được đồ thị

Áp dụng bài tập

Làm câu hỏi trắc nghiệm áp dụng

Yêu cầu chuẩn bị nội dung bài học tiếp theo và tự học ở nhà

* + Kết quả mong muốn:

Hiểu và phân tích được các biện pháp can thiệp vào thị trường của chính phủ

Cho ví dụ minh họa trong thực tế

Phân biệt và giải quyết được các dạng bài tập cụ thể

Tư duy phản biện khoa học

Kỹ năng thảo luận nhóm

* + Đọc tài liệu: tài liệu chính Chương 2 “Cầu, cung và cân bằng thị trường” và các tài liệu tham khảo

**TUẦN 5 (4 tiết) Chương 3: Lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng**

* + Giới thiệu ngắn nội dung bài giảng:

Hữu dụng (U : utility)

Tổng hữu dụng (TU : Total Utility)

Hữu dụng biên (MU : Marginal Utility)

Mối quan hệ giữa MU và TU

Nguyên tắc đối đa hóa TU bằng thuyết Hữu Dụng

Sự hình thành đường cầu thị trường

Nguyên tắc đối đa hóa TU bằng thuyết Hình Học

* + Phương pháp giảng dạy:

Tổng kết lại nội dung chương 2

Thảo luận nhóm và trình bày trước lớp

Liên hệ thực tế

Áp dụng bài tập

Làm câu hỏi trắc nghiệm áp dụng

Yêu cầu chuẩn bị nội dung bài học tiếp theo và tự học ở nhà

* + Kết quả mong muốn:

Hiểu và phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định của người tiêu dùng và tìm ra phương án tiêu dùng tối ưu

Cho ví dụ minh họa trong thực tế

Làm được các dạng bài tập áp dụng

Tư duy phản biện khoa học

Kỹ năng thảo luận nhóm

Kỹ năng tự học

* + Đọc tài liệu: tài liệu chính Chương 3 “Lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng” và các tài liệu tham khảo

**TUẦN 6 (4 tiết) Chương 4: Lý thuyết về sản xuất và chi phí**

* + Giới thiệu ngắn nội dung bài giảng:

Lý Thuyết Về sản xuất

Lý thuyết về chi phí sản xuất

* + Phương pháp giảng dạy:

Tổng kết lại nội dung chương 3

Thảo luận nhóm và trình bày trước lớp

Liên hệ thực tế

Áp dụng bài tập

Làm câu hỏi trắc nghiệm áp dụng

Yêu cầu chuẩn bị nội dung bài học tiếp theo và tự học ở nhà

* + Kết quả mong muốn:

Hiểu và phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định của người sản xuất và tìm ra phương án sản xuất tối ưu

Cho ví dụ minh họa trong thực tế

Làm được các dạng bài tập áp dụng

Tư duy phản biện khoa học

Kỹ năng thảo luận nhóm

Kỹ năng tự học

* + Đọc tài liệu: tài liệu chính Chương 4 “Lý thuyết về sản xuất và chi phí” và các tài liệu tham khảo

**TUẦN 7 (4 tiết) Chương 4: Lý thuyết về sản xuất và chi phí (tt)**

* + Giới thiệu ngắn nội dung bài giảng:

Lý Thuyết Về sản xuất

Lý thuyết về chi phí sản xuất

* + Phương pháp giảng dạy:

Tổng kết lại nội dung chương 3

Thảo luận nhóm và trình bày trước lớp

Liên hệ thực tế

Áp dụng bài tập

Làm câu hỏi trắc nghiệm áp dụng

Yêu cầu chuẩn bị nội dung bài học tiếp theo và tự học ở nhà

* + Kết quả mong muốn:

Hiểu và phân tích được các loại chi phí sản xuất ngắn hạn, dài hạn

Vẽ được hình dạng của các đường chi phí chủ yếu của công ty

Cho ví dụ minh họa trong thực tế

Làm được các dạng bài tập áp dụng

Tư duy phản biện khoa học

Kỹ năng thảo luận nhóm

Kỹ năng tổng hợp

Kỹ năng suy luận

Kỹ năng tự học

* + Đọc tài liệu: tài liệu chính Chương 4 “Lý thuyết về sản xuất và chi phí” và các tài liệu tham khảo

**TUẦN 8 (4 tiết) Kiểm tra giữa kỳ**

**TUẦN 9 (4 tiết) Chương 5: Thị trường cạnh tranh hoàn toàn**

* + Giới thiệu ngắn nội dung bài giảng:

Các vấn đề cơ bản trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn

Phân tích trong ngắn hạn

Phân tích trong dài hạn

Tổ chức sản xuất trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn

Hiệu quả của thị trường cạnh tranh hoàn toàn và sự can thiệp của chính phủ

* + Phương pháp giảng dạy:

Tổng kết lại chương 4

Thảo luận nhóm

Vẽ và đọc được đồ thị

Giải quyết được bài tập

Làm câu hỏi trắc nghiệm áp dụng

Yêu cầu chuẩn bị nội dung bài học tiếp theo và tự học ở nhà

* + Kết quả mong muốn:

Hiểu và phân tích được các đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn hảo và công ty cạnh tranh hoàn hảo

Phân tích được hành vi của công ty cạnh tranh trong ngắn hạn như tối đa hóa lợi nhuận, tối thiểu hóa lỗ, ngừng sản xuất

Phân biệt và giải quyết được các dạng bài tập cụ thể

Tư duy phản biện khoa học

Kỹ năng tự học

Kỹ năng thảo luận nhóm

* + Đọc tài liệu: tài liệu chính Chương 5 “Thị trường cạnh tranh hoàn toàn” và các tài liệu tham khảo

**TUẦN 10 (4 tiết) Chương 6: Thị trường độc quyền hoàn toàn**

* + Giới thiệu ngắn nội dung bài giảng:

Một số đặc điểm

Phân tích trong ngắn hạn

Phân tích trong dài hạn

Chiến lược phân biệt giá của xí nghiệp độc quyền.

Các biện pháp quản lý và điều tiết đối với xí nghiệp độc quyền

* + Phương pháp giảng dạy:

Tổng kết lại chương 5

So sánh

Thảo luận nhóm

Vẽ và đọc được đồ thị

Giải quyết được bài tập

Làm câu hỏi trắc nghiệm áp dụng

Yêu cầu chuẩn bị nội dung bài học tiếp theo và tự học ở nhà

* + Kết quả mong muốn:

Phân tích được các đặc điểm của thị trường độc quyền hoàn toàn

Hiểu và phân tích được một công ty độc quyền sẽ xác định số lượng để sản xuất là bao nhiêu và bán với giá nào

Phân tích được một công ty độc quyền với nhiều cơ sở sản xuất khác nhau sẽ hoạt động như thế nào

Phân tích được chính sách bán hàng một giá và chính sách phân biệt giá đối với các thị trường khác nhau của công ty độc quyền

Phân biệt và giải quyết được các dạng bài tập cụ thể

Tư duy phản biện khoa học

Kỹ năng tự học

Kỹ năng thảo luận nhóm

* + Đọc tài liệu: tài liệu chính Chương 6 “Thị trường độc quyền hoàn toàn” và các tài liệu tham khảo

**TUẦN 11 (5 tiết) Ôn tập - Dự trữ**

* + Phương pháp giảng dạy:

Tổng kết lại nội dung cần nắm

Vẽ và đọc được đồ thị

Giải quyết được bài tập

Làm câu hỏi trắc nghiệm áp dụng

Sinh viên sẽ giao lưu với các doanh nghiệp địa phương

* + Công bố điểm chuyên cần và điểm giữa kỳ

**15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:**

**- Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường

**- Hình thức thi:** bài thi dài 60 phút hình thức trắc nghiệm và tự luận **(không được sử dụng tài liệu)**

**Phan Thiết, ngày tháng năm 2015**

**Trưởng khoa**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: KẾ TOÁN

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lenin 1 - Mã học phần : 10119**

**2. Khoa phụ trách:**

**3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**

**Họ và tên: Nguyễn Thị Lý**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
* Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lý luận chính trị
* ĐT: 0903661228……………; email: ntlly@upt.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử, triết học, tư tưởng, văn hóa

**4. Số tín chỉ: 3**

**5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết**

* Lên lớp: 45 tiết
* Tự học: 135 tiết

**6. Học phần tiên quyết:**

**7. Mục tiêu của học phần:**

Học phần cung cấp cho người học hệ thống lý luận quan trọng cho việc tiếp cận nhận thức thế giới, thế giới tự nhiên, xã hội con người và vai trò của con người trong xã hội.

Hệ thống tri thức của học phần góp phần khung nền cho thế giới quan và phương pháp luận để người học vận dụng trong cuộc sống, công việc, các mối quan hệ.

Mục tiêu quan trọng của học phần là định hình các quan điểm để người học xác lập cho mình hệ thống phương pháp tiếp cận hướng chiến lược phát triển bản thân, phát triển xã hội

Học phần đưa tới niềm tin được thưởng thức tri thức của tự nhiên, con người và mối quan hệ giữa con người với tự nhiên.

**8. Chuẩn đầu ra học phần:**

***-* Kiến thức:**

- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng;

- Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

**- Kỹ năng*:***

+ Năng lực nhận thức các vấn đề của cuộc sống, công việc, mối quan hệ

+ Định hình phương thức làm việc, sử lý các tình huống

+ Kiểm soát được hành vi, thái độ trong các mối quan hệ

+ Bày tỏ được quan điểm trước các vấn đề của xã hội

**- Thái độ:**

+ Tôn trọng sự khác biệt để cùng chung sống hòa bình

+ Trân trọng thành quả lao động, giá trị lịch sử của đất nước, nhân loại

+ Biết tôn trọng tự nhiên

+ Sống có khát vọng, hoài bão

**- Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

+ Có khả năng tự chủ, độc lập trong các vấn đề của xã hội

+ Năng lực giải quyết công việc sáng tạo

+ Dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm

**9. Nội dung học phần:**

**9.1. Tóm tắt nội dung học phần:**

Ngoài 1 chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương: Phần thứ nhất có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin; phần thứ hai có 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; phần thứ ba có 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

**9.2. Nội dung học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN CHƯƠNG** | **Tiêu đề, tiểu mục** | **Phân bổ số tiết** | | | **TLTH** |
| **Tổng số tiết** | **LT** | **TL- BT** |
| 1 | Chương mở đầu: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin | 1. Chủ nghĩa Mác-Lênin và ba bộ phận lý luận cấu thành  2. Khái lược quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin  a) Những điều kiện, tiền đề của sự ra đời chủ nghĩa Mác  b) C.Mác, Ph.Ăngghen với quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác  c) V.I Lênin với việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác trong điều kiện lịch sử mới  d) Chủ nghĩa Mác-Lênin và thực tiễn phong trào cách mạng thế giới | 04 | 03 | 1 |  |
| 2 | Phần thứ nhất  Chương I: Chủ nghĩa duy vật biện chứng | I. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng  1. Vấn đề cơ bản của triết học và sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học  2. Các hình thức phát triển của chủ nghĩa duy vật trong lịch sử  a) Chủ nghĩa duy vật chất phác  b) Chủ nghĩa duy vật siêu hình  c) Chủ nghĩa duy vật biện chứng | 04 | 03 | 01 |  |
| 3 | Chương I: Chủ nghĩa duy vật biện chứng | II. Quan hệ duy vật biện chứng về mặt vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức  1. Vật chất  a) Phạm trù vật chất  b) Phương thức và hình thức tồn tại của vật chất  c) Tính thống nhất vật chất của thế giới  2. Ý thức  a) Nguồn gốc của ý thức  b) Bản chất và kết cấu của ý thức  3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức  a) Vai trò của vật chất đối với ý thức  b) Vai trò của ý thức đối với vật chất  c) Ý nghĩa phương pháp luận | 04 | 03 | 01 |  |
| 4 | Chương 2: Phép biện chứng duy vật | I. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật  1. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng  a) Phép biện chứng  b) Các hình thức cơ bản của phép biện chứng  2. Phép biện chứng duy vật  II/- CÁC NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT  1. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến  2. Nguyên lý về sự phát triển | 04 | 03 | 01 |  |
| 5 | Chương 2: Phép biện chứng duy vật | III/- CÁC CẶP PHẠM TRÙ CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT  1. Cái chung và cái riêng  2. Bản chất và hiện tượng  3. Tất nhiên và ngẫu nhiên  4. Nguyên nhân và kết quả  5. Nội dung và hình thức  6. Khả năng và hiện thực  IV/- CÁC QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT  1. Quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại  a) Khái niệm chất, lượng  b) Quan hệ biện chứng giữa chất và lượng  c) Ý nghĩa phương pháp luận  2. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập  a) Khái niệm mâu thuẫn và các tính chất chung của mâu thuẫn  b) Quá trình vận động của mâu thuẫn  c) Ý nghĩa phương pháp luận  3. Quy luật phủ định của phủ định  a) Khái niệm phủ định biện chứng và những đặc trưng cơ bản của nó  b) Phủ định của phủ định  c) Ý nghĩa phương pháp luận | 04 | 03 | 01 |  |
| 6 | Chương 2: Phép biện chứng duy vật | V/- LÝ LUẬN NHẬN THỨC DUY VẬT BIỆN CHỨNG  1. Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn với nhận thức  a) Thực tiễn và các hình thức cơ bản của thực tiễn  b) Nhận thức và các trình độ nhận thức  c) Vai trò của thực tiễn với nhận thức  2. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý  a) Quan điểm của V.I Lênin về con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý  b) Chân lý và vai trò của chân lý với thực tiễn | 04 | 03 | 01 |  |
| 7 | Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử | I. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất  1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó  a) Khái niệm sản xuất vật chất và phương thức sản xuất  b) Vai trò của sản xuất vật chất và phương thức sản xuất đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội  2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất  a) Khái niệm lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất  b) Quy luật | 04 | 03 | 01 |  |
| 8 | Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử | II/- BIỆN CHỨNG CỦA CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ KIẾN TRÚC THƯỢNG TẦNG  1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng  a) Khái niệm, kết cấu cơ sở hạ tầng  b) Khái niệm, kết cấu kiến trúc thượng tầng  2. Mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội  a) Vai trò quyết định của cơ sở hạ tầng đối với kiến trúc thượng tầng  b) Vai trò tác động trở lại của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng  c) Ý nghĩa phương pháp luận  III/- TỒN TẠI XÃ HỘI QUYẾT ĐỊNH Ý THỨC XÃ HỘI VÀ TÍNH ĐỘC LẬP TƯƠNG ĐỐI CỦA Ý THỨC XÃ HỘI  1. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội  a) Khái niệm tồn tại xã hội và ý thức xã hội  b) Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội  2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội | 04 | 03 | 01 |  |
| 9 | Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử | IV. Hình thái kinh tế xã hội và quá trình lịch sử tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế xã hội | 04 | 03 | 1 |  |
| 10 | Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử | V. Vai trò của đấu tranh giai cấp và các mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp | 04 | 03 | 01 |  |
| 11 | Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử | VI. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân | 4 | 3 | 1 |  |

**10. Yêu cầu và kỳ vọng của môn học:**

Hệ thống tri thức của môn học tương đối khó, đòi hỏi sinh viên phải có sự tập trung. Năng lực tự lực nghiên cứu tìm hiểu. Có niềm say mê với khám phá tri thức, khám phá các quan điểm nhận thức của nhân loại.

Sinh viên sẽ luôn được hỗ trợ để hoàn thành quá trình học tập

**11. Phương pháp đánh giá môn học:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Những nội dung**  **cần đánh giá** | **Số lần đánh giá** | **Trọng số (%)** |
| Dự lớp | 10 | 10 |
| Thảo luận |  |  |
| Bản thu hoạch |  |  |
| Thuyết trình | 1 | 5 |
| Bài tập | 1 | 5 |
| Thi giữa học kỳ | 1 | 30 |
| Thi cuối học kỳ | 1 | 50 |
|  |  | **Tổng: 100%** |

**12. Học liệu**

**12.1.Tài liệu chính:**

**1. Chương trình môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.**

**2. Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản.**

**12.2 Tài liệu tham khảo:**

1. Các Mac toàn tập

2. Lenin toàn tập

3. Hồ Chí Minh toàn tập

**12.3. Tư liệu trực tuyến:**

* + Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/)
  + Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/>
  + Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/>

**13. Tổ chức giảng dạy và học tập**

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

**14. Kế hoạch giảng dạy :**

|  |
| --- |
| **TUẦN 1**  **Chương mở đầu.**  **NHẬP MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN** |

**Nội dung**

I/- KHÁI LƯỢC VỀ CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

1. Chủ nghĩa Mác-Lênin và ba bộ phận lý luận cấu thành

a) Chủ nghĩa Mác-Lênin

b) Ba bộ phận lý luận cơ bản cấu thành chủ nghĩa Mác-Lênin

2. Khái lược quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin

a) Những điều kiện, tiền đề của sự ra đời chủ nghĩa Mác

b) C.Mác, Ph.Ăngghen với quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác

c) V.I Lênin với việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác trong điều kiện lịch sử mới

d) Chủ nghĩa Mác-Lênin và thực tiễn phong trào cách mạng thế giới

II/- ĐỐI TƯỢNG, MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU VỀ PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

1. Đối tượng và phạm vi học tập, nghiên cứu

2. Mục đích và yêu cầu về mặt phương pháp học tập, nghiên cứu

a) Mục đích của việc học tập, nghiên cứu

b) Một số yêu cầu cơ bản về mặt phương pháp học tập, nghiên cứu

**Phương pháp**

* Phân tích nội hàm một số các khái niệm
* Nêu và làm sáng tỏ về điều kiện, cơ sở hình thành của các học thuyết
* Giangr giải các đối tượng nghiên cứu của học thuyết
* Phương pháp nhận thức một học thuyết

**Tài liệu**

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac –Lenin, trang 7 – 9, đọc thêm trang www. Triethoc.info. vn

|  |
| --- |
| **Phần thứ nhất**  **THẾ GIỚI QUAN VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TRIẾT HỌC CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN**  **TUẦN 2 Chương I . CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG** |

**Nội dung:**

I/- CHỦ NGHĨA DUY VẬT VÀ CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

1. Vấn đề cơ bản của triết học và sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học

2. Các hình thức phát triển của chủ nghĩa duy vật trong lịch sử

a) Chủ nghĩa duy vật chất phác

b) Chủ nghĩa duy vật siêu hình

c) Chủ nghĩa duy vật biện chứng

**Phương pháp**

* Nêu và lý giải các vấn đề cơ bản của triết học trong lịch sử triết học
* Phân tích nhưng biểu hiện của các hình thức phát triển của chủ nghĩa duy vật lịch sử
* Minh chứng cụ thể trong thực tiễn làm sáng tỏ các vấn đề

**Tài liệu**

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac –Lenin, trang 33 - 35, đọc thêm trang www. Triethoc.info. vn

|  |
| --- |
| **TUẦN 3 Chương I . CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG** |

**Nội dung**

II/- QUAN ĐIỂM DUY VẬT BIỆN CHỨNG VỀ VẬT CHẤT, Ý THỨC VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC

1. Vật chất

a) Phạm trù vật chất

b) Phương thức và hình thức tồn tại của vật chất

c) Tính thống nhất vật chất của thế giới

2. Ý thức

a) Nguồn gốc của ý thức

b) Bản chất và kết cấu của ý thức

3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

a) Vai trò của vật chất đối với ý thức

b) Vai trò của ý thức đối với vật chất

c) Ý nghĩa phương pháp luận

**Phương pháp**

* Biện luận các vấn đề về vật chất, ý thức, mối quan hệ
* Phân tích làm sáng tỏ
* Minh chứng trong thự tiễn hoạt động của xã hội con người, thế giới tự nhiên

**Tài liệu**

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac –Lenin, trang 33 - 165, đọc thêm trang www. Triethoc.info. vn

|  |
| --- |
| **TUẦN 4 Chương II. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT** |

**Nội dung**

I/- PHÉP BIỆN CHỨNG VÀ PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

1. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng

a) Phép biện chứng

b) Các hình thức cơ bản của phép biện chứng

2. Phép biện chứng duy vật

II/- CÁC NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

1. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến

2. Nguyên lý về sự phát triển

**Phương pháp**

**-** Biện luận các vấn đề về phép biện chứng

- Phân tích làm sáng tỏ về hai nguyên lý

- Minh chứng trong thực tiễn về biện chứng, hai nguyên lý

**Tài liệu**

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac –Lenin, trang 33 - 165, đọc thêm trang www. Triethoc.info. vn

|  |
| --- |
| **TUẦN 5 Chương II. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT (tiếp theo)** |

**Nội dung**

III/- CÁC CẶP PHẠM TRÙ CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

1. Cái chung và cái riêng

2. Bản chất và hiện tượng

3. Tất nhiên và ngẫu nhiên

4. Nguyên nhân và kết quả

5. Nội dung và hình thức

6. Khả năng và hiện thực

IV/- CÁC QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

1. Quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại

a) Khái niệm chất, lượng

b) Quan hệ biện chứng giữa chất và lượng

c) Ý nghĩa phương pháp luận

2. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập

a) Khái niệm mâu thuẫn và các tính chất chung của mâu thuẫn

b) Quá trình vận động của mâu thuẫn

c) Ý nghĩa phương pháp luận

3. Quy luật phủ định của phủ định

a) Khái niệm phủ định biện chứng và những đặc trưng cơ bản của nó

b) Phủ định của phủ định

c) Ý nghĩa phương pháp luận

**Phương pháp**

**-** Biện luận các vấn đề về phép biện chứng

- Phân tích, lý giải, lý luận làm sáng tỏ về các cặp phạm trù

- Minh chứng trong thực tiễn về biện chứng, các cặp phạm trù

**Tài liệu**

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac –Lenin, trang 33 - 165, đọc thêm trang www. Triethoc.info. vn

|  |
| --- |
| **TUẦN 6 Chương II. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT (tiếp theo)** |

**Nội dung**

V/- LÝ LUẬN NHẬN THỨC DUY VẬT BIỆN CHỨNG

1. Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn với nhận thức

a) Thực tiễn và các hình thức cơ bản của thực tiễn

b) Nhận thức và các trình độ nhận thức

c) Vai trò của thực tiễn với nhận thức

2. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý

a) Quan điểm của V.I Lênin về con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý

b) Chân lý và vai trò của chân lý với thực tiễn

**Phương pháp**

**-** Biện luận các vấn đề về phép biện chứng

- Phân tích, lý giải, lý luận làm sáng tỏ về thực tiễn, nhận thức

- Minh chứng trong thực tiễn về biện chứng, về thực tiễn, nhận thức

**Tài liệu**

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac –Lenin, trang 33 - 165, đọc thêm trang www. Triethoc.info. vn

|  |
| --- |
| **TUẦN 7 Chương III. CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ** |

**Nội dung**

I/- VAI TRÒ CỦA SẢN XUẤT VẬT CHẤT VÀ QUY LUẬT QUAN HỆ SẢN XUẤT PHÙ HỢP VỚI TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT

1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó

a) Khái niệm sản xuất vật chất và phương thức sản xuất

b) Vai trò của sản xuất vật chất và phương thức sản xuất đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội

2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

a) Khái niệm lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

b) Quy luật

**Phương pháp**

**-** Biện luận các vấn đề về của chủ nghĩa duy vật lịch sử

- Phân tích, lý giải, lý luận làm sáng tỏ sản xuất, lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất

- Minh chứng trong thực tiễn về sản xuất, lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất

**Tài liệu**

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac –Lenin, trang 33 - 165, đọc thêm trang www. Triethoc.info. vn

|  |
| --- |
| **TUẦN 8 Chương III. CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ (tiếp theo)** |

**Nội dung**

II/- BIỆN CHỨNG CỦA CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ KIẾN TRÚC THƯỢNG TẦNG

1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

a) Khái niệm, kết cấu cơ sở hạ tầng

b) Khái niệm, kết cấu kiến trúc thượng tầng

2. Mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

a) Vai trò quyết định của cơ sở hạ tầng đối với kiến trúc thượng tầng

b) Vai trò tác động trở lại của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng

c) Ý nghĩa phương pháp luận

**Phương pháp**

**-** Biện luận các vấn đề về của chủ nghĩa duy vật lịch sử

- Phân tích, lý giải, lý luận làm sáng tỏ giữa cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng của xã hội

- Minh chứng trong thực tiễn về biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

**Tài liệu**

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac –Lenin, trang 33 - 165, đọc thêm trang www. Triethoc.info. vn

|  |
| --- |
| **TUẦN 9 Chương III. CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ (tiếp theo)** |

**Nội dung**

III/- TỒN TẠI XÃ HỘI QUYẾT ĐỊNH Ý THỨC XÃ HỘI VÀ TÍNH ĐỘC LẬP TƯƠNG ĐỐI CỦA Ý THỨC XÃ HỘI

1. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội

a) Khái niệm tồn tại xã hội và ý thức xã hội

b) Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội

2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

IV/- HÌNH THÁI KINH TẾ XÃ HỘI VÀ QUÁ TRÌNH LỊCH SỬ TỰ NHIÊN CỦA SỰ PHÁT TRIỂN CÁC HÌNH THÁI KINH TẾ-XÃ HỘI

1. Khái niệm, kết cấu hình thái kinh tế-xã hội

2. Quá trình lịch sử-tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế-xã hội

**Phương pháp**

**-** Biện luận các vấn đề về của chủ nghĩa duy vật lịch sử

- Phân tích, lý giải, lý luận làm sáng tỏ giữa của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội

- Minh chứng trong thực tiễn về biện chứng của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội **Tài liệu**

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac –Lenin, trang 33 - 165, đọc thêm trang www. Triethoc.info. vn

|  |
| --- |
| **TUẦN 10 Chương III. CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ (tiếp theo)** |

**Nội dung**

V/- VAI TRÒ CỦA ĐẤU TRANH GIAI CẤP VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI ĐỐI VỚI SỰ VẬN ĐỘNG, PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI CÓ ĐỐI KHÁNG GIAI CẤP

1. Giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

a) Khái niệm giai cấp, tầng lớp xã hội

b) Nguồn gốc giai cấp

c) Vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

2. Cách mạng xã hội và vai trò của nó đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

a) Khái niệm cách mạng xã hội và nguồn gốc của cách mạng xã hội

- Khái niệm cách mạng xã hội và khái niệm cải cách xã hội

- Nguồn gốc của cách mạng xã hội

b) Vai trò của cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

**Phương pháp**

**-** Biện luận các vấn đề về của chủ nghĩa duy vật lịch sử

- Phân tích, lý giải, lý luận làm sáng tỏ đấu tranh giai cấp, cách mạng xã hội, cải cách xã hội

- Minh chứng trong thực tiễn về biện chứng của đấu tranh giai cấp, cách mạng xã hội, cải cách xã hội

**Tài liệu**

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac –Lenin, trang 33 - 165, đọc thêm trang www. Triethoc.info. vn

|  |
| --- |
| **TUẦN 11 Chương III. CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ (tiếp theo)** |

**Nội dung**

VI/- QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ VỀ CON NGƯỜI VÀ VAI TRÒ SÁNG TẠO LỊCH SỬ CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN

1. Con người và bản chất của con người

a) Khái niệm con người

b) Bản chất của con người

2. Khái niệm quần chúng nhân dân và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân và cá nhân

a) Khái niệm quần chúng nhân dân

b) Vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân và vai trò của cá nhân trong lịch sử

**Phương pháp**

**-** Biện luận các vấn đề về của chủ nghĩa duy vật lịch sử

- Phân tích, lý giải, lý luận làm sáng tỏ đấu tranh giai cấp, con người, quần chúng

- Minh chứng trong thực tiễn về biện chứng của đấu tranh giai cấp, con người, quần chúng

**Tài liệu**

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac –Lenin, trang 33 - 165, đọc thêm trang www. Triethoc.info. vn

**15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:**

**- Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường

**- Hình thức thi:** Tự luận

***Phan Thiết, ngày tháng năm 2015***

**Trưởng khoa**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO QT KHÁCH SẠN, QT DỊCH VỤ DU LỊCH & LỮ HÀNH

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: NHỮNG NLCB CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LENIN 2**

**Mã học phần : 10120**

**2. Khoa phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị**

**3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**

**Họ và tên: Nguyễn Thị Lý**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Bộ môn lý luận chính trị
* ĐT: 0903661228; email: ntly@upt.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử, chính trị, tư tưởng, triết học, văn hóa

**4. Số tín chỉ: 2**

**5. Phân bổ thời gian (tiết): 30 tiết**

* Lên lớp: 30 tiết
* Tự học: 90 tiết

**6. Học phần tiên quyết:**

**7. Mục tiêu của học phần:**

Học phần cung cấp cho người học hệ thống lý luận quan trọng cho việc tiếp cận nhận thức thế giới, thế giới tự nhiên, xã hội con người và vai trò của con người trong xã hội.

Hệ thống tri thức của học phần góp phần khung nền cho thế giới quan và phương pháp luận để người học vận dụng trong cuộc sống, công việc, các mối quan hệ.

Mục tiêu quan trọng của học phần là định hình các quan điểm để người học xác lập cho mình hệ thống phương pháp tiếp cận hướng chiến lược phát triển bản thân, phát triển xã hội

Học phần đưa tới niềm tin được thưởng thức tri thức của tự nhiên, con người và mối quan hệ giữa con người với tự nhiên.

**8. Chuẩn đầu ra học phần:**

**- Kiến thức:**

+ Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng;

+Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên;

+ Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

**- Kỹ năng:**

+ Năng lực nhận thức các vấn đề của cuộc sống, công việc, mối quan hệ

+ Định hình phương thức làm việc, sử lý các tình huống

+ Kiểm soát được hành vi, thái độ trong các mối quan hệ

+ Bày tỏ được quan điểm trước các vấn đề của xã hội

**- Thái độ:**

**+** Tôn trọng sự khác biệt để cùng chung sống hòa bình

+ Trân trọng thành quả lao động, giá trị lịch sử của đất nước, nhân loại

+ Biết tôn trọng tự nhiên

+ Sống có khát vọng, hoài bão

***-* Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

+ Có khả năng tự chủ, độc lập trong các vấn đề của xã hội

+ Năng lực giải quyết công việc sáng tạo

+ Dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm

**9. Nội dung học phần:**

**9.1. Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần này bao gồm:

- Phần hai với tên gọi Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, trong đó có ba học thuyết (Học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư & học thuyết kinh tế về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước).

- Phần ba với tên gọi: Lý luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin về chủ nghĩa xã hội, trong đó bao gồm các chương sau:

+ Chương VII: Sứ mệnh của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

+ Chương VIII: Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

+ Chương IX: Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

**9.2. Nội dung học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chương** | **Mục, tiểu mục** | **Số tiết** | | | | **TLTH** |
| **TC** | **LT** | **BT** | **TH** |
| 1 | Chương IV. HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ | I/- ĐIỀU KIỆN RA ĐỜI, ĐẶC TRƯNG VÀ ƯU THẾ CỦA SẢN XUẤT HÀNG HOÁ  1. Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hoá  a) Phân công lao động xã hội  b) Chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất hay tính chất tư nhân của quá trình lao động  2. Đặc tr¬ưng và ¬ưu thế của sản xuất hàng hoá  II/- HÀNG HOÁ  1. Hàng hoá và hai thuộc tính của hàng hoá  2. Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá  III/- TIỀN TỆ  1. Lịch sử phát triển của hình thái giá trị và bản chất của tiền tệ  2. Chức năng của tiền tệ  IV/- QUY LUẬT GIÁ TRỊ  1. Nội dung của quy luật giá trị  2. Tác động của quy luật giá trị | **4** | **3** | **1** | **0** |  |
| 2 | Chương V. HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ | I/- SỰ CHUYỂN HÓA CỦA TIỀN TỆ THÀNH TƯ¬ BẢN  1. Công thức chung của t¬ư bản  2. Mâu thuẫn của công thức chung của t¬ư bản  3. Hàng hóa sức lao động và tiền công trong chủ nghĩa tư bản  II/- Quá trình sản xuất giá trị thặng dư trong xã hội tư bản  1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư  2. Bản chất tư bản, sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến  3. Tỷ suất giá trị thặng d¬ư và khối l¬ượng giá trị thặng d¬ư  4. Hai phư¬ơng pháp sản xuất ra giá trị thặng dư¬ và giá trị thặng d¬ư siêu ngạch  5. Sản xuất ra giá trị thặng dư¬ – quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa t¬ư bản  III/- TIỀN CÔNG TRONG CHỦ NGHĨA TƯ BẢN.  1. Bản chất kinh tế của tiền công  2. Hai hình thức cơ bản của tiền công trong chủ nghĩa tư bản  IV/- SỰ CHUYỂN HÓA CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ¬ THÀNH TƯ¬ BẢN – TÍCH LŨY TƯ¬ BẢN  3. Cấu tạo hữu cơ của t¬ư bản | **4** | **3** | **1** | **0** |  |
| 3 | HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ (tt) | V/- QUÁ TRÌNH LƯU THÔNG CỦA TƯ BẢN VÀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ  1. Tuần hoàn và chu chuyển của tư bản. T¬ư bản cố định và t¬ư bản l¬ưu động  2. Tái sản xuất và lưu thông của tư bản xã hội  3. Khủng hoảng kinh tế trong chủ nghĩa tư bản  VI/- CÁC HÌNH THÁI BIỂU HIỆN CỦA T¬Ư BẢN VÀ GIÁ TRỊ THẶNG D¬Ư  1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận  2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất  3. Sự phân chia giá trị thặng d¬ư giữa các tập đoàn t¬ư bản | **5** | **4** | **1** | **0** |  |
| 4 | Ch¬ương VI. HỌC THUYẾT VỀ CHỦ NGHĨA TƯ¬ BẢN ĐỘC QUYỀN VÀ CHỦ NGHĨA T¬Ư BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯ¬ỚC | I/- CHỦ NGHĨA TƯ¬ BẢN ĐỘC QUYỀN  1. B¬ước chuyển từ chủ nghĩa t¬ư bản tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa t¬ư bản độc quyền  2. Năm đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa t¬ư bản độc quyền  3. Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng d¬ư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền  II/- CHỦ NGHĨA T¬Ư BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ N¬ƯỚC  1. Nguyên nhân ra đời và bản chất của chủ nghĩa t¬ư bản độc quyền nhà nư¬ớc  2. Những biểu hiện của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nư¬ớc  III/- ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ VAI TRÒ VÀ GIỚI HẠN LỊCH SỬ CỦA CHỦ NGHĨA TƯ¬ BẢN  1. Vai trò của chủ nghĩa tư¬ bản đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội  2. Giới hạn lịch sử của chủ nghĩa t¬ư bản | **4** | **3** | **1** | **0** |  |
| 5 | Chương VII. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA | I/- SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN  1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của nó  2. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân  3. Vai trò của Đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân  II/- CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó  2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa  3. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa  III/- HÌNH THÁI KINH TẾ-XÃ HỘI CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA  1. Xu thế tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa  2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa | **5** | **4** | **1** | **0** |  |
| 6 | Chương VIII. NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ-XÃ HỘI CÓ TÍNH QUY LUẬT TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA | I/- XÂY DỰNG NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa  2. Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa  II/- XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  1. Khái niệm nền văn hóa xã hội chủ nghĩa  2. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa  III/- GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO  1. Vấn đề dân tộc và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc  2. Vấn đề tôn giáo và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo | **4** | **3** | **1** | **0** |  |
| 7 | Chương IX. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC VÀ TRIỂN VỌNG | I/- CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC  1. Cách mạng Tháng Mười Nga và mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đầu tiên trên thế giới  2. Sự ra đời của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa và những thành tựu của nó  II/- SỰ KHỦNG HOẢNG, SỤP ĐỔ CỦA MÔ HÌNH CHỦ NGHĨA XÃ HỘI XÔVIẾT VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA NÓ  1. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết  2. Nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết  III/- TRIỂN VỌNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI  1. Chủ nghĩa tư bản không phải là tương lai của xã hội loài người  2. Chủ nghĩa xã hội – tương lai của xã hội loài người | **4** | **3** | **1** | **0** |  |

**10. Yêu cầu và kỳ vọng của môn học:**

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc nhận thức, đánh giá, lý giải các vấn đề của lao động, việc làm, kinh doanh…

+ Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 7 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.

* Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm , mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bất chợt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

* Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
* Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
* Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
* Vào **tuần thứ 8,** sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
* *Cuối học kỳ*, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

**11. Phương pháp đánh giá môn học:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Những nội dung**  **cần đánh giá** | **Số lần đánh giá** | **Trọng số (%)** |
| Dự lớp | 10 | 10 |
| Thảo luận |  |  |
| Bản thu hoạch |  |  |
| Thuyết trình | 1 | 5 |
| Bài tập | 1 | 5 |
| Thi giữa học kỳ | 1 | 30 |
| Thi cuối học kỳ | 1 | 50 |
|  |  | **Tổng: 100%** |

**Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)

Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.

**Có hành động gian dối**: Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn…) thì sẽ bị điểm 0.

**12. Học liệu**

**12.1.Tài liệu chính:**

1. Giáo trình: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản 2009

**12.2 Tài liệu tham khảo:**

1. Giáo trình các môn học Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2007;

**12.3. Tư liệu trực tuyến:**

* + Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/)
  + Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/>
  + Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/>

**13. Tổ chức giảng dạy và học tập**

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

**14. Kế hoạch giảng dạy :**

|  |
| --- |
| **TUẦN 1 Chương IV. HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ** |

**Nội dung**

I/- ĐIỀU KIỆN RA ĐỜI, ĐẶC TRƯNG VÀ ƯU THẾ CỦA SẢN XUẤT HÀNG HOÁ

1. Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hoá

a) Phân công lao động xã hội

b) Chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất hay tính chất tư nhân của quá trình lao động

2. Đặc tr¬ưng và ¬ưu thế của sản xuất hàng hoá

II/- HÀNG HOÁ

1. Hàng hoá và hai thuộc tính của hàng hoá

2. Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá

III/- TIỀN TỆ

1. Lịch sử phát triển của hình thái giá trị và bản chất của tiền tệ

2. Chức năng của tiền tệ

IV/- QUY LUẬT GIÁ TRỊ

1. Nội dung của quy luật giá trị

2. Tác động của quy luật giá trị

**Phương pháp**

* Làm sáng tỏ các phạm trù về học thuyết giá trị
* Phân tích, biện luận nội dung về sản xuất, hàng hóa, tiền tệ
* Minh chứng các vấn đề qua thực tiễn lịch sử của con người, qua các nền kinh tế thế giới

**Tài liệu**

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lenin, tham khảo thêm [www.triethoc.info](http://www.triethoc.info). Vn

|  |
| --- |
| **TUẦN 2** **Chương V. HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ** |

**Nội dung**

I/- SỰ CHUYỂN HÓA CỦA TIỀN TỆ THÀNH TƯ BẢN

1. Công thức chung của tư bản

2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản

3. Hàng hóa sức lao động và tiền công trong chủ nghĩa tư bản

II/- Quá trình sản xuất giá trị thặng dư trong xã hội tư bản

1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư

2. Bản chất tư bản, sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến

3. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư

4. Hai phương pháp sản xuất ra giá trị thặng dư và giá trị thặng dư siêu ngạch

5. Sản xuất ra giá trị thặng dư – quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản

III/- TIỀN CÔNG TRONG CHỦ NGHĨA TƯ BẢN.

1. Bản chất kinh tế của tiền công

2. Hai hình thức cơ bản của tiền công trong chủ nghĩa tư bản

IV/- SỰ CHUYỂN HÓA CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ THÀNH TƯ BẢN – TÍCH LŨY TƯ BẢN

3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản

**Phương pháp**

**-** Làm sáng tỏ các phạm trù về học thuyết giá trị thặng dư

- Phân tích, biện luận nội dung về học thuyết

- Minh chứng qua các nền kinh tế tư bản chủ nghĩa

**Tài liệu**

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lenin, trang 180 - 218 tham khảo thêm www.triethoc.info. Vn

|  |
| --- |
| **TUẦN 3 HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ (tt)** |

**Nội dung**

V/- QUÁ TRÌNH LƯU THÔNG CỦA TƯ BẢN VÀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

1. Tuần hoàn và chu chuyển của tư bản. Tư bản cố định và tư bản lưu động

2. Tái sản xuất và lưu thông của tư bản xã hội

3. Khủng hoảng kinh tế trong chủ nghĩa tư bản

VI/- CÁC HÌNH THÁI BIỂU HIỆN CỦA TƯ BẢN VÀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận

2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất

3. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các tập đoàn tư bản

**Phương pháp**

**-** Làm sáng tỏ các phạm trù về học thuyết giá trị thặng dư

- Phân tích, biện luận nội dung về học thuyết

- Minh chứng qua các nền kinh tế tư bản chủ nghĩa

**Tài liệu**

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lenin, trang 180 - 218 tham khảo thêm www.triethoc.info. Vn

|  |
| --- |
| **TUẦN 4**  **Ch¬ương VI. HỌC THUYẾT VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN VÀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC** |

**Nội dung**

I/- CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN

1. B¬ước chuyển từ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền

2. Năm đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền

3. Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền

II/- CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC

1. Nguyên nhân ra đời và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

2. Những biểu hiện của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

III/- ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ VAI TRÒ VÀ GIỚI HẠN LỊCH SỬ CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

1. Vai trò của chủ nghĩa tư bản đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội

2. Giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản

**Phương pháp**

- Làm sáng tỏ các phạm trù về học thuyết tư bản, tư bản độc quyền

- Phân tích, biện luận các nội dung của học thuyết

- Minh chứng qua các nền kinh tế tư bản chủ nghĩa

**Tài liệu**

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lenin, trang 180 - 218 tham khảo thêm www.triethoc.info. Vn

|  |
| --- |
| **TUẦN 5**  **Chương VII. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA** |

**Nội dung**

I/- SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của nó

2. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

3. Vai trò của Đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

II/- CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó

2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa

3. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

III/- HÌNH THÁI KINH TẾ-XÃ HỘI CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA

1. Xu thế tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa

2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa

**Phương pháp**

- Làm sáng tỏ các phạm trù về giai cấp, xã hội, cách mạng

- Phân tích, biện luận nội dung về giai cấp, vần đề cách mạng XHCN

- Minh chứng các vấn đề qua thực tiễn lịch sử của con người, qua các nền kinh tế thế giới

**Tài liệu**

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lenin, tham khảo thêm www.triethoc.info. Vn

|  |
| --- |
| **TUẦN 6**  **Chương VIII. NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ-XÃ HỘI CÓ TÍNH QUY LUẬT TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA** |

**Nội dung**

I/- XÂY DỰNG NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

2. Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa

II/- XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Khái niệm nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

2. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

III/- GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

1. Vấn đề dân tộc và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc

2. Vấn đề tôn giáo và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo

**Phương pháp**

- Làm sáng tỏ các vấn đề có tính quy luật về chính trị xã hội

- Phân tích, biện luận nội dung về nền dân chủ xã hội

- Minh chứng các vấn đề thực tiến các nước trên thế giới

**Tài liệu**

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lenin, tham khảo thêm www.triethoc.info. Vn

|  |
| --- |
| **TUẦN 7**  **Chương IX. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC VÀ TRIỂN VỌNG** |

**Nội dung**

I/- CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC

1. Cách mạng Tháng Mười Nga và mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đầu tiên trên thế giới

2. Sự ra đời của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa và những thành tựu của nó

II/- SỰ KHỦNG HOẢNG, SỤP ĐỔ CỦA MÔ HÌNH CHỦ NGHĨA XÃ HỘI XÔVIẾT VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA NÓ

1. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết

2. Nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết

III/- TRIỂN VỌNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Chủ nghĩa tư bản không phải là tương lai của xã hội loài người

2. Chủ nghĩa xã hội – tương lai của xã hội loài người

**Phương pháp**

- Làm sáng tỏ tình hình của chủ nghĩa xã hội hiện thực từ 1917 - nay

- Phân tích, biện luận nội dung trên

- Minh chứng các vấn đề qua khu vực châu Á, châu Âu, châu Mỹ Latinh

**Tài liệu**

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lenin, tham khảo thêm www.triethoc.info. Vn

**15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:**

**- Thời gian: Theo lịch thi chung của trường**

**- Hình thức thi: Tự luận**

***Phan Thiết, ngày tháng năm 2015***

**Trưởng khoa**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: ………………………..

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần:** Tin học căn bản **- Mã học phần: 20010**

**2. Khoa phụ trách:** Công nghệ thông tin

**3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**

**3.1. Họ và tên: Võ Quốc Tuấn**

* Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân
* Địa chỉ liên hệ: 225 Nguyễn Thông – Phú Hài – Phan Thiết – Bình Thuận
* ĐT: 0983090917; email: vqtuan@upt.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Mạng, phần cứng, phần mềm

**3.2. Họ và tên: Đỗ Thị Kim Dung**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: 225 Nguyễn Thông – Phú Hài – Phan Thiết – Bình Thuận
* ĐT: 0987876917; email: dtkdung@upt.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Cơ sở dữ liệu, phần mềm

**4. Số tín chỉ: 3**

**5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết**

* Lên lớp: 45 tiết
* Tự học: 135 tiết

**6. Học phần tiên quyết:** Không

**7. Mục tiêu của học phần:**

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về công nghệ thông tin, về phần cứng, các phần mềm ứng dụng trong công tác văn phòng, mạng máy tính và Internet.

Sau khi kết thúc môn sinh viên nắm được các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin, mạng máy tính,.. để tiếp tục học các môn tin học ứng dụng trong chuyên ngành và sử dụng máy tính phục vụ cho công việc khác cũng như tiếp thu được những kỹ năng sử dụng máy tính thông qua việc sử dụng tốt các ứng dụng văn phòng và Internet.

**8. Chuẩn đầu ra học phần:** Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

* **Kiến thức:**

1. Cơ bản về hệ điều hành
2. Cơ bản về MS word
3. Cơ bản về MS excel
4. Cơ bản về MS powerpoint
5. Các kỹ thuật trên internet

* **Kỹ năng:**

1. Thành thạo với hệ điều hành window
2. Biết cách soạn thảo văn bản
3. Biết làm việc trên bản tính với các hàm cơ bản
4. Thành thạo trên internet
5. Biết cách trình chiếu

* **Thái độ:**

1. Sinh viên nghe giảng lý thuyết đầy đủ
2. Sinh viên đọc các tài liệu tham khảo
3. Sinh viên làm đầy đủ các bài tập, đồ án môn học

* **Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

1. Thường xuyên cập nhật các kỹ thuật mới trong hệ điều hành, microsoft office
2. Hình thành cách quan sát, phân tích và cách x ử lý các sự cố có thể xảy ra trong quá trình làm bài

**9. Nội dung học phần:**

**9.1. Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần cung cấp những kiến thức đại cương về tin học, về cấu tạo và vận hành của máy tính điện tử, cách sử dụng một số hệ điều hành thông dụng (MS DOS, WINDOWS) và khai thác mạng máy tính nhằm giúp cho người học hình thành và phát triển các kỹ năng sử dụng máy tính trong học tập cũng như trong các hoạt động của mình sau này

**9.2. Nội dung học phần**

| **STT** | **Tên chương** | **Mục, tiểu mục** | **Số tiết** | | | | **TL**  **TH** | **CĐR** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TC** | **LT** | **BT** | **TH** |  |
|  | Đại cương về tin học | * Thông tin và xử lý thông tin * Hệ thống máy tính * Bảo vệ máy tính | 4 | 4 |  |  |  | 1,2 |
|  | Hệ điều hành Windows | * Tổng quan hệ điều hành Windows * Windows * Windows Explorer * Một số ứng dụng trong Windows | 16 | 10 |  | 6 |  | 3,4,14 |
|  | Microsoft Excel | * Các thao tác cơ bản * Định dạng dữ liệu * Các hàm thông dụng trong Excel * Cơ sở dữ liệu trong bảng tính * Biểu đồ bảng tính * In ấn | 16 | 10 |  | 6 |  | 5,6,7,12 |
|  | Internet | * Một số kiến thức về mạng * Internet * Sử dụng một số dịch vụ Internet | 4 | 2 |  | 2 |  | 8,9,13 |
|  | Microsoft Powerpoint | * Giới thiệu * Các thao tác thêm, xóa slide, chèn hình ảnh * Sử dụng định dạng Themes có sẵn * Định dạng Background * Thiết lập hiệu ứng * Cách tổ chức bài thuyết trình | 5 | 3 |  | 2 |  | 10,11,15 |

**10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:**

* Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.
* Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bất chợt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.
* Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng
* Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
* Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
* Vào **tuần thứ 8,** sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **30 %** tổng số điểm
* ***Cuối học kỳ***, sinh viên sẽ có một bài thi kết thúc học phần chiếm 60%

**11. Phương pháp đánh giá học phần:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Những nội dung**  **cần đánh giá** | **Số lần đánh giá** | **Trọng số (%)** |
| Dự lớp | 10 | 10 |
| Thuyết trình | 2 |  |
| Bài tập | 5 |  |
| Thi giữa học kỳ | 1 | 30 |
| Thi cuối học kỳ | 1 | 60 |
|  |  | **Tổng: 100%** |

**12. Học liệu**

**12.1.Tài liệu chính:**

* Bùi Thế Tâm, 2007, Giáo trình Tin học đại cương, NXB Giao thông vận tải.
* Trần Văn Tư, Nguyễn Ngọc Tuấn và Hoàng Phương, 2010, Giáo trình Microsoft Officen NXB Thống Kê

**12.2 Tài liệu tham khảo:**

* Nguyễn Văn Linh, Lâm Hoài Bảo, 2005. Tin học đại cương, NXB Giáo dục
* Hoàng Đức Hải, Nguyễn Đình Tê, 2000. Giáo trình Windows, Word, Excel, NXB Giáo dục.
* Phạm Hồng Thái, 2008. Giáo trình thực hành tin học cơ sở, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

**12.3. Tư liệu trực tuyến:**

* <http://dulieu.tailieuhoctap.vn/books/tin-hoc-van-phong/tin-hoc-can-ban/file_goc_782836.pdf>

**13. Tổ chức giảng dạy và học tập**

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

**14. Kế hoạch giảng dạy:**

**TUẦN 1 (4 tiết)** Đại cương về tin học

**Nội dung**

* + Thông tin và xử lý thông tin
  + Hệ thống máy tính
  + Bảo vệ máy tính

**Phương pháp**

* + Giảng bài
  + Minh họa ví dụ trên máy tính
  + Kiểm tra trắc nghiệm kiến thức
  + Hướng dẫn cách làm việc và học nhóm
  + Hướng dẫn tìm hiểu tài liệu trên mạng

**Tài liệu**

* + Đọc tài liệu chương 1

**Kết quả mong muốn**

* + Sinh viên hiểu cơ bản về tin học

**TUẦN 2 ( 8 tiết)** Hệ điều hành Windows

**Nội dung**

* + Tổng quan hệ điều hành Windows
  + Windows
  + Windows Explorer
  + Một số ứng dụng trong Windows

**Phương pháp**

* Kiểm tra các bài đọc của tuần thứ nhất.
  + Giảng tiếp theo phương pháp hỏi đáp, phương pháp thuyết trình
  + Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Minh họa ví dụ trên máy tính

**Tài liệu**

* + Đọc tài liệu chương 2

**Kết quả mong muốn**

* + Quản lý được hệ điều hành

**TUẦN 3 ( 8 tiết)** Microsoft Word

**Nội dung**

* + Các thao tác cơ bản
  + Định dạng văn bản
  + Bảng biểu

**Phương pháp**

* Kiểm tra các bài đọc của tuần thứ hai
  + Giảng tiếp theo phương pháp hỏi đáp, phương pháp thuyết trình
  + Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Minh họa ví dụ trên máy tính

**Tài liệu**

* + Đọc tài liệu chương 3

**Kết quả mong muốn**

* + Định dạng được văn bản, bảng biểu

**TUẦN 4 ( 8 tiết)** Microsoft Word (tt)

**Nội dung**

* + Đồ họa
  + Định dạng trang và in ấn
  + Các công cụ tiện ích

**Phương pháp**

* Kiểm tra các bài đọc của tuần thứ ba
  + Giảng tiếp theo phương pháp hỏi đáp, phương pháp thuyết trình
  + Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Minh họa ví dụ trên máy tính

**Tài liệu**

* + Đọc tài liệu chương

**Kết quả mong muốn**

* + Biết được đồ họa
  + Định dạng được trang in
  + Biết các tiện ích

**TUẦN 5 ( 8 tiết)** Microsoft Excel

**Nội dung**

* + Các thao tác cơ bản
  + Định dạng dữ liệu
  + Các hàm thông dụng trong Excel

**Phương pháp**

* Kiểm tra các bài đọc của tuần thứ 4
  + Giảng tiếp theo phương pháp hỏi đáp, phương pháp thuyết trình
  + Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Minh họa ví dụ trên máy tính

**Tài liệu**

* + Đọc tài liệu chương 4

**Kết quả mong muốn**

* + Biết được định dạng dữ liệu, các hàm thông dụng

**TUẦN 6 ( 8 tiết)** Microsoft Excel

**Nội dung**

* + Cơ sở dữ liệu trong bảng tính
  + Biểu đồ bảng tính
  + In ấn

**Phương pháp**

* Kiểm tra các bài đọc của tuần thứ 5
  + Giảng tiếp theo phương pháp hỏi đáp, phương pháp thuyết trình
  + Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Minh họa ví dụ trên máy tính

**Tài liệu**

* + Đọc tài liệu chương 4

**Kết quả mong muốn**

* + Hiểu được cơ sở dữ liệu trong bảng tính
  + Biết in ấn
  + Biết biểu đồ

**TUẦN 7 ( 4 tiết)** Internet

**Nội dung**

* + Một số kiến thức về mạng
  + Internet
  + Sử dụng một số dịch vụ Internet

**Phương pháp**

* Kiểm tra các bài đọc của tuần thứ 6
  + Giảng tiếp theo phương pháp hỏi đáp, phương pháp thuyết trình
  + Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Minh họa ví dụ trên máy tính

**Tài liệu**

* + Đọc tài liệu chương 5

**Kết quả mong muốn**

* + Sử dụng thành thạo internet

**TUẦN 8 ( 5 tiết)** Microsoft Powerpoint

**Nội dung**

* + Giới thiệu
  + Các thao tác thêm, xóa slide, chèn hình ảnh
  + Sử dụng định dạng Themes có sẵn
  + Định dạng Background
  + Thiết lập hiệu ứng
  + Cách tổ chức bài thuyết trình

**Phương pháp**

* Kiểm tra các bài đọc của tuần thứ 7
  + Giảng tiếp theo phương pháp hỏi đáp, phương pháp thuyết trình
  + Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Minh họa ví dụ trên máy tính

**Tài liệu**

* + Đọc tài liệu chương 6

**Kết quả mong muốn**

* + Xây dựng được bài thuyết trình

**15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:**

**- Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường

**- Hình thức thi:** Thực hành – Được sử dụng tài liệu

***Phan Thiết, ngày tháng năm***

**Trưởng khoa**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: KẾ TOÁN

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: Nguyên lý kế toán - Mã học phần : 22004**

**2. Khoa phụ trách: Kế toán**

**3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**

**3.1. Họ và tên: Mai Bình Dương**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Kế toán – Kiểm toán
* ĐT:0978.505.911 email: maibinhduong2001@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán

**3.2. Họ và tên: Lê Thị Bảo Như**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Kế toán – Kiểm toán
* ĐT: 0917.485.684 email: lebaonhu@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán

**4. Số tín chỉ: 3**

**5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết**

* Lên lớp: 45 tiết
* Tự học: 135 tiết

**6. Học phần tiên quyết:** Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Những NLCB của CN Mác – Lê Nin, Toán cao cấp.

**7. Mục tiêu của học phần:**

**8. Chuẩn đầu ra học phần:** Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

* **Về kiến thức: Học phần này mong muốn sinh viên:**
* Biết những đặc điểm, vai trò của kế toán, các lĩnh vực của kế toán, các khung pháp lý cơ bản liên quan đến kế toán…
* Hiểu và phân biệt được một số nội dung cơ bản nhất của kế toán: các giả định và nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận; các khái niệm liên quan đến phương trình kế toán như là tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí, lợi nhuận…; khái niệm và đặc điểm của nghiệp vụ kinh tế; nội dung của Báo cáo tài chính; các phương pháp kế toán như là tài khoản, sổ kế toán, nguyên tắc ghi sổ kép, phương pháp tính giá, phương pháp kế toán hàng tồn kho,…
* Vận dụng các kiến thức chung cơ bản của kế toán như đã nêu ở trên vào việc thực hiện quy trình kế toán bao gồm các bước theo trình tự: phân tích và ghi nhận nghiệp vụ kinh tế, thực hiện kế toán điều chỉnh, thực hiện khóa sổ, lập Bảng cân đối số phát sinh và lập Báo cáo tài chính; thực hiện kế toán liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định lợi nhuận.
* Biết thêm các kiến thức mở rộng như là cách phân tích tình hình kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp, cách so sánh tình hình đó qua các năm và cách so sánh giữa các doanh nghiệp với nhau.
* **Về kỹ năng**: Học phần này kỳ vọng sinh viên đạt được các kỹ năng:
* Vận dụng kiến thức để thực hiện chu trình kế toán hoàn chỉnh trong thực tế ở mức độ thông tin đơn giản và cơ bản.
* Tìm kiếm và lựa chọn kiến thức để tự giải quyết các vấn đề.
* Hợp tác, giao tiếp tốt và có khả năng quản lý nhóm làm việc;
* Lập mục tiêu và kế hoạch thực hiện cho bản thân và cho công việc.
* **Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm**:
* Học phần này kỳ vọng sinh viên sau khi hoàn thành sẽ có được thái độ yêu thích môn học; hình thành được khả năng tự học, tự nghiên cứu; biết đặt mục tiêu và kế hoạch cho bản thân trong công việc và cuộc sống; có thái độ tích cực, kỷ luật trong công việc để thích nghi trong môi trường tổ chức mới và nâng cao hiệu quả trong công việc.

**9. Nội dung học phần:**

**9.1. Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản để thực hiện công việc kế toán một cách có hệ thống, đọc hiểu thông tin trên Báo cáo tài chính cơ bản và tính hữu dụng của thông tin đó trong việc ra quyết định kinh doanh. Từng bước trong một chu trình kế toán được sắp xếp theo trình tự từng chương có tính liên kết giúp sinh viên nắm rõ công việc kế toán. Trong đó, sinh viên được giới thiệu bản chất và đối tượng kế toán, các khái niệm và phương pháp kế toán cơ bản như “Báo cáo tài chính”, “phân tích và ghi nhận nghiệp vụ kinh tế”, “ kế toán điều chỉnh”, “ khóa sổ”, “bảng cân đối số phát sinh”, “lợi nhuận”, “phương pháp kế toán hàng tồn kho”… Từ các khái niệm và phương pháp kế toán đã được học, sinh viên có thể hệ thống thành các kỹ năng nâng cao hơn như thực hiện quy trình kế toán hoàn chỉnh: phân tích và ghi nhận nghiệp vụ kinh tế, thực hiện bút toán điều chỉnh, thực hiện khóa sổ các tài khoản kế toán, lập bảng cân đối số phát sinh và lập Báo cáo tài chính (Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Bảng cân đối kế toán). Sinh viên được khuyến khích vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn như phân tích tình hình tài chính và tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp có công bố Báo cáo tài chính trên các phương tiện thông tin qua từng năm.

**9.2. Nội dung học phần**

**Chương I: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN**

***(8 giờ lên lớp và 16 giờ tự học có hướng dẫn ngoài lớp)***

1.1. Bản chất của kế toán

1.1.1. Chức năng của kế toán

* + 1. Đối tượng sử dụng thông tin kế toán
    2. Các lĩnh vực của kế toán
    3. Các yêu cầu cơ bản của kế toán
    4. Môi trường pháp lý về kế toán
    5. Đạo đức nghề nghiệp
  1. Đối tượng đo lường của kế toán
     1. Phương trình kế toán
     2. Ảnh hưởng của các nghiệp vụ kinh tế đến phương trình kế toán

**CHƯƠNG 2: BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

***(10 giờ lên lớp, 2 giờ tự học có hướng dẫn tại lớp và 18 giờ tự học có hướng dẫn ngoài lớp)***

* 1. Những vấn đề chung về Báo cáo tài chính
     1. Các thuật ngữ kế toán
     2. Mục tiêu của Báo cáo tài chính
     3. Hệ thống Báo cáo tài chính
     4. Các giả định và nguyên tắc kế toán cơ bản
  2. Bảng cân đối kế toán
  3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
  4. Mối quan hệ của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Bảng cân đối kế toán

**CHƯƠNG 3**: **CHU TRÌNH KẾ TOÁN – PHÂN TÍCH & GHI NHẬN NGHIỆP VỤ KINH TẾ**

***(7 giờ lên lớp, 1 giờ tự học có hướng dẫn tại lớp và 13 giờ tự học có hướng dẫn ngoài lớp)***

* 1. Nhận diện và phân tích nghiệp vụ kinh tế
     1. Chứng từ kế toán
     2. Tài khoản kế toán
     3. Quy luật Nợ - Có
     4. Cách nhận diện và phân tích nghiệp vụ kinh tế
  2. Ghi nhận nghiệp vụ kinh tế
     1. Nguyên tắc ghi sổ kép
     2. Quy ước định khoản nghiệp vụ kinh tế
     3. Cách ghi nhận nghiệp vụ kinh tế

**CHƯƠNG 4: CHU TRÌNH KẾ TOÁN – KẾ TOÁN ĐIỀU CHỈNH**

***(8 giờ lên lớp, 4 giờ tự học có hướng dẫn tại lớp và 12 giờ tự học có hướng dẫn ngoài lớp)***

* 1. Xác định thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế và lập Báo cáo tài chính
     1. Giả định kỳ kế toán
     2. Kế toán trên cơ sở tiền mặt và kế toán trên cơ sở dồn tích
     3. Ghi nhận doanh thu và chi phí
  2. Bút toán điều chỉnh (8T)
     1. Loại 1: Điều chỉnh Chi phí trả trước
     2. Loại 2: Điều chỉnh Doanh thu chưa thực hiện
     3. Loại 3: Điều chỉnh Chi phí chưa thanh toán và chưa ghi nhận (Chi phí phải trả)
     4. Loại 4: Điều chỉnh Doanh thi chưa thu tiền và chưa ghi nhận.

**CHƯƠNG 5: CHU TRÌNH KẾ TOÁN – HOÀN THÀNH CHU TRÌNH KẾ TOÁN**

***(4 giờ lên lớp, 4 giờ tự học có hướng dẫn tại lớp và 4 giờ tự học có hướng dẫn ngoài lớp)***

* 1. Khóa sổ kế toán
     1. Khóa sổ tài khoản tạm thời
     2. Khóa sổ tài khoản thường xuyên
  2. Lập Bảng cân đối số phát sinh
  3. Lập Báo cáo tài chính

**CHƯƠNG 6: KẾ TOÁN LỢI NHUẬN**

***(8 giờ lên lớp, 4 giờ tự học có hướng dẫn tại lớp và 12 giờ tự học có hướng dẫn ngoài lớp)***

* 1. Giới thiệu về lợi nhuận
  2. Kế toán doanh thu và thu nhập
     1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
     2. Doanh thu hoạt động tài chính
     3. Thu nhập khác
  3. Kế toán chi phí
     1. Giá vốn hàng bán
     2. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
     3. Chi phí tài chính
     4. Kế toán chi phí khác
  4. Kế toán xác định lợi nhuận

**10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:**

1. Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
2. Tham dự tối thiểu 70% thời gian lên lớp
3. Tuyệt đối không được làm việc riêng trong giờ học
4. Đọc tài liệu trước mỗi buổi học

**11. Phương pháp đánh giá học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần** | **Hình thức đánh giá** | **Tỷ trọng trong thành phần** | **Tỉ trọng trong học phần** | **Thời điểm đánh giá** |
| *Quá trình* | *- Bài tập nhóm*  *- Bài tập về nhà*  *- Bài kiểm tra cuối chương* | *30 %*  *30 %*  *40 %*  ***100%*** | *10%* | *Mỗi chương* |
| *Giữa kỳ* | *- Tự luận*  *- Trắc nghiệm* | *70 %*  *30 %*  ***100%*** | *30%* | *- Tuần …*  *- Buổi thứ …* |
| *Cuối kỳ* | *- Trắc nghiệm* | *100 %* | *60%* | *- Theo lịch của khoa* |
| ***Cộng*** | | | ***100%***  ***(10/10)*** |  |

**12. Học liệu**

**12.1.Tài liệu chính:**

* Tài liệu Nguyên lý kế toán, Bộ môn Nguyên Lý Kế toán, Khoa Tài Chính – Kế Toán, trường ĐH Phan Thiết (Gồm: Slide bài giảng, bài đọc lý thuyết, bài tập)
  1. **Tài liệu tham khảo:**
* Giáo trình: Fundamental Accounting Principles, 20th Edition, Wild, Lason, Chiappetta.
* Luật kế toán Việt Nam (có hiệu lực từ 01/01/2004);
* Các chuẩn mực kế toán Việt Nam; Các thông tư, nghị quyết, quyết định và các văn bản liên quan đến tài chính kế toán.

**12.3. Tư liệu trực tuyến:**

* Tiếng Việt:

<http://www.mof.gov.vn/portal/page/portal/mof_vn>

http://www.vacpa.org.vn/

* Tiếng Anh:

<http://highered.mcgraw-hill.com/sites/0073379549/information_center_view0/>

**13. Tổ chức giảng dạy và học tập**

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

**14. Kế hoạch giảng dạy: (mô tả cụ thể từ buổi 1 đến buổi cuối cùng, mỗi buổi 4 tiết trên lớp, tối thiểu 12 tiết tự học)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi**  **(4 giờ/ buổi)** | **Hình thức dạy – học** | **Nội dung dạy – học** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của SV** | |
| **Trong giờ học** | **Sau giờ học (tự học theo hướng dẫn)** |
| **1** | **GV lên lớp giảng (4 giờ)** | Chương 1  1.1, 1.2.1 | - Giới thiệu môn học  - Thuyết giảng nội dung bài học  - Hướng dẫn bài tập | - Thảo luận  - Làm bài tập A.1.4 | - Đọc tài liệu:  + Slide 1 - 23  + Bài đọc tr.1-18  - Làm bài tập: A.1.1, A.1.2, A.1.3, A.1.5 |
| ***Chuẩn bị bài mới:***  Mục 1.2.2  *-* Đọc tài liệu:  + Slide 24 - 32  + tr.19 – 24 |
| **2** | **GV lên lớp giảng (4 giờ)** | Chương 1  Mục 1.2.2 | - Thuyết giảng nội dung bài học  - Hướng dẫn bài tập | - Thảo luận  - Làm bài tập A.1.6, B.1.4 | *-* Đọc bài vận dụng 1  - Làm bài tập B.1.3  - Bài tập nhóm: B1.1.2, B.1.5 |
| ***Chuẩn bị bài mới:***  Mục 2.1, 2.2  *-* Đọc tài liệu:  + Slide 33 - 50  + Bài đọc tr. 30 - 41 |
| **3** | **GV lên lớp giảng (4 giờ)** | Chương 2  2.1, 2.2 | - Thuyết giảng nội dung bài học  - Hướng dẫn bài tập | **- Làm bài kiểm tra số 1**  - Thảo luận  - Làm bài tập A.2.2 | - Làm bài tập: A.2.1, A.2.5 |
| ***Chuẩn bị bài mới:***  Mục 2.2, 2.3:  *-* Đọc tài liệu:  + Slide 51 - 58  + Bài đọc tr. 42 – 46 |
| **4** | **GV lên lớp giảng (4 giờ)** | Chương 2  2.2, 2.3 | - Thuyết giảng nội dung bài học  - Hướng dẫn bài tập | - Thảo luận  - Làm bài tập A.2.3, A.2.4, A.2.6 | - Đọc bài vận dụng 2.1, 2.2  - Làm bài tập: B.2.2, B.2.3 |
| ***Chuẩn bị bài mới:***  Mục 2.4:  *-* Đọc tài liệu:  + Slide 51 - 58  + Bài đọc tr. 46 – 49 |
| **5** | **GV lên lớp giảng (2 giờ)** | Chương 2  Mục 2.4 | - Thuyết giảng nội dung bài học  - Hướng dẫn bài tập | - Thảo luận | - Làm bài tập: B.2.4, B.2.7  - Làm bài tập nhóm: B.2.1, B.2.5, B.2.6, B.2.8 |
| ***GV HD SV tự học tại lớp* (2 giờ)** | *Chương 2* | *- Sửa bài tập A2.7, A.2.8* | *- Làm bài tập theo hướng dẫn của giảng viên*  **- Làm bài kiểm tra số 2** | ***Chuẩn bị bài mới:***  Chương 3: Mục 3.1:  *-* Đọc tài liệu:  + Slide 59 - 72  + Bài đọc tr. 58 – 68 |
| **6** | **GV lên lớp giảng (4 giờ)** | Chương 3  Mục 3.1 | - Thuyết giảng nội dung bài học  - Hướng dẫn bài tập | - Thảo luận  - Làm bài tập A3.2, A.3.3 | - Làm bài tập: A.3.1, A.3.4, B.3.1, B.3.2, B.3.3 |
| ***Chuẩn bị bài mới:***  Chương 3: Mục 3.2:  *-* Đọc tài liệu:  + Slide 73 - 82  + Bài đọc tr. 68 – 77 |
| **7** | **GV lên lớp giảng (3 giờ)** | Chương 3  Mục 3.2 | - Thuyết giảng nội dung bài học  - Hướng dẫn bài tập | - Thảo luận | - Làm bài tập: A.3.5, B.3.4  - Làm bài tập nhóm: B.3.5, B.3.6 |
| ***Chuẩn bị bài mới:***  Chương 4: Mục 4.1, 4.2.1:  *-* Đọc tài liệu:  + Slide 83 - 104  + Bài đọc tr. 85 – 95 |
| ***GV HD SV tự học tại lớp (1 giờ)*** | *Chương 3* | *- Sửa bài tập* A.3.6, A.3.7 | *- Làm bài tập theo hướng dẫn của GV* |
| **8** | **GV lên lớp giảng (4 giờ)** | Chương 4  Mục 4.1; 4.2.1 | - Thuyết giảng nội dung bài học | ***- Làm bài kiểm tra số 3***  - Thảo luận | Xem lại các ví dụ đã học trong buổi học |
| ***Chuẩn bị bài mới:***  Mục 4.2.2, 4.2.3, 4.2.4:  *-* Đọc tài liệu:  + Slide 105 - 116  + Bài đọc tr. 96 -105 |
| **9** | **GV lên lớp giảng (4 giờ)** | Chương 4  Mục 4.2.2, 4.2.3, 4.2.4 | - Thuyết giảng nội dung bài học  - Hướng dẫn bài tập | - Thảo luận  - Làm bài tập: A.4.1, A.4.2, A.4.3 | - Đọc bài vận dụng 4  - Làm bài tập: A.4.5, A.4.6, B.4.1 |
| ***10*** | ***GV HD SV tự học tại lớp (4 giờ)*** | *Chương 4* | *- Hướng dẫn bài tập: A.4.4, A.4.7, B.4.3* | *- Làm bài tập theo hướng dẫn của GV* | - Làm bài tập: B.4.2, B.4.4  - Làm bài tập nhóm: B.4.5 |
| ***Chuẩn bị bài mới:***  Chương 5  *-* Đọc tài liệu:  + Slide 117 - 127  + Bài đọc tr. 114 - 125 |
| **11** | **GV lên lớp giảng (4 giờ)** | Chương 5 | - Thuyết giảng nội dung bài học  - Hướng dẫn bài tập | **- Làm bài kiểm tra số 4**  - Thảo luận  - Làm bài tập: Bài A.5.1, A.5.4 | - Đọc bài vận dụng 5  - Làm bài tập: A.5.2, A.5.3 |
| ***12*** | ***GV HD SV tự học tại lớp***  ***(4 giờ)*** | *Chương 5* | *- Sửa bài tập A5.2, A.5.3, A.5.5* | *- Làm bài tập theo hướng dẫn của giảng viên* | - Làm bài tập: B.5.1, B.5.2, B.5.3  - Làm bài tập nhóm: B.5.5, B.5.4 |
| ***Chuẩn bị bài mới:***  Chương 6: 6.1, 6.2, 6.3.1  *-* Đọc tài liệu:  + Slide 128 - 144  + Bài đọc tr. 134 - 150 |
| **13** | **GV lên lớp giảng (4 giờ)** | Chương 6  6.1, 6.2, 6.3.1 | - Thuyết giảng nội dung bài học  - Hướng dẫn bài tập | **- Làm bài kiểm tra số 5**  - Thảo luận  - Làm bài tập: A.6.1, A.6.2, A6.3, A6.4 | Xem lại các bài tập đã sửa trên lớp |
| ***Chuẩn bị bài mới:***  Chương 6: 6.3.2, 6.3.3, 6.3.4, 6.4  *-* Đọc tài liệu:  + Slide 145 – 169  + Bài đọc tr. 151 – 166 |
| **14** | **GV lên lớp giảng (4 giờ)** | Chương 6  6.3.2, 6.3.3, 6.3.4, 6.4 | - Thuyết giảng nội dung bài học  - Hướng dẫn bài tập | - Thảo luận  - Làm bài tập: A.6.5, A.6.6, A.6.7, A.6.8 | - Đọc bài vận dụng 6  - Làm bài tập: B.6.1, B.6.2, B.6.3, B.6.5, B.6.4 |
| ***15*** | ***GV HD SV tự học tại lớp***  ***(4 giờ)*** | *Chương 6* | *- Sửa bài tập A6.9, A6.10*  *- Ôn tập* | *- Làm bài tập theo hướng dẫn của giảng viên*  **- Làm bài kiểm tra số 6** | - Làm bài tập nhóm: B.6.6, B.6.7  - Ôn thi |

**15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:**

* **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
* **Hình thức thi:** tự luận, trắc nghiệm (không được sử dụng tài liệu)

***Bình Thuận, ngày tháng năm***

**Trưởng khoa**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO:

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: Pháp luật đại cương - Mã học phần: 20015**

**2. Khoa phụ trách: Khoa Cơ bản**

**3. Họ tên giảng viên giảng dạy:**

**3.1 Họ và tên: Trương Công Khoa**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc Sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Cơ bản - Đại học Phan Thiết
* ĐT: 0937916868; email: [khoagg@yahoo.com.vn](mailto:khoagg@yahoo.com.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Luật dân sự.

**3.2 Họ và tên: Đỗ Tuấn Việt**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc Sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Cơ bản - Đại học Phan Thiết
* ĐT: 0903921264; email: [dtviet@hcmulaw.edu.vn](mailto:dtviet@hcmulaw.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Luật dân sự.

**4. Số tín chỉ: 2**

**5. Phân bổ thời gian (tiết): 30 tiết**

* Lên lớp: 30 tiết
* Tự học: 90 tiết

**6. Học phần tiên quyết: Các nguyên lý cơ bản CN Mác-Lênin**

**7. Mục tiêu của học phần:**

Học phần trang bị cho sinh viên tất cả các ngành những kiến thức cơ bản về những kiến thức lý luận cơ bản nhất về Nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa nói riêng. Từ đó giúp cho sinh viên có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đồng thời trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam và một

số ngành luật cụ thể, giúp cho sinh viên hiểu biết hơn về pháp luật để vận dụng vào

thực tiễn cuộc sống.

**8. Chuẩn đầu ra học phần:** Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

***-* Kiến thức:**

1. Hiểu được những lý thuyết chung, những khái niệm, phạm trù cơ bản nhất của khoa học pháp lý về Nhà nước và pháp luật.

2. Hiểu được cơ cấu tổ chức của bộ máy nhà nước về quản lý kinh tế.

3. Vận dụng được phương pháp tìm kiếm, sưu tầm, hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật mà Nhà nước đã ban hành về một vấn đề nào đó, cũng như phương pháp tiếp cận một văn bản quy phạm pháp luật, quy trình nghiên cứu, áp dụng một văn bản quy phạm pháp luật vào thực tiễn.

4. Hiểu những kiến thức và phương pháp chung của môn học, sinh viên có được một cơ sở lý luận và phương pháp luận để tự tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề pháp lý khác mà thực tiễn công tác đòi hỏi.

**- Kỹ năng:**

5. Vận dụng được các qui định của pháp luật trong các lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự, lao động, hôn nhân nhằm phục vụ cho nhu cầu học tập và sinh hoạt.

6. Hình thành phương pháp học ở bậc đại học.

7. Giải quyết được các tình huống đơn giản và phổ biến trong các lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự, lao động, hôn nhân phát sinh trong đời sống.

**- Thái độ:**

8. Thấy được vị trí và vai trò của nhà nước và pháp luật trong quan lý kinh tế, từ đó hứng thú và say mê môn học cho ngành học mà sinh viên đã lựa chọn. (8)

9. Nâng cao sự hiểu biết của sinh viên về pháp luật Nhà nước, luôn có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước, ý thức một cách đầy đủ bổn phận của mình đối với Nhà nước, với xã hội trong tư cách một công dân hoặc cán bộ, công chức, viên chức của Đảng và Nhà nước

***-* Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

10. Có ý thức tự học

11. Hoàn thiện kỹ năng thuyết trình

12. Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm, kỹ năng tư duy sáng tạo, hình thành phương pháp nghiên cứu khoa học

13. Trau dồi, phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin.

**9. Nội dung học phần:**

**9.1. Tóm tắt nội dung học phần:**

Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương theo chương trình khung của bộ Giáo dục và đạo tạo tối với sinh viên ngành kinh tế. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật.

Môn học không đi sâu nghiên cứu các chi tiết các vấn đề mà chỉ dừng lại ở nội dung căn bản và khái quát về nhà nước và pháp luật.

Học phần đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam về quản lý nền kinh tế; Tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật. Từ cách nhìn tổng quát về hệ thống các ngành luật trong hệ thống luật của Nhà nước ta một học trình được dành để nghiên cứu những nội dung cơ bản của luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự với tư cách là những ngành luật chủ yếu (các ngành luật gốc) của hệ thống luật, để từ đó người học có thể dễ dàng tự tiếp cận với các ngành luật khác phái sinh từ các ngành luật chủ yếu này.

**9.2. Nội dung học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chương** | **Mục, tiểu mục** | **Số tiết** | | | | **TL**  **TH** | **CĐR** |
| **TC** | **LT** | **BT** | **TH** |  |
| 1 | **Bộ máy nhà nước trong quản lý kinh tế** | 1. Khái quát chung về nhà nước  2. Bộ máy nhà nước trong quản lý kinh tế | 2 | 2 |  |  | 6 | 1, 2, 4, 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13 |
| 2 | **Pháp luật cơ bản** | 1. Khái quát những vấn đề cơ bản về pháp luật  2. Hình thức của pháp luật và VBQPPL | 4 | 4 |  |  | 12 | 1, 3, 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13 |
| 3 | **Thực hiện pháp luật** | 1. Quan hệ pháp luật  2. Thực hiện pháp luật  3. Vi phạm pháp luật | 4 | 4 |  |  | 12 | 1, 3, 4, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13 |
| 4 | **Tinh thần của luật hiến pháp** | 1. Khái quát về chủ nghĩa lập hiến  2. Hiến pháp- công cụ kiểm soát quyền lực nhà nước.  3. Hiến pháp và quyền con người. | 4 | 4 |  |  | 12 | 1, 3, 8, 9, 10, 11, 12, 13 |
| 5 | **Luật dân sự và luật hôn nhân.** | 1. Luật dân sự 2. Luật hôn nhân và gia đình | 4 | 4 |  |  | 12 | 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13 |
| 6 | **Luật lao động và luật tố tụng dân sự.** | 1. Luật lao động 2. Luật tố tụng dân sự | 4 | 4 |  |  | 12 | 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13 |
| 7 | **Luật hành chính** | 1. Quan hệ pháp luật hành chính. 2. Trách nhiệm hành chính 3. Cán bộ, công chức và viên chức. 4. Kiểm tra giữa kỳ. (30 phút) | 4 | 4 |  |  | 12 | 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13 |
| 8 | **Luật hình sự và luật tố tụng hình sự.** | 1. Vai trò của LHS và TTHS trong đấu tranh và phòng chống tội phạm 2. Chế định tội phạm và hình phạt. 3. Cơ quan tiến hành tố tụng, bị can, bị cáo và các giai đoạn của TTHS. 4. Tổng kết môn học   - Giải đáp thắc mắc cho sinh viên.  - Giảng viên tổng kết môn | 4 | 4 |  |  | 12 | 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13 |

**10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:**

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học vào thực tế công việc và cuộc sống.

* Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 8 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
* Phần thảo luận được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau:

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

* Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
* Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
* Sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **30 %** tổng số điểm
* ***Cuối học kỳ***, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nghiệm.

**11. Phương pháp đánh giá học phần:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Những nội dung**  **cần đánh giá** | **Số lần đánh giá** | **Trọng số (%)** |
| Dự lớp | 10 | 10 |
| Thảo luận |  |  |
| Bản thu hoạch |  |  |
| Thuyết trình |  |  |
| Bài tập |  |  |
| Thi giữa học kỳ | 1 | 30 |
| Thi cuối học kỳ | 1 | 60 |
|  |  | **Tổng: 100%** |

* Giảng viên sẽ điểm danh từng buổi học nếu sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên ***đi học trễ 15 phút*** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
* **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
* Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
* **Có hành động gian dối**: Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn…) thì sẽ bị điểm 0.

**12. Học liệu**

**12.1. Tài liệu chính:**

- Giáo trình pháp luật đại cương, khoa Luật kinh tế - ĐHKT Tp. HCM, 2012

- Hệ thống văn bản dành cho hoc phần pháp luật đại cương, khoa Luật kinh tế - ĐHKT

Tp. HCM, 2012

- Giáo trình pháp luật đại cương – PGS.TS Phạm Duy Nghĩa, NXB Công an nhân dân.

**12.2 Tài liệu tham khảo:**

- Giáo trình Lý luận về nhà nước và pháp luật – Khoa Luật kinh tế, trường đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, 2011

- Giáo trình Luật Dân sự, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, 2013.

- Giáo trình Luật Lao động, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, 2013.

- Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, 2013.

**12.3. Tư liệu trực tuyến:**

Website của các cơ quan nhà nước (quốc hội, chính phủ, tòa án, viện kiểm sát, một số địa phương)

**13. Tổ chức giảng dạy và học tập**

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

**14. Kế hoạch giảng dạy:**

|  |
| --- |
| **Buổi 1 (4 tiết) Bộ máy nhà nước trong quản lý kinh tế**  **🡪****Nội dung:**   * Khái quát chung về nhà nước. (***Học thuyết Mác 40% và khế ước xã hội 60%***) * Bộ máy nhà nước trong quản lý kinh tế. (*chú trọng chức năng và vai trò của mỗi hệ thống cơ quan trong QLKT*) * Phương pháp * Giảng viên diễn giảng; đàm thoại. * Phân tích các sự kiện lịch sử điển hình (video clip) để làm rõ vấn đề. * Tài liệu * Chương 1. Giáo trình Pháp luật đại cương – khoa LKT, ĐHKT tr 1 -> 30. * Chương 2. Giáo trình lý luận về nhà nước và PL – khoa LKT, ĐHKT. Tr 13 -> 66 * Hệ thống văn bản dành cho hoc phần pháp luật đại cương, khoa Luật kinh tế - ĐHKT Tp. HCM, 2012 * Website của các cơ quan nhà nước (quốc hội, chính phủ, tòa án, viện kiểm sát, HĐND và UBND một số địa phương * Kết quả mong muốn * Hiểu được những lý thuyết chung, những khái niệm, phạm trù cơ bản nhất của khoa học pháp lý về Nhà nước và pháp luật; * Hiểu được cơ cấu tổ chức của bộ máy nhà nước về quản lý kinh tế * Hiểu những kiến thức và phương pháp chung của môn học, sinh viên có được một cơ sở lý luận và phương pháp luận để tự tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề pháp lý khác mà thực tiễn công tác đòi hỏi. * Thấy được vị trí và vai trò của nhà nước và pháp luật trong quan lý kinh tế, từ đó hứng thú và say mê môn học cho ngành học mà sinh viên đã lựa chọn. * Nâng cao sự hiểu biết của sinh viên về pháp luật Nhà nước, luôn có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước, ý thức một cách đầy đủ bổn phận của mình đối với Nhà nước, với xã hội trong tư cách một công dân hoặc cán bộ, công chức, viên chức của Đảng và Nhà nước. * Hình thành phương pháp học ở bậc đại học, rèn luyện tư duy phản biện |

**Buổi 2 (4 tiết) Pháp luật cơ bản.**

🡪Nội dung:

* Khái quát những vấn đề cơ bản về pháp luật*. (các khái niệm, bản chất, chức năng và giá trị xã hội của PL)*
* Hình thức của pháp luật và VBQPPL (*án lệ và VBQPPL*)
* Phương pháp
* Giảng viên diễn giảng; đàm thoại, sinh viên thuyết trình.
* Phân tích các sự kiện lịch sử điển hình (video clip) để làm rõ vấn đề.
* Tài liệu
* Giáo trình Pháp luật đại cương – khoa LKT, ĐHKT, Tr 31-42; 77-106
* Giáo trình pháp luật đại cương – PGS.TS Phạm Duy Nghĩa, tr 9- 69
* Giáo trình lý luận về nhà nước và PL – khoa LKT, ĐHKT. Tr 67-158
* Hệ thống văn bản dành cho hoc phần pháp luật đại cương, khoa Luật kinh tế - ĐHKT Tp. HCM, 2012
* Kết quả mong muốn
* Hiểu được những lý thuyết chung, những khái niệm, phạm trù cơ bản nhất của khoa học pháp lý về Nhà nước và pháp luật;
* Vận dụng được phương pháp tìm kiếm, sưu tầm, hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật mà Nhà nước đã ban hành về một vấn đề nào đó, cũng như phương pháp tiếp cận một văn bản quy phạm pháp luật, quy trình nghiên cứu, áp dụng một văn bản quy phạm pháp luật vào thực tiễn.
* Thấy được vị trí và vai trò của nhà nước và pháp luật trong quan lý kinh tế, từ đó hứng thú và say mê môn học cho ngành học mà sinh viên đã lựa chọn.
* Nâng cao sự hiểu biết của sinh viên về pháp luật Nhà nước, luôn có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước, ý thức một cách đầy đủ bổn phận của mình đối với Nhà nước, với xã hội trong tư cách một công dân hoặc cán bộ, công chức, viên chức của Đảng và Nhà nước.
* Hình thành phương pháp học ở bậc đại học, rèn luyện tư duy phản biện

**Buổi 3 (4 tiết) Thực hiện pháp luật**

* Nội dung:
* Quan hệ pháp luật (khái niệm, căn cứ làm PS, TĐ, CD QHPL)
* Thực hiện pháp luật (khái niệm và các hình thức THPL; đảm bảo công lý cho con người)
* Vi phạm PL (dấu hiệu và cấu thành); Trách nhiệm pháp lý (phân loại)
* Phương pháp
* Giảng viên diễn giảng; đàm thoại, sinh viên thuyết trình.
* Phân tích các sự kiện lịch sử điển hình (video clip) để làm rõ vấn đề.
* Tài liệu
* Giáo trình Pháp luật đại cương – khoa LKT, ĐHKT, Tr 43 – 77
* Giáo trình lý luận về nhà nước và PL – khoa LKT, ĐHKT, tr 171-240
* Hệ thống văn bản dành cho hoc phần pháp luật đại cương, khoa Luật kinh tế - ĐHKT Tp. HCM, 2012
* Kết quả mong muốn
  + Hiểu được những lý thuyết chung, những khái niệm, phạm trù cơ bản nhất của khoa học pháp lý về Nhà nước và pháp luật;
  + Vận dụng được phương pháp tìm kiếm, sưu tầm, hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật mà Nhà nước đã ban hành về một vấn đề nào đó, cũng như phương pháp tiếp cận một văn bản quy phạm pháp luật, quy trình nghiên cứu, áp dụng một văn bản quy phạm pháp luật vào thực tiễn.
  + Hiểu những kiến thức và phương pháp chung của môn học, sinh viên có được một cơ sở lý luận và phương pháp luận để tự tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề pháp lý khác mà thực tiễn công tác đòi hỏi.
  + Giải quyết được các tình huống đơn giản và phổ biến trong các lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự, lao động, hôn nhân phát sinh trong đời sống.
  + Nâng cao sự hiểu biết của sinh viên về pháp luật Nhà nước, luôn có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước, ý thức một cách đầy đủ bổn phận của mình đối với Nhà nước, với xã hội trong tư cách một công dân hoặc cán bộ, công chức, viên chức của Đảng và Nhà nước.
* Hình thành phương pháp học ở bậc đại học, rèn luyện tư duy phản biện

**Buổi 4 (4 tiết) Tinh thần của luật hiến pháp**

|  |
| --- |
| * Nội dung: * Khái quát về chủ nghĩa lập hiến. (so sánh VN và một số quốc gia tiêu biểu) * Hiến pháp- công cụ kiểm soát quyền lực nhà nước. * Hiến pháp và quyền con người. * Phương pháp   + Giảng viên diễn giảng; đàm thoại, sinh viên thuyết trình.   + Phân tích các sự kiện lịch sử điển hình (video clip) để làm rõ vấn đề. * Tài liệu   + Giáo trình pháp luật đại cương – PGS.TS Phạm Duy Nghĩa, chương 04, Tr 88-124   + Kết quả mong muốn   + Hiểu được những lý thuyết chung, những khái niệm, phạm trù cơ bản nhất của khoa học pháp lý về Nhà nước và pháp luật;   + Vận dụng được phương pháp tìm kiếm, sưu tầm, hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật mà Nhà nước đã ban hành về một vấn đề nào đó, cũng như phương pháp tiếp cận một văn bản quy phạm pháp luật, quy trình nghiên cứu, áp dụng một văn bản quy phạm pháp luật vào thực tiễn.   + Thấy được vị trí và vai trò của nhà nước và pháp luật trong quan lý kinh tế, từ đó hứng thú và say mê môn học cho ngành học mà sinh viên đã lựa chọn.   + Nâng cao sự hiểu biết của sinh viên về pháp luật Nhà nước, luôn có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước, ý thức một cách đầy đủ bổn phận của mình đối với Nhà nước, với xã hội trong tư cách một công dân hoặc cán bộ, công chức, viên chức của Đảng và Nhà nước.   + Hình thành phương pháp học ở bậc đại học, rèn luyện tư duy phản biện |

**Buổi 5 (4 tiết) Luật dân sự và luật hôn nhân.**

|  |
| --- |
| * Nội dung: * Luật dân sự (tổng quan về luật tài sản gồm tài sản, một số khái niệm của luật tài sản, chức năng của luật tài sản; và khái quát chế định thừa kế) * Luật hôn nhân và gia đình (chế định kết hôn và ly hôn) hướng dẫn sv tự nghiên cứu. * Phương pháp   + Giảng viên diễn giảng; đàm thoại, sinh viên thuyết trình.   + Phân tích các sự kiện lịch sử điển hình (video clip) để làm rõ vấn đề. * Tài liệu   + Giáo trình Pháp luật đại cương – khoa LKT, ĐHKT Tr 107 - 160   + Hệ thống văn bản dành cho hoc phần pháp luật đại cương, khoa Luật kinh tế - ĐHKT Tp. HCM, 2012 * Kết quả mong muốn   + Vận dụng được phương pháp tìm kiếm, sưu tầm, hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật mà Nhà nước đã ban hành về một vấn đề nào đó, cũng như phương pháp tiếp cận một văn bản quy phạm pháp luật, quy trình nghiên cứu, áp dụng một văn bản quy phạm pháp luật vào thực tiễn.   + Hiểu những kiến thức và phương pháp chung của môn học, sinh viên có được một cơ sở lý luận và phương pháp luận để tự tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề pháp lý khác mà thực tiễn công tác đòi hỏi.   + Vận dụng được các qui định của pháp luật trong các lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự, lao động, hôn nhân nhằm phục vụ cho nhu cầu học tập và sinh hoạt.   + Hình thành phương pháp học ở bậc đại học.   + Giải quyết được các tình huống đơn giản và phổ biến trong các lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự, lao động, hôn nhân phát sinh trong đời sống.   + Nâng cao sự hiểu biết của sinh viên về pháp luật Nhà nước, luôn có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước, ý thức một cách đầy đủ bổn phận của mình đối với Nhà nước, với xã hội trong tư cách một công dân hoặc cán bộ, công chức, viên chức của Đảng và Nhà nước.   + Hình thành phương pháp học ở bậc đại học, rèn luyện tư duy phản biện |

**Buổi 6 (4 tiết) Luật lao động và luật tố tụng dân sự**

|  |
| --- |
| * Nội dung: * Luật lao động (Quan hệ lao động gồm: hợp đồng lao động, nội dung của quan hệ lao động, chấm dứt quan hệ lao động) * Luật tố tụng dân sự (chủ thể trong TTDS và qui trình TTDS) * Phương pháp   + Giảng viên diễn giảng; đàm thoại, sinh viên thuyết trình.   + Phân tích các sự kiện lịch sử điển hình (video clip) để làm rõ vấn đề * Tài liệu   + Giáo trình Pháp luật đại cương – khoa LKT, ĐHKT, Tr 161 – 226   + Hệ thống văn bản dành cho học phần pháp luật đại cương, khoa Luật kinh tế - ĐHKT Tp. HCM, 2012   + Kết quả mong muốn   + Vận dụng được phương pháp tìm kiếm, sưu tầm, hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật mà Nhà nước đã ban hành về một vấn đề nào đó, cũng như phương pháp tiếp cận một văn bản quy phạm pháp luật, quy trình nghiên cứu, áp dụng một văn bản quy phạm pháp luật vào thực tiễn.   + Hiểu những kiến thức và phương pháp chung của môn học, sinh viên có được một cơ sở lý luận và phương pháp luận để tự tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề pháp lý khác mà thực tiễn công tác đòi hỏi.   + Vận dụng được các qui định của pháp luật trong các lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự, lao động, hôn nhân nhằm phục vụ cho nhu cầu học tập và sinh hoạt.   + Hình thành phương pháp học ở bậc đại học.   + Giải quyết được các tình huống đơn giản và phổ biến trong các lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự, lao động, hôn nhân phát sinh trong đời sống.   + Nâng cao sự hiểu biết của sinh viên về pháp luật Nhà nước, luôn có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước, ý thức một cách đầy đủ bổn phận của mình đối với Nhà nước, với xã hội trong tư cách một công dân hoặc cán bộ, công chức, viên chức của Đảng và Nhà nước.   + Hình thành phương pháp học ở bậc đại học, rèn luyện tư duy phản biện |

**Buổi 7 (4 tiết) Luật hành chính**

|  |
| --- |
| * Nội dung: * Quan hệ pháp luật hành chính. * Trách nhiệm hành chính. (vi phạm HC và hạu quả của VPHC) * Cán bộ, công chức và viên chức. (khái niệm và bổn phận công chức không được làm) * Kiểm tra giữa kỳ. (30 phút) * Phương pháp   + Giảng viên diễn giảng; đàm thoại, sinh viên thuyết trình.   + Phân tích các sự kiện lịch sử điển hình (video clip) để làm rõ vấn đề * Tài liệu   + Giáo trình Pháp luật đại cương – khoa LKT, ĐHKT. Tr 257 – 292   + Hệ thống văn bản dành cho hoc phần pháp luật đại cương, khoa Luật kinh tế - ĐHKT Tp. HCM, 2012   + Kết quả mong muốn   + Vận dụng được phương pháp tìm kiếm, sưu tầm, hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật mà Nhà nước đã ban hành về một vấn đề nào đó, cũng như phương pháp tiếp cận một văn bản quy phạm pháp luật, quy trình nghiên cứu, áp dụng một văn bản quy phạm pháp luật vào thực tiễn.   + Hiểu những kiến thức và phương pháp chung của môn học, sinh viên có được một cơ sở lý luận và phương pháp luận để tự tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề pháp lý khác mà thực tiễn công tác đòi hỏi.   + Vận dụng được các qui định của pháp luật trong các lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự, lao động, hôn nhân nhằm phục vụ cho nhu cầu học tập và sinh hoạt.   + Hình thành phương pháp học ở bậc đại học.   + Giải quyết được các tình huống đơn giản và phổ biến trong các lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự, lao động, hôn nhân phát sinh trong đời sống.   + Nâng cao sự hiểu biết của sinh viên về pháp luật Nhà nước, luôn có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước, ý thức một cách đầy đủ bổn phận của mình đối với Nhà nước, với xã hội trong tư cách một công dân hoặc cán bộ, công chức, viên chức của Đảng và Nhà nước.   + Hình thành phương pháp học ở bậc đại học, rèn luyện tư duy phản biện |

**Buổi 8 (4 tiết) Luật hình sự và luật tố tụng hình sự.**

|  |
| --- |
| * Nội dung: * Vai trò của LHS và TTHS trong đấu tranh và phòng chống tội phạm * Chế định tội phạm và hình phạt. (dấu hiệu và phân loại, mối quan hệ giữa tội phạm và hình phạt) * Cơ quan tiến hành tố tụng, bị can, bị cáo và các giai đoạn của TTHS. (khái quát) * Tổng kết môn học: Giải đáp thắc mắc cho sinh viên, Giảng viên tổng kết môn * Phương pháp   + Giảng viên diễn giảng; đàm thoại, sinh viên thuyết trình.   + Phân tích các sự kiện lịch sử điển hình (video clip) để làm rõ vấn đề * Tài liệu   + Tập bài giảng Lý luận về nhà nước; Lý luận về pháp luật Đại học Luật TPHCM   + Giáo trình Lý Luận Nhà nước và Pháp luật, GS.TS Lê Minh Tâm, PGS.TS Nguyễn Minh Đoan, NXB CAND (2014) trang 42-45   + Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật - Đại học Luật Hà Nội, 2007, trang 27 - 44 * Kết quả mong muốn   + Vận dụng được phương pháp tìm kiếm, sưu tầm, hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật mà Nhà nước đã ban hành về một vấn đề nào đó, cũng như phương pháp tiếp cận một văn bản quy phạm pháp luật, quy trình nghiên cứu, áp dụng một văn bản quy phạm pháp luật vào thực tiễn.   + Hiểu những kiến thức và phương pháp chung của môn học, sinh viên có được một cơ sở lý luận và phương pháp luận để tự tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề pháp lý khác mà thực tiễn công tác đòi hỏi.   + Vận dụng được các qui định của pháp luật trong các lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự, lao động, hôn nhân nhằm phục vụ cho nhu cầu học tập và sinh hoạt.   + Hình thành phương pháp học ở bậc đại học.   + Giải quyết được các tình huống đơn giản và phổ biến trong các lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự, lao động, hôn nhân phát sinh trong đời sống.   + Nâng cao sự hiểu biết của sinh viên về pháp luật Nhà nước, luôn có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước, ý thức một cách đầy đủ bổn phận của mình đối với Nhà nước, với xã hội trong tư cách một công dân hoặc cán bộ, công chức, viên chức của Đảng và Nhà nước.   + Hình thành phương pháp học ở bậc đại học, rèn luyện tư duy phản biện |

**15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:**

- Thời gian: Theo lịch thi chung của trường

- Hình thức thi: thi trắc nghiệm toàn phần, số câu hỏi tối thiểu 50 đến tối đa 75 câu, thời gian 60 phút, sinh viên chỉ được sử dụng văn bản qui phạm phápluật

***Phan Thiết, ngày tháng năm 20***

**Trưởng khoa**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: …………….

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH - Mã học phần : 20009**

**2. Khoa phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị**

**3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**

**Họ và tên: Nguyễn Thị Lý**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Bộ môn lý luận chính trị
* ĐT: 0903661228; email: ntly@upt.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử, chính trị, tư tưởng, triết học, văn hóa

**4. Số tín chỉ: 3**

**5. Phân bổ thời gian (tiết): 30 tiết**

* Lên lớp: 30 tiết
* Tự học: 90 tiết

**6. Học phần tiên quyết:** Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lenin

**7. Mục tiêu của học phần:**

- Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, Hồ Chí Minh.

- Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta.

- Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

**8. Chuẩn đầu ra học phần:**

***-* Kiến thức:**

+Sinh viên nắm rõ các vấn đề về tư tưởng, nhà tư tưởng

+Hiểu rõ quan điểm tư tưởng của Hồ Chí Minh về con người, về nhân dân, về con đường cách mạng Việt Nam,

+ Sinh viên có được hệ thống tri thức về đường lối của dân tộc dưới sự lãnh đạo của tư tưởng Hồ Chí Minh

+ Có được tri thức về lịch sử dân tộc trong thế kỷ XX dưới sự lãnh đạo của Hồ CHí Minh

**- Kỹ năng:**

+ Năng lực nhận thức các vấn đề của cuộc sống, công việc, mối quan hệ

+ Định hình phương thức làm việc, sử lý các tình huống

+ Kiểm soát được hành vi, thái độ trong các mối quan hệ

+ Bày tỏ được quan điểm trước các vấn đề của xã hội

**- Thái độ:**

**+** Tôn trọng sự khác biệt để cùng chung sống hòa bình

+ Trân trọng thành quả lao động, giá trị lịch sử của đất nước, nhân loại

+ Biết tôn trọng tự nhiên

+ Sống có khát vọng, hoài bão

***-* Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

+ Có khả năng tự chủ, độc lập trong các vấn đề của xã hội

+ Năng lực giải quyết công việc sáng tạo

+ Dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm

**9. Nội dung học phần:**

**9.1. Tóm tắt nội dung học phần:**

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

**9.2. Nội dung học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chương** | **Mục, tiểu mục** | **Số tiết** | | | | **TLTH** |
| **TC** | **LT** | **BT** | **TH** |
| 1 | Chương mở đầu  Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập tư tưởng Hồ Chí Minh  Chương I  Cơ sở, qúa trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh | I/- ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU  1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh  2. Đối tượng của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh  3. Mối quan hệ môn học này với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam  II/- PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU  1. Cơ sở phương pháp luận  2. Các phương pháp cụ thể  III/- Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC ĐỐI VỚI SINH VIÊN  1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác  2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị  Chương I. CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH  I/- CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH  1. Cơ sở khách quan  a) Bối cảnh lịch sử hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh  b) Các tiền đề tư tưởng, lý luận  2. Nhân tố chủ quan  3. Phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh  II/- QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH  1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước.  2. Thời kỳ từ 1911-1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc.  3. Thời kỳ từ 1921 - 1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam.  4. Thời kỳ từ 1930-1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng.  5. Thời kỳ từ 1945-1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện.  III/- GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH  1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc  a) Tài sản tinh thần vô giá của dân tộc Việt Nam  b) Nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của cách mạng Việt Nam  2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới  a) Phản ánh khát vọng thời đại  b) Tìm ra các giải pháp đấu tranh giải phóng loài người. | **4** | **3** | **1** | **0** |  |
| 2 | Chương II  Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc  I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc | I/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC  1. Vấn đề dân tộc thuộc địa  a) Thực chất của vấn đề dân tộc thuộc địa  b) Độc lập dân tộc - nội dung cốt lõi của vấn đề dân tộc thuộc địa  2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp  a) Vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp có quan hệ chặt chẽ với nhau  b) Giải phóng dân tộc là vấn đề trên hết, trước hết; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội  c) Giải phóng dân tộc tạo tiền đề để giải phóng giai cấp  d) Giữ vững độc lập của dân tộc mình đồng thời tôn trọng độc lập của các dân tộc khác  II/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC  1. Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc  a) Tính chất và nhiệm vụ của cách mạng ở thuộc địa  b) Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc  2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản  a) Rút bài học từ sự thất bại của các con đường cứu nước trước đó  b) Cách mạng tư sản là không triệt để  c) Con đường giải phóng dân tộc  3. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo  a) Cách mạng trước hết phải có Đảng  b) Đảng Cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo duy nhất  4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc  a) Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng bị áp bức  b) Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc  5. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc  a) Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo  b) Quan hệ của cách mạng thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc  6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực  a) Quan điểm về bạo lực cách mạng  b) Tư tưởng bạo lực cách mạng gắn bó hữu cơ với tư tưởng nhân đạo và hòa bình  c) Hình thái bạo lực cách mạng | **4** | **3** | **1** | **0** |  |
| 3 | Chương III  Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | I/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM  1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam  a) Chủ nghĩa xã hội là bước phát triển tất yếu sau khi giành được độc lập theo con đường cách mạng vô sản  b) Xây dựng chủ nghĩa xã hội là nhằm giải phóng con người một cách triệt để  2. Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam  a) Chủ nghĩa xã hội như là một chế độ xã hội ưu việt  b) Bản chất và đặc trưng tổng quát của chủ nghĩa xã hội  3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam  a) Mục tiêu  b) Động lực  II/- CON ĐƯỜNG, BIỆN PHÁP QUÁ ĐỘ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM  1. Con đường  a) Quá độ lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển TBCN  b) Con đường cách mạng không ngừng  2. Biện pháp  a) Phương châm | **4** | **3** | **1** | 0 |  |
| 4 | Chương IV  Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam | I/- QUAN NIỆM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ VÀ BẢN CHẤT CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM  1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam  a) Cách mạng trước hết cần có Đảng  b) Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu lịch sử  2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam  a) Lựa chọn con đường, xây dựng đường lối chiến lược, sách lược cách mạng  b) Tổ chức, đoàn kết, tập hợp lực lượng cách mạng  c) Vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên  3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam  a) Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân  b) Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của nhân dân lao động, Đảng của dân tộc  4. Quan niệm về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền  a) Đảng lãnh đạo toàn diện mọi mặt đời sống xã hội  b) Đảng cầm quyền, dân là chủ  c) Cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân  II/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH  1. Xây dựng Đảng – quy luật tồn tại và phát triển của Đảng  a) Đảng phải thường xuyên tự xây dựng  b) Quan điểm chỉ đạo xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh  2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam  a) Xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận  b) Xây dựng Đảng về chính trị  c) Xây dựng Đảng về tổ chức, bộ máy, công tác cán bộ  d) Xây dựng Đảng về đạo đức | **4** | **3** | **1** | **0** |  |
| 5 | Chương V  Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế | I/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC  1. Vị trí vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng  a) Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược, quyết định sự thành công của cách mạng  b) Đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng  2. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc  a) Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân  b) Đại đoàn kết toàn dân là tập hợp được mọi người dân vào cuộc đấu tranh chung. Để thực hiện được đại đoàn kết toàn dân cần cần chú ý:  3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc  a) Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc là Mặt trận dân tộc thống nhất  b) Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất  II/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ  1. Sự cần thiết xây dựng đoàn kết quốc tế  a) Cơ sở khách quan  b) Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại  2. Nội dung và hình thức đoàn kết quốc tế  a) Các lực lượng cần đoàn kết  b) Hình thức  3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế  a) Nguyên tắc chung  b) Nguyên tắc cụ thể | **4** | **3** | **1** | **0** |  |
| 6 | Chương VI  Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng nhà nước do dân, vì dân | I/- QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ  1. Quan niệm về dân chủ  a) Dân chủ là của quý báu nhất của nhân dân  b) Dân chủ là cơ sở đảm bảo quyền làm chủ, các quyền cơ bản của nhân dân lao động  c) Dân là chủ và dân làm chủ  d) Cơ chế bảo đảm quyền dân chủ: tất cả vì lợi ích của nhân dân  2. Thực hành dân chủ  a) Thực hành dân chủ là động lực phát triển cách mạng  b) Phương thức thực hành dân chủ  II/- QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN  1. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân  a) Nhà nước của dân  b) Nhà nước do dân  c) Nhà nước vì dân  2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước  a) Về bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước  b) Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân, tính dân tộc của Nhà nước  3. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ  a) Xây dựng Nhà nước hợp pháp, hợp hiến  b) Hoạt động quản lý nhà nước bằng Hiến pháp và pháp luật, chú trọng đưa pháp luật vào cuộc sống  c) Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ đức, tài  4. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả  a) Tổ chức bộ máy nhà nước phù hợp  b) Đề phòng và khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước  c) Tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với giáo dục đạo đức cách | **4** | **3** | **1** | **0** |  |
| 7 | Chương VII  Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới | I/- NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA  1. Khái niệm văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh  a) Phương thức tiếp cận văn hoá  b) Định nghĩa văn hoá của Hồ Chí Minh  2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa  a) Quan điểm về vị trí và vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội  b) Quan điểm về chức năng của văn hóa  c) Quan điểm về tính chất của nền văn hóa  3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa  a) Văn hóa giáo dục  b) Văn hóa văn nghệ  c) Văn hóa đời sống  II/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC  1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức  a) Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức  b) Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng  c) Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới  2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh  a) Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh  b) Nội dung học tập theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh  III/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI  1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người  a) Hồ Chí Minh thường nói tới con người cụ thể, lịch sử.  b) Hồ Chí Minh khẳng định bản chất con người mang tính xã hội.  2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược "trồng người"  a) Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người.  b) Quan điểm của Hồ Chí Minh về chiến lược "trồng người". | **4** | **3** | **1** | **0** |  |

**10. Yêu cầu và kỳ vọng của môn học:**

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc nhận thức, đánh giá, lý giải các vấn đề của lao động, việc làm, kinh doanh…

+ Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 7 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.

* Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm , mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bất chợt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

* Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
* Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
* Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
* Vào **tuần thứ 8,** sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
* *Cuối học kỳ*, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

**11. Phương pháp đánh giá môn học:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Những nội dung**  **cần đánh giá** | **Số lần đánh giá** | **Trọng số (%)** |
| Dự lớp | 10 | 10 |
| Thảo luận |  |  |
| Bản thu hoạch |  |  |
| Thuyết trình | 1 | 5 |
| Bài tập | 1 | 5 |
| Thi giữa học kỳ | 1 | 30 |
| Thi cuối học kỳ | 1 | 50 |
|  |  | **Tổng: 100%** |

**Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)

Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.

**Có hành động gian dối**: Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn…) thì sẽ bị điểm 0.

**12. Học liệu**

**12.1.Tài liệu chính:**

1. Chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản.

**12.2 Tài liệu tham khảo:**

1. Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh do Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ đạo biên soạn.

2. Sách tham khảo: các tài liệu hướng dẫn học tập, nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh của Ban Tuyên giáo TW.

3. Hồ Chí Minh: toàn tập, tuyển tập, đĩa CDROM Hồ Chí Minh toàn tập.

4. Các Nghị quyết, Văn kiện của Đảng.

**12.3. Tư liệu trực tuyến:**

* + Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/)
  + Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/>
  + Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/>

**13. Tổ chức giảng dạy và học tập**

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

**14. Kế hoạch giảng dạy :**

|  |
| --- |
| **TUẦN 1 Chương mở đầu.**  **ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH** |

**Nội dung**

I/- ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

II/- PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

III/- Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Chương I. CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

I/- CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

II/- QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

III/- GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

**Phương pháp**

+ Làm sáng rỏ nội hàm của các khái niệm

+ Phân tích, lý giải các vấn đề về cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

+Biện luận, nêu rõ hành trình tìm đường cứu nước

+ So sánh với các nhà tư tưởng trong lịch sử nhân loại

**Tư liệu**

Đọc giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, đọc thêm Hồ Chí Minh toàn tập, trang Wwww. Thehehochiminh.com

|  |
| --- |
| **TUẦN 2**  **Chương II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC** |

**Nội dung**

I/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

1. Vấn đề dân tộc thuộc địa

II/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

1. Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc

2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản

3. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo

4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc

5. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc

6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực

**Phương pháp**

+ Làm sáng rỏ nội hàm của các khái niệm

+ Phân tích, lý giải các vấn đề về cách mạng Việt Nam, vấn đề dân tộc, giải phóng dân tộc

+Biện luận, nêu rõ hành trình tìm đường cứu nước

+ So sánh với các nhà tư tưởng trong lịch sử nhân loại

+Tổ chức thảo luận một số vấn đề về dân tộc

**Tư liệu**

Đọc giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, đọc thêm Hồ Chí Minh toàn tập, trang Wwww. Thehehochiminh.com

|  |
| --- |
| **TUẦN 3**  **Chương III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM** |

**Nội dung**

I/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

2. Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

II/- CON ĐƯỜNG, BIỆN PHÁP QUÁ ĐỘ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Con đường

2. Biện pháp

**KẾT LUẬN**

- Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh.

- Ý nghĩa của việc học tập.

**Phương pháp**

+ Làm sáng rỏ nội hàm của các khái niệm

+ Phân tích, lý giải các vấn đề về cách mạng Việt Nam, cách mạng xã hội chủ nghĩa

+Biện luận, nêu rõ quan điểm vể CMXH trong lịch sử, hiện thực

+ So sánh với con đường cách mạng xã ở một số nước trên thế giới

+Đặt vấn đề thảo luận cho sinh viên về phương thức đi lên CNXH

**Tư liệu**

Đọc giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, đọc thêm Hồ Chí Minh toàn tập, trang Wwww. Thehehochiminh.com

|  |
| --- |
| TUẦN 4  **Chương IV. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** |

**Nội dung**

I/- QUAN NIỆM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ VÀ BẢN CHẤT CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam

3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam

4. Quan niệm về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền

II/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

1. Xây dựng Đảng – quy luật tồn tại và phát triển của Đảng

2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam

KẾT LUẬN

- Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh.

- Ý nghĩa của việc học tập.

**Phương pháp**

+ Làm sáng rỏ nội hàm của các khái niệm

+ Phân tích, lý giải các vấn đề đảng phái, chính đảng, Đảng cộng sản Việt Nam

+Biện luận, nêu rõ về chính Đảng trong thể chế chính trị hiện đại

+ So sánh với các chính đảng trên thế giớ

**Tư liệu**

Đọc giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, đọc thêm Hồ Chí Minh toàn tập, trang Wwww. Thehehochiminh.com

|  |
| --- |
| **TUẦN 5**  **Chương V. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ** |

**Nội dung**

I/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

1. Vị trí vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng

2. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc

3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc

II/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

1. Sự cần thiết xây dựng đoàn kết quốc tế

2. Nội dung và hình thức đoàn kết quốc tế

3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế

KẾT LUẬN

- Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh

- Ý nghĩa của việc học tập.

**Phương pháp**

+ Làm sáng rỏ nội hàm của các khái niệm

+ Phân tích, lý giải các vấn đề đoàn kết, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế

+Biện luận, nêu rõ về đoàn kết trong thực tiễn lịch sử Việt Nam

+ So sánh với vấn đề đoàn kết của Nhật, Hàn

**Tư liệu**

Đọc giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, đọc thêm Hồ Chí Minh toàn tập, trang Wwww. Thehehochiminh.com

|  |
| --- |
| **TUẦN 6**  **Chương VI. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN** |

**Nội dung**

I/- QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ

1. Quan niệm về dân chủ

2. Thực hành dân chủ

II/- QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

1. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước

3. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ

4. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả

KẾT LUẬN

- Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh.

- Ý nghĩa của việc học tập

**Phương pháp**

+ Làm sáng rỏ nội hàm của các khái niệm

+ Phân tích, lý giải các vấn đề dân chủ, xây dựng dân chủ, vấn đề nhà nước dân chủ trong quan điểm của Hồ Chí Minh

+Biện luận, nêu rõ về vấn đề dân chủ phương Đông, phương Tây

+ So sánh với vấn đề dân chủ, nhà nước dân chủ ở một số chính thể trên thế giới

**Tư liệu**

Đọc giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, đọc thêm Hồ Chí Minh toàn tập, trang Wwww. Thehehochiminh.com

|  |
| --- |
| **TUẦN 7**  **Chương VII. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI** |

**Nội dung**

I/- NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

1. Khái niệm văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa

II/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC

1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

III/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược "trồng người"

**Phương pháp**

+ Làm sáng rỏ nội hàm của các khái niệm

+ Phân tích, lý giải các vấn đề văn hóa, đạo đức, con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh

+Biện luận, nêu rõ về vấn đề con người, văn hóa trong các nền văn minh trên thế giới

+ So sánh với vấn đề chính sách về con người ở một số nước trên thế giới

Tư liệu

Đọc giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, đọc thêm Hồ Chí Minh toàn tập, trang Wwww. Thehehochiminh.com

**15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:**

**- Thời gian: Theo lịch thi chung của trường**

**- Hình thức thi: Tự luận**

**Phan Thiết, ngày tháng năm 2015**

**Trưởng khoa**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: …………………………….……….

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: Lý thuyết xác suất và thống kê toán - Mã học phần: 23001**

**2. Khoa phụ trách: Bộ môn cơ bản**

**3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**

**3.1. Họ và tên: Nguyễn Trường Giang**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
* Địa chỉ liên hệ: Bộ môn cơ bản
* ĐT: 0935757524 - Email: truonggiang@thd.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Toán ứng dụng

**3.2. Họ và tên: Nguyễn Đình Khuông**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Bộ môn cơ bản
* ĐT: 0972370094 - Email: ndkhuong15051987@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Toán ứng dụng

**4. Số tín chỉ: 3**

**5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết**

* Lên lớp: 45 tiết
* Tự học: 135 tiết

**6. Học phần tiên quyết:** Toán cao cấp.

**7. Mục tiêu của học phần:**

**Về kiến thức**: Cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản về: Lý thuyết xác suất, các khái niệm cơ bản và các phương pháp tính xác suất, ứng dụng trong các vấn đề thực tế, và một phần trong các kiến thức thống kê về vấn đề ước lượng và kiểm định.

**Về kỹ năng**: Môn học còn giúp người học củng cố thêm các kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; có kỹ năng tìm kiếm và lựa chọn kiến thức dùng vào những mục đích riêng biệt; các kỹ năng thực hành (trên máy tính) với các cơ sở dữ liệu thực tế thu thập từ các công ty trong nước và trên toàn cầu.

**Về thái độ**: Người học sẽ xây dựng cho mình tác phong làm việc cụ thể, chi tiết và khoa học, tránh lối học và làm việc đại khái và cảm tính

**8. Chuẩn đầu ra học phần:** Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

***-* Kiến thức:**

1. Xác định được không gian mẫu và các biến cố ngẫu nhiên của thí nghiệm ngẫu nhiên. Phát biểu được định nghĩa xác suất và trình bày được các công thức tính xác suất.

2. Nêu được khái niệm khái niệm biến ngẫu nhiên, bảng phân phối xác suất, hàm mật độ, hàm phân phối xác suất và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên

3. Phân biệt được mẫu ngẫu nhiên và số liệu thống kê

4. Viết được các công thức ước lượng điểm và ước lượng khoáng của tỷ lệ, trung bình và phương sai. Phân biệt được khoảng tin cậy và giá trị của khoảng tin cậy.

5. Xác định được giả thiết và đối thiết của bài toán kiểm định giả thiết, hiểu được sai lầm loại 1, sai lầm loại 2 và mức ý nghĩa của miền tiêu chuẩn

6. Xác định được hệ số tương quan mẫu và hàm hồi qui tuyến tính thực nghiệm

**- Kỹ năng:**

7. Sử dụng được các giải tích tổ hợp để tính xác suất theo quan điểm đồng khả năng

8. Sử dụng được các công thức tính xác suất, đặc biệt là xác suất có điều kiện

9. Lập được bảng phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên rời rạc. Sử dụng được hàm phân phối xác suất và hàm mật độ xác suất của biến ngẫu nhiên liên tục.

10. Tính định được kỳ vọng, phương sai, median, mod của biến ngẫu nhiên và cách sử dụng các số đặc trưng này.

11. Sử dụng được phân phối siêu bội, nhị thức, Poisson, chuẩn và mối liên hệ giữa các phân phối này.

12. Tính được gía trị trung bình mẫu, phương sai mẫu bằng máy tính bỏ túi

13. Tìm được(giá trị) của khoảng tin cậy cho tỷ lệ, trung bình và phương sai ứng với số liệu thu được

14. Sử dụng được các tiêu chuẩn kiểm định giả thiết để giải quyết các bài toán liên quan và áp dụng được trong thực tế.

15.Sử dụng được hàm hồi qui tuyến tính thực nghiệm

16. Có tính trung thực trong quá trình làm bài tập cá nhân, làm bài tập nhóm, làm bài kiểm tra

**- Thái độ:**

17. Có thái độ tích cực hợp tác với giáo viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập

18. Phân công công việc trong một nhóm bài tập một cách hiệu quả

19. Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp

***-* Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

20. Có tính cẩn thận, chính xác, kiên trì, nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu

21. Có kỹ năng phát hiện vấn đề, phân tích và giải quyết vấn đề, hình thành tư duy logic cho sinh viên

**9. Nội dung học phần:**

**9.1. Tóm tắt nội dung học phần: Học phần thống kê kinh tế bao gồm 7 chương với những nội dung cơ bản sau:**

Các định nghĩa xác suất, các phép toán về biến cố và xác suất, xác suất điều kiện, đặc biệt là công thức xác suất toàn phần và công thức Bayess, sự độc lập và dãy các phép thử độc lập được đưa vào chương 1. Chương 2 bao gồm biến ngẫu nhiên và hàm phân bố, các đặc trưng số của biến ngẫu nhiên cũng như một số phân bố quan trọng. Chương 3 dành cho phân phối xác suất thông dụng. Chương 4 dành cho luật số lớn và các định lý giới hạn. Chương 5 dành cho véc tơ ngẫu nhiên bao gồm phân bố xác suất 2 chiều, phân bố điều kiện, các số đặc trưng, hàm của các biến ngẫu nhiên và sự hội tụ của dãy các biến số ngẫu nhiên. Sinh viên cũng được trang bị kiến thức về lý thuyết lấy mẫu, các ước lượng tham số tối ưu, ước lượng khoáng, bài toán kiểm định giả thuyết tổng quát, từ 1 mẫu, từ 2 mẫu, cũng như kiểm định phi tham số ở phần thống kê trong 2 chương 6,7. Chương 8 dành cho một số kiến thức về tương quan và hồi qui

**9.2. Nội dung học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chương** | **Mục, tiểu mục** | **Số tiết** | | | | **TL**  **TH** | **CĐR** |
| **TC** | **LT** | **BT** | **TH** |
| 1 | **Biến cố, xác suất của biến cố** | 1.1.Phép thử, biến cố  1.2 Quan hệ giữa các biến cố  1.3. Định nghĩa xác suất  1.4. Xác suất có điều kiện, sự độc lập  1.5. Các công thức tính xác suất | 8 | 6 | 2 |  | 10 | 1,2,3,4,5,6 |
| 2 | **Biến ngẫu nhiên** | 2.1. Khái niệm biến ngẫu nhiên  2.2. Phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên  2.3. Các đặc trưng số của biến ngẫu nhiên | 8 | 5 | 3 |  | 10 | 1,2,3,4,5,6 |
| 3 | **Một số phân phối xác suất thông dụng** | 3.1. Phân phối Bernoulli  3.2. Phân phối Nhị thức  3.3. Phân phối siêu bội  3.4. Phân phối Poisson | 4 | 2 | 2 |  | 12 | 7,8,9,10,11,12 |
| 4 | **Luật số lớn và các định lý giới hạn** | 4.1. Hội tụ theo xác suất và phân phối  4.2. Bất đẳng thức Markov, Chebyshev  4.3. Luật số lớn  4.4. Định lý giới hạn trung tâm  4.5. Liên hệ giữa các phân phối xác suất | 4 | 2 | 2 |  | 13 | 11,12,13,14,15,16 |
| 5 | **Véctơ ngẫu nhiên** | 5.1. Khái niệm véctơ ngẫu nhiên  5.2. Phân phối xác suất của (X,Y)  5.3. Phân tích phương sai hai nhân tố lặp | 4 | 2 | 2 |  | 12 | 10,11,12,13,14,15,16 |
| 6 | **Lý thuyết mẫu** | 6.1. Tổng thể, mẫu  6.2.Mô tả dữ liệu  6.3.Các đặc trưng của mẫu  6.4. Phân phối xác suất của trung bình mẫu  6.5.Đại lượng thống kê | 4 | 2 | 2 |  | 12 | 3,10,11,12,13 |
| 7 | **Ước lượng tham số** | 7.1. Khái niệm chung  7.2. Ước lượng điểm  7.3. Ước lượng khoảng | 3 | 2 | 1 |  | 12 | 3,9,10,11,12,13 |
| 8 | **Kiểm định giả thiết** | 8.1. Bài toán kiểm định giả thiết  8.2. Kiểm định giả thiế về trung bình  8.3. Kiểm định giả thiết về tỷ lệ  8.4. So sánh hai giá trị trung bình  8.5. So sánh hai tỷ lệ | 3 | 2 | 1 |  | 12 | 12,13,14,15 |
| 9 | **Tương quan, hồi qui** | 9.1. Mở đầu  9.2. Hệ số tương quan  9.3. Tìm đường thẳng hồi qui  9.4. Sử dụng máy tính cầm tay | 2 | 1 | 1 |  | 12 | 12,13,14,15 |
| 10 |  | Ôn tập | 5 | 2 | 3 |  | 30 |  |
| **Tổng cộng** | | | **45** | **26** | **19** |  | **135** |  |

**10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:**

-Tham gia các buổi học trên lớp nghiêm túc, không đi trễ, không nói chuyện riêng.

-Tích cực đọc trước tài liệu để dễ dàng tiếp thu và tham gia thảo luận bài học mới

-Tổ chức các nhóm học tập để cùng nhau trao đổi, giải bài tập nhằm củng cố lý thuyết, rèn luyện kỹ năng chuyên môn cũng như hoạt động nhóm.

-Cần phát huy khả năng độc lập suy nghĩ, tư duy sang tạo để đạt hiệu quả cao trong học tập

**Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học để hỗ trợ các môn chuyên ngành tiếp theo và vận dụng kiến thức toán để giải quyết các vấn đề thực tế liên quan**

* Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 11 buổi. Những thắc mắc, nếu có của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
* Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm , mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bất chợt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

* Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, và hướng dẫn trực tiếp trên bảng phấn trên lớp, cho ví dụ và giả bài tập
* Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo nhóm, giải bài tập
* Trong giờ học sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
* Vào **tuần thứ 8,** sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **30 %** tổng số điểm
* ***Cuối học kỳ***, sinh viên sẽ có một bài thi dài tự luận.

**11. Phương pháp đánh giá học phần:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Những nội dung**  **cần đánh giá** | **Số lần đánh giá** | **Trọng số (%)** |
| Dự lớp | 10 | 10 |
| Thi giữa học kỳ | 1 | 30 |
| Thi cuối học kỳ | 1 | 60 |
|  |  | **Tổng: 100%** |

* Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 11 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên ***đi học trễ 15 phút*** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
* **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
* Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
* **Có hành động gian dối**: Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn…) thì sẽ bị điểm 0.

**12. Học liệu**

**12.1.Tài liệu chính:**

[1] Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh, *Lí thuyết Xác suất và Thống kê toán*, Nhà xuất bản Giáo dục, 2009..

[2] ThS. Nguyễn Đình Khuông, Giáo trình Nguyên lý thống kê kinh tế

* 1. **Tài liệu tham khảo:**
     1. Sheldon Ross, A first course in probability, Prentice Hall.
     2. Tô Anh Dũng, Lý thuyết xác suất thông kê, NXB Đai học quốc gia.
     3. Đinh Văn Gắng, Xác suất thống kê, NXB Đai học quốc gia

**12.3. Tư liệu trực tuyến:**

* + Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/>
  + Website: [www.gso.gov.vn](http://www.gso.gov.vn)

**13. Tổ chức giảng dạy và học tập**

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyế định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

**14. Kế hoạch giảng dạy:**

**Buổi 1(4 tiết) Chương 1 Biến cố và xác suất biến cố**

1.1.Phép thử, biến cố

Phép thử là việc thực hiện một thí nghiệm hoặc quan sát một hiện tượng nào đó. Phép thử được gọi là ngẫu nhiên nếu ta không thể dự báo trước chính xác kết quả nào sẽ xảy ra.

1.2. Quan hệ giữa các biến cố

1.3. Định nghĩa xác suất

1.4. Xác suất có điều kiện, sự độc lập

1.4.1. Xác suất có điều kiện

1.4.2. Sự độc lập của hai biến cố

* + Cho ví dụ theo từng khái niệm
  + Giảng lý thuyết, thảo luận- tự học, tự nghiên cứu

**Buổi 2 (4 tiết) Chương 1 Biến cố và xác suất biến cố (tt)**

1.5. Các công thức tính xác suất.

1.5.1. Công thức cộng

1.5.2. Công thức nhân

1.5.3. Công thức xác suất đầy đủ

1.5.4. Công thức xác suất Bayes

1.6. Bài tập chương 1

* + Cho ví dụ cụ thể, làm bài tập
  + Giảng lý thuyết, thảo luận- tự học, tự nghiên cứu

**Buổi 3 (4 tiết) Chương 2 Biến ngẫu nhiên**

2.1. Khái niệm biến ngẫu nhiên

2.2. Phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên

2.2.1 X là biến ngẫu nhiên rời rạc

2.2.2. X là biến ngẫu nhiên lien tục

2.2.3. Hàm phân phối xác suất

* + Cho ví dụ cụ thể và hướng dẫn làm bài tập
  + Giảng lý thuyết, thảo luận- tự học, tự nghiên cứu

**Buổi 4 (4 tiết) Chương 2 Biến ngẫu nhiên (tt)**

2.3. Các đặc trưng của biến ngẫu nhiên

2.3.1. Kỳ vọng-EX

2.3.2. Phương sai-VarX

2.3.3. ModX

2.4. Bài tập chương 2

* + Cho ví dụ cụ thể và hướng dẫn làm bài tập
  + Giảng lý thuyết, thảo luận- tự học, tự nghiên cứu
  + Cho bài tập về nhà làm

**Buổi 5 (4 tiết) Chương 3 Một số phân phối và xác suất thông dụng**

3.1. Phân phối Bernoulli

3.2. Phân phối Nhị thức

3.3. Phân phối siêu bội

3.4. Phân phối Poisson

3.5. Phân phối chuẩn

3.6. Bài tập chương 3

* + Cho ví dụ cụ thể và hướng dẫn làm bài tập
  + Giảng lý thuyết, thảo luận- tự học, tự nghiên cứu
  + Bài kiểm tra ngắn
  + Cho bài tập về nhà làm

**Buổi 6 (4 tiết) Chương 4 Luật số lớn và các định lý giới hạn**

4.1. Hội tụ theo xác suất và phân phối

4.2. Bất đẳng thu7c1Markov, Chebyshev

4.2.1. Bất đẳng thức Markov

4.2.2. Bất đẳng thức Chebyshev

4.3. Luật số lớn

4.4. Định lý giới hạn trung tâm

4.5. Liên hệ giữa các phân phối xác suất

4.5.1. Liên hệ giữa các phân phối xác suất

4.5.2. Liên hệ giữa siêu bội và nhị thức

4.5.3. Liên hệ giữa nhị thức và Poisson

* + Cho ví dụ cụ thể và hướng dẫn làm bài tập
  + Giảng lý thuyết, thảo luận- tự học, tự nghiên cứu
  + Bài kiểm tra ngắn
  + Cho bài tập về nhà làm

**Buổi 7 (4 tiết) Chương 5 Véctơ ngẫu nhiên**

5.1. Khái niệm Véctơ ngẫu nhiên

5.2. Phân phối xác suất của (X,Y)

5.2.1. (X,Y) là Véctơ ngẫu nhiên rời rạc

5.2.2. (X,Y) là Véctơ ngẫu nhiên lien tục

5.3. Bài tập chương 5

* + Cho ví dụ cụ thể và hướng dẫn làm bài tập
  + Giảng lý thuyết, thảo luận- tự học, tự nghiên cứu
  + Cho bài tập về nhà làm

**Buổi 8 (4 tiết) Chương 6 Lý thuyết mẫu**

6.1. Tổng thể, mẫu

6.2. Mô tả dữ liệu

6.2.1. Phân loại mẫu ngẫu nhiên

6.2.2. Sắp xếp số liệu

6.3. Các đặc trưng của mẫu

6.3.1. Trung bình mẫu

6.3.2. Phương sai mẫu

6.3.3. Phương sai mẫu có hiệu chỉnh

6.4. Phân phối xác suất của trung bình mẫu

6.5. Đại lượng thống kê

* + Cho ví dụ cụ thể và hướng dẫn làm bài tập
  + Giảng lý thuyết, thảo luận- tự học, tự nghiên cứu

Kiểm tra giữa kỳ

**Buổi 9 (4 tiết) Chương 7 Ước lượng tham số+ Chương 8 Kiểm định giả thiết**

7.1. Khái niệm chung

7.2. Ước lượng điểm

7.3. Ước lượng khoảng

7.3.1. Mô tả phương pháp

7.3.2. Ước lượng khoảng cho trung bình

7.3.3. Ước lượng khoảng cho tỷ lệ

8.1. Bài toán kiểm định giả thiết

8.1.1. Giả thiết không, đối thiết

8.1.2. Miền tới hạn

8.1.3. Hai loại sai lầm

8.1.4. Phương pháp chọn miền tới hạn

* + Cho ví dụ cụ thể và hướng dẫn làm bài tập
  + Giảng lý thuyết, thảo luận- tự học, tự nghiên cứu
  + Cho bài tập về nhà làm

**Buổi 10 (4 tiết) Chương 8 Kiểm định giả thiết (tt)+ Chương 9 Tương quan hồi qui**

8.2. Kiểm định giả thiết về trung bình

8.3. Kiểm định giả thiết về tỷ lệ

8.4. So sánh hai giá trị trung bình

8.5. So sánh hai tỷ lệ

9.1. Mở đầu

9.1.1. Số liệu trong phân tích tương quan hồi quy

9.1.2. Biểu đồ tán xạ

9.2. Hệ số tương quan

9.3. Tìm đường thẳng hồi qui

9.4. Sử dụng máy tính cầm tay

* + Cho ví dụ cụ thể và hướng dẫn làm bài tập
  + Giảng lý thuyết, thảo luận- tự học, tự nghiên cứu
  + Cho bài tập về nhà làm

**Buổi 11 (5 tiết) Ôn tập**

Ôn tập lại một số nội dung và làm bài tập

**15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:**

**- Thời gian: Theo lịch thi chung của trường**

**- Hình thức thi: Tự luận (Không được sử dụn tài liệu)**

***Bình Thuận, ngày tháng năm 2015***

**`Trưởng khoa**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: Thuế Mã học phần: 22010**

**2. Khoa phụ trách: Kế toán – Kiểm toán**

**3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**

**3.1 Họ và tên: Ngô Bình Chung**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Kế toán – Kiểm toán
* ĐT: 0913.631.568 email: binhchungpt@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán

**3.2 Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Kế toán – Kiểm toán
* ĐT: 0908.363.434 email: hhanh1971@yahoo.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán

**4. Số tín chỉ: 3**

**5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết**

* Lên lớp: 45 tiết
* Tự học: 45 tiết

**6. Học phần tiên quyết:** Luật kinh tế

**7. Mục tiêu của học phần:**

* **Về Kiến thức:**
* Mô tả những vấn đề chung về thuế.
* Phân biệt và trình bày được các nội dung cơ bản như người nộp thuế, đối tượng chịu thuế, căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế, nộp thuế…, trong từng sắc thuế
* Vận dụng kiến thức đã học để xử lý các tình huống về thuế và đồng thời làm cơ sở để tiếp tục học tập các môn nghiệp vụ ngành và vận dụng chúng vào thực tế công tác chuyên môn.
* Nắm vững các quy phạm pháp luật và cập nhật được các chính sách thuế thay đổi, hiểu được những nội dung thay đổi và vận dụng nó cho từng thời gian cụ thể mà chính sách thuế có hiệu lực.
* **Về kỹ năng**
* Đọc hiểu và ứng dụng các sắc thuế (thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp) trong việc xử lý tình huống thuế và tiếp cận kê khai thuế.
* Thành thạo kỹ năng tính toán số tiền thuế phải nộp cho ngân sách nhà nước của từng sắc thuế.
* Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và cập nhật thường xuyên các chính sách thuế thay đổi.
* **Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm**
* Kỳ vọng sinh viên sau khi học xong học phần này áp dụng thành thạo các cách tính thuế trong từng trường hợp cụ thể và hiểu đúng bản chất nội dung thuế. Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu và cập nhật chính sách thuế thường xuyên. Có đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự tin khi ra trường tìm việc làm tại các doanh nghiệp hoặc các tổ chức tư vấn thuế.

**8. Chuẩn đầu ra học phần:** Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

* **Kiến thức**

1. Hiểu và giải thích khái niệm, đặc điểm, chức năng và vai trò của thuế
2. Trình bày các yếu tố cấu thành một sắc thuế.
3. Hiểu và phân biệt hệ thống thuế Việt Nam
4. Nắm vững các khái niệm, bản chất, đặc điểm, mục đích của từng sắc thuế
5. Trình bày và phân biệt được người nộp thuế, đối tượng chịu thuế và căn cứ tính thuế của từng sắc thuế
6. Nắm vững các phương pháp tính thuế theo từng loại thuế
7. Áp dụng các chính sách miễn, giảm thuế và ưu đãi thuế cho từng trường hợp cụ thể

* **Kỹ năng**

1. Hiểu đúng bản chất của các thông tư thuế và vận dụng xử lý được các tình huống thuế theo từng nội dung phù hợp cho từng thời gian cụ thể mà các thông tư có hiệu lực
2. Tính thuế và ứng dụng được ngay các phương pháp tính thuế trong từng trường hợp cụ thể.
3. Biết tư duy và xử lý các tình huống thuế
4. Tự nghiên cứu và cập nhật các chính sách thuế.
5. Biết tranh luận và trình bày quan điểm của mình khi thuyết trình và trao đổi nhóm.

* **Thái độ**

1. Có ý thức chấp hành pháp luật
2. Có đạo đức nghề nghiệp
3. Có tác phong làm việc tích cực và biết hợp tác, làm việc theo nhóm

**9. Nội dung học phần:**

**9.1. Tóm tắt nội dung học phần:**

Môn Thuế thuộc môn chuyên ngành kế toán thực hành trong chương trình đào tạo của ngành Tài chính - Kế toán. Môn học này nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về các sắc thuế quan trọng như thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp thông qua việc tìm hiểu các khái niệm, đặc điểm, mục đích, người nộp thuế, đối tượng chịu thuế, căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế và các ưu đãi về thuế. Sau khi học xong môn này, sinh viên sẽ vận dụng những kiến thức đã được trang bị để xử lý các tình huống liên quan về thuế và tính toán được các khoản tiền thuế phải nộp ngân sách nhà nước cho từng loại sắc thuế. Đây chính là kiến thức nền tảng của một kế toán thuế và đồng thời giúp sinh viên tiếp cận môn mô phỏng kế toán doanh nghiệp 2 (khai báo thuế).

**9.2. Nội dung học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chương** | **Mục, tiểu mục** | **Số tiết** | | | | **TL TH** | **CĐR** |
| **TC** | **LT** | **BT** | **TH** |
| 1 | **Chương I: TỔNG QUAN VỀ THUẾ** | * 1. Khái niệm, đặc điểm, chức năng, vai trò của thuế      1. Khái niệm, đặc điểm, phân biệt thuế với phí, lệ phí.      2. Chức năng, vai trò của thuế   2. Phân loại thuế và các yếu tố cấu thành một sắc thuế   1.2.1. Phân loại thuế  1.2.2. Các yếu tố cấu thành một sắc thuế   * 1. Hệ thống thuế Việt Nam | **3** | **3** |  |  |  | **1**  **2**  **3** |
| 2 | **Chương II: THUẾ XUẤT KHẨU - THUẾ NHẬP KHẨU** | 2.1. Tổng quan về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.  2.1.1. Khái niệm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.  2.1.2. Đặc điểm, mục đích của thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu  2.2. Nội dung cơ bản của thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu  2.2.1. Đối tượng chịu thuế  2.2.2. Đối tượng không chịu thuế  2.2.3. Người nộp thuế  2.2.4. Phương pháp tính thuế  2.2.5. Miễn thuế, giảm thuế  2.2.6. Hoàn thuế | **6** | **6** |  |  |  | **4**  **5**  **6**  **7** |
| 3 | **Chương III: THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT** | 3.1. Khái niệm và mục đích thuế Tiêu thụ đặc biệt.  3.1.1. Khái niệm.  3.1.2. Mục đích của thuế Tiêu thụ đặc biệt.  3.2. Nội dung cơ bản của thuế Tiêu thụ đặc biệt.  3.2.1. Đối tượng chịu thuế  3.2.2. Đối tượng không chịu thuế  3.2.3. Người nộp thuế  3.2.4. Phương pháp tính thuế  3.2.5. Hoàn thuế, khấu trừ, giảm thuế. | **6** | **6** |  |  |  | **4**  **5**  **6**  **7**  **12**  **15** |
| 4 | **Chương IV: HOÁ ĐƠN (Thuyết trình)** | 4.1. Đối tượng áp dụng  4.2. Loại và hình thức hoá đơn  4.2.1. Các loại hoá đơn.  4.2.2. Hình thức hoá đơn.  4.3. Nội dung trên hoá đơn  4.3.1. Nội dung bắt buộc trên hoá đơn.  4.3.2. Nội dung không bắt buộc trên hoá đơn.  4.3.3. Một số trường hợp hoá đơn không nhất thiết có đầy đủ các nội dung bắt buộc.  4.4. Tạo và phát hành hoá đơn  4.4.1. Tạo hoá đơn tự in.  4.4.2. Tạo hoá đơn đặt in.  4.4.3. Tạo hoá đơn điện tử.  4.5. Phát hành hoá đơn của tổ chức kinh doanh.  4.6. Sử dụng hoá đơn  4.6.1. Lập hoá đơn.  4.6.2. Xử lý hoá đơn đã lập.  4.6.3. Sử dụng hoá đơn bất hợp pháp  4.6.4. Sử dụng bất hợp pháp hoá đơn  4.6.5. Xử lý mất, cháy, hỏng hoá đơn.  4.7. Quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong quản lý, sử dụng hoá đơn  4.7.1. Báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn  4.7.2. Huỷ hoá đơn. | **3** | **3** |  |  |  | **4**  **5**  **6**  **7**  **9**  **13**  **14** |
| 5 | **Chương V: THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG** | 5.1. Tổng quan về thuế Giá trị gia tăng.  5.1.1. Khái niệm.  5.1.2. Đặc điểm, mục đích.  5.2. Nội dung cơ bản của thuế Giá trị gia tăng.  5.2.1. Đối tượng chịu thuế  5.2.2. Đối tượng không chịu thuế  5.2.3. Người nộp thuế  5.2.4. Phương pháp tính thuế  5.2.5. Khấu trừ và hoàn thuế GTGT | **6** | **6** |  |  |  | **4**  **5**  **6**  **7**  **9**  **10**  **15** |
| **6** | **Chương VI: THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN** | 6.1. Tổng quan về thuế Thu nhập cá nhân.  6.1.1. Khái niệm.  6.1.2. Đặc điểm, mục đích của thuế TNCN.  6.2. Nội dung cơ bản của thuế Thu nhập cá nhân.  6.2.1. Người nộp thuế  6.2.2. Thu nhập chịu thuế TNCN  6.2.3. Thu nhập được miễn thuế.  6.2.4. Giảm thuế.  6.2.5. Kỳ tính thuế.  6.2.6. Căn cứ và phương pháp tính thuế đối với cá nhân cư trú.  6.2.7. Căn cứ và phương pháp tính thuế đối với cá nhân không cư trú.  6.2.8. Hoàn thuế TNCN. | **3** | **3** |  |  |  | **4**  **5**  **6**  **7**  **11**  **12**  **13** |
| 7 | **Chương VII: THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** | 7.1. Tổng quan về thuế Thu nhập doanh nghiệp.  7.1.1. Khái niệm.  7.1.2. Đặc điểm, mục đích.  7.2. Nội dung cơ bản của thuế Thu nhập doanh nghiệp.  7.2.1. Người nộp thuế.  7.2.2. Thu nhập chịu thuế.  7.2.3. Kỳ tính thuế.  7.2.4. Phương pháp tính thuế.  7.2.5. Xác định lỗ và kết chuyển lỗ.  7.2.6. Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ.  7.2.7. Thuế suất thuế TNDN.  7.3. Thuế thu nhập doanh nghiệp của các hoạt động khác.  7.3.1. Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán.  7.3.2. Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản.  7.4. Ưu đãi và giảm thuế thuế thu nhập doanh nghiệp | **9** | **9** |  |  |  | **4**  **5**  **6**  **7**  **8**  **9**  **11**  **12** |

**10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:**

1. Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
2. Tham dự tối thiểu 70% thời gian lên lớp
3. Tuyệt đối không được làm việc riêng trong giờ học
4. Đọc tài liệu trước mỗi buổi học
5. **Phương pháp đánh giá học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần** | **Công cụ đánh giá** | **Tỷ trọng trong thành phần** | **Tỉ trọng trong học phần** | **Thời điểm đánh giá** |
| Quá trình | - Điểm danh  - Kiểm tra nhanh  - Bài tập về nhà (làm nhóm)  - Tham gia thảo luận, làm bài tập trên lớp  - Thuyết trình hoặc bài tập lớn | 20%  20%  20%  20%  20%  100% | 10% | - 15’ đầu giờ của mỗi buổi  - Kiểm tra 5 bài |
| Giữa kỳ | - Thi trắc nghiệm, câu điền khuyết và tự luận  - Đề thi mở |  | 30% | - Sau buổi học thứ 8 |
| Cuối kỳ | - Thi trắc nghiệm, câu điền khuyết và tự luận  - Đề thi mở |  | 60% | - Theo lịch của khoa. |
| Cộng | | | 100%  (10/10) |  |

**12. Học liệu**

**12.1.Tài liệu chính:**

1. Tài liệu giảng dạy “Thuế” do giảng viên khoa TCKT biên soạn của trường ĐH , lưu hành nội bộ năm 2017.
2. Giáo trình Thuế I của Khoa Tài chính Công, trường ĐH Kinh tế TP.HCM; NXB Kinh tế TP.HCM của tác giả TS. Lê Quang Cường, TS. Nguyễn Kim Quyến; Năm xuất bản 2015.
   1. **Tài liệu tham khảo:**
3. Sách bài tập thuế của Tác giả: TS. Nguyễn Kim Quyến, TS. Lê Quang Cường, ThS. Đặng Thị Bạch Vân; của nhà xuất bản kinh tế TP.HCM; Năm 2015.
4. Các Thông thư của các luật thuế.
5. Tạp chí Tài chính;
6. Tạp chí Thuế.

**12.3. Tư liệu trực tuyến:**

Những website mà SV có thể tìm tư liệu học tập:

1. Bộ tài chính: [www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn/),
2. Tổng cục thuế: [www.gdt.gov.vn](http://www.gdt.gov.vn/),
3. Cục thuế TP.HCM: [www.hcmtax.gov.vn](http://www.hcmtax.gov.vn),

**13. Tổ chức giảng dạy và học tập**

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

**14. Kế hoạch giảng dạy: (mô tả cụ thể từ buổi 1 đến buổi cuối cùng, mỗi buổi 4 tiết trên lớp, tối thiểu 12 tiết tự học)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi/**  **tiết** | **Nội dung dạy – học** | **Hình thức**  **dạy – học** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của SV** |
| 1 (3t) | Chương 1 Mục 1.1, 1.2, | - Thuyết giảng.  - Đọc tài liệu, thảo luận nhóm | - Giới thiệu môn học  - Thuyết giảng nội dung bài học  - Trao đổi, trả lời thắc mắc và thảo luận cùng sinh viên | - SV trả lời các câu hỏi của GV  - Thảo luận cùng với các bạn và giảng viên  - Đọc giáo trình “Thuế I” và tài liệu bài giảng chương tổng quan thuế. |
| 2 (3t) | Chương 2 Mục 2.1; 2.2 | - GV thuyết giảng,  - Hỏi – đáp trực tiếp trên lớp.  - SV thảo luận | - Trao đổi, thảo luận cùng sinh viên  - Vấn đáp  - Đưa ra một số tình huống để SV xử lý | - SV đọc giáo trình “Thuế I” và tài liệu bài giảng chương thuế XNK  - Từng cá nhân trả lời vấn đáp  - SV làm bài tập về nhà |
| 3 (3t) | Chương 2  (tt) | - Kiểm tra nhanh chương 2  - Sửa bài tập về nhà | - GV sửa bài tập về nhà cho SV | - Làm kiểm tra nhanh chương 2  - Làm bài tập 2 trang 9; bài 3 trang10 của thuế xuất nhập khẩu. |
| 4 (3t) | Chương 3  Mục 3.1; 3.2 | - Thuyết giảng chương 3  - Hỏi – đáp trực tiếp trên lớp.  - SV thảo luận | - GV thuyết giảng  - Cho sinh viên thảo luận và làm bài tập trên lớp | - Đọc giáo trình “Thuế I” và tài liệu bài giảng chương thuế TTĐB  - Từng cá nhân trả lời vấn đáp  - Thảo luận và làm bài tập về nhà theo từng nhóm: bài 5 trang 14; bài 7 trang 15; bài 8/16; bài 9 trang 17 của thuế TTĐB |
| 5 (3t) | Chương 3 (tt) | - Kiểm tra nhanh chương 3  - Sửa bài tập về nhà | - Hệ thống nội dung chính của chương 3  - Sửa bài tập chương 3  - Trả lời thắc mắc cho sinh viên | - SV làm bài kiểm tra nhanh  - SV lên bảng làm bài tập chương 3. |
| 6 (3t) | Chương 4 | Thuyết trình | - Chỉnh sửa nội dung thuyết trình cho từng nhóm. | - SV trình bày bài thuyết trình của nhóm.  - Trả lời câu hỏi của GV về nội dung liên quan. |
| 7 (3t) | Chương 5  Mục 5.1; 5.2 | - Kiểm tra nhanh chương 4  - Thuyết giảng  - Hỏi - đáp | - GV thuyết giảng và giải thích các nội dung chương 5.  - Đặt câu hỏi và đưa ra một số tình huống thực tế để sinh viên trao đổi, thảo luận. | - Làm bài kiểm tra nhanh  - Đọc đọc giáo trình “Thuế I” và tài liệu bài giảng chương thuế GTGT  - Trả lời, thảo luận các bài tập tình huống |
| 8 (3t) | Chương 5 (tt)  Mục 5.2 | - Thuyết giảng  - Hỏi - đáp | - GV thuyết giảng và giải thích các nội dung chương 5.  - Đặt câu hỏi và đưa ra một số tình huống thực tế để sinh viên trao đổi, thảo luận. | - Đọc giáo trình “Thuế I” và tài liệu bài giảng chương thuế GTGT  - Trả lời, thảo luận và làm các bài tập về nhà theo nhóm: bài 14 trang 25; bài 15 trang 26; bài 17 trang 29; bài 18 trang 31; bài 19 trang 34 của thuế GTGT |
| 9 (3t) | Chương 5  (tt) | - Kiểm tra nhanh chương 5  - Sửa bài tập về nhà | - Hệ thống nội dung chính của chương 5  - Sửa bài tập chương 5  - Trả lời thắc mắc cho sinh viên | - SV làm bài kiểm tra nhanh  - SV lên bảng làm bài tập chương 5. |
| 10 (3t) | Chương 6  Mục 6.1; 6.2 | - Thuyết giảng  - Hỏi - đáp | - GV thuyết giảng và giải thích các nội dung chương 6.  - Đặt câu hỏi và đưa ra một số tình huống thực tế để sinh viên trao đổi, thảo luận. | - Đọc giáo trình “Thuế I” và tài liệu bài giảng chương thuế TNCN  - Trả lời, thảo luận các bài tập tình huống  - Làm bài tập về nhà theo nhóm: bài 43 đến bài 46 trang 85 của thuế TNCN. |
| 11 (3t) | Chương 6  (tt) | - Kiểm tra nhanh  - Sửa bài tập ở nhà và bài tập tình huống | - Hệ thống lại những ý chính của chương 6  - Sửa bài tập ở nhà và bài tập tình huống trên lớp | - Kiểm tra nhanh  - Lên bảng làm bài tập  - Trao đổi nhóm để xử lý tình huống thuế. |
| 12 (3t) | Chương 7  Mục 7.1; 7.2 | - Thuyết giảng  - Hỏi - đáp | - GV thuyết giảng và giải thích các nội dung chương 7.  - Đặt câu hỏi và đưa ra một số tình huống thực tế để sinh viên trao đổi, thảo luận. | - Đọc giáo trình “Thuế I” và tài liệu bài giảng chương thuế TNDN  - Trả lời, thảo luận các bài tập tình huống |
| 13 (3t) | Chương 7 (tt)  Mục 7.2; 7.3; 7.4 | - Thuyết giảng  - Hỏi - đáp | - GV thuyết giảng và giải thích các nội dung chương 7.  - Đặt câu hỏi và đưa ra một số tình huống thực tế để sinh viên trao đổi, thảo luận. | - Đọc giáo trình “Thuế I” và tài liệu bài giảng chương thuế TNDN.  - Trả lời, thảo luận các bài tập tình huống  - Làm bài tập ở nhà theo nhóm:  + Từ bài 22 đến bài 36 trang 41.  + Bài 38; bài 39 trang 75 |
| 14 (3t) | Chương 7  (tt) | - Kiểm tra nhanh  - Sửa bài tập ở nhà và bài tập tình huống | - Hệ thống những ý chính của nội dung chương 7  - Sửa bài tập ở nhà | - Lên bảng làm bài tập  - Trao đổi nhóm để xử lý tình huống thuế. |
| 15 (3t) |  | Ôn tập các chương | - GV ôn tập và sửa bài tập tổng hợp  - Trả lời thắc mắc. | SV làm bài tập |

**15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:**

* **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
* **Hình thức thi:** tự luận, trắc nghiệm (không được sử dụng tài liệu)

***Bình Thuận, ngày tháng năm***

**Trưởng khoa**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: KẾ TOÁN

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: THUẾ ỨNG DỤNG - Mã học phần : 10138**

**2. Khoa phụ trách: Kế toán – Kiểm toán**

**3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**

**3.1 Họ và tên: Đỗ Văn Tứ**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Kế toán – Kiểm toán
* ĐT:0967.676.696 email: dovantu.vn2010@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán

**3.2. Họ và tên: Nguyễn Thị Toàn**

* Chức danh, học hàm, học vị:
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Kế toán – Kiểm toán
* ĐT: 01656.174.097 email:nttoan@upt.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán

**4. Số tín chỉ: 2**

**5. Phân bổ thời gian (tiết): 30 tiết**

* Lên lớp: 30 tiết
* Tự học: 90 tiết

**6. Học phần tiên quyết: Thuế, Nguyên lý kế toán, Tin học căn bản**

**7. Mục tiêu của học phần:**

* **Về kiến thức:** Học phần này mong muốn sinh viên:
* Biết những quy định pháp luật về đăng ký, kê khai, điều chỉnh, quyết toán và hoàn thuế của một số sắc thuế quan trọng.
* Hiểu và phân tích được quy trình quản lý, kiểm soát xử lý hóa đơn
* Phân tích và áp dụng được các kỹ thuật, trình tự khi kê khai, quyết toán thuế.
* **Về kỹ năng**: Học phần này kỳ vọng sinh viên đạt được các kỹ năng:
* Vận dụng kiến thức để kê khai quyết toán một số sắc thuế quan trọng.
* Tìm kiếm và lựa chọn kiến thức để tự giải quyết các vấn đề.
* Hợp tác, giao tiếp tốt và có khả năng quản lý nhóm làm việc;
* Lập mục tiêu và kế hoạch thực hiện cho bản thân và cho công việc.
* **Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm**: Học phần này kỳ vọng sinh viên sau khi hoàn thành sẽ có được thái độ yêu thích môn học; hình thành được khả năng tự học, tự nghiên cứu; biết đặt mục tiêu và kế hoạch cho bản thân trong công việc và cuộc sống; có thái độ tích cực, kỷ luật trong công việc để thích nghi trong môi trường tổ chức mới và nâng cao hiệu quả trong công việc.

**8. Chuẩn đầu ra học phần:** Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

***-* Kiến thức:**

1. Mô tả được(1) thủ tục kê khai thuế ban đầu, (2) chính sách hóa đơn chứng từ, (3) các chính sách thuế: thuế môn bài, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Phân tích được (1) quy trình quản lý, kiểm soát xử lý hóa đơn; (2) các kỹ thuật, trình tự kê khai quyết toán thuế.

3. Áp dụng các chính sách thuế, kỹ thuật và trình tự kê khai trong việc kê khai thuế môn bài; kê khai thuế giá trị gia tăng, kê khai, quyết toán thuế thu nhập cá nhân; kê khai, quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp một cách tự tin và đúng theo quy định của Pháp luật về thuế mà không có sai sót xảy ra.

**- Kỹ năng:**

4. Đọc và vận dụng các nguyên tắc, hướng dẫn của các văn bản pháp lý về thuế vào xử lý hóa đơn, chứng từ và kê khai, quyết toán thuế.

5. Quản lý thời gian cá nhân để tự làm việc và hợp tác được với các thành viên trong nhóm.

6. Biết chọn lọc, phân loại tài liệu và vận dụng tài liệu vào học tập.

**- Thái độ:**

7. Có thái độ chủ động, tích cực và nghiêm túc trong việc học tập, nghiên cứu môn học; luôn cố gắng trong việc nắm vững lý thuyết giảng trên lớp, kết hợp với nghiên cứu tài liệu, tham gia thảo luận (theo hướng dẫn của giảng viên) và làm các bài tập cá nhân, bài tập nhóm bắt buộc nhằm vận dụng tốt lý thuyết và rèn luyện các kỹ năng của học phần.

8. Có thái độ tích cực tìm hiểu và vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn.

9. Có tác phong kỷ luật tốt, trung thực trong học tập, thi cử, nghiêm túc tuân thủ các nội quy và yêu cầu mà học phần đặt ra.

**- Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

10. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu.

11. Có khả năng đặt mục tiêu và lập kế hoạch cho bản thân trong công việc và cuộc sống.

12. Có khả năng thích nghi trong môi trường tổ chức mới và nâng cao hiệu quả công việc.

**9. Nội dung học phần:**

**9.1. Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản để thực hiện kê khai, quyết toán một số sắc thuế quan trọng. Trong đó, sinh viên được giới thiệu thủ tục kê khai ban đầu, chính sách hóa đơn chứng từ, các chính sách thuế, quy trình quản lý kiểm soát hóa đơn chứng từ, kỹ thuật và trình tự kê khai, quyết toán thuế… Từ các kiến thức thuế đã được học, sinh viên có thể hệ thống thành các kỹ năng nâng cao hơn như thực hiện xử lý hóa đơn, chứng từ, thuệ hiện kê khai, quyết toán thuế một cách tự tin và đúng theo quy định của Pháp luật về thuế mà không có sai sót xảy ra.

**9.2. Nội dung học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chương** | **Mục, tiểu mục** | **Số tiết** | | | | **TL**  **TH** | **CĐR** |
| **TC** | **LT** | **BT** | **TH** |  |
| 1. | **Thủ Tục Kê Khai Thuế Ban Đầu – Kê Khai Thuế Môn Bài** | * Thủ tục kê khai thuế ban đầu * Kê khai thuế môn bài   + - Đối tượng nộp lệ phí môn bài     - Mức thu lệ phí môn bài     - Thời gian nộp tờ khai lệ phí môn bài và thời gian nộp tiền     - Kê khai thuế môn bài | 4 | 1 |  | 3 | 12 | 1(1)  4  6  7  8  9  10  11  12 |
| 2. | **Kê Khai, Điều Chỉnh Thuế GTGT** | * Đối tượng nộp thuế GTGT * Xác định số thuế GTGT phải nộp   + - Phương pháp trực tiếp     - Phương pháp khấu trừ * Thời gian nộp tờ khai thuế GTGT và nộp tiền   + - Tờ khai tháng     - Tờ Khai quý * Kê khai thuế GTGT   + - Kê khai lần đầu     - Kê khai bổ sung     - Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn | **10** | 3 |  | 7 | 30 | 1(2)  1(3)  2(1)  2(2)  3  4  5  6  7  8  9  10  11  12 |
| 3. | **Kê Khai, Quyết Toán Thuế TNCN** | * Đối tượng nộp thuế TNCN * Thu nhập chịu thuế và thu nhập tính thuế * Xác định số thuế TNCN phải nộp * Thời gian nộp tờ khai thuế TNCN và nộp tiền   + - Tờ khai tháng     - Tờ khai quý * Kê khai thuế TNCN   + - Thủ tục đăng ký MST TNCN     - Thủ tục đăng ký giảm trừ người phụ thuộc     - Kê khai thuế TNCN * Quyết toán thuế TNCN | **8** | 2 |  | 6 | 24 | 1(3)  2(2)  3  4  5  6  7  8  9  10  11  12 |
| 4. | **Kê Khai, Quyết Toán Thuế TNDN** | * Đối tượng nộp thuế TNDN * Thu nhập chịu thuế và thu nhập tính thuế * Xác định số thuế TNDN phải nộp * Thời gian nộp tờ khai thuế TNCN và nộp tiền   + - Tờ khai tháng     - Tờ khai quý * Kê khai thuế TNDN * Quyết toán thuế TNDN | **8** | 2 |  | 6 | 24 | 1(3)  2(2)  3  4  5  6  7  8  9  10  11  12 |

**10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:**

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc đăng ký, kê khai, điều chỉnh, quyết toán và hoàn thuế của một số sắc thuế quan trọng.

* Học phần được giảng dạy trên lớp 8 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
* Phần bài tập được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm , mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào buổi học thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :
* Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, thực hành, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.
* Sinh viên sẽ thực hành các tình huống do giảng viên cung cấp và được mời bất chợt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học.
* Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được ghi nhận cộng vào điểm quá trình).
* Phương pháp giảng dạy ở học phần này là sử dụng bài giảng bằng phương pháp trình chiếu PowerPoint, phần mềm hỗ trợ kê khai thuế, kết hợp với việc tóm tắt, ghi chú và triển khai trên bảng trắng, vì vậy sinh viên sẽ sử dụng bài giảng do giảng viên cung cấp kết hợp với việc tự ghi chép và thực hành thêm.
* Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng phương pháp tự học kết hợp với việc thực hành, thảo luận theo nhóm.
* Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện, không làm việc riêng và để điện thoại ở chế độ im lặng.
* Vào **buổi học thứ 5,** sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20%** tổng số điểm.
* ***Cuối học kỳ***, sinh viên sẽ có một bài thi dài 75 phút hình thức tự luận thực hành trên máy tính.

**11. Phương pháp đánh giá học phần:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Những nội dung**  **cần đánh giá** | **Số lần đánh giá** | **Trọng số (%)** |
| Dự lớp | 10 | 10 |
| Thảo luận | 1 | 5 |
| Bản thu hoạch |  |  |
| Thuyết trình |  |  |
| Bài tập | 1 | 5 |
| Thi giữa học kỳ | 1 | 20 |
| Thi cuối học kỳ | 1 | 60 |
|  |  | **Tổng: 100%** |

* Giảng viên sẽ điểm danh 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 2 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên ***đi học trễ 15 phút*** hoặc không chấp hành đúng quy định của nhà Trường sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm ) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
* **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
* Khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, hoặc (b) không trả lời theo nội dung câu hỏi.
* **Có hành động gian dối**: Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn…) thì sẽ bị điểm 0.

**12. Học liệu**

**12.1.Tài liệu chính:**

Tài liệu Thuế ứng dụng, Khoa Kế toán – Kiểm toán, Trường Đại học Phan Thiết.

* Bài giảng
* Bài tập thực hành

**12.2 Tài liệu tham khảo:**

* Giáo trình Kế toán thuế và báo cáo thuế, TS. Phan Đức Dũng, NXB Thống Kê, năm 2011.
* Bài tập và bài giải Kế toán thuế và báo cáo thuế, TS. Phan Đức Dũng, NXB Thống Kê, năm 2011.
* Giáo trình thuế thực hành, ThS. Nguyễn Thị Mỹ Linh, NXB Thống Kê, năm 2011.
* Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm hỗ trợ kê khai thuế HTKK v3.4.6.
* Các thông tư, nghị quyết, quyết định và các văn bản liên quan đến tài chính kế toán và thuế.

**12.3. Tư liệu trực tuyến:**

* + Bộ tài chính: [http://www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/btc)
  + Tổng cục thuế: [http://gdt.gov.vn](http://gdt.gov.vn/wps/portal)
  + Dự án Thuế thu nhập cá nhân: [https://www.tncnonline.com.vn](https://www.tncnonline.com.vn/Pages/Homepage.aspx)
* **13. Tổ chức giảng dạy và học tập**

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

**14. Kế hoạch giảng dạy : (mô tả cụ thể từ buổi 1 đến buổi cuối cùng, mỗi buổi 4 tiết trên lớp, tối thiểu 12 tiết tự học)**

**BUỔI 1 Thủ Tục Kê Khai Thuế Ban Đầu – Kê Khai Thuế Môn Bài**

* + **Nội dung bài giảng:** Giới thiệu về môn học; Trình bày thủ tục kê khai thuế ban đầu; Trình bày và hướng dẫn kê khai thuế môn bài: Đối tượng nộp lệ phí môn bài, Mức thu lệ phí môn bài, Thời gian nộp tờ khai lệ phí môn bài và thời gian nộp tiền, Kê khai thuế môn bài.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn thực hành.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên mô tả được thủ tục kê khai thuế ban đầu và các chính sách thuế môn bài; thực hiện được việc kê khai thuế môn bài một cách tự tin và đúng theo quy định của Pháp luật về thuế mà không có sai sót xảy ra; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 1 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**BUỔI 2 Kê Khai, Điều Chỉnh Thuế GTGT**

* + **Nội dung bài giảng:** Ôn tập nội dung bài giảng buổi 1; Trình bày chính sách thuế GTGT: Đối tượng nộp thuế GTGT, Xác định số thuế GTGT phải nộp (Phương pháp trực tiếp, Phương pháp khấu trừ), Thời gian nộp tờ khai thuế GTGT và nộp tiền (Tờ khai tháng, Tờ Khai quý), Trình bày và hướng dẫn thực hành Kê khai lần đầu thuế GTGT.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn thực hành.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên mô tả được các chính sách thuế giá trị gia tăng và chính sách hóa đơn chứng từ; phân tích được quy trình quản lý, kiểm soát xử lý hóa đơn, các kỹ thuật và trình tự kê khai thuế giá trị gia tăng; thực hiện được việc kê khai thuế giá trị gia tăng một cách tự tin và đúng theo quy định của Pháp luật về thuế mà không có sai sót xảy ra; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 2 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**BUỔI 3 Kê Khai, Điều Chỉnh Thuế GTGT**

* + **Nội dung bài giảng:** Ôn tập nội dung bài giảng buổi 2; Trình bày và hướng dẫn thực hành kê khai bổ sung thuế GTGT.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn thực hành.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên mô tả được các chính sách thuế giá trị gia tăng và chính sách hóa đơn chứng từ; phân tích được quy trình quản lý, kiểm soát xử lý hóa đơn, các kỹ thuật và trình tự kê khai thuế giá trị gia tăng; thực hiện được việc kê khai thuế giá trị gia tăng một cách tự tin và đúng theo quy định của Pháp luật về thuế mà không có sai sót xảy ra; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 2 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**BUỔI 4 Kê Khai, Điều Chỉnh Thuế GTGT – Kê Khai, Quyết Toán Thuế TNCN**

* + **Nội dung bài giảng:** Ôn tập nội dung bài giảng buổi 3; Trình bày và hướng dẫn thực hành báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn, Trình bày chính sách thuế TNCN: Đối tượng nộp thuế TNCN, Thu nhập chịu thuế và thu nhập tính thuế , Xác định số thuế TNCN phải nộp, Thời gian nộp tờ khai thuế TNCN và nộp.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn thực hành.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên mô tả được các chính sách thuế TNCN; phân tích được các kỹ thuật và trình tự kê khai thuế thu nhập cá nhân; thực hiện được việc kê khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân một cách tự tin và đúng theo quy định của Pháp luật về thuế mà không có sai sót xảy ra; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 3 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**BUỔI 5 Kê Khai, Quyết Toán Thuế TNCN**

* + **Nội dung bài giảng:** Kiểm tra giữa kỳ; Ôn tập nội dung bài giảng buổi 4; Trình bày và hướng dẫn kê khai thuế TNCN: Thủ tục đăng ký MST TNCN, Thủ tục đăng ký giảm trừ gia cảnh, kê khai thuế TNCN.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn thực hành.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên mô tả được các chính sách thuế TNCN; phân tích được các kỹ thuật và trình tự kê khai thuế thu nhập cá nhân; thực hiện được việc kê khai thuế thu nhập cá nhân một cách tự tin và đúng theo quy định của Pháp luật về thuế mà không có sai sót xảy ra; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 3 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**BUỔI 6 Kê Khai, Quyết Toán Thuế TNCN - Kê Khai, Quyết Toán Thuế TNDN**

* + **Nội dung bài giảng:** Trình bày và hướng dẫn thực hành quyết toán thuế TNCN; Trình bày chính sách thuế TNDN: Đối tượng nộp thuế TNDN, Thu nhập chịu thuế và thu nhập tính thuế.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn thực hành.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên phân tích được các kỹ thuật và trình tự quyết toán thuế thu nhập cá nhân; thực hiện được việc quyết toán thuế thu nhập cá nhân một cách tự tin và đúng theo quy định của Pháp luật về thuế mà không có sai sót xảy ra; mô tả được các chính sách thuế TNDN; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 3, Chương 4 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**BUỔI 7 Kê Khai, Quyết Toán Thuế TNDN**

* + **Nội dung bài giảng:** Ôn tập nội dung bài giảng buổi 6; Trình bày chính sách thuế TNDN: Xác định số thuế TNDN phải nộp, Thời gian nộp tờ khai thuế TNCN và nộp tiền; Trình bày và hướng dẫn thực hành kê khai thuế TNDN.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn thực hành.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên mô tả được các chính sách thuế TNDN; phân tích được các kỹ thuật và trình tự kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp; thực hiện được việc kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp một cách tự tin và đúng theo quy định của Pháp luật về thuế mà không có sai sót xảy ra; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 4 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**BUỔI 8 Kê Khai, Quyết Toán Thuế TNDN**

* + **Nội dung bài giảng:** Ôn tập nội dung bài giảng buổi 7; Trình bày và hướng dẫn thực hành quyết toán thuế TNDN.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn thực hành.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên phân tích được các kỹ thuật và trình tự quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp; thực hiện được việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp một cách tự tin và đúng theo quy định của Pháp luật về thuế mà không có sai sót xảy ra; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 4 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:**

* **Thời gian: Theo lịch thi chung của trường**
* **Hình thức thi:** Thi tự luận trong thời gian 75 phút, không sử dụng tài liệu.

***Bình Thuận, ngày tháng năm***

**Trưởng khoa**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: KẾ TOÁN

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: TIN HỌC KẾ TOÁN 1 - Mã học phần : 10215**

**2. Khoa phụ trách: Kế toán – Kiểm toán**

**3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**

**3.1 Họ và tên: Đào Tuyết Lan**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Kế toán – Kiểm toán
* ĐT: 0989.002.001 email: daotuyetlan.07@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán

**3.2. Họ và tên: Nguyễn Thị Tường Quyên**

* Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Kế toán – Kiểm toán
* ĐT: 0622.461.370 email: nttquyen@upt.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán

**4. Số tín chỉ: 3**

**5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết**

* Lên lớp: 45 tiết
* Tự học: 135 tiết

**6. Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán, Tin học căn bản, Kế toán tài chính 1, Kế toán tài chính 2.**

**7. Mục tiêu của học phần:**

* **Về kiến thức:** Học phần này mong muốn sinh viên:
* Ứng dụng tổ chức cơ sở dữ liệu kế toán cho một doanh nghiệp: tổ chức tập tin dữ liệu, tổ chức bảng tính và hiểu được mối quan hệ cơ sở dữ liệu.
* Vận dụng các hàm cơ bản trong Excel truy xuất thông tin kế toán để thiết lập các sổ nhật ký: nhật ký thu, chi, mua, bán và nhật ký chung; các sổ chi tiết và sổ cái; bảng cân đối tài khoản và bảng tổng hợp chi tiết; báo cáo tài chính: bảng cân đối kế toán, kết quả kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ.
* **Về kỹ năng**: Học phần này kỳ vọng sinh viên đạt được các kỹ năng:
* Vận dụng kiến thức để hoàn thành chu kỳ kế toán thông qua phần mềm excel.
* Tìm kiếm và lựa chọn kiến thức để tự giải quyết các vấn đề.
* Hợp tác, giao tiếp tốt và có khả năng quản lý nhóm làm việc;
* Lập mục tiêu và kế hoạch thực hiện cho bản thân và cho công việc.
* **Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm**: Học phần này kỳ vọng sinh viên sau khi hoàn thành sẽ có được thái độ yêu thích môn học; hình thành được khả năng tự học, tự nghiên cứu; biết đặt mục tiêu và kế hoạch cho bản thân trong công việc và cuộc sống; có thái độ tích cực, kỷ luật trong công việc để thích nghi trong môi trường tổ chức mới và nâng cao hiệu quả trong công việc.

**8. Chuẩn đầu ra học phần:** Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

***-* Kiến thức:**

1. Mô tả được **(1)** một số tháo tác về bảng tính và một số hàm thường dùng trong Excel vào công tác kế toán, **(2)** các vấn đề cơ bản về việc tổ chức cơ sở dữ liệu

2. Sử dụng được một số tháo tác về bảng tính và một số hàm thường dùng trong Excel vào công tác kế toán

3. Áp dụng được các thao tác về bảng tính và một số hàm thường dùng trong Excel vào việc **(1)** tổ chức cơ sở dữ liệu kế toán, **(2)** lập sổ nhật ký (nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền, nhật ký mua hàng, nhật ký bán hàng, nhật ký chung), **(3)** lập sổ chi tiết và sổ cái (sổ chi tiết công nợ phải thu, phải trả, sổ chi tiết hàng tồn kho, sổ quỹ tiền mặt, sổ tiền gửi ngân hàng, sổ chi phí sản xuất kinh doanh, sổ bảng tính giá thành, sổ cái tài khoản chi tiết, sổ cái tài khoản tổng hợp), **(4)** lập bảng cân đối tài khoản và bảng tổng hợp chi tiết (bảng tổng hợp chi tiết công nợ, bảng tổng hợp hàng tổn kho, bảng cân đối tài khoản cấp 1, cấp 3), **(5)** lập báo cáo tài chính (bảng cân đối kế toán, bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ).

**- Kỹ năng:**

4. Đọc và vận dụng các nguyên tắc, hướng dẫn của các văn bản pháp lý về kế toán, các kiến thức về excel vào việc thực hành kế toán trên phần mềm excel.

5. Quản lý thời gian cá nhân để tự làm việc và hợp tác được với các thành viên trong nhóm.

6. Biết chọn lọc, phân loại tài liệu và vận dụng tài liệu vào học tập.

**- Thái độ:**

7. Có thái độ chủ động, tích cực và nghiêm túc trong việc học tập, nghiên cứu môn học; luôn cố gắng trong việc nắm vững lý thuyết giảng trên lớp, kết hợp với nghiên cứu tài liệu, tham gia thảo luận (theo hướng dẫn của giảng viên) và làm các bài tập cá nhân, bài tập nhóm bắt buộc nhằm vận dụng tốt lý thuyết và rèn luyện các kỹ năng của học phần.

8. Có thái độ tích cực tìm hiểu và vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn.

9. Có tác phong kỷ luật tốt, trung thực trong học tập, thi cử, nghiêm túc tuân thủ các nội quy và yêu cầu mà học phần đặt ra.

**- Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

10. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu.

11. Có khả năng đặt mục tiêu và lập kế hoạch cho bản thân trong công việc và cuộc sống.

12. Có khả năng thích nghi trong môi trường tổ chức mới và nâng cao hiệu quả công việc.

**9. Nội dung học phần:**

**9.1. Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản để thực hiện các phần hành kế toán với việc sử dụng phần mềm excel. Trong đó, sinh viên được giới thiệu một số tháo tác về bảng tính và một số hàm thường dùng trong Excel vào công tác kế toán, các vấn đề cơ bản về việc tổ chức cơ sở dữ liệu, sổ nhật ký, các sổ chi tiết và sổ cái, bảng cân đối tài khoản và bảng tổng hợp chi tiết, báo cáo tài chính… Từ các kiến thức thuế đã được học, sinh viên có thể hệ thống thành các kỹ năng nâng cao hơn như thực hiện xử lý hóa đơn, chứng từ, thực hiện một chu kỳ kế toán hoàn chỉnh với việc sử dụng phần mềm excel.

**9.2. Nội dung học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chương** | **Mục, tiểu mục** | **Số tiết** | | | | **TL**  **TH** | **CĐR** |
| **TC** | **LT** | **BT** | **TH** |  |
| 1. | **Tổ Chức Cơ Sở Dữ Liệu** | * Một số tháo tác về bảng tính và một số hàm thường dùng trong Excel vào công tác kế toán   + - Kiểu dữ liệu     - Địa chỉ     - Các hàm thông dụng sử dụng vào xử lý thông tin kế toán * Tổ chức cơ sở dữ liệu   + - Tổ chức tập tin     - Tổ chức bảng tính     - Tham chiếu địa chỉ gián tiếp     - Hướng dẫn mở tài khoản và số dư đầu kỳ     - Hướng dẫn định khoản kế toán trên Excel     - Tính giá thành sản phẩm     - Xác định kết quả kinh doanh trên From dữ liệu ban đầu | 9 | 3 |  | 6 | 27 | 1(1)  1(2)  2  3(1)  4  6  7  8  9  10  11  12 |
| 2. | **Lập Sổ Nhật Ký** | * Lập nhật ký thu tiền * Lập nhật ký chi tiền * Lập nhật ký mua hàng * Lập nhật ký bán hàng * Lập nhật ký chung   + - Tạo một cấu trúc sổ     - Truy xuất dữ liệu | **9** | 3 |  | 6 | 27 | 3 (2)  4  5  6  7  8  9  10  11  12 |
| 3. | **Lập Sổ Chi Tiết Và Sổ Cái** | * Lập sổ chi tiết công nợ phải thu, phải trả * Lập sổ chi tiết hàng tồn kho * Lập sổ quỹ tiền mặt * Lập sổ tiền gửi ngân hàng * Lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh * Lập bảng tính giá thành sản phẩm * Lập sổ cái tài khoản chi tiết, sổ cái tài khoản tổng hợp   + - Tạo một cấu trúc sổ     - Truy xuất dữ liệu | **9** | 3 |  | 6 | 27 | 3(3)  4  5  6  7  8  9  10  11  12 |
| 4. | **Lập Bảng Cân Đối Tài Khoản Và Bảng Tổng Hợp Chi Tiết** | * Lập bảng tổng hợp chi tiết công nợ * Lập bảng tổng hợp hàng tồn kho * Lập bảng cân đối tài khoản cấp 1, cấp 3   + - Tạo một cấu trúc sổ     - Truy xuất dữ liệu | **9** | 3 |  | 6 | 27 | 3(4)  4  5  6  7  8  9  10  11  12 |
| 5. | **Lập Báo Cáo Tài Chính** | * Lập bảng cân đối kế toán * Lập bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh * Lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ   + - Tạo một cấu trúc sổ     - Truy xuất dữ liệu | **9** | 3 |  | 6 | 27 | 3(5)  4  5  6  7  8  9  10  11  12 |

**10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:**

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc thực hành các phần hành kế toán bằng phần mềm excel.

* Học phần được giảng dạy trên lớp 11 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
* Phần bài tập được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm , mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào buổi học thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :
* Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, thực hành, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.
* Sinh viên sẽ thực hành các tình huống do giảng viên cung cấp và được mời bất chợt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học.
* Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được ghi nhận cộng vào điểm quá trình).
* Phương pháp giảng dạy ở học phần này là sử dụng bài giảng bằng phương pháp trình chiếu PowerPoint, phần mềm excel, kết hợp với việc tóm tắt, ghi chú và triển khai trên bảng trắng, vì vậy sinh viên sẽ sử dụng bài giảng do giảng viên cung cấp kết hợp với việc tự ghi chép và thực hành thêm.
* Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng phương pháp tự học kết hợp với việc thực hành, thảo luận theo nhóm.
* Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện, không làm việc riêng và để điện thoại ở chế độ im lặng.
* Vào **buổi học thứ 8,** sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20%** tổng số điểm.
* ***Cuối học kỳ***, sinh viên sẽ có một bài thi dài 75 phút hình thức tự luận thực hành trên máy tính.

**11. Phương pháp đánh giá học phần:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Những nội dung**  **cần đánh giá** | **Số lần đánh giá** | **Trọng số (%)** |
| Dự lớp | 10 | 10 |
| Thảo luận | 1 | 5 |
| Bản thu hoạch |  |  |
| Thuyết trình |  |  |
| Bài tập | 1 | 5 |
| Thi giữa học kỳ | 1 | 20 |
| Thi cuối học kỳ | 1 | 60 |
|  |  | **Tổng: 100%** |

* Giảng viên sẽ điểm danh 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 2 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên ***đi học trễ 15 phút*** hoặc không chấp hành đúng quy định của nhà Trường sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm ) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
* **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
* Khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, hoặc (b) không trả lời theo nội dung câu hỏi.
* **Có hành động gian dối**: Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn…) thì sẽ bị điểm 0.

**12. Học liệu**

**12.1.Tài liệu chính:**

Tài liệu Tin học kế toán 1, Khoa Kế toán – Kiểm toán, Trường Đại học Phan Thiết.

* Bài giảng
* Bài tập thực hành

**12.2 Tài liệu tham khảo:**

* Hướng dẫn thực hành lập sổ sách kế toán báo cáo tài chính và báo cáo thuế GTGT, Nhà xuất bản tài chính, năm 2009, PGS.TS.Bùi Văn Dương - PGS.TS.Võ Văn Nhị - Ths.Đặng Văn Sáng - Kỹ sư Nguyễn Ngọc Hiến.
* Sách Excel kế toán và Access kế toán – Nhà xuất bản thống kê, năm 2009, Tác giả: Nguyễn Thế Hưng – Giảng viên Khoa Kế toán – Kiểm toán, ĐH Kinh tế TP.HCM.

**12.3. Tư liệu trực tuyến:**

* + Bộ tài chính: [http://www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/btc)
  + Giải pháp Excel: [http://www.giaiphapexcel.com](http://www.giaiphapexcel.com/diendan/portal/)
* **13. Tổ chức giảng dạy và học tập**

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

**14. Kế hoạch giảng dạy : (mô tả cụ thể từ buổi 1 đến buổi cuối cùng, mỗi buổi 4 tiết trên lớp, tối thiểu 12 tiết tự học)**

**BUỔI 1 Tổ Chức Cơ Sở Dữ Liệu**

* + **Nội dung bài giảng:** Giới thiệu về môn học; Trình bày một số tháo tác về bảng tính và một số hàm thường dùng trong Excel vào công tác kế toán: kiểu dữ liệu, địa chỉ, các hàm thông dụng sử dụng vào xử lý thông tin kế toán.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn thực hành.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên mô tả và sử dụng được một số tháo tác về bảng tính và một số hàm thường dùng trong Excel vào công tác kế toán; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 1 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**BUỔI 2 Tổ Chức Cơ Sở Dữ Liệu**

* + **Nội dung bài giảng:** Ôn tập nội dung bài giảng buổi 1; Trình bày và hướng dẫn tổ chức cơ sở dữ liệu: tổ chức tập tin, tổ chức bảng tínhTham chiếu địa chỉ gián tiếp, hướng dẫn mở tài khoản và số dư đầu kỳ, hướng dẫn định khoản kế toán trên Excel, tính giá thành sản phẩm.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn thực hành.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên mô tả được các vấn đề cơ bản về việc tổ chức cơ sở dũ liệu, áp dụng được các thao tác về bảng tính và một số hàm thường dùng trong Excel vào việc tổ chức cơ sở dữ liệu kế toán; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 1 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**BUỔI 3 Tổ Chức Cơ Sở Dữ Liệu - Lập Sổ Nhật Ký**

* + **Nội dung bài giảng:** Ôn tập nội dung bài giảng buổi 2; Trình bày và hướng dẫn tổ chức cơ sở dữ liệu: xác định kết quả kinh doanh trên From dữu liệu ban đầu; lập nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn thực hành.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên mô tả được các vấn đề cơ bản về việc tổ chức cơ sở dũ liệu, áp dụng được các thao tác về bảng tính và một số hàm thường dùng trong Excel vào việc tổ chức cơ sở dữ liệu kế toán, lập nhật ký thu tiền và nhật ký chi tiền; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 1, Chương 2 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**BUỔI 4 Lập Sổ Nhật Ký**

* + **Nội dung bài giảng:** Ôn tập nội dung bài giảng buổi 3; Trình bày và hướng dẫn lập nhật ký mua hàng và nhật ký bán hàng.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn thực hành.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên áp dụng được các thao tác về bảng tính và một số hàm thường dùng trong Excel vào việc lập nhật ký mua hàng và nhật ký bán hàng; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 2 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**BUỔI 5 Lập Sổ Nhật Ký** - **Lập Sổ Chi Tiết Và Sổ Cái**

* + **Nội dung bài giảng:** Ôn tập nội dung bài giảng buổi 4; Trình bày và hướng dẫn lập nhật ký chung, lập sổ chi tiết công nợ phải thu, phải trả.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn thực hành.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên áp dụng được các thao tác về bảng tính và một số hàm thường dùng trong Excel vào việc lập nhật ký chung và sổ chi tiết công nợ phải thu, phải trả; đạt được các kỹ năng; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 2, Chương 3 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**BUỔI 6 Lập Sổ Chi Tiết Và Sổ Cái**

* + **Nội dung bài giảng:** Ôn tập nội dung bài giảng buổi 5; Trình bày và hướng dẫn lập sổ chi tiết hàng tồn kho, lập sổ quỹ tiền mặt, lập sổ tiền gửi ngân hàng, lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn thực hành.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên áp dụng được các thao tác về bảng tính và một số hàm thường dùng trong Excel vào việc lập sổ chi tiết hàng tồn kho, lập sổ quỹ tiền mặt, lập sổ tiền gửi ngân hàng, lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 3 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**BUỔI 7 Lập Sổ Chi Tiết Và Sổ Cái - Lập Bảng Cân Đối Kế Toán Và Bảng Tổng Hợp Chi Tiết**

* + **Nội dung bài giảng:** Ôn tập nội dung bài giảng buổi 6; Trình bày và hướng dẫn lập sổ bảng tính giá thành, lập sổ cái tài khoản chi tiết, sổ cái tài khoản tổng hợp, lập bảng tổng hợp chi tiết công nợ.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn thực hành.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên áp dụng được các thao tác về bảng tính và một số hàm thường dùng trong Excel vào việc lập sổ bảng tính giá thành, lập sổ cái tài khoản chi tiết, sổ cái tài khoản tổng hợp, lập bảng tổng hợp chi tiết công nợ; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 3, Chương 4 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**BUỔI 8 Lập Bảng Cân Đối Kế Toán Và Bảng Tổng Hợp Chi Tiết**

* + **Nội dung bài giảng:** Kiểm tra giữa kỳ; Ôn tập nội dung bài giảng buổi 7; Trình bày và hướng dẫn lập bảng tổng hợp chi tiết công nợ, lập bảng tổng hợp hàng tổn kho.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn thực hành.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên áp dụng được các thao tác về bảng tính và một số hàm thường dùng trong Excel vào việc lập bảng tổng hợp chi tiết công nợ, lập bảng tổng hợp hàng tổn kho; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 4 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**BUỔI 9 Lập Bảng Cân Đối Kế Toán Và Bảng Tổng Hợp Chi Tiết**

* + **Nội dung bài giảng:** Ôn tập nội dung bài giảng buổi 8; Trình bày và hướng dẫn lập bảng tổng hợp hàng tổn kho, lập bảng cân đối tài khoản cấp 1, cấp 3.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn thực hành.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên áp dụng được các thao tác về bảng tính và một số hàm thường dùng trong Excel vào việc lập bảng tổng hợp hàng tổn kho, lập bảng cân đối tài khoản cấp 1, cấp 3; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 4 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**BUỔI 10 Lập Báo Cáo Tài Chính**

* + **Nội dung bài giảng:** Ôn tập nội dung bài giảng buổi 9; Trình bày và hướng dẫn lập bảng cân đối kế toán.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn thực hành.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên áp dụng được các thao tác về bảng tính và một số hàm thường dùng trong Excel vào việc lập bảng cân đối kế toán; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 5 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**BUỔI 11 Lập Báo Cáo Tài Chính**

* + **Nội dung bài giảng:** Ôn tập nội dung bài giảng buổi 7; Trình bày và hướng dẫn lập bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn thực hành.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên áp dụng được các thao tác về bảng tính và một số hàm thường dùng trong Excel vào việc lập bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 5 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**BUỔI 12 Dự Trữ**

* + **Nội dung bài giảng:** Ôn tập.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Hỏi đáp
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên hiểu rõ hơn về nội dung học phần.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 1, Chương 2, Chương 3, Chương 4, Chương 5 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:**

* **Thời gian: Theo lịch thi chung của trường**
* **Hình thức thi:** Thi tự luận trong thời gian 75 phút, không sử dụng tài liệu.

***Bình Thuận, ngày tháng năm 2015***

**Trưởng khoa**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: Kế toán tài chính 1 - Mã học phần : 23004**

**2. Khoa phụ trách: Kế Toán – Kiểm Toán**

**3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**

**3.1. Họ và tên: Mai Bình Dương**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Kế toán – Kiểm toán
* ĐT:0978.505.911 email: maibinhduong2001@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán

**3.2. Họ và tên: Nguyễn Tường Vy**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Kế toán – Kiểm toán
* ĐT:0985.247.087 email: nguyentuongvy22@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán

**4. Số tín chỉ: 4**

**5. Phân bổ thời gian (tiết): 60 tiết**

* Lên lớp: 60 tiết
* Tự học: 180 tiết

**6. Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán**

**7. Mục tiêu của học phần:**

Môn học nhằm cung cấp các kiến thức như:

- Mục tiêu về kiến thức: Giúp sinh viên hiểu rõ về các nghiệp vụ, phương pháp, trình tự hạch toán và nhiệm vụ của kế toán viên đối với các phần hành kế toán về tài sản ngắn hạn, dài hạn trong doanh nghiệp cũng như biết cách định khoản các đối tượng kế toán liên quan như kế toán vốn bằng tiền; các khoản ứng trước; nguyên liệu – công cụ dụng cụ; Tài sản cố định , quá trình tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm. Môn học này giúp sinh viên có thể tự tin đảm trách được một số phần hành kế toán tương ứng.

- Mục tiêu về kỹ năng: Môn học này giúp sinh viên tiếp cận với việc tính toán, phản ánh được các nghiệp vụ kinh tế cơ bản vào sổ kế toán. Vận dụng được vào thực tế công tác chuyên môn

- Mục tiêu về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: Học phần này kỳ vọng sinh viên sau khi hoàn thành sẽ có được thái độ yêu thích môn học; hình thành được khả năng tự học, tự nghiên cứu; biết đặt mục tiêu và kế hoạch cho bản thân trong công việc và cuộc sống; có thái độ tích cực, kỷ luật trong công việc để thích nghi trong môi trường tổ chức mới và nâng cao hiệu quả trong công việc.

**8. Chuẩn đầu ra học phần:** Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

***-* Kiến thức:**

1. Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản nhất về kế toán tài chính, hiểu được những nội dung của hệ thống kế toán tài chính nói chung và các quy định cụ thể của kế toán Việt Nam hiện nay nói riêng.

2. Giúp cho sinh viên hiểu được bản chất các nghiệp vụ kinh tế mà kế toán phải ghi chép phản ánh, ảnh hưởng của nghiệp vụ đến các đối tượng cụ thể của kế toán, các chứng từ thủ tục, quá trình ghi chép và sổ sách kế toán.

3.Sinh viên sẽ vận dụng những kiến thức đã nghiên cứu để ghi chúng vào tài khoản theo đúng nguyên tắc.

**- K*ỹ năng:***

4. Sau khi học xong môn học này, sinh viên nhận thức cơ bản cách hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày tại doanh nghiệp.

5. Giúp cho cá nhân tự chủ động trong công việc của mình, trong từng phần hành công việc được giao trong bộ phận tài chính, kế toán doanh nghiệp.

6. Rèn luyện kỹ năng xử lý các tình huống liên quan kế toán thuế.

7. Nắm vững được các bước chuẩn bị để có thể lập các báo cáo tài chính theo qui định.

**- Thái độ:**

8. Đối với xã hội: Có tinh thần trách nhiệm với tổ chức, cộng đồng, xã hội. Tôn trọng pháp luật, qui định của tổ chức nơi mình học và làm việc, chấp hành chủ trương, chính sách của nhà nước. Có ý thức phục vụ tổ chức, cộng đồng, thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ với vị trí của mình đối với tổ chức, xã hội, có ý thức bảo vệ tài sản của tổ chức, bảo vệ môi trường sống, học tập và làm việc.

9. Đối với doanh nghiệp: Chấp hành nội qui, qui định, kỷ luật lao động nơi công sở, hiểu và tôn trọng, giữ gìn văn hóa tổ chức, có tác phong công nghiệp.

10. Đối với cá nhân: Có thái độ nghiêm túc và chăm chỉ trong học tập, áp dụng các kiến thức trong học tập vào thực tiễn hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp.

***-* Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

11. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu.

12. Có khả năng đặt mục tiêu và lập kế hoạch cho bản thân trong công việc và cuộc sống.

13. Có khả năng thích nghi trong môi trường tổ chức mới và nâng cao hiệu quả công việc.

**9. Nội dung học phần:**

**9.1. Tóm tắt nội dung học phần:**

Dựa trên cơ sở những khái niệm, nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản, cách thức kế toán đã được trang bị ở nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1 tiếp tục trang bị cho sinh viên những kiến thức về các nghiệp vụ và phương pháp kế toán của một số phần hành kế toán như kế toán vốn bằng tiền; các khoản ứng trước; nguyên liệu – công cụ dụng cụ; Tài sản cố định; kế toán các loại chi phí trong sản xuất và phương pháp tính giá thành sản phẩm; kế toán tiêu thụ thành phẩm.

**9.2. Nội dung học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chương** | **Mục, tiểu mục** | **Số tiết** | | | | **TL**  **TH** | **CĐR** |
| **TC** | **LT** | **BT** | **TH** |  |
| 1. | **Chương 1: KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN** | 1.1. Tổng quan về kế toán vốn bằng tiền  1.2. Kế toán tiền mặt  1.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng  1.4. Kế toán tiền đang chuyển | **6** | 5 | 1 |  | 18 | 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 |
| 2. | Chương 2: **KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ỨNG TRƯỚC** | 2.1. Tổng quan về các khoản ứng trước  2.2. Kế toán các khoản tạm ứng  2.3. Kế toán chi phí trả trước  2.4. Kế toán các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ | **7** | 5 | 2 |  | 21 | 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 |
| 3. | Chương 3: **KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ** | 3.1. Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ  3.2. Kế toán nguyên vật liệu  3.3. Kế toán công cụ dụng cụ | **12** | 10 | 2 |  | 36 | 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 |
| 4. | Chương 4: **KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH** | 4.1. Tổng quan về tài sản cố định  4.2. Kế toán tài sản cố định hữu hình và vô hình  4.3. Kế toán khấu hao tài sản cố định  4.4. Kế toán tài sản cố định thuê hoạt động  4.5. Kế toán khấu hao tài sản cố định thuê tài chính  4.6. Kế toán sửa chữa tài sản cố định | **13** | 10 | 3 |  | 39 | 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 |
| 5. | Chương 5: **KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG** | 5.1. Kế toán tiền lương  5.2. Kế toán các khoản trích theo lương  5.3. Kế toán các khoản trích trước tiền lương nghỉ phép | **7** | 5 | 2 |  | 21 | 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 |
| 6. | Chương 6: **KẾ TOÁN SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ THÀNH PHẨM** | 6.1. Kế toán sản xuất  6.2. Sản phẩm dở dang và đánh giá sản phẩm dở dang  6.3. Tính giá thành sản phẩm  6.4. Kế toán thành phẩm  6.5. Kế toán tiêu thụ thành phẩm | **15** | 10 | 5 |  | 45 | 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 |

**10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:**

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc tổng hợp. phân tích định khoản tính toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các phần hành kế toán.

* Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 15 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
* Phần bài tập được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm , mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bất chợt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

* Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
* Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng phương pháp tự học kết hợp với việc thảo luận theo nhóm, thuyết trình
* Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
* Vào **buổi thứ 12,** sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
* ***Cuối học kỳ***, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

**11. Phương pháp đánh giá học phần:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Những nội dung**  **cần đánh giá** | **Số lần đánh giá** | **Trọng số (%)** |
| Dự lớp | 10 | 10 |
| Thảo luận |  |  |
| Bản thu hoạch |  |  |
| Thuyết trình | 1 | 5 |
| Bài tập | 1 | 5 |
| Thi giữa học kỳ | 1 | 30 |
| Thi cuối học kỳ | 1 | 50 |
|  |  | **Tổng: 100%** |

* Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên ***đi học trễ 15 phút*** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm ) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
* **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
* Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
* **Có hành động gian dối**: Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn…) thì sẽ bị điểm 0.

**12. Học liệu**

**12.1.Tài liệu chính:**

* Kế toán tài chính - Phần 1 : KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

Tác giả: TS. PHAN ĐỨC DŨNG – Nhà xuất bản Thống kê 2010.

**12.2 Tài liệu tham khảo:**

* Giáo trình Kế toán tài chính – Khoa Kế toán – Kiểm toán – ĐH Kinh tế TP.HCM, NXB Lao động, năm 2011.
* Bài tập Kế toán tài chính – PGS.TS. Võ Văn Nhị, Th.s Hoàng Cẩm Trang, Th.s Lê Thị Mỹ Hạnh – ĐH kinh tế TP.HCM, NXB Thanh Niên, năm 2008.

**12.3. Tư liệu trực tuyến:**

* + Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn)
  + Tổng cục thuế http:www.gdt.gov.vn
* **13. Tổ chức giảng dạy và học tập**
* Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

**14. Kế hoạch giảng dạy : (mô tả cụ thể từ buổi 1 đến buổi cuối cùng, mỗi buổi 4 tiết trên lớp, tối thiểu 12 tiết tự học)**

**Buổi 1 Kế toán vốn bằng tiền**

* + Nội dung: Giới thiệu tổng quan về kế toán vốn bằng tiền, khái niệm tiền dưới góc độ kế toán và nguyên tắc hạch toán tiền, lập chứng từ, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền vào sổ sách kế toán
  + Phương pháp: Thuyết giảng, thảo luận, hướng dẫn bài tập, củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Kết quả mong muốn: Sinh viên hiểu biết cơ bản về phần hành kế toán liên quan đến tiền, đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết
  + Tài liệu: Đọc chương 1 “Kế toán tài chính”

**Buổi 2 Kế toán vốn bằng tiền, Kế toán các khoản ứng trước**

* + Nội dung: Ôn lại kiến thức nội dung kế toán vốn bằng tiền, thực hành một số bài tập liên quan. Giới thiệu tổng quan về Kế toán các khoản ứng trước, kế toán các khoản tạm ứng.
  + Phương pháp: Thuyết giảng, thảo luận, hướng dẫn bài tập, củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Kết quả mong muốn: Sinh viên biết hạch toán các nghiệp vụ cơ bản về phần hành kế toán liên quan đến tiền, đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết
  + Tài liệu: Đọc chương 2 “Kế toán tài chính”

**Buổi 3 Kế toán các khoản ứng trước**

* + Nội dung: Khái niệm về kế toán chi phí trả trước, kế toán các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược. Cách hạch toán một số nội dung kinh tế phát sinh cơ bản, lập chứng từ ghi sổ kế toán.
  + Phương pháp: Thuyết giảng, thảo luận, hướng dẫn bài tập, củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Kết quả mong muốn: Sinh viên biết hạch toán các nghiệp vụ cơ bản về phần hành kế toán liên quan đến các khoản ứng trước, đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết
  + Tài liệu: Đọc chương 2 “Kế toán tài chính”

**Buổi 4 Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ**

* + Nội dung: Khái niệm về kế toán nguyên vật liệu, đặc điểm, phân loại, các loại tài khoản sử dụng, phương pháp và nguyên tắc hạch toán nguyên vật liệu.
  + Phương pháp: Thuyết giảng, thảo luận, hướng dẫn bài tập, củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Kết quả mong muốn: Sinh viên biết hạch toán các nghiệp vụ cơ bản về kế toán nguyên vật liệu, đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết
  + Tài liệu: Đọc chương 3 “Kế toán tài chính”

**Buổi 5 Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ**

* + Nội dung: Khái niệm về kế toán công cụ dụng cụ, đặc điểm, phân loại, phương pháp phân bổ, các loại tài khoản sử dụng, phương pháp và nguyên tắc hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu.
  + Phương pháp: Thuyết giảng, thảo luận, hướng dẫn bài tập, củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Kết quả mong muốn: Sinh viên biết hạch toán các nghiệp vụ cơ bản về kế toán công cụ dụng cụ, đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết
  + Tài liệu: Đọc chương 3 “Kế toán tài chính”

**Buổi 6 Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ**

* + Nội dung: Hệ thống lại kiến thức cơ bản về kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, thực hành một số bài tập để nắm vững kiến thức.
  + Phương pháp: Thuyết giảng, thảo luận, hướng dẫn bài tập, củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Kết quả mong muốn: Sinh viên biết hạch toán các nghiệp vụ cơ bản về kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết
  + Tài liệu: Đọc chương 3 “Kế toán tài chính”

**Buổi 7 Kế toán tài sản cố định**

* + Nội dung: Khái niệm về Kế toán tài sản cố định, đặc điểm, phân loại tài sản cố định, phương pháp hạch toán tài sản cố định.
  + Phương pháp: Thuyết giảng, thảo luận, hướng dẫn bài tập, củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Kết quả mong muốn: Sinh viên xác định được giá trị của tài sản cố định, phương pháp và cách hạch toán nghiệp vụ cơ bản về tài sản cố định, đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết
  + Tài liệu: Đọc chương 4 “Kế toán tài chính”

**Buổi 8 Kế toán tài sản cố định**

* + Nội dung: Xác định thời gian sử dụng tài sản cố định, nguyên tắc trích khấu hao tài sản cố định, tài khoản sử dụng, phương pháp tính khấu hao và hạch toán khấu hao tài sản cố định.
  + Phương pháp: Thuyết giảng, thảo luận, hướng dẫn bài tập, củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Kết quả mong muốn: Sinh viên hiểu biết được các phương pháp và nguyên tắc hạch toán khấu hao tài sản cố định, đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết
  + Tài liệu: Đọc chương 4 “Kế toán tài chính”

**Buổi 9 Kế toán tài sản cố định**

* + Nội dung: Khái niệm kế toán tài sản cố định thuê tài chính, khấu hao tài sản cố định thuê tài chính, kế toán sửa chữa tài sản cố định, các nguyên tắc và phương pháp hạch toán tài sản cố định thuê tài chính.
  + Phương pháp: Thuyết giảng, thảo luận, hướng dẫn bài tập, củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Kết quả mong muốn: Sinh viên hiểu biết được các phương pháp và nguyên tắc hạch toán tài sản cố định thuê tài chính, nắm bắt được sơ đồ kế toán, đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết
  + Tài liệu: Đọc chương 4 “Kế toán tài chính”

**Buổi 10 Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương**

* + Nội dung: Khái niệm về tiền lương và các khoản trích theo lương, các hình thức tiền lương, kế toán các khoản phải trả công nhân viên.
  + Phương pháp: Thuyết giảng, thảo luận, hướng dẫn bài tập, củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Kết quả mong muốn: Sinh viên hiểu biết được các phương pháp và nguyên tắc hạch toán tiền lương, đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết
  + Tài liệu: Đọc chương 5 “Kế toán tài chính”

**Buổi 11 Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương**

* + Nội dung: Các phương pháp và nguyên tắc hạch toán kế toán các khoản trích theo lương
  + Phương pháp: Thuyết giảng, thảo luận, hướng dẫn bài tập, củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Kết quả mong muốn: Sinh viên hiểu biết được các phương pháp và nguyên tắc hạch toán các khoản trích tiền lương, đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết
  + Tài liệu: Đọc chương 5 “Kế toán tài chính”

**Buổi 12 Kế toán sản xuất và tiêu thụ thành phẩm**

* + Nội dung:Giới thiệu về chi phí sản xuất, phân loại chi phí, trình tự tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm
  + Phương pháp: Thuyết giảng, thảo luận, hướng dẫn bài tập, củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Kết quả mong muốn: Sinh viên nắm bắt được các phương pháp tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết
  + Tài liệu: Đọc chương 6 “Kế toán tài chính”

**Buổi 13 Kế toán sản xuất và tiêu thụ thành phẩm**

* + Nội dung: Nguyên tắc hạch toán các loại chi phí sản xuất.
  + Phương pháp: Thuyết giảng, thảo luận, hướng dẫn bài tập, củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Kết quả mong muốn: Sinh viên hiểu biết được các phương pháp và nguyên tắc hạch toán chi phí sản xuất, đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết
  + Tài liệu: Đọc chương 6 “Kế toán tài chính”

**Buổi 14 Kế toán sản xuất và tiêu thụ thành phẩm**

* + Nội dung: Ôn lại kiến thức về kế toán sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, thực hành một số bài tập về tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, hạch toán chi phí sản xuất.
  + Phương pháp: Thuyết giảng, thảo luận, hướng dẫn bài tập, củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Kết quả mong muốn: Sinh viên hiểu biết được các phương pháp và nguyên tắc hạch toán kế toán sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết
  + Tài liệu: Đọc chương 6 “Kế toán tài chính”

**Buổi 15 Ôn tập và dự trữ**

* + **Nội dung bài giảng:** Hướng dẫn bài tập về các phần hành kế toán , Ôn tập và giải đáp thắc mắc về hệ thống các loại tài khoản kế toán đã học.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Hỏi đáp.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên hiểu rõ hơn về nội dung học phần.
  + **Đọc tài liệu**: Chương1, 2, 3, 4, 5, 6 (giáo trình, bài tập, tài liệu tham khảo).

**15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:**

**- Thời gian: Theo lịch thi chung của trường**

**- Hình thức thi: Tự luận và trắc nghiệm, không được sử dụng tài liệu**

***Bình Thuận, ngày tháng năm 2015***

**Trưởng khoa**

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: Quản trị Tài chính Doanh nghiệp 1 - Mã học phần:** **10301**

**2. Khoa phụ trách: Tài chính – ngân hàng**

**3. Họ tên giảng viên giảng dạy: Nguyễn Minh Ngọc**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Tài chính – Ngân hàng, Trường Đại học Phan Thiết.
* ĐT:
* Email: khoatcnh@upt.edu.vn;
* Các hướng nghiên cứu chính: Tài chính quốc tế, Quản trị tài chính Doanh nghiệp.

**4. Số tín chỉ: 2**

**5. Phân bổ thời gian (tiết): 30 tiết**

* Lên lớp: 30 tiết
* Tự học: 90 tiết

**6. Học phần tiên quyết:** Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô, Tài chính - Tiền tệ; Nguyên lý thống kê kinh tế; Nguyên lý kế toán; Luật Kinh tế.

**7. Mục tiêu của học phần:**

Môn học Quản trị tài chính doanh nghiệp nghiên cứu tất cả các quan hệ tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, dựa trên những lý thuyết cơ bản của tài chính. Trên cơ sở đó để xây dựng và đưa ra các quyết định tài chính nhăm tối đa hóa lợi ích cho các chủ sở hữu.

**8. Chuẩn đầu ra học phần:** Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

**8.1. Kiến thức:** Chương trình trong môn học này sẽ xoay quanh hai lý thuyết tài chính cơ bản và ba loại quyết định tài chính***:***

8.1.1. Cơ sở lý thuyết của môn học: Lý thuyết giá trị theo thời gian của đồng tiền và lý thuyết tương quan giữa rủi ro và lợi nhuận.

8.1.2. Quyết định tài chính bao gồm ba loại quyết định cơ bản: quyết định đầu tư, quyết định tài trợ và quyết định chính sách phân phối.

**8.2 Kỹ năng:**

8.2.1. Giải quyết những vấn đề phát sinh trong quản trị các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp một cách chủ động.

8.2.2. Sử dụng kỹ năng làm việc nhóm và tăng cường khả năng tự nghiên cứu.

**8.3 Thái độ:**

8.3.1. Tích cực trong công việc.

8.3.2. Tự học để nâng cao năng lực làm việc.

**8.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

8.4.1. Tính tự giác và chịu trách nhiệm cho các vấn đề nghiên cứu;

8.4.2. Khả năng tự chủ và dân chủ trong học tập và làm việc nhóm.

**9. Nội dung học phần:**

**9.1. Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Quản trị tài chính doanh nghiệp 1 cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên về tài chính doanh nghiệp và quản trị tài chính doanh nghiệp. Qua học phần này, sinh viên có thể nắm vững các kiến thức như khái niệm, bản chất, chức năng, vai trò, mục tiêu… của tài chính doanh nghiệp và quản trị tài chính doanh nghiệp. Sinh viên có thể hiểu được lý thuyết giá trị thời gian của dòng tiền, mối tương quan giữa rủi ro và lợi nhuận; định giá chứng khoán; những kiến thức cơ bản về các loại nguồn vốn, chi phí sử dụng của từng nguồn vốn, các kỹ thuật phân tích và ra quyết định đầu tư tài sản dài hạn.

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể tiếp tục học học phần Quản trị tài chính doanh nghiệp 2.

**9.2. Nội dung học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chương** | **Mục, tiểu mục** | **Số tiết (30)** | | | | **TL**  **TH** | **CĐR** |
| **TC** | **LT** | **BT** | **TH** |
|  | **Chương 1:**  **Tổng quan về tài chính doanh nghiệp** | 1.1. Những vấn đề chung về Quản trị TCDN. | **4** | 2 | 2 |  | 15 | 8.1.1;  8.1.2;  8.2.1;  8.3.1;  8.3.2;  8.4.1;  8.4.2 |
| 1.2. Mục tiêu của TCDN và Quản trị TCDN |
|  | **Chương 2:**  **Giá trị tiền tệ theo thời gian** | 2.1. Lãi đơn và lãi ghép | **8** | 4 | 4 |  | 20 | 8.1.1;  8.1.2;  8.2.1;  8.3.1;  8.3.2;  8.4.1;  8.4.2 |
| 2.2. Giá trị tương lai của tiền tệ  2.3. Giá trị hiện tại của tiền tệ  2.4. Mô hình chiết khấu dòng tiền (DCF) |
| 3. | **Chương 3:**  **Rủi ro và tỷ suất sinh lợi** | 3.1. Khái niệm rủi ro và lợi nhuận. | **4** | 2 | 2 |  | 15 | 8.1.1;  8.1.2;  8.2.1;  8.2.2;  8.3.1;  8.3.2;  8.4.1;  8.4.2 |
| 3.2. Đo lường rủi ro. |
| 3.3. Lợi nhuận và rủi ro của một danh mục đầu tư  3.4. Đa dạng hóa danh mục đầu tư  3.5. Mô hình định giá tài sản vốn (CAPM) |
| 4. | **Chương 4:**  **Chi phí sử dụng vốn** | 4.1. Một số vấn đề cơ bản về chi phí sử dụng vốn. | **8** | 4 | 4 |  | 20 | 8.1.1;  8.1.2;  8.2.1;  8.2.2;  8.3.1;  8.3.2;  8.4.1;  8.4.2 |
| 4.2. Chi phí sử dụng nợ. |
| 4.3. Chi phí sử dụng vốn cổ phần ưu đãi.  4.4. Chí phí sử dụng vốn cổ phần thường  4.5. Chi phí sử dụng vốn bình quân (WACC)  4.6. Chi phí sử dụng vốn biên tế (WMCC) |
| 5. | **Chương 5:**  **Đầu tư dài hạn** | 5.1. Các loại dự án đầu tư dài hạn. | **8** | 4 |  | 4 | 20 | 8.1.1;  8.1.2;  8.2.1;  8.2.2;  8.3.1;  8.3.2;  8.4.1;  8.4.2 |
| 5.2 Quy trình phân tích và quyết định đầu tư dài hạn. |
| 5.3 Các kỹ thuật cụ thể để đánh giá dòng tiền đầu tư.  5.4. Ước lượng dòng tiền của dự án  5.5. Sử dụng chỉ tiêu để quyết định dự án đầu tư |

**10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:**

Qua học phần này, sinh viên có thể nắm vững các kiến thức như khái niệm, bản chất, chức năng, vai trò, mục tiêu… của tài chính doanh nghiệp và quản trị tài chính doanh nghiệp. Sinh viên có thể hiểu được lý thuyết giá trị thời gian của dòng tiền, mối tương quan giữa rủi ro và lợi nhuận; định giá chứng khoán; những kiến thức cơ bản về các loại nguồn vốn, chi phí sử dụng của từng nguồn vốn, các kỹ thuật phân tích và ra quyết định đầu tư tài sản dài hạn.

* ***Phần lý thuyết:*** được giảng dạy trên lớp 8 buổi. Những thắc mắc, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
* ***Phần thực hành:*** được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau:
* Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.
* Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bất chợt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.
* Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)
* ***Phương pháp giảng dạy*** ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
* ***Nội quy lớp học:***
* Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống.
* Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.

**11. Phương pháp đánh giá học phần:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Những nội dung**  **cần đánh giá** | **Số lần đánh giá** | **Trọng số (%)** |
| Dự lớp + bài tập | 8 | 10 |
| Thuyết trình + Bản thu hoạch | 1 | 15 |
| Thi giữa học kỳ | 1 | 15 |
| Thi cuối học kỳ | 1 | 60 |
|  |  | **Tổng: 100%** |

* Giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh thông qua các bài tập làm tại lớp và bài thuyết trình trong 08 buổi học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên ***đi học trễ 15 phút*** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
* **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
* Khigiảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
* **Có hành động gian dối**: Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn…) thì sẽ bị điểm 0.

**12. Học liệu**

**12.1. Tài liệu chính:**

* PGS. TS. Trần Ngọc Thơ, “*Tài chính doanh nghiệp hiện đại*”, NXB Thống kê 2011.
* PGS. TS. Trần Ngọc Thơ, “*Tài chính doanh nghiệp hiện đại (bài tập và giải pháp)*”, NXB Thống kê 2011.

**12.2 Tài liệu tham khảo:**

* TS. Nguyễn Minh Kiều, “*Tài chính doanh nghiệp (Lý thuyết, bài tập & bài giải)*”, NXB Thống kê 2009.
* TS. Nguyễn Văn Thuận, “*Quản trị tài chính*”, NXB Thống kê 2009.
* TS. Nguyễn Văn Thuận, “*Câu hỏi và bài tập Quản trị tài chính*”, NXB Thống kê 2009.
* Eugene F. Brigham, “Quản *trị tài chính”,* NXB ĐH Quốc gia 2009.

**12.3. Tư liệu trực tuyến:**

* + Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/)
  + Ngân hàng nhà nước Việt Nam https://www.sbv.gov.vn/
  + Website của các NHTM Việt Nam
  + Bộ kế hoạch và Đầu tư: <http://www.mpi.gov.vn/>
  + Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn)

**13. Tổ chức giảng dạy và học tập:** thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

**14. Kế hoạch giảng dạy:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Buổi 1 (4 tiết)** | **Chương 1: Tổng quan về quản trị TCDN** |
|  | **Nội dung:**   * Giới thiệu ngắn nội dung, yêu cầu và mục đích môn học; * Nêu các phương pháp giảng dạy và đánh giá của môn học; * Giới thiệu tài liệu chính và tham khảo; * Chương 1. |
| **Phương pháp:**   * Giảng giải về: *Những vấn đề quản trị TCDN* * Đưa ra Bài tập thực hành về hoạch định các mục tiêu quản trị của nhà quản trị TCDN. |
| **Tài liệu:**   * Slide bài giảng và Giáo trình theo yêu cầu; Website. |
| **Kết quả mong muốn:**   * Người học nhận định, phân loại được các loại mục tiêu TCDN và quản trị TCDN. * Biết cách lập kế hoạch tài chính cho mục tiêu ngắn hạn và dài hạn. |
| **Tự học:** Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu cho buổi học tiếp theo. |
| **Buổi 2 (4 tiết)** | **Chương 2: Giá trị tiền tệ theo thời gian (phần 1)** |
|  | **Nội dung:** Chương 2 (P1) |
| **Phương pháp:**   * Giảng giải về nội dung của chương (phần 1) * Hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập thực hành của chương. |
| **Tài liệu:**   * Slide bài giảng và Giáo trình theo yêu cầu; Website. |
| **Kết quả mong muốn:**   * Người học nắm được các kiến thức cơ bản về lãi đơn, lãi kép và các loại giá trị tiền tệ |
| **Tự học:** Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu cho buổi học tiếp theo. |
| **Buổi 3 (4 tiết)** | **Chương 2: Giá trị tiền tệ theo thời gian (phần 2)** |
|  | **Nội dung:** Chương 2 |
| **Phương pháp:**   * Giảng giải về nội dung của chương (phần 2) * Hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập thực hành phần 2 của chương. |
| **Tài liệu:**   * Slide bài giảng và Giáo trình theo yêu cầu; Website. |
| **Kết quả mong muốn:**   * Người học xây dựng mô hình giá trịn tiền tệ trong doanh nghiệp. |
| **Tự học:** Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu cho buổi học tiếp theo. |
| **Buổi 4 (4 tiết)** | **Chương 3: Rủi ro và tỷ suất sinh lợi** |
|  | **Nội dung:** Chương 3 |
| **Phương pháp:**   * Giảng giải các nội dung của Chương; * Hướng dẫn sinh viên giải các bài tập thực hành của Chương 3. |
| **Tài liệu:**   * Slide bài giảng và Giáo trình theo yêu cầu; Website. |
| **Kết quả mong muốn:**   * Người học biết cách nhận biết các rủi ro và các chỉ số tài chính trong hoạt động quản lý DN. |
| **Tự học:** Chuẩn bị đầy đủ tài liệu cho buổi học tiếp theo. |
| **Buổi 5 (4 tiết)** | **Chương 4: Chi phí sử dụng vốn (P1)** |
|  | **Nội dung:** Chương 4 (Lý thuyết) |
| **Phương pháp:**   * Giảng giải các nội dung của Chương; |
| **Tài liệu:**   * Slide bài giảng và Giáo trình theo yêu cầu; Website. |
| **Kết quả mong muốn:**   * Người học biết các vấn đề liên quan đến chi phí tài chính trong hoạt động sx-kd của DN và phương thức quản trị chúng. |
| **Tự học:**   * Chuẩn bị đầy đủ tài liệu cho buổi học tiếp theo. |
| **Buổi 6 (4 tiết)** | **Chương 4: Chi phí sử dụng vốn (P2)** |
|  | **Nội dung:** Chương 4 (Thực hành) |
| **Phương pháp:**   * Hướng dẫn sinh viên giải các bài tập thực hành của Chương 4. |
| **Kết quả mong muốn:**   * Người học biết đánh giá các chỉ số tài chính liên quan đến hoạt động sx-kd của DN và phương thức quản trị chúng. |
| **Tự học:**   * Chuẩn bị đầy đủ tài liệu cho buổi học tiếp theo. |
| **Buổi 6 (4 tiết)** | **Chương 5: Đầu tư dài hạn (P1)** |
|  | **Nội dung:** Chương 5. |
| **Phương pháp:**   * Giảng giải các nội dung liên quan đến công tác quản lý tài chính trong ngành TM-DV. * Hướng dẫn sinh viên chuẩn bị cho bài thuyết trình của Chương 5. |
| **Tài liệu:**   * Slide bài giảng và Giáo trình theo yêu cầu; Website. |
| **Kết quả mong muốn:**   * Người học nắm được công tác quản lý tài chính trong ngành TM-DV. |
| **Tự học:** Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu cho buổi học tiếp theo. |
| **Buổi 8 (4 tiết)** | **Chương 5: Đầu tư dài hạn (P2) + Ôn tập** |
|  | **Nội dung:**   * Chương 5 (P2): thuyết trình * Ôn tập + Kiểm tra |
| **Phương pháp:**   * SV thuyết trình đề tài đã được nhận. * Tổng kết và nhận xét đề tài thuyết trình. * Trình chiếu và tóm tắt các nội dung của từ Chương 1 – Chương 5; * Giải đáp cho sinh viên các bài tập thực hành. |
| **Tài liệu:**   * Slide bài giảng và Giáo trình theo yêu cầu; Website. * Slide thuyết trình. * Bài world tổng hợp của các đề tài thuyết trình. |
| **Kết quả mong muốn:**   * Người học trình bày được 01 kế hoạch tài chính dài hạn của 01 DN cụ thể. |
| **Kết quả mong muốn:**   * Hệ thống lại kiến thức và giải đáp các thắc mắc của người học để chuẩn bị cho thi cuối kỳ |

**15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:**

**- Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường

**- Hình thức thi:** Tự luận

***Phan Thiết, ngày tháng năm 2015***

**Trưởng khoa**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: …………………………….……….

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐCS VIỆT NAM**

**- Mã học phần :**

**2. Khoa phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị**

**3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**

**Họ và tên: Nguyễn Thị Lý**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Bộ môn lý luận chính trị
* ĐT: 0903661228; email: ntly@upt.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử, chính trị, tư tưởng, triết học, văn hóa

**4. Số tín chỉ: 3**

**5. Phân bổ thời gian (tiết): 30 tiết**

* Lên lớp: 30 tiết
* Tự học: 90 tiết

**6. Học phần tiên quyết:**

**7. Mục tiêu của học phần:**

- Trang bị kiến thức để phân tích được những vấn đề cơ bản về: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam, thể hiện qua Cương lĩnh, Nghị quyết… của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.

**8. Chuẩn đầu ra học phần:**

***-* Kiến thức:**

+Sinh viên có được hệ thống trị thức về lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

+Hiểu rõ quan điểm của Đảng về các vấn đề của cách mạng dân tộc, dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa

+ Nắm được những thành công của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng

+ Có được tri thức về lịch sử dân tộc trong thế kỷ XX dưới sự lãnh đạo của Đảng

**- K*ỹ năng:***

+ Năng lực nhận thức các vấn đề của cuộc sống, công việc, mối quan hệ

+ Định hình phương thức làm việc, sử lý các tình huống

+ Kiểm soát được hành vi, thái độ trong các mối quan hệ

+ Bày tỏ được quan điểm trước các vấn đề của xã hội

**- Thái độ:**

**+** Tôn trọng sự khác biệt để cùng chung sống hòa bình

+ Trân trọng thành quả lao động, giá trị lịch sử của đất nước, nhân loại

+ Biết tôn trọng tự nhiên

+ Sống có khát vọng, hoài bão

***-* Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

+ Có khả năng tự chủ, độc lập trong các vấn đề của xã hội

+ Năng lực giải quyết công việc sáng tạo

+ Dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm

**9. Nội dung học phần:**

**9.1. Tóm tắt nội dung học phần:**

Đường lối cách mạng của Đảng CSVN

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương:

Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương IV: Đường lối công nghiệp hoá; chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương VII: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; chương VIII: Đường lối đối ngoại.

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.

**9.2. Nội dung học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chương** | **Mục, tiểu mục** | **Số tiết** | | | | **TLTH** |
| **TC** | **LT** | **BT** | **TH** |
| 1 | Chương mở đầu  Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam  Chương I  Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng | I/- ĐỐI TƯỢNG VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU  1. Đối tượng nghiên cứu.  a) Khái niệm đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.  b) Đối tượng nghiên cứu môn học  2. Nhiệm vụ nghiên cứu.  II/- PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC  1. Phương pháp nghiên cứu.  a) Cơ sở phương pháp luận  b) Phương pháp nghiên cứu  2. Ý nghĩa của học tập môn học  I/- HOÀN CẢNH LỊCH SỬ RA ĐỜI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM  1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX  a) Sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản và hậu quả của nó  b) Chủ nghĩa Mác-Lênin  c) Cách mạng Tháng Mười Nga và Quốc tế Cộng sản  2. Hoàn cảnh trong nước  a) Xã hội Việt Nam dưới sự thống trị của thực dân Pháp  b) Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX  c) Phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản  II/- HỘI NGHỊ THÀNH LẬP ĐẢNG VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG  1. Hội nghị thành lập Đảng  a) Hợp nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam  b) Thảo luận xác định và thông qua các văn kiện của Đảng  2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (gồm các văn kiện: Chánh cương vắn tắt của Đảng; Sách lược vắn tắt của Đảng; Chương trình tóm tắt của Đảng)  a) Phương hướng chiến lược và nhiệm vụ cách mạng Việt Nam  b) Lực lượng cách mạng  c) Lãnh đạo cách mạng  d) Quan hệ với phong trào cách mạng thế giới  3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng | **4** | **3** | **1** | **0** |  |
| 2 | Chương II  Đường lối đấu tranh giành chính quyền | I/- CHỦ TRƯƠNG ĐẤU TRANH TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1939  1. Trong những năm 1930-1935  a) Luận cương Chính trị tháng 10-1930  b) Chủ trương khôi phục tổ chức đảng và phong trào cách mạng  2. Trong những năm 1936-1939  a) Hoàn cảnh lịch sử  b) Chủ trương và nhận thức mới của Đảng  II/- CHỦ TRƯƠNG ĐẤU TRANH TỪ NĂM 1939 ĐẾN NĂM 1945  1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng  a) Tình hình thế giới và trong nước  b) Nội dung chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược  c) Ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược  2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền  a) Phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước và đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần  b) Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa  c) Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc Cách mạng Tháng Tám | **4** | **3** | **1** | **0** |  |
| 3 | Chương III  Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược | I/- ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)  1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)  a) Hoàn cảnh lịch sử nước ta sau Cách mạng Tháng Tám  b) Chủ trương “kháng chiến kiến quốc” của Đảng  c) Kết quả, ý nghĩa nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm  2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946-1954)  a) Hoàn cảnh lịch sử  b) Quá trình hình thành và nội dung đường lối  3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm  a) Kết quả và ý nghĩa thắng lợi của việc thực hiện đường lối  b) Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm  II/- ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1954-1975)  1. Giai đoạn 1954-1964  a) Hoàn cảnh lịch sử cách mạng Việt Nam sau tháng 7- 1954  b) Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa đường lối  2. Giai đoạn 1965-1975  a) Hoàn cảnh lịch sử  b) Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa đường lối  3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm.  a) Kết quả và ý nghĩa thắng lợi  b) Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm | **5** | **4** | **1** | **0** |  |
| 4 | Chương IV  Đường lối công nghiệp hóa | I/- CÔNG NGHIỆP HOÁ THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI  1. Chủ trương của Đảng về công nghiệp hoá  a) Mục tiêu và phương hướng của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa  b) Đặc trưng chủ yếu của công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới  2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân  a) Kết quả thực hiện chủ trương và ý nghĩa  b) Hạn chế và nguyên nhân  II/- CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ THỜI KỲ ĐỔI MỚI  1. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá  a) Đại hội VI của Đảng phê phán sai lầm trong nhận thức và chủ trương công nghiệp hoá thời kỳ 1960-1986  b) Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá từ Đại hội VI đến Đại hội X  2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá  a) Mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá  b) Quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá  3. Nội dung và định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức  a) Nội dung  b) Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực kinh tế trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức  4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân  a) Kết quả thực hiện đường lối và ý nghĩa  b) Hạn chế và nguyên nhân | **4** | **3** | **1** | **0** |  |
| 5 | Chương V  Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa  Chương VI  Đường lối xây dựng hệ thống chính trị | I/- QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI NHẬN THỨC VỀ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG  1. Cơ chế quản lý kinh tế Việt Nam thời kỳ trước đổi mới  a) Cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp.  b) Nhu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế  2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới  a) Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội VI đến Đại hội VIII  b) Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội IX đến Đại hội X  II/- TIẾP TỤC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA  1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản  a) Thể chế kinh tế và thể chế kinh tế thị trường  b) Mục tiêu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa  c) Quan điểm về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN  2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa  a) Thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa  b) Hoàn thiện thể chế về sở hữu và các thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp và các tổ chức sản xuất kinh doanh  c) Hoàn thiện thể chế đảm bảo đồng bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại thị trường.  d) Hoàn thiện thể chế gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường  e) Hoàn thiện thể chế về vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia của các tổ chức quần chúng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội  3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân  a) Kết quả và ý nghĩa  b) Hạn chế và nguyên nhân  I/- ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI (1975-1986)  1. Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị của Đảng  a) Hoàn cảnh lịch sử  b) Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị  2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân  a) Kết quả và ý nghĩa  b) Hạn chế và nguyên nhân  II/- ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ THỜI KỲ ĐỔI MỚI  1. Quá trình hình thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị  a) Cơ sở hình thành đường lối  b) Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng hệ thống chính trị  2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới  a) Mục tiêu và quan điểm xây dựng hệ thống chính trị  b) Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị  3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân  a) Kết quả thực hiện chủ trương và ý nghĩa  b) Hạn chế và nguyên nhân | **5** | **4** | **1** | **0** |  |
| 6 | Chương VII  Đường lối xây dựng và phát triển nền văn hóa; giải quyết các vấn đề xã hội | I/- QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC VÀ NỘI DUNG ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ  1. Thời kỳ trước đổi mới  a) Quan điểm, chủ trương về xây dựng nền văn hoá mới  b) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân  2. Trong thời kỳ đổi mới  a) Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng và phát triển nền văn hoá  b) Quan điểm chỉ đạo về xây dựng và phát triển nền văn hoá  c) Chủ trương xây dựng và phát triển nền văn hoá  d) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân  II/- QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC VÀ CHỦ TRƯƠNG GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI  1. Thời kỳ trước đổi mới  a) Chủ trương của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội  b) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân  2. Trong thời kỳ đổi mới  a) Quá trình đổi mới nhận thức về giải quyết các vấn đề xã hội  b) Quan điểm về giải quyết các vấn đề xã hội  c) Chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội  d) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân. | **4** | **3** | **1** | **0** |  |
| 7 | Chương VIII  Đường lối đối ngoại  I. Đường lối đối ngoại trước thời kỳ đổi mới | I/- ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI (1975-1985)  1. Hoàn cảnh lịch sử  a) Tình hình thế giới  b) Tình hình trong nước  2. Chủ trương đối ngoại của Đảng  a) Nhiệm vụ đối ngoại  b) Chủ trương đối ngoại với các nước  3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân  a) Kết quả và ý nghĩa  b) Hạn chế và nguyên nhân  II/- ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI, HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ THỜI KỲ ĐỔI MỚI.  1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối  a) Hoàn cảnh lịch sử  b) Các giai đoạn hình thành, phát triển đường lối  2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế  a) Mục tiêu, nhiệm vụ và tư tưởng chỉ đạo  b) Một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế  3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân  a) Thành tựu và ý nghĩa  b) Hạn chế và nguyên nhân | **4** | **3** | **1** | **0** |  |

**10. Yêu cầu và kỳ vọng của môn học:**

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc nhận thức, đánh giá, lý giải các vấn đề của lao động, việc làm, kinh doanh…

+ Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 7 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.

* Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm , mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bất chợt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

* Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
* Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
* Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
* Vào **tuần thứ 8,** sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
* *Cuối học kỳ*, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

**11. Phương pháp đánh giá môn học:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Những nội dung**  **cần đánh giá** | **Số lần đánh giá** | **Trọng số (%)** |
| Dự lớp | 10 | 10 |
| Thảo luận |  |  |
| Bản thu hoạch |  |  |
| Thuyết trình | 1 | 5 |
| Bài tập | 1 | 5 |
| Thi giữa học kỳ | 1 | 30 |
| Thi cuối học kỳ | 1 | 50 |
|  |  | **Tổng: 100%** |

**Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)

Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.

**Có hành động gian dối**: Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn…) thì sẽ bị điểm 0.

**12. Học liệu**

**12.1.Tài liệu chính:**

**[1] Chương trình môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành**

**[2] Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, xuất bản.**

**12.2 Tài liệu tham khảo:**

[1] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

[2] Các Văn kiện, nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**12.3. Tư liệu trực tuyến:**

* + Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/)
  + Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/>
  + Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/>
* **13. Tổ chức giảng dạy và học tập**

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

**14. Kế hoạch giảng dạy :**

|  |
| --- |
| **TUẦN 1**  **Chương mở đầu. ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  **Chương I. SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG** |

**Nội dung**

I/- ĐỐI TƯỢNG VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

II/- PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC

2. Ý nghĩa của học tập môn học

I/- HOÀN CẢNH LỊCH SỬ RA ĐỜI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

2. Hoàn cảnh trong nước

II/- HỘI NGHỊ THÀNH LẬP ĐẢNG VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG

1. Hội nghị thành lập Đảng

2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (gồm các văn kiện: Chánh cương vắn tắt của Đảng; Sách lược vắn tắt của Đảng; Chương trình tóm tắt của Đảng)

3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

**Phương pháp**

* Làm sáng tỏ đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu
* Phân tích bối cảnh lịch sử đưa đến sự ra đời của chính Đảng
* Biện luận, lý giải, lý luận những vấn đề về chính đảng, sự tất yếu ra đời chính Đảng
* So sánh với các cuộc cách mạng ở phương Tây

**Tài liệu**

Đọc giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, trang 7 – 17, đọc thêm sách tham khảo

|  |
| --- |
| **TUẦN 2**  **Chương II. ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)** |

**Nội dung**

I/- CHỦ TRƯƠNG ĐẤU TRANH TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1939

1. Trong những năm 1930-1935

2. Trong những năm 1936-1939

II/- CHỦ TRƯƠNG ĐẤU TRANH TỪ NĂM 1939 ĐẾN NĂM 1945

1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng

2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền

**Phương pháp**

- Làm sáng tỏ các vấn đề cách mạng Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945

- Phân tích bối cảnh lịch sử đưa đến đường lối của Đảng

- Phân tích nội dung đường lối của đảng về mục tiêu, nhiêm vụ, lực lượng, phương hướng

- Biện luận, lý giải, lý luận những vấn đề trên

- So sánh với các cuộc cách mạng tháng Tám với các cuộc cách mạng trong khu vực

**Tài liệu**

Đọc giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, trang 17 - 223, đọc thêm sách tham khảo

|  |
| --- |
| **TUẦN 3**  **Chương III. ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945-1975)** |

**Nội dung**

I/- ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)

2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946-1954)

3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

II/- ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1954-1975)

1. Giai đoạn 1954-1964

2. Giai đoạn 1965-1975

3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm.

**Phương pháp**

- Làm sáng tỏ các vấn đề cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945 - 75

- Phân tích bối cảnh lịch sử đưa đến đường lối của Đảng

- Phân tích nội dung đường lối của đảng về mục tiêu, nhiêm vụ, lực lượng, phương hướng

- Biện luận, lý giải, lý luận những vấn đề trên

- So sánh với với các cuộc cách mạng trong ở châu Phi, châu Á

**Tài liệu**

Đọc giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, trang 78 - 223, đọc thêm sách tham khảo

|  |
| --- |
| **TUẦN 4** **Chương IV. ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HOÁ** |

**Nội dung**

I/- CÔNG NGHIỆP HOÁ THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI

1. Chủ trương của Đảng về công nghiệp hoá

2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

II/- CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ THỜI KỲ ĐỔI MỚI

1. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá

2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá

3. Nội dung và định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức

4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

**Phương pháp**

- Làm sáng tỏ các vấn đề tất yếu đổi mới

- Phân tích bối cảnh lịch sử đưa đến đường lối đổi mới của Đảng

- Phân tích nội dung đường lối của đảng về mục tiêu, nhiêm vụ, lực lượng, phương hướng của sự nghiệp đổi mới

- Biện luận, lý giải, lý luận những vấn đề trên

- So sánh với công cuộc đổi mới của Trung Quốc

**Tài liệu**

Đọc giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, trang 118 - 223, đọc thêm sách tham khảo

|  |
| --- |
| **TUẦN 5**  **Chương V. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**  **Chương VI. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ** |

**Nội dung**

I/- QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI NHẬN THỨC VỀ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1. Cơ chế quản lý kinh tế Việt Nam thời kỳ trước đổi mới

2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới

II/- TIẾP TỤC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA

1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản

2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

a) Kết quả và ý nghĩa

b) Hạn chế và nguyên nhân

I/- ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI (1975-1986)

1. Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị của Đảng

2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

II/- ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ THỜI KỲ ĐỔI MỚI

1. Quá trình hình thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị

2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới

3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

**Phương pháp**

- Làm sáng tỏ các vấn đề thị trường, kinh tế thị trường, tư nhân, kinh tế nhà nước, thiết chế chính trị

- Phân tích các vấn đề về nền kinh tế thị trường, thiết chế chính trị của Đảng

- Biện luận, lý giải, lý luận những vấn đề trên

- So sánh với các nền kinh tế tư bản phương Tây

**Tài liệu**

Đọc giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, trang 118 - 223, đọc thêm sách tham khảo

|  |
| --- |
| **TUẦN 6**  **Chương VII. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ; GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI** |

**Nội dung**

I/- QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC VÀ NỘI DUNG ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ

1. Thời kỳ trước đổi mới

2. Trong thời kỳ đổi mới

II/- QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC VÀ CHỦ TRƯƠNG GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Thời kỳ trước đổi mới

2. Trong thời kỳ đổi mới

a) Quá trình đổi mới nhận thức về giải quyết các vấn đề xã hội

b) Quan điểm về giải quyết các vấn đề xã hội

c) Chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội

d) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân.

**Phương pháp**

- Làm sáng tỏ các vấn đề văn hóa, xã hội

- Biện luận, lý giải, lý luận những vấn đề trên

- So sánh các yếu tố văn hóa, xã hội của Nhật Bản, Hàn, phương Tây

**Tài liệu**

Đọc giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, trang 118 - 223, đọc thêm sách tham khảo

|  |
| --- |
| **TUẦN 7 Chương VIII. ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI** |

**Nội dung**

I/- ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI (1975-1985)

1. Hoàn cảnh lịch sử

2. Chủ trương đối ngoại của Đảng

3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

a) Kết quả và ý nghĩa

b) Hạn chế và nguyên nhân

II/- ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI, HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ THỜI KỲ ĐỔI MỚI.

1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối

2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế

3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

a) Thành tựu và ý nghĩa

b) Hạn chế và nguyên nhân

**Phương pháp**

- Làm sáng tỏ các vấn đề về đối ngoại, lịch sử ngoại giao của Việt Nam

- Phân tích cụ thể nội dung đường lối đối ngoại

- Biện luận, lý giải, lý luận những vấn đề trên

- Minh chứng đường lối đối ngoại qua quan hệ với Liên Xô, Anh, Mỹ, Trung Quốc, Pháp, Nhật

**Tài liệu**

Đọc giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, trang 118 - 223, đọc thêm sách tham khảo

**15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:**

**- Thời gian: Theo lịch thi chung của trường**

**- Hình thức thi: Tự luận**

***Bình Thuận, ngày tháng năm***

**Trưởng khoa**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO:

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: Pháp luật kinh tế - Mã học phần: 10182**

**2. Khoa phụ trách: Khoa Cơ bản**

**3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**

**3.1 Họ và tên: Trương Công Khoa**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc Sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Cơ bản - Đại học Phan Thiết
* ĐT: 0937916868; email: [khoagg@yahoo.com.vn](mailto:khoagg@yahoo.com.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Luật dân sự.

**3.2 Họ và tên: Đỗ Tuấn Việt**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc Sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Cơ bản - Đại học Phan Thiết
* ĐT: 0903921264; email: [dtviet@hcmulaw.edu.vn](mailto:dtviet@hcmulaw.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Luật dân sự.

**4. Số tín chỉ: 2**

**5. Phân bổ thời gian (tiết): 30 tiết**

* Lên lớp: 30 tiết
* Tự học: 90 tiết

**6. Học phần tiên quyết: Pháp luật đại cương**

**7. Mục tiêu của học phần:**

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật thực định về hầu hết những vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh doanh, như về chủ thể kinh doanh, về hợp đồng, về cơ chế giải quyết tranh chấp và về vấn đề phá sản của chủ thể kinh doanh. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giải quyết các tình huống pháp luật trong thực tế.

**8. Chuẩn đầu ra học phần:** Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

***-* Kiến thức:**

1. Có những hiểu biết toàn diện về thương nhân và hành vi thương mại;

2. Nắm được các đặc điểm pháp lí của các loại thương nhân;

3. Nhận diện từng loại hình doanh nghiệp, phân biệt chúng và đánh giá ưu điểm, hạn chế của từng loại;

4. Nắm được quy định về thành lập doanh nghiệp và quy chế pháp lí về thành viên đầu tư thành lập và góp vốn vào doanh nghiệp;

5. Nắm được quy định pháp luật về vốn của các loại hình doanh nghiệp;

6. Nắm được quy định cơ cấu tổ chức, quản lí doanh nghiệp;

7. Hiểu được nội dung cơ bản của quyền tự do kinh doanh, phân tích được một số rào cản quyền tự do kinh doanh trong pháp luật hiện hành và thực tiễn;

8. Nắm được mục đích, các hình thức và cách thức tổ chức doanh nghiệp;

9. Nắm được bản chất, điều kiện của việc chấm dứt hoạt động doanh nghiệp thông qua giải thể và phá sản;

10. Trình bày được thủ tục giải quyết yêu cầu phá sản doanh nghiệp, HTX;

11. Nắm được bản chất của hợp đồng, các loại hợp đồng phổ biến, điều kiện có hiệu lực, vô hiệu;

12. Nắm được quy định của pháp luật về các loại chế tài được áp dụng khi có hành vi vi phạm hợp đồng.

**- K*ỹ năng:***

13. Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kĩ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể, kĩ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của luật thương mại;

14. Thành thạo một số kĩ năng tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn kinh doanh;

15. Vận dụng kiến thức về doanh nghiệp để tư vấn lựa chọn loại hình doanh nghiệp phù hợp yêu cầu, khả năng của chủ đầu tư;

16. Vận dụng kiến thức về doanh nghiệp để giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình thành lập, hoạt động của doanh nghiệp;

17. Vận dụng kiến thức về phá sản và giải thể để giải quyết các tình huống liên quan để lợi ích của doanh nghiệp, chủ nợ và người lao động khi doanh nghiệp chấm dứt

18. Có kĩ năng bình luận, đánh giá các quy định pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng

**- Thái độ:**

19. Hình thành nhận thức và thái độ đúng đắn về quyền tự do kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế thị trường.

20. Hình thành thái độ khách quan đối với lợi ích cần được bảo vệ của các chủ thể có liên quan đến hoạt động kinh doanh.

***-* Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

21. Có ý thức tự học

22. Hoàn thiện kỹ năng thuyết trình

23. Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm, kỹ năng tư duy sáng tạo, hình thành phương pháp nghiên cứu khoa học

24. Trau dồi, phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin.

**9. Nội dung học phần:**

**9.1. Tóm tắt nội dung học phần:**

Pháp luật kinh tế là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương theo chương trình khung của bộ Giáo dục và đạo tạo tối với sinh viên ngành kinh tế. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về pháp luật kinh tế.

Học phần đi vào phân tích: Những khái niệm cơ bản của pháp luật thực định điều chỉnh các hoạt động kinh doanh như địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh, chế định hợp đồng, cơ chế giải quyết tranh chấp và vấn đề phá sản.

**9.2. Nội dung học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chương** | **Mục, tiểu mục** | **Số tiết** | | | | **TL**  **TH** | **CĐR** |
| **TC** | **LT** | **BT** | **TH** |  |
| 1 | **Những vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật kinh tế** | 1. Khái niệm pháp luật kinh tế  2. Vai trò của pháp luật kinh tế | 4 | 4 |  |  | 12 | 1, 13, 14, 19, 20, 21, 22, 23, 24 |
| 2 | **Pháp luật về các chủ thể kinh doanh** | 1. Pháp luật về doanh nghiệp  - Khái quát chung về doanh nghiệp  - Các loại hình doanh nghiệp cụ thể theo quy định của Luật doanh nghiệp  - Thành lập, tổ chức lại, giải thể và phá sản doanh nghiệp  2. Pháp luật về chủ thể kinh doanh khác  - Pháp luật về hợp tác xã;  - Pháp luật về hộ kinh doanh | 8 | 8 |  |  | 24 | 2, 3, 4, 5, 6, 8, 19, 20, 21, 22, 23, 24 |
| 3 | **Pháp luật về hợp đồng trong hoạt động kinh doanh** | 1. Khái quát chung về hợp đồng  2. Ký kết hợp đồng  3. Thực hiện hợp đồng  4. Hợp đồng vô hiệu và xử lý hợp đồng vô hiệu | 8 | 8 |  |  | 24 | 11, 12, 19, 20, 21, 22, 23, 24 |
| 4 | **Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh** | 1. Khái niệm tranh chấp  2. Giải quyết tranh chấp  3. Các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh | 4 | 4 |  |  | 12 | 7, 19, 20, 21, 22, 23, 24 |
| 5 | **Pháp luật về phá sản** | 1. Khái quát chung về phá sản 2. Phân loại phá sản 3. Thủ tục phá sản | 4 | 4 |  |  | 12 | 9, 10, 19, 20, 21, 22, 23, 24 |
| 6 | Ôn tập | | 2 | 2 |  |  | 6 |  |
|  | Tổng cộng | | 30 | 30 |  |  | 90 |  |

**10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:**

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong công việc và cuộc sống

* Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 8 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
* Phần thảo luận được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau:

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

* Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
* Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
* Sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **30 %** tổng số điểm
* ***Cuối học kỳ***, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nghiệm.

**11. Phương pháp đánh giá học phần:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Những nội dung**  **cần đánh giá** | **Số lần đánh giá** | **Trọng số (%)** |
| Dự lớp | 10 | 10 |
| Thảo luận |  |  |
| Bản thu hoạch |  |  |
| Thuyết trình |  |  |
| Bài tập |  |  |
| Thi giữa học kỳ | 1 | 30 |
| Thi cuối học kỳ | 1 | 60 |
|  |  | **Tổng: 100%** |

* Giảng viên sẽ điểm danh từng buổi học nếu sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên ***đi học trễ 15 phút*** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
* **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
* Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
* **Có hành động gian dối**: Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn…) thì sẽ bị điểm 0.

**12. Học liệu**

**12.1. Tài liệu chính:**

- Giáo trình: Luật Thương mại, Tập 1 và 2, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2013.

- Pháp luật trong hoạt động kinh doanh, ThS. Nguyễn Thái Hà, CN. Lê Ngọc Thắng, ThS. Bùi Hữu Toàn, Nhà xuất bản Thống kê, năm 2007.

**12.2 Tài liệu tham khảo:**

- Khoa Luật trực thuộc ĐHQGHN, Giáo trình luật kinh tế, tập 1, NXB ĐHQGHN 2006

- Khoa luật – ĐHQGHN, Giáo trình luật kinh tế, NXB ĐHQGHN 2006

- Phạm Duy Nghĩa, chuyên khảo luật kinh tế, NXB ĐHQGHN 2004

**12.3. Tư liệu trực tuyến:**

Website của các cơ quan nhà nước (quốc hội, chính phủ, tòa án, viện kiểm sát, một số địa phương)

**13. Tổ chức giảng dạy và học tập**

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

**14. Kế hoạch giảng dạy:**

|  |
| --- |
| **Tuần 1 (4 tiết) Những vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật kinh tế**  🡪Nội dung:   * Khái niệm pháp luật kinh tế * Đối tượng điều chỉnh * Phương pháp điều chỉnh * Định nghĩa (làm rõ các khái niệm Luật kinh doanh, luật thương mại, luật kinh tế) * Nguồn của pháp luật kinh tế * Chủ thể của pháp luật kinh tế * Khái niệm * Định nghĩa * Phân loại * Vai trò của pháp luật kinh tế * Phương pháp * Giảng viên diễn giảng; đàm thoại. * Phân tích các tình huống điển hình (video clip) để làm rõ vấn đề. * Tài liệu * Giáo trình: Luật Thương mại, Tập 1 và 2, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, tái bản năm 2014; * Pháp luật trong hoạt động kinh doanh, ThS. Nguyễn Thái Hà, CN. Lê Ngọc Thắng, ThS. Bùi Hữu Toàn, Nhà xuất bản Thống kê, năm 2007; * Website của các cơ quan nhà nước (quốc hội, chính phủ, tòa án, viện kiểm sát, HĐND và UBND một số địa phương). * Kết quả mong muốn * Có những hiểu biết toàn diện về thương nhân và hành vi thương mại; * Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kĩ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể, kĩ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của luật thương mại; * Thành thạo một số kĩ năng tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn kinh doanh; * Hình thành phương pháp học ở bậc đại học, rèn luyện tư duy phản biện |

**Tuần 2 + 3 (8 tiết) Pháp luật về các chủ thể kinh doanh**

🡪Nội dung:

* Pháp luật về doanh nghiệp

- Khái quát chung về doanh nghiệp

+ Khái niệm doanh nghiệp

+ Phân loại doanh nghiệp

+ Một số khái niệm có liên quan đến doanh nghiệp

+ Các quyền và nghĩa vụ của cơ bản của doanh nghiệp

- Các loại hình doanh nghiệp cụ thể theo quy định của Luật doanh nghiệp

+ Pháp luật về doanh nghiệp tư nhân

+ Pháp luật về công ty hợp danh

+ Pháp luật về công ty TNHH một thành viên

+ Pháp luật về công ty TNHH hai thành viên trở lên

+ Pháp luật về công ty cổ phần

- Thành lập, tổ chức lại, giải thể và phá sản doanh nghiệp

+ Thành lập doanh nghiệp

+ Tổ chức lại doanh nghiệp

+ Giải thể doanh nghiệp

+ Phá sản doanh nghiệp

* Pháp luật về chủ thể kinh doanh khác

- Pháp luật về hợp tác xã:

+ Khái niệm hợp tác xã

+ Vốn của hợp tác xã

+ Cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ hợp tác xã

+ Quyền và nghĩa vụ của xã viên

+ Thành lập, phá sản hợp tác xã

- Pháp luật về hộ kinh doanh

+ Khái niệm

+ Các hình thức của hộ kinh doanh:

+ Thủ tục đăng ký kinh doanh

* Phương pháp
* Giảng viên diễn giảng; đàm thoại, sinh viên thuyết trình.
* Phân tích các tình huống điển hình (video clip) để làm rõ vấn đề.
* Tài liệu
* Giáo trình: Luật Thương mại, Tập 1 và 2, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, tái bản năm 2014.
* Pháp luật trong hoạt động kinh doanh, ThS. Nguyễn Thái Hà, CN. Lê Ngọc Thắng, ThS. Bùi Hữu Toàn, Nhà xuất bản Thống kê, năm 2007.
* Website của các cơ quan nhà nước (quốc hội, chính phủ, tòa án, viện kiểm sát, HĐND và UBND một số địa phương).
* Kết quả mong muốn
* Nắm được các đặc điểm pháp lí của các loại thương nhân;
* Nhận diện từng loại hình doanh nghiệp, phân biệt chúng và đánh giá ưu điểm, hạn chế của từng loại;
* Nắm được quy định về thành lập doanh nghiệp và quy chế pháp lí về thành viên đầu tư thành lập và góp vốn vào doanh nghiệp;
* Nắm được quy định pháp luật về vốn của các loại hình doanh nghiệp;
* Nắm được quy định cơ cấu tổ chức, quản lí doanh nghiệp;
* Nắm được mục đích, các hình thức và cách thức tổ chức doanh nghiệp;
* Hình thành phương pháp học ở bậc đại học, rèn luyện tư duy phản biện

**Tuần 4+5 (8 tiết) Pháp luật về hợp đồng trong hoạt động kinh doanh**

* Nội dung:
* Khái quát chung về hợp đồng
* Những vấn đề pháp lý cơ bản về hợp đồng
* Khái niệm hợp đồng trong hoạt động kinh doanh
* Các hợp đồng phổ biến tại Luật thương mại
* Ký kết hợp đồng
* Các nguyên tắc ký kết
* Nội dung của hợp đồng
* Thẩm quyền ký kết
* Phương thức ký kết
* Hiệu lực của hợp đồng
* Sửa đổi hợp đồng
* Thực hiện hợp đồng
* Các nguyên tắc thực hiện hợp đồng
* Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng
* Nghĩa vụ của các bên trong việc thực hiện hợp đồng
* Hợp đồng vô hiệu và xử lý hợp đồng vô hiệu
* Khái niệm
* Xử lý hợp đồng vô hiệu
* Trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng trong hoạt động kinh doanh
* Khái niệm trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng
* Căn cứ làm phát sinh trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng
* Các biện pháp trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng
* Kỹ năng soạn thảo hợp đồng
* Phương pháp
* Giảng viên diễn giảng; đàm thoại, sinh viên thuyết trình.
* Phân tích các tình huống điển hình (video clip) để làm rõ vấn đề.
* Tài liệu
* Giáo trình: Luật Thương mại, Tập 1 và 2, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, tái bản năm 2014.
* Pháp luật trong hoạt động kinh doanh, ThS. Nguyễn Thái Hà, CN. Lê Ngọc Thắng, ThS. Bùi Hữu Toàn, Nhà xuất bản Thống kê, năm 2007.
* Website của các cơ quan nhà nước (quốc hội, chính phủ, tòa án, viện kiểm sát, HĐND và UBND một số địa phương).
* Kết quả mong muốn
* Nắm được bản chất của hợp đồng, các loại hợp đồng phổ biến, điều kiện có hiệu lực, vô hiệu;
* Nắm được quy định của pháp luật về các loại chế tài được áp dụng khi có hành vi vi phạm hợp đồng
* Hình thành phương pháp học ở bậc đại học, rèn luyện tư duy phản biện

**TUẦN 6 (4 tiết) Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh**

|  |
| --- |
| * Nội dung: * Khái quát chung * Khái niệm tranh chấp * Giải quyết tranh chấp * Các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh * Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh bằng thương lượng * Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thông qua hoà giải * Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thông qua Tòa án nhân dân * Thẩm quyền của toà án * Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp trong kinh doanh tại Tòa án nhân dân * Thủ tục giải quyết tranh chấp trong kinh doanh tại Tòa án nhân dân * Thủ tục xét lại các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án * Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thông qua Trọng tài thương mại * Khái quát chung * Thủ tục giải quyết tranh chấp trong kinh doanh tại Trọng tài thương mại * Hủy và cho thi hành Quyết định Trọng tài * Phương pháp * Giảng viên diễn giảng; đàm thoại, sinh viên thuyết trình. * Phân tích các tình huống điển hình (video clip) để làm rõ vấn đề. * Tài liệu * Giáo trình: Luật Thương mại, Tập 1 và 2, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, tái bản năm 2014. * Pháp luật trong hoạt động kinh doanh, ThS. Nguyễn Thái Hà, CN. Lê Ngọc Thắng, ThS. Bùi Hữu Toàn, Nhà xuất bản Thống kê, năm 2007. * Website của các cơ quan nhà nước (quốc hội, chính phủ, tòa án, viện kiểm sát, HĐND và UBND một số địa phương).   + Kết quả mong muốn   + Hiểu được nội dung cơ bản của quyền tự do kinh doanh, phân tích được một số rào cản quyền tự do kinh doanh trong pháp luật hiện hành và thực tiễn;   + Hình thành phương pháp học ở bậc đại học, rèn luyện tư duy phản biện |

**TUẦN 7 (4 tiết) Pháp luật về phá sản**

|  |
| --- |
| * Nội dung: * Khái quát chung về phá sản * Khái niệm * Phân loại phá sản * Vai trò của pháp luật về phá sản * Thủ tục phá sản * Nộp đơn yêu cầu và mở thủ tục phá sản * Thủ tục Phục hồi hoạt động kinh doanh * Thanh lý tài sản và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hợp tác xã * Tuyên bố phá sản * Phương pháp * Giảng viên diễn giảng; đàm thoại, sinh viên thuyết trình. * Phân tích các tình huống điển hình (video clip) để làm rõ vấn đề. * Tài liệu * Giáo trình: Luật Thương mại, Tập 1 và 2, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, tái bản năm 2014. * Pháp luật trong hoạt động kinh doanh, ThS. Nguyễn Thái Hà, CN. Lê Ngọc Thắng, ThS. Bùi Hữu Toàn, Nhà xuất bản Thống kê, năm 2007. * Website của các cơ quan nhà nước (quốc hội, chính phủ, tòa án, viện kiểm sát, HĐND và UBND một số địa phương). * Kết quả mong muốn   + Nắm được bản chất, điều kiện của việc chấm dứt hoạt động doanh nghiệp thông qua giải thể và phá sản;   + Trình bày được thủ tục giải quyết yêu cầu phá sản doanh nghiệp, HTX;   + Hình thành phương pháp học ở bậc đại học, rèn luyện tư duy phản biện |

**TUẦN 8 (2 tiết): Ôn tập**

**15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:**

- Thời gian: Theo lịch thi chung của trường

- Hình thức thi: thi trắc nghiệm toàn phần, số câu hỏi tối thiểu 50 đến tối đa 75 câu, thời gian 60 phút, sinh viên chỉ được sử dụng văn bản qui phạm pháp luật

***Phan Thiết, ngày tháng năm 2015***

**Trưởng khoa**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: Kế toán tài chính 2 - Mã học phần :**

**2. Khoa phụ trách: Kế Toán – Kiểm Toán**

**3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**

**3.1. Họ và tên: Đỗ Văn Tứ**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Kế toán – Kiểm toán
* ĐT:0967.676.696 email: dovantu.vn2010@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán

**3.2. Họ và tên: Đào Tuyết Lan**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Kế toán – Kiểm toán
* ĐT: 0989.002.001 email: daotuyetlan.07@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán

**4. Số tín chỉ: 3**

**5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết**

* Lên lớp: 45 tiết
* Tự học: 135 tiết

**6. Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1**

**7. Mục tiêu của học phần:**

Môn học nhằm cung cấp các kiến thức như:

* Mục tiêu về kiến thức: Giúp sinh viên hiểu rõ về các nghiệp vụ, phương pháp, trình tự hạch toán và nhiệm vụ của kế toán viên đối với các phần hành kế toán về toán hoạt động đầu tư tài chính, các khoản phải thu, các khoản phải trả, vốn chủ sở hữu, các nghiệp vụ mua bán hàng hóa, các khoản thu nhập. Môn học này giúp sinh viên có thể tự tin đảm trách được một số phần hành kế toán tương ứng.
* Mục tiêu về kỹ năng: Môn học này giúp sinh viên tiếp cận với việc tính toán, phản ánh được các nghiệp vụ kinh tế cơ bản vào sổ kế toán. Vận dụng được vào thực tế công tác chuyên môn
* Mục tiêu về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: Học phần này kỳ vọng sinh viên sau khi hoàn thành sẽ có được thái độ yêu thích môn học; hình thành được khả năng tự học, tự nghiên cứu; biết đặt mục tiêu và kế hoạch cho bản thân trong công việc và cuộc sống; có thái độ tích cực, kỷ luật trong công việc để thích nghi trong môi trường tổ chức mới và nâng cao hiệu quả trong công việc.

**8. Chuẩn đầu ra học phần:** Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

***-* Kiến thức:**

1. Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản nhất về kế toán tài chính, hiểu được những nội dung của hệ thống kế toán tài chính nói chung và các quy định cụ thể của kế toán Việt Nam hiện nay nói riêng.

2. Giúp cho sinh viên hiểu được bản chất các nghiệp vụ kinh tế mà kế toán phải ghi chép phản ánh, ảnh hưởng của nghiệp vụ đến các đối tượng cụ thể của kế toán, các chứng từ thủ tục, quá trình ghi chép và sổ sách kế toán.

3.Sinh viên sẽ vận dụng những kiến thức đã nghiên cứu để ghi chúng vào tài khoản theo đúng nguyên tắc.

**- K*ỹ năng:***

4. Sau khi học xong môn học này, sinh viên nhận thức cơ bản cách hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày tại doanh nghiệp.

5. Giúp cho cá nhân tự chủ động trong công việc của mình, trong từng phần hành công việc được giao trong bộ phận tài chính, kế toán doanh nghiệp.

6. Rèn luyện kỹ năng xử lý các tình huống liên quan kế toán thuế.

7. Nắm vững được các bước chuẩn bị để có thể lập các báo cáo tài chính theo qui định.

**- Thái độ:**

8. Đối với xã hội: Có tinh thần trách nhiệm với tổ chức, cộng đồng, xã hội. Tôn trọng pháp luật, qui định của tổ chức nơi mình học và làm việc, chấp hành chủ trương, chính sách của nhà nước. Có ý thức phục vụ tổ chức, cộng đồng, thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ với vị trí của mình đối với tổ chức, xã hội, có ý thức bảo vệ tài sản của tổ chức, bảo vệ môi trường sống, học tập và làm việc.

9. Đối với doanh nghiệp: Chấp hành nội qui, qui định, kỷ luật lao động nơi công sở, hiểu và tôn trọng, giữ gìn văn hóa tổ chức, có tác phong công nghiệp.

10. Đối với cá nhân: Có thái độ nghiêm túc và chăm chỉ trong học tập, áp dụng các kiến thức trong học tập vào thực tiễn hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp.

***-* Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

11. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu.

12. Có khả năng đặt mục tiêu và lập kế hoạch cho bản thân trong công việc và cuộc sống.

13. Có khả năng thích nghi trong môi trường tổ chức mới và nâng cao hiệu quả công việc.

**9. Nội dung học phần:**

**9.1. Tóm tắt nội dung học phần:**

Kế Toán Tài Chính 2 là môn học kế thừa nội dung của Kế Toán Tài Chính 1. Trên cơ sở sinh viên đã nắm được phương pháp kế toán đối với các khoản mục tài sản và nguồn vốn cơ bản 2 trong Kế Toán Tài Chính 1, Kế Toán Tài Chính 2 tiếp tục phát triển kỹ năng của sinh viên để giải quyết các vấn đề khó và phức tạp trong kế toán gồm kế toán một số các khoản mục đặc thù như kế toán hoạt động đầu tư tài chính, kế toán khoản phải thu, kế toán các khoản phải trả, kế toán vốn chủ sở hữu, kế toán thu nhập, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

**9.2. Nội dung học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chương** | **Mục, tiểu mục** | **Số tiết** | | | | **TL**  **TH** | **CĐR** |
| **TC** | **LT** | **BT** | **TH** |  |
| 1. | **Chương 1: Kế Toán Hoạt Động Đầu Tư Tài Chính Ngắn Hạn Và Dài Hạn** | 1.1 – Tổng Quan Về Hoạt Động Đầu Tư Tài Chính  1.2 – Kế Toán Hoạt Động Đầu Tư Tài Chính Ngắn Hạn  1.2.1 – Kế toán hoạt động đầu tư chứng khoán  1.2.2 – Kế toán đầu tư tài chính ngắn hạn khác  1.3 – Kế Toán Hoạt Động Đầu Tư Dài Hạn  1.3.1- Kế toán đầu tư vào công ty con  1.3.2- Kế toán góp vốn liên doanh  1.3.3- Kế toán đầu tư vào công ty liên kết  1.3.4- Kế toán đầu tư dài hạn khác  1.4 – Kế Toán Dự Phòng Tổn Thất Các Khoản Đầu Tư Tài Chính (Ngắn Và Dài Hạn) | **7** | 5 | 2 |  | 21 | 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 |
| 2. | Chương 2: **Kế Toán Các Khoản Phải Thu** | 2.1 – Tổng Quan Về Kế Toán Các Khoản Nợ Phải Thu  2.2 – Kế Toán Phải Thu Khách Hàng  2.3 – Kế Toán Phải Thu Nội Bộ  2.4 – Kế Toán Phải Thu Khác  2.5 – Kế Toán Dự Phòng Nợ Phải Thu Khó Đòi | **7** | 5 | 2 |  | 21 | 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 |
| 3. | Chương 3: **Kế Toán Các Khoản Phải Trả** | 3.1 – Kế Toán Các Khoản Phải Trả  3.2 – Kế Toán Các Khoản Vay Ngắn Hạn Và Vay Dài Hạn Đến Hạn Trả  3.3 – Kế Toán Phải Trả Người Bán  3.4 – Kế Toán Phải Trả Nội Bộ  3.5 – Kế Toán Thanh Toán Theo Tiến Độ Hợp Đồng Xây Dựng  3.6 – Kế Toán Phải Trả Khác  3.7 – Kế Toán Các Khoản Vay Dài Hạn, Nợ Dài Hạn  3.8 – Kế Toán Trái Phiếu Công Ty  3.9 – Kế Toán Nhận Ký Quỹ, Ký Cược Dài Hạn | **7** | 5 | 2 |  | 21 | 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 |
| 4. | Chương 4: **Kế Toán Vốn Chủ Sở Hữu** | 4.1 – Kế Toán Nguồn Vốn Kinh Doanh  4.2 – Kế Toán Chênh Lệch Đánh Giá Lại Tài Sản  4.3 – Kế Toán Chênh Lệch Tỷ Giá Hối Đoái  4.4 – Kế Toán Lợi Nhuận Và Các Quỹ  4.4.1 – Kế toán lợi nhuận  4.4.2 – Kế toán các quỹ | **7** | 5 | 2 |  | 21 | 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 |
| 5. | Chương 5: **Kế Toán Hoạt Động Mua Bán Hàng Hóa** | 5.1 – Những Vấn Đề Chung Về Hoạt Động Mua Bán Hàng Hóa  5.2 – Kế Toán Mua Bán Hàng Trong Nước  5.3 – Kế Toán Mua Bán Hàng Hóa Xuất Nhập Khẩu  5.4 – Kế Toán Dự Phòng Giảm Giá Hàng Tồn Kho | **10** | 5 | 5 |  | 30 | 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 |
| 6. | Chương 6: **Kế Toán Thu Nhập, Chi Phí Và Xác Định Kết Quả Kinh Doanh** | 6.1 – Những Vấn Đề Chung  6.2 – Kế Toán Các Khoản Chi Phí  6.3 – Kế Toán Các Khoản Thu Nhập  6.4 – Kế Toán Xác Định Kết Quả Kinh Doanh | **7** | 5 | 2 |  | 21 | 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 |

**10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:**

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc tổng hợp. phân tích định khoản tính toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các phần hành kế toán.

* Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 15 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
* Phần bài tập được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm , mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bất chợt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

* Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
* Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng phương pháp tự học kết hợp với việc thảo luận theo nhóm, thuyết trình
* Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
* Vào **buổi thứ 12,** sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
* ***Cuối học kỳ***, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

**11. Phương pháp đánh giá học phần:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Những nội dung**  **cần đánh giá** | **Số lần đánh giá** | **Trọng số (%)** |
| Dự lớp | 10 | 10 |
| Thảo luận |  |  |
| Bản thu hoạch |  |  |
| Thuyết trình | 1 | 5 |
| Bài tập | 1 | 5 |
| Thi giữa học kỳ | 1 | 30 |
| Thi cuối học kỳ | 1 | 50 |
|  |  | **Tổng: 100%** |

* Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên ***đi học trễ 15 phút*** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm ) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
* **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
* Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
* **Có hành động gian dối**: Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn…) thì sẽ bị điểm 0.

**12. Học liệu**

**12.1.Tài liệu chính:**

* Kế toán tài chính - Phần 2: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, Tác giả: TS. PHAN ĐỨC DŨNG – Nhà xuất bản Thống kê 2010.

**12.2 Tài liệu tham khảo:**

* Giáo trình Kế toán tài chính – Khoa Kế toán – Kiểm toán – ĐH Kinh tế TP.HCM, NXB Lao động, năm 2011.
* Bài tập Kế toán tài chính – PGS.TS. Võ Văn Nhị, Th.s Hoàng Cẩm Trang, Th.s Lê Thị Mỹ Hạnh – ĐH kinh tế TP.HCM, NXB Thanh Niên, năm 2008.

**12.3. Tư liệu trực tuyến:**

* + Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn)
  + Tổng cục thuế http:www.gdt.gov.vn
* **13. Tổ chức giảng dạy và học tập**
* Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

**14. Kế hoạch giảng dạy : (mô tả cụ thể từ buổi 1 đến buổi cuối cùng, mỗi buổi 4 tiết trên lớp, tối thiểu 12 tiết tự học)**

**Buổi 1 Kế toán hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn**

* + Nội dung: Giới thiệu tổng quan về kế toán hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn, phân loại, kế toán các khoản chứng khoán kinh doanh,
  + Phương pháp: Thuyết giảng, thảo luận, hướng dẫn bài tập, củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Kết quả mong muốn: Sinh viên hiểu biết cơ bản về phần hành kế toán liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, nắm bắt được cách hạch toán thông qua sơ đồ đầu tư chứng khoán kinh doanh, đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết
  + Tài liệu: Đọc chương 1 “Kế toán tài chính”

**Buổi 2 Kế toán hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn**

* + Nội dung: Giới thiệu tổng quan về kế toán hoạt động đầu tư tài chính dài hạn, phân loại, kế toán đầu tư vào công ty con,
  + Phương pháp: Thuyết giảng, thảo luận, hướng dẫn bài tập, củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Kết quả mong muốn: Sinh viên hiểu biết cơ bản về phần hành kế toán liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, nắm bắt được cách hạch toán thông qua sơ đồ đầu tư chứng khoán kinh doanh, đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết
  + Tài liệu: Đọc chương 1 “Kế toán tài chính”

**Buổi 3 Kế toán các khoản phải thu**

* + Nội dung: Giới thiệu tổng quan về kế toán các khoản nợ phải thu, cách hạch toán các khoản phải thu.
  + Phương pháp: Thuyết giảng, thảo luận, hướng dẫn bài tập, củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Kết quả mong muốn: Sinh viên hiểu biết cơ bản về phần hành kế toán liên quan đến các khoản phải thu, đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết
  + Tài liệu: Đọc chương 2 “Kế toán tài chính”

**Buổi 4 Kế toán các khoản phải thu , Kế toán các khoản phải trả**

* + Nội dung: Hướng dẫn thực hành bài tập về kế toán các khoản phải thu. Khái niệm về kế toán các khoản phải trả, phân loại và phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh
  + Phương pháp: Thuyết giảng, thảo luận, hướng dẫn bài tập, củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Kết quả mong muốn: Sinh viên hiểu biết cơ bản về phần hành kế toán liên quan đến các khoản phải trả, đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết
  + Tài liệu: Đọc chương 3 “Kế toán tài chính”

**Buổi 5 Kế toán các khoản phải trả**

* Nội dung: Hướng dẫn thực hành bài tập về kế toán các khoản phải trả
  + Phương pháp: Thuyết giảng, thảo luận, hướng dẫn bài tập, củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Kết quả mong muốn: Sinh viên hiểu biết cơ bản về phần hành kế toán liên quan đến các khoản phải trả, đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết
  + Tài liệu: Đọc chương 3 “Kế toán tài chính”

**Buổi 6 Kế toán vốn chủ sở hữu**

* + Nội dung: Giới thiệu tổng quan về kế toán nguồn vốn, nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu,tài khoản sử dụng, phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu.
  + Phương pháp: Thuyết giảng, thảo luận, hướng dẫn bài tập, củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Kết quả mong muốn: Sinh viên hiểu biết cơ bản về phần hành kế toán vốn chủ sở hữu, đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết
  + Tài liệu: Đọc chương 4 “Kế toán tài chính”

**Buổi 7 Kế toán vốn chủ sở hữu**

* + Nội dung: Giới thiệu tổng quan về kế toán chênh lệch đánh giá lại tài sản, kế toán các quỹ, kế toán lợi nhuận. Tài khoản sử dụng, phương pháp và cách hạch toán.
  + Phương pháp: Thuyết giảng, thảo luận, hướng dẫn bài tập, củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Kết quả mong muốn: Sinh viên hiểu biết cơ bản về phần hành kế toán vốn chủ sở hữu, đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết
  + Tài liệu: Đọc chương 4 “Kế toán tài chính”

**Buổi 8 Kế toán hoạt động mua bán hàng hóa**

* + Nội dung: Khái niệm về hoạt động mua bán hàng hóa, đặc điểm, phân loại, cách hạch toán tài khoản.
  + Phương pháp: Thuyết giảng, thảo luận, hướng dẫn bài tập, củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Kết quả mong muốn: Sinh viên hiểu biết cơ bản về phần hành kế toán hoạt động mua bán hàng hóa, đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết
  + Tài liệu: Đọc chương 5 “Kế toán tài chính”

**Buổi 9 Kế toán hoạt động mua bán hàng hóa**

* + Nội dung: Hướng dẫn thực hành một số bài tập để nắm vững kiến thức về hoạt động mua bán hàng hóa.
  + Phương pháp: Thuyết giảng, thảo luận, hướng dẫn bài tập, củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Kết quả mong muốn: Sinh viên hiểu biết cơ bản về phần hành kế toán vốn chủ sở hữu, đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết
  + Tài liệu: Đọc chương 5 “Kế toán tài chính”

**Buổi 10 Kế toán thu nhập, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

* + Nội dung: Khái niệm về Kế toán thu nhập, chi phí, các loại tài khoản sử dụng, phân loại, đặc điểm, nguyên tắc ghi nhận thu nhập.
  + Phương pháp: Thuyết giảng, thảo luận, hướng dẫn bài tập, củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Kết quả mong muốn: Sinh viên hiểu biết cơ bản về phần hành kế toán thu nhập, chi phí, đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết
  + Tài liệu: Đọc chương 6 “Kế toán tài chính”

**Buổi 11 Kế toán thu nhập, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

* + Nội dung: Những vấn đề chung về xác định kết quả kinh doanh, nguyên tắc kế toán, các công việc kế toán phải làm trước khi khóa sổ kế toán tính kết quả kinh doanh.
  + Phương pháp: Thuyết giảng, thảo luận, hướng dẫn bài tập, củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
  + Kết quả mong muốn: Sinh viên hiểu biết cơ bản về phần hành kế toán thu nhập, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, xác định được doanh nghiệp đang hoạt động có lời hay thua lỗ, đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết
  + Tài liệu: Đọc chương 6 “Kế toán tài chính”

**Buổi 12 Ôn tập và dự trữ**

* + **Nội dung bài giảng:** Hướng dẫn bài tập về các phần hành kế toán , Ôn tập và giải đáp thắc mắc về hệ thống các loại tài khoản kế toán đã học.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Hỏi đáp.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên hiểu rõ hơn về nội dung học phần.
  + **Đọc tài liệu**: Chương1, 2, 3, 4, 5, 6 (giáo trình, bài tập, tài liệu tham khảo).

**15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:**

**- Thời gian: Theo lịch thi chung của trường**

**- Hình thức thi: Tự luận và trắc nghiệm, không được sử dụng tài liệu**

***Bình Thuận, ngày tháng năm 2015***

**Trưởng khoa**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: …………………………….……….

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: Nguyên lý thống kê kinh tế - Mã học phần: 23002**

**2. Khoa phụ trách: Bộ môn cơ bản**

**3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**

**3.1. Họ và tên: Nguyễn Ngọc**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
* Địa chỉ liên hệ: Bộ môn cơ bản
* ĐT: 0913883112 - Email:

Các hướng nghiên cứu chính: Toán ứng dụng

**3.2. Họ và tên: Nguyễn Đình Khuông**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
* Địa chỉ liên hệ: Bộ môn cơ bản
* ĐT: 0972370094 - Email: ndkhuong15051987@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Toán ứng dụng

**4. Số tín chỉ: 3**

**5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết**

* Lên lớp: 45 tiết
* Tự học: 135 tiết

**6. Học phần tiên quyết:** Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất và thống kê.

**7. Mục tiêu của học phần:**

**Về kiến thức**: Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về thống kê và phân tích số liệu trong xã hội và trong kinh tế. Nội dung tổng quan môn học chia làm 7 chương tập trung vào thu thập và phân tích số liệu thống kê (chương 1 và 2), ước lượng và kiểm định các giả thiết thống kê (chương 3, 4 và 5), và cuối cùng là xây dựng mô hình hồi quy cho vấn đề dự đoán trong kinh tế (chương 6 và 7). Ngoài ra sinh viên còn được cung cấp thêm các kiến thức về phân tích số liệu bằng các phần mềm thông dụng như Excel, Eviews, R và SPSS.

**Về kỹ năng**: Sinh viên biết phân tích và xây dựng mô hình cho các bài toán kinh tế thông dụng, nâng cao kỹ năng về việc áp dụng lý thuyết vào việc sử sụng phần mềm thống kê trên máy tính, giúp phục vụ các môn chuyên ngành của sinh viên sau này.

**Về thái độ**: Nâng cao tính tích cực, chủ động của sinh viên trong việc lĩnh hội tri thức. Sinh viên được rèn luyện khả năng tư duy logic và khả năng làm việc nhóm.

**8. Chuẩn đầu ra học phần:** Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

***-* Kiến thức:**

1. Nhận biết và mô tả được các khái niệm quá trình nghiên cứu thống kê trong kinh tế

2. Hệ thống các chỉ tiêu của các vấn đề kinh tế-xã hội, các phương pháp phân tích trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế

**- Kỹ năng:**

3. Lựa chọn phương pháp chọn mẫu phù hợp trong từng vấn đề nghiên cứu, từng mối quan hệ kinh tế

4. Sử dụng được các phương pháp chọn mẫu để thu thập và xử lý dữ liệu

5. Áp dụng được các phương pháp dự báo dựa vào tốc độ tăng (giảm) bình quân, tốc độ phát triển bình quân

**- Thái độ:**

6. Có khả năng tư duy logic và khả năng làm việc nhóm

***-* Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

7. Có khả năng tự định hướng, tự học tập, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân

8. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, lập kế hoạch và ra các quyết định về chuyên môn nghiệp vụ.

**9. Nội dung học phần:**

**9.1. Tóm tắt nội dung học phần: Học phần thống kê kinh tế bao gồm 7 chương với những nội dung cơ bản sau:**

Trước tiên Thống kê kinh tế xác định đối tượng nghiên cứu của môn học là mặt lượng trong mối liên hệ mật thiết với mặt chất của các hiện tượng kinh tế - xã hội số lớn đặt trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể. Giới thiệu hệ thống các chỉ tiêu Thống kê kinh tế chủ yếu được nghiên cứu trong môn học và hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân của Việt Nam. Đồng thời cung cấp cho sinh viên những nội dung chính của hệ thống tài khoản quốc gia.

Các chương còn lại tập chung nghiên cứu cụ thể về lý luận và phương pháp tính toán và phân tích các chỉ tiêu thống kê kinh tế chủ yếu như: dân số và nguồn lao động; các chỉ tiêu kết quả và hiệu quả sản xuất xã hội như Tổng sản phẩm trong nước, giá trị gia tăng, tổng giá trị sản xuất, năng suất lao động,…

Ngoài ra môn học cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quan về Hệ thống Ngân sách Nhà nước, cập nhật các thông tin về tình hình ngân sách Nhà nước Việt Nam. Tính toán các chỉ tiêu thống kê mức sống dân cư của các quốc gia, từ đó so sánh giữa các quốc gia với nhau.

**9.2. Nội dung học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chương** | **Mục, tiểu mục** | **Số tiết** | | | | **TL**  **TH** | **CĐR** |
| **TC** | **LT** | **BT** | **TH** |
| 1 | **Nguyên lý thống kê và các khái niệm cơ bản** | 1.1.Một số khái niệm dùng trong thống kê  1.2 Tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê | 8 | 6 | 2 |  | 15 | 1,2 |
| 2 | **Các đặc trưng đo lường khuynh hướng tập trung và phân tán giá trị** | 2.1. Các khuynh hướng đo mức tập trung và bình quân  2.2. Các khuynh hướng đo độ phân tán  2.3. Hệ số tương quan của các bộ dữ liệu | 5 | 2 | 3 |  | 15 | 2,3,4,5 |
| 3 | **Ước lượng tham số** | 3.1. Các khái niệm cơ bản của ước lượng  3.2. Khoảng tin cậy cho giá trị trung bình  3.3. Khoảng tin cậy cho độ lệch hai giá trị trung bình  3.4. Khoảng tin cậy cho giá trị tỷ lệ  3.5. Khoảng tin cậy cho độ lệch hai giá trị tỷ lệ  3.6. Khoảng tin cậy cho giá trị phương sai  3.7. Khoảng tin cậy cho dự đoán giá trị quan sát | 3 | 2 | 1 |  | 15 | 2,3,4,5,6 |
| 4 | **Kiểm định giả thiết thống kê** | 4.1. Khái niệm cơ bản về mô hình kiểm định  4.2. Kiểm định giả thiết cho một trung bình tổng thể  4.3. Kiểm định giả thiết cho hai trung bình tổng thể  4.4. Kiểm định giả thiết cho một giá trị tỷ lệ tổng thể  4.5. Kiểm định giả thiết cho hai giá trị tỷ lệ tổng thể  4.6. Kiểm định giả thiết cho phương sai tổng thể  4.7. Kiểm định giả thiết cho hai phương sai tổng thể | 4 | 2 | 2 |  | 15 | 1,2,7 |
| 5 | **Phân tích phương sai** | 5.1. Phân tích phương sai một nhân tố  5.2. Phân tích phương sai hai nhân tố không lặp  5.3. Phân tích phương sai hai nhân tố lặp | 4 | 2 | 2 |  | 15 | 3,4,5,8 |
| 6 | **Mô hình hồi quy đơn** | 6.1. Mô hình hồi quy tổng thể  6.2.Mô hình hồi quy tuyến tính đơn  6.3.Hệ số r2 đo sự phù hợp của mô hình hồi quy  6.4. Phân bố xác suất của các đại lượng ngẫu nhiên  6.5.Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy  6.6.Kiểm định giả thiết về hệ số hồi quy  6.7.Kiểm định độ phù hợp của mô hình  6.8.Ứng dụng mô hình hồi quy vào phân tích và dự đoán kết quả | 12 | 6 | 6 |  | 15 | 3,4,5,8 |
| 7 | **Lựa chọn mô hình hồi quy** | 7.1. Hàm đo mối quan hệ co giãn của hai biến  7.2. Hàm đó tốc độ tăng trưởng  7.3. Mô hình nghịch đảo | 4 | 2 | 2 |  | 15 | 5,6,7,8 |
| 8 |  | Ôn tập | 5 | 2 | 3 |  | 30 |  |
| **Tổng cộng** | | | **45** | **24** | **21** |  | **145** |  |

**10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:**

**Về kiến thức**: Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về thống kê và phân tích số liệu trong xã hội và trong kinh tế. Nội dung tổng quan môn học chia làm 7 chương tập trung vào thu thập và phân tích số liệu thống kê (chương 1 và 2), ước lượng và kiểm định các giả thiết thống kê (chương 3, 4 và 5), và cuối cùng là xây dựng mô hình hồi quy cho vấn đề dự đoán trong kinh tế (chương 6 và 7). Ngoài ra sinh viên còn được cung cấp thêm các kiến thức về phân tích số liệu bằng các phần mềm thông dụng như Excel, Eviews, R và SPSS.

**Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc thống kê và phân tích số liệu trong xã hội và trong kinh tế**

* Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 11 buổi. Những thắc mắc, nếu có của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
* Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm , mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bất chợt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

* Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, và hướng dẫn trực tiếp trên bảng phấn trên lớp.
* Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo nhóm, giải bài tập
* Trong giờ học sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
* Vào **tuần thứ 8,** sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **30 %** tổng số điểm
* ***Cuối học kỳ***, sinh viên sẽ có một bài thi dài tự luận.

**11. Phương pháp đánh giá học phần:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Những nội dung**  **cần đánh giá** | **Số lần đánh giá** | **Trọng số (%)** |
| Dự lớp | 10 | 10 |
| Thi giữa học kỳ | 1 | 30 |
| Thi cuối học kỳ | 1 | 60 |
|  |  | **Tổng: 100%** |

* Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 11 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên ***đi học trễ 15 phút*** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
* **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
* Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
* **Có hành động gian dối**: Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn…) thì sẽ bị điểm 0.

**12. Học liệu**

**12.1.Tài liệu chính:**

[1] TS. Bùi Đức Triệu, Giáo trình Thống kê kinh tế, ĐH Kinh tế quốc dân, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2010.

[2] ThS. Nguyễn Đình Khuông, Giáo trình Nguyên lý thống kê kinh tế

* 1. **Tài liệu tham khảo:**

[1] Econometrics, Bruce E.Hansen , Winconsin University, 2012.

[2] Bộ giáo trình: Thống kê trong kinh doanh, Chương trình Fullbright, 2012-2014.

[3] Phân tích số liệu bằng R, Nguyễn Văn Tuấn, New South Wales University, 2013.

**12.3. Tư liệu trực tuyến:**

* + Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/>
  + Website: [www.gso.gov.vn](http://www.gso.gov.vn)

**13. Tổ chức giảng dạy và học tập**

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyế định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

**14. Kế hoạch giảng dạy:**

**Buổi 1(4 tiết) Chương 1 Nguyên lý thống kê và các khái niệm cơ bản**

1.1.Một số khái niệm trong thống kê

Thống kê là một hệ thống các phương pháp bao gồm thu thập, tổng hợp, trình bày số liệu, tính toán các đặc trưng của đối tượng nghiên cứu nhằm phục vụ cho quá trình phân tích, dự đoán và ra quyết định

* + 1. Tổng thể thống kê và đơn vị tổng thể, và mẫu
    2. Tiêu thức
    3. Lượng biến
    4. Tham số
    5. Thang đo
    6. Thiết kế thang đo
  + Cho ví dụ theo từng khái niệm

**Buổi 2 (4 tiết) Chương 1 Nguyên lý thống kê và các khái niệm cơ bản (tt)**

1.2. Tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê.

Số liệu thu thập được trình bày trên bảng thống kê. Bảng thống kê là một hình thức biểu hiện các tài liệu thống kê một cách có hệ thống, hợp lý và rõ ràng, nhằm nêu lên các đặc trưng về mặt lượng của hiện tượng nghiên cứu.

1.2.1. Xác định quy mô mẫu

1.2.2. Phân tố

1.2.3. Nguyên tắc phân tố

* + Cho ví dụ cụ thể, làm bài tập xác định mẫu theo từng trường hợp
  + Giảng theo phương pháp hỏi đáp

**Buổi 3 (4 tiết) Chương 2 Các đặc trưng đo lường khuynh hướng tập trung và phân tán giá trị**

2.1. Các khuynh hướng đo mức tập trung và bình quân

Các đặc trưng đo lường khuynh hướng tập trung là các tham số tính toán mức độ bình quân và phổ biến của số liệu. Các đặc trưng này được sử dụng phổ biến trong thống kê để nêu lên đặc điểm chung nhất, phổ biến nhất của hiện tượng kinh tế-xã hội trong các điều kiện cụ thể. Ngoài ra còn dùng để so sánh đặc điểm của các hiện tượng không có cùng quy mô hay dùng làm căn cứ để đánh giá trình độ đồng đều của các đơn vị tổng thể

2.1.1. Số trung bình số học

2.1.2. Số trung bình điều hòa

2.1.3. Số trung bình học

2.1.4. Yếu vị

2.1.5. Số trung vị

2.2. Các khuynh hướng đo độ phân tán

2.2.1. Khoảng biến thiên

2.2.2. Độ lệch tuyệt đối trung bình

2.2.3. Phương sai

2.2.4. Hệ số biến thiên

* + Cho ví dụ cụ thể và hướng dẫn làm bài tập
  + Cho bài tập về nhà làm

**Buổi 4 (4 tiết) Chương 2 Các đặc trưng đo lường khuynh hướng tập trung và phân tán giá trị (tt) + Chương 3 Ước lượng tham số**

2.3. Các khuynh hướng đo vị trí tương đối

2.3.1. Phân vị

2.3.2. Tứ phân vị

2.4. Hệ số tương quan của các bộ dữ liệu

2.4.1. Hiệp phương sai

3.1. Các quy luật phân phối thông dụng

3.2. Các tiêu chuẩn ước lượng

3.3. Khoảng tin cậy cho giá trị trung bình

3.4. Khoảng tin cậy cho độ lệch hai giá trị trung bình

3.5. Khoảng tin cậy cho giá trị tỷ lệ

3.6. Khoảng tin cậy cho độ lệch hai già trị tỷ lệ

3.7. Khoảng tin cậy cho giá trị phương sai

3.8. Khoảng tin cậy cho dự đoán giá trị quan sát

* + Cho ví dụ cụ thể và hướng dẫn làm bài tập
  + Cho bài tập về nhà làm

**Buổi 5 (4 tiết) Chương 4 Kiểm định giả thiết thống kê**

4.1. Kiểm định giả thiết về tham số tổng thể

4.2. Kiểm định giả thiết cho một trung bình tổng thể

4.3. Kiểm định giả thiết cho hai trung bình tổng thể

4.4. Kiểm định giả thiết cho một giá rị tỷ lệ tổng thể

4.5. Kiểm định giả thiết cho hai giá trị tỷ lệ tổng thể

4.6. Kiểm định giả thiết cho phương sai tổng thể

4.7. Kiểm định giả thiết cho hai phương sai tổng thể

* + Cho ví dụ cụ thể và hướng dẫn làm bài tập
  + Bài kiểm tra ngắn
  + Cho bài tập về nhà làm

**Buổi 6 (4 tiết) Chương 5 Phân tích phương sai**

5.1. Phân tích phương sai một nhân tố

5.2. Phân tích phương sai hai nhân tố không lặp

5.3. Phân tích phương sai hai nhân tố lặp

* + Cho ví dụ cụ thể và hướng dẫn làm bài tập
  + Bài kiểm tra ngắn
  + Cho bài tập về nhà làm

**Buổi 7 (4 tiết) Chương 6 Mô hình hồi quy đơn**

6.1. Mô hình hồi quy tổng thể

6.1.1. Hàm hồi qui tổng thể

6.1.2. Sai số ngẫu nhiên

6.1.3. Hàm hồi qui mẫu

6.2. Mô hình hồi qui tuyến tính đơn

6.2.1. Phương pháp bình phương nhỏ nhất

6.2.2. Các giả thiết cơ bản của phương pháp bình phương nhỏ nhất

6.2.3. Độ chính xác của các ước lượng

* + Cho ví dụ cụ thể và hướng dẫn làm bài tập
  + Cho bài tập về nhà làm

**Buổi 8 (4 tiết) Chương 6 Mô hình hồi quy đơn (tt)**

6.3. Hệ số r2 đo sự phù hợp của hàm hồi quy mẫu

6.3.1. Hệ số r2

6.3.2. Hệ số tương quan

6.4. Phân bổ xác suất của đại lượng ngẫu nhiên

6.5. Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy

Kiểm tra giữa kỳ

**Buổi 9 (4 tiết) Chương 7 Lựa chọn mô hình hồi quy**

6.6. Kiểm định giả thiết và hệ số hồi quy

6.7. Kiểm định độ phù hợp của mô hình

6.8. Ứng dụng hồi quy vào phân tích và dự báo kết quả

6.8.1. Dự báo trung bình

6.8.2. Dự báo giá trị riêng biệt

* + Cho ví dụ cụ thể và hướng dẫn làm bài tập
  + Cho bài tập về nhà làm

**Buổi 10 (4 tiết) Chương 6 Mô hình hồi quy đơn**

7.1. Hàm đo mối quan hệ co giãn của Y so với X

7.1.1. Hệ số co giãn

7.1.2. Hàm sản xuất Cobb-Douglas. Log-Log

7.2. Hàm đo tốc độ tăng trưởng

7.2.1. Mô hình Log-Lin

7.2.2. Mô hình Lin-Log

7.3. Mô hình nghịch đảo

* + Cho ví dụ cụ thể và hướng dẫn làm bài tập
  + Cho bài tập về nhà làm

**Buổi 11 (5 tiết) Ôn tập**

Ôn tập lại một số nội dung và làm bài tập

**15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:**

**-** Thời gian: Theo lịch thi chung của trường

- Hình thức thi: Tự luận (Không được sử dụn tài liệu)

*Bình Thuận, ngày tháng năm 2015*

**Trưởng khoa**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: Tin học kế toán 2 (Phần mềm kế toán) Mã học phần: 10261**

**2. Khoa phụ trách: Kế toán – Kiểm toán**

**3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**

**3.1 Họ và tên: Đào Tuyết Lan**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Kế toán – Kiểm toán
* ĐT: 0989.002.001 email: daotuyetlan.07@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán

**3.2 Họ và tên: Nguyễn Thị Xuân Hồng**

* Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Kế toán – Kiểm toán
* ĐT: 0622.461.370 email: ntxhong@upt.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán

**4. Số tín chỉ: 3**

**5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết**

* Lên lớp: 45 tiết
* Tự học: 135 tiết

**6. Học phần tiên quyết:** Kế toán tài chính, Ứng dụng excel trong kế toán, Sổ sách kế toán, Hệ thống thông tin kế toán

**7. Mục tiêu của học phần:**

* **Về kiến thức:**
* Sinh viên nắm vững các kiến thức cơ bản về khái niệm, phân loại, mô hình hoạt động và lợi ích của phần mềm kế toán, các tiêu chuẩn và điều kiện của một phần mềm kế toán theo quy định của luật kế toán, quy định về hình thức kế toán máy, các tiêu chuẩn để lựa chọn phần mềm kế toán tốt.
* Sinh viên hiểu được cách mở sổ kế toán, các nội dung trong từng phần hành kế toán. Hiểu được cách thức quản lý dữ liệu trên phần mềm kế toán (sao lưu, phục hồi, xóa dữ liệu, xem báo cáo, in ấn,…)
* **Về kỹ năng:**
* Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán Misa trong việc quản lý tài liệu kế toán: Biết tạo dữ liệu kế toán, quản lý phát hành hóa đơn, nhập các chứng từ vào các phân hệ trong phần mềm, tổng hợp số liệu, lưu trữ, truy xuất dữ liệu, in ấn và bảo mật dữ liệu kế toán trên phần mềm.
* Kỳ vọng sinh viên đủ kiến thức để tự nghiên cứu và sử dụng một phần mềm kế toán khác một cách dễ dàng.
* **Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:**

Sau khi học xong học phần này sinh viên:

* Tự học tập, tìm hiểu, nghiên cứu các kiến thức có liên quan đến hệ thống thông tin kế toán, kế toán máy để hỗ trợ cho công tác kế toán DN.
* Biết vận dụng kiến thức đã học để triển khai cho công việc thực tế, biết rèn luyện tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận, khoa học và chuyên nghiệp.
* Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt trong công việc.

**8. Chuẩn đầu ra học phần:** Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

* **Kiến thức**

1. Trình bày được Khái niệm, phân loại, mô hình hoạt động của PMKT, lợi ích của PMKT, các tiêu chuẩn lựa chọn PMKT và tính ưu việc của PMKT
2. Diễn đạt được ý nghĩa từng bước đối với mở sổ kế toán trên PMKT (tạo cơ sở dữ liệu kế toán trên phần mềm).
3. Vận dụng được việc sao lưu, phục hồi, xóa dữ liệu trên PMKT
4. Giải thích được ý nghĩa của việc phân quyền sử dụng trên phần mềm
5. Diễn đạt được ý nghĩa của việc khai báo các danh mục tài khoản, nhập số dư ban đầu và quy trình quản lý phát hành hóa đơn trên PMKT
6. Giải thích được lưu đồ luân chuyển chứng từ và mô hình hoạt động của từng phân hệ kế toán trên phần mềm (Phân hệ kế toán mua hàng, bán hàng, Quỹ, NH, kho, TSCĐ, lương, CCDC, giá thành, xác định kết quả kinh doanh).
7. Thực hành được dữ liệu kế toán trên từng phân hệ trong phần mềm và lập được các báo cáo kế toán.
8. Giải thích được ý nghĩa của các chứng từ trong từng phân hệ kế toán

* **Kỹ năng**

1. Thành thạo quy trình mở sổ kế toán đối với phần mềm kế toán
2. Thành thạo việc phân quyền cho người sử trên phần mềm.
3. Thành thạo được việc khai báo các danh mục tài khoản theo chi tiết, số dư ban đầu và quản lý phát hành hóa đơn trên phần mềm
4. Điều chỉnh được thông tin khi phát hiện sai sót.
5. Thành thạo từng quy trình nghiệp vụ trên các phân hệ kế toán, sử dụng thành thạo các chức năng trên từng phân hệ, nhận diện được chứng từ để nhập vào phần mềm cho đúng phân hệ kế toán
6. Thành thạo việc tổng hợp số liệu ở phân hệ tính giá thành và xác định kết quả kinh doanh, thiết lập được báo cáo tài chính và báo cáo thuế
7. Giải thích được cách chỉnh sửa số liệu khi phát hiện sai sót, cách xem báo cáo và truy xuất số liệu khi in ấn
8. Có đủ kiến thức để lựa chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc thù DN mình đang công tác.
9. Có khả năng tự tìm hiểu và nghiên cứu một phần mềm kế toán bất kỳ khác để sử dụng.

* **Thái độ**

1. Có tác phong làm việc tích cực và chuyên nghiệp.

**9. Nội dung học phần:**

**9.1. Tóm tắt nội dung học phần:**

Phần mềm kế toán Misa cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, phân loại, mô hình hoạt động và lợi ích của phần mềm kế toán, các tiêu chuẩn và điều kiện của một phần mềm kế toán theo quy định của luật kế toán, quy định về hình thức kế toán máy, các tiêu chuẩn để lựa chọn phần mềm kế toán tốt. Sinh viên hiểu được cách mở sổ kế toán, các nội dung trong từng phân hệ kế toán (kế toán quản lý quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, kho, TSCĐ, lương, giá thành, tổng hợp, . . .). Về kiến thức nâng cao, sinh viên tự nhận diện chứng từ để nhập vào từng phần hành kế toán, biết tổng hợp số liệu, xem báo cáo, truy xuất số liệu ra excel, in ấn chứng từ, sổ sách kế toán và các báo cáo khác. Về kiến thức mở rộng, sinh viên đủ kiến thức để tự nghiên cứu sử dụng một phần mềm kế toán khác.

**9.2. Nội dung học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chương** | **Mục, tiểu mục** | **Số tiết** | | | | **TL TH** | **CĐR** |
| **TC** | **LT** | **BT** | **TH** |
| 1 | **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ PHẦN MỀM KẾ TOÁN MÁY** | 1. Khái niệm phần mểm kế toán 2. Mô hình hoạt động phần mềm kế toán máy 3. Tính ưu việt của phần mềm kế toán so với thủ công 4. Lợi ích của phần mềm kế toán 5. Phân loại phần mềm kế toán 6. Ưu nhược điểm của phần mềm kế toán Việt Nam so với phần mềm nước ngoài 7. Giới thiệu phần mềm Misa SME 2017 8. Tạo, lưu trữ, phục hồi và xóa số liệu | **3** | **3** |  |  |  | **1**  **2**  **3**  **4**  **9**  **10** |
| 2 | **CHƯƠNG 2: MỞ SỔ KẾ TOÁN VÀ THIẾT LẬP DỮ LIỆU KẾ TOÁN TRÊN PHẦN MỀM KẾ TOÁN** | 1. Các tính năng trong thanh Menu (Tệp, danh mục, nghiệp vụ, hệ thống, tiện ích, trợ giúp) 2. Khai báo danh mục ban đầu 3. Nhập số dư ban đầu 4. Quản lý phát hành hóa đơn bán hàng 5. Thực hành bài tập trên phần mềm kế toán | **9** |  |  | **9** |  | **5**  **11**  **12** |
| 53 | **CHƯƠNG 3: PHÂN HỆ MUA HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ** | 1. Mô hình hoạt động phân hệ Mua hàng và công nợ phải trả 2. Các chức năng chính trong phân hệ mua hàng và công nợ phải trả 3. Thực hành bài tập trên phần mềm kế toán 4. Thao tác nhập dữ liệu trong Tab đơn mua hàng, hóa đơn mua hàng, trả lại hàng mua, giảm giá, trả tiền, đối trừ chứng từ, . . . 5. Hướng dẫn xem báo cáo | **8** |  |  | **8** |  | **6**  **7**  **8**  **17**  **18** |
| 4 | **CHƯƠNG 4: PHÂN HỆ BÁN HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI THU** | 1. Mô hình hoạt động phân hệ Bán hàng và công nợ phải thu 2. Các chức năng chính trong phân hệ bán hàng và công nợ phải thu 3. Thực hành bài tập trên phần mềm kế toán: 4. Thao tác nhập dữ liệu trong Tab báo giá, đơn đặt hàng, hóa đơn bán hàng, hóa đơn bán lẻ, trả lại hàng bán, giảm giá, thu tiền, đối trừ chứng từ,… 5. Hướng dẫn xem báo cáo | **8** |  |  | **8** |  | **6**  **7**  **8**  **9**  **15**  **16**  **17** |
| 5 | **CHƯƠNG 5: PHÂN HỆ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG** | 1. Mô hình hoạt động phân hệ Quỹ và Ngân hàng. 2. Các chức năng chính trong phân hệ Quỹ và Ngân hàng 3. Thực hành bài tập trên phần mềm kế toán: 4. Thao tác nhập dữ liệu trong Tab thu, chi 5. Thao tác nhập dữ liệu trong Tab nộp tiền vào tài khoản, chuyển tiền 6. Hướng dẫn xem báo cáo | **3** |  |  | **3** |  | **7**  **8**  **9**  **10**  **11**  **12**  **13** |
| **6** | **CHƯƠNG 6: PHÂN HỆ KHO VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ** | 1. Mô hình hoạt động phân hệ Kho và CCDC 2. Các chức năng chính trong phân hệ Kho và CCDC 3. Chi phí trả trước và phân bổ (CCDC và các chi phí phát sinh cần phân bổ) 4. Thực hành bài tập trên phần mềm kế toán: 5. Thao tác nhập dữ liệu trong Tab nhập kho, xuất kho. 6. Thao tác nhập dữ liệu trong Tab điều chuyển nội bộ, lắp ráp tháo dỡ, điều chỉnh hàng tồn kho, cập nhật giá xuất kho, tính giá bán, . . . 7. Hướng dẫn xem báo cáo | **5** |  |  | **5** |  | **15**  **16**  **17**  **18** |
| 7 | **CHƯƠNG 7: PHÂN HỆ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH** | 1. Mô hình hoạt động phân hệ TSCĐ 2. Các chức năng chính trong phân hệ TSCĐ 3. Thực hành trên phần mềm kế toán: 4. Thao tác nhập dữ liệu ghi tăng, giảm TSCĐ, đánh giá lại TSCĐ 5. Trích khấu hao TSCĐ 6. Hướng dẫn xem báo cáo | **4** |  |  | **4** |  | **6**  **7**  **8**  **9**  **10**  **15**  **16**  **17** |
| 8 | **CHƯƠNG 8: PHÂN HỆ TIỀN LƯƠNG** | 1. Mô hình hoạt động phân hệ Tiền lương 2. Các chức năng chính trong phân hệ Tiền lương 3. Thực hành trên phần mềm kế toán: 4. Thao tác nhập dữ liệu trong Tab chấm công, bảng lương, tính lương, trả lương, nộp thuế. 5. Hướng dẫn xem báo cáo | **4** |  |  | **4** |  | **5**  **6**  **7**  **8**  **9**  **11** |
| 9 | **CHƯƠNG 9: PHÂN HỆ KẾ TOÁN GIÁ THÀNH** | 1. Mô hình hoạt động phân hệ Giá thành 2. Các chức năng chính trong phân hệ Giá thành 3. Thực hành trên phần mềm kế toán: 4. Thao tác tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm 5. Hướng dẫn xem báo cáo | **6** |  |  | **6** |  | **5**  **6**  **1**  **7**  **9**  **11** |
| 10 | **CHƯƠNG 10: PHÂN HỆ TỔNG HỢP VÀ THUẾ** | 1. Mô hình hoạt động phân hệ Tổng hợp và thuế 2. Các chức năng chính trong phân hệ Tổng hợp và thuế 3. Thực hành trên phần mềm kế toán: 4. Thao tác nhập dữ liệu trong phân hệ Tổng hợp và thuế 5. Hướng dẫn xem báo cáo | **4** |  |  | **4** |  | **1**  **4**  **6**  **8**  **9**  **15** |

**10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:**

1. Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
2. Tham dự tối thiểu 70% thời gian lên lớp
3. Tuyệt đối không được làm việc riêng trong giờ học
4. Đọc tài liệu trước mỗi buổi học
5. **Phương pháp đánh giá học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần** | **Công cụ đánh giá** | **Tỷ trọng trong thành phần** | **Tỉ trọng trong học phần** | **Thời điểm đánh giá** |
| *Chuyên cần* | *- Điểm danh* |  | *10%* | *- Mỗi buổi học* |
| *Giữa kỳ* | *- Bài tập nhóm*  *- Thi giữa kỳ.* | *40%*  *60%*  ***100%*** | *30%* | *- Sau 1 tuần khi kết thúc học phần.*  *- Sau buổi học thứ 7* |
| *Cuối kỳ* | *- Thi Thực hành trên máy tính.* |  | *60%* | *- Theo lịch của khoa.* |
| ***Cộng*** | | | ***100%***  ***(10/10)*** |  |

**12. Học liệu**

**12.1.Tài liệu chính:**

* Lưu Chí Danh, 2017 “Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán Misa 2017”, khoa TCKT, , Lưu hành nội bộ.
* Slide bài giảng phần mềm kế toán
  1. **Tài liệu tham khảo:**
* Công ty CP MISA, 2015 “Giáo trình Kế toán máy - Kế toán doanh nghiệp”, NXB Văn hóa thông tin.

**12.3. Tư liệu trực tuyến:**

* Tiếng Việt:

+ help.misasme2017.misa.vn

+ help.amis.vn

+ Wedsite: www.misa.com.vn

* **13. Tổ chức giảng dạy và học tập**

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

**14. Kế hoạch giảng dạy: (mô tả cụ thể từ buổi 1 đến buổi cuối cùng, mỗi buổi 4 tiết trên lớp, tối thiểu 12 tiết tự học)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi/tiết** | **Nội dung dạy – học** | **Hình thức dạy – học** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của SV** |
| 01 (4t) | Chương 1 từ mục 1 đến 8 và Chương 2 mục 1 | GV lên lớp giảng. | *- GV thuyết giảng nội dung bài học.*  *- GV HD thực hành*  *- Phổ biến làm bài tập nhóm*  *- Phân chia nhóm* | *-* SV bắt buộc đọcSlide bài giảng Chương 1, 2  - Đọc tài liệu tham khảo Giáo trình Kế toán máy Chương 1 và Chương 2 từ trang 35 đến trang 49 |
| 02 (4t) | Chương 2 mục 1,2 (tt) | GV lên lớp giảng. | *- GV thuyết giảng nội dung bài học.*  *- GV HD thực hành*  *- Hướng dẫn làm BT nhóm* | *-* SV bắt buộc đọcSlide bài giảng Chương 2  - Đọc tài liệu tham khảo Giáo trình Kế toán máy Chương 2 từ trang 53 đến trang 91  - SV làm bài tập nhóm |
| 03 (4t) | Chương 2 mục 3,4,5 (tt) | GV lên lớp giảng. | *- GV thuyết giảng nội dung bài học.*  *- GV HD thực hành* | *-* SV bắt buộc đọcSlide bài giảng Chương 3  - Đọc tài liệu tham khảo Giáo trình Kế toán máy Chương 4 từ trang 132 đến trang 146  - SV làm bài tập nhóm |
| 04 (4t) | Chương 3 mục 1,2,3 | GV lên lớp giảng. | *- GV thuyết giảng nội dung bài học.*  *- GV HD thực hành* | *-* SV bắt buộc đọcSlide bài giảng Chương 4  - Đọc tài liệu tham khảo Giáo trình Kế toán máy Chương 5 từ trang 147 đến trang 176  - SV làm bài tập nhóm |
| 05 (4t) | Chương 3 mục 3 (tt) | GV lên lớp giảng. | *- GV thuyết giảng nội dung bài học.*  *- GV HD thực hành*  *- Hướng dẫn làm BT nhóm* | - SV làm bài tập nhóm |
| 06 (4t) | Chương 4 mục 1,2 | GV lên lớp giảng. | *- GV thuyết giảng nội dung bài học.*  *- GV HD thực hành* | *-* SV bắt buộc đọcSlide bài giảng Chương 5  - Đọc tài liệu tham khảo Giáo trình Kế toán máy Chương 6 từ trang 179 đến trang 220 |
| 07 (4t) | Chương 4 mục 3 (tt) | GV lên lớp giảng. | *- GV thuyết giảng nội dung bài học.*  *- GV HD thực hành*  *- Hướng dẫn làm BT nhóm* | - SV làm bài tập nhóm |
| 08 (4t) | Chương 5 mục 1,2,3 và Chương 6 mục 1,2 | GV lên lớp giảng. | *- GV thuyết giảng nội dung bài học.*  *- GV HD thực hành*  *-* ***Thi giữa kỳ*** | *-* SV bắt buộc đọcSlide bài giảng Chương 6,7,8  - Đọc tài liệu tham khảo Giáo trình Kế toán máy Chương 3 từ trang 97 đến trang 130 và Chương 7,8 từ trang 222 đến trang 267 |
| 09 (4t) | Chương 6 mục 3,4 | GV lên lớp giảng. | *- GV thuyết giảng nội dung bài học.*  *- GV HD thực hành*  *- Hướng dẫn làm BT nhóm* | *-* SV bắt buộc đọcSlide bài giảng Chương 9  - Đọc tài liệu tham khảo Giáo trình Kế toán máy Chương 7,8 từ trang 222 đến trang 267  - SV làm bài tập nhóm |
| 10 (4t) | Chương 7 mục 1,2,3 | GV lên lớp giảng. | *- GV thuyết giảng nội dung bài học.*  *- GV HD thực hành* | *-* SV bắt buộc đọcSlide bài giảng Chương 10  - Đọc tài liệu tham khảo Giáo trình Kế toán máy Chương 9 từ trang 268 đến trang 295  - SV làm bài tập nhóm |
| 11 (4t) | Chương 8 mục 1,2,3 | GV lên lớp giảng. | *- GV thuyết giảng nội dung bài học.*  *- GV HD thực hành*  *- Hướng dẫn làm BT nhóm* | *-* SV bắt buộc đọcSlide bài giảng Chương 11  - Đọc tài liệu tham khảo Giáo trình Kế toán máy Chương 10 từ trang 297 đến trang 327  - SV làm bài tập nhóm |
| 12 (4t) | Chương 9 mục 1,2,3 | GV lên lớp giảng. | *- GV thuyết giảng nội dung bài học.*  *- GV HD thực hành* | *-* SV bắt buộc đọcSlide bài giảng Chương 12,13  - Đọc tài liệu tham khảo Giáo trình Kế toán máy Chương 12,13 từ trang 369 đến trang 428  - SV làm bài tập nhóm |
| 13 (4t) | Chương 9 mục (tt) và Chương 10 mục 1,2,3 | GV lên lớp giảng. | *- GV thuyết giảng nội dung bài học.*  *- GV HD thực hành*  *- Hướng dẫn làm BT nhóm* | *-* SV bắt buộc đọcSlide bài giảng Chương 14  - Đọc tài liệu tham khảo Giáo trình Kế toán máy Chương 12,13 từ trang 369 đến trang 428  - SV làm bài tập nhóm |
| 14 (4t) | Thực hành bài tập tổng hợp TT133 | GV lên lớp giảng. | *- GV HD thực hành* | - SV làm bài tập thực hành ở nhà  - SV làm bài tập nhóm |
| 15 (4t) | Thực hành bài tập tổng hợp TT133 (tt) | GV lên lớp giảng. | *- GV HD thực hành* | - SV hoàn chỉnh bài tập nhóm và nộp bài. |

**15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:**

* **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
* **Hình thức thi:** tự luận, trắc nghiệm (không được sử dụng tài liệu)

*Phan Thiết, ngày tháng năm 2015*

**Trưởng khoa**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: KẾ TOÁN

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: Phân tích hoạt động kinh doanh - Mã học phần: 23011**

**2. Khoa phụ trách: Kế toán**

**3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**

**3.1 Họ và tên: Lê Thị Bảo Như**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Kế toán – Kiểm toán
* ĐT: 0917.485.684 email: lebaonhu@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán

**3.2. Họ và tên: Nguyễn Thị Thảo**

* Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Kế toán – Kiểm toán
* ĐT: 01662.416.163 email:ntthao@upt.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán

**4. Số tín chỉ: 3**

**5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết**

* Lên lớp: 45 tiết
* Tự học: 135 tiết

**6. Học phần tiên quyết:** Nguyên lý kế toán, kế toán tài chính 1

**7. Mục tiêu của học phần:**

Môn học nhằm cung cấp các kiến thức như:

* Hiểu vai trò của phân tích hoạt động kinh doanh trong quản lý doanh nghiệp
* Nắm được và vận dụng các bước thực hiện trong quy trình phân tích hoạt động kinh doanh
* Biết cách phân tích quá trình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; phân tích các nhân tố ảnh hưởng

**8. Chuẩn đầu ra học phần:** Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

***-* Kiến thức:**

Học phần này giúp sinh viên thấy được thực chất của quá trình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đề xuất các biện pháp hợp lý để kiểm soát chi phí, khai thác khả năng tiềm tàng của doanh nghiệp. Phân tích hoạt động kinh doanh bằng các phương pháp nghiên cứu riêng có của mình giúp sinh viên hiểu và đánh giá đúng kết quả sản xuất về khối lượng, chất lượng sản phẩm, thấy được thành quả cũng như trách nhiệm của các bộ phận trong việc kiểm soát chi phí thông qua phân tích biến động giá thành sản phẩm. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận cũng cho thấy nguyên nhân làm lợi nhuận doanh nghiệp tăng, giảm theo xu hướng khách quan hoặc chủ quan. Phân tích báo tài chính của doanh nghiệp cho thấy được ý nghĩa của các số liệu trên các báo cáo, thông qua mối quan hệ giữa các khoản mục trên bảng cân đối sẽ đánh giá được tình hình biến động cũng như kết cấu vốn, nguồn vốn của doanh nghiệp. Khả năng sinh lời, tình hình lưu chuyển vốn, khả năng thanh toán của doanh nghiệp cũng sẽ được sáng tỏ khi phân tích báo cáo tài chính

**- K*ỹ năng:***

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về việc đánh giá quá trình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó nhận thức được bản chất của hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp, có kỹ năng đưa ra các biện pháp phục vụ cho công tác quản lý và ngăn ngừa các rủi ro trong kinh doanh. Học phần còn giúp cho sinh viên có kỹ năng đọc và phân tích báo cáo tài chính, nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho việc ra các quyết định kinh doanh.

**- Thái độ:**

Để lĩnh hội tốt kiến thức môn học, sinh viên cần có tinh thần học tập cao: Tham gia đầy đủ các buổi học; Nghiên cứu giáo trình và tài liệu tham khảo trước khi đến lớp. Trong giờ học tích cực tham gia thảo luận về những vấn đề liên quan đến môn học với giáo viên và các bạn trong lớp; Hoàn thành tất cả các bài tập theo qui định của giáo viên.

***-* Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

Sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học nhằm phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đưa ra các đề xuất nhằm cải thiện tình hình hoạt động của công ty.

**9. Nội dung học phần:**

**9.1. Tóm tắt nội dung học phần:**

Phân tích hoạt động doanh nghiệp giúp các nhà kinh tế đánh giá đúng kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, xác định được những nguyên nhân tác động đến quá trình và kết quả hoạt động kinh doanh, từ đó có biện pháp thích hợp khai thác khả năng tiềm tàng của doanh nghiệp.

**9.2. Nội dung học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chương** | **Mục, tiểu mục** | **Số tiết** | | | | **TL**  **TH** | **CĐR** |
| **TC** | **LT** | **BT** | **TH** |  |
| 1. | **chương 1:****NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH** | 1.1. Ý nghĩa và mục tiêu phân tích hoạt động kinh doanh  1.2 Đối tượng của phân tích hoạt động kinh doanh  1.3 Phương pháp sử dụng trong phân tích hoạt động kinh doanh  1.4 Phân loại và tổ chức công tác phân tích hoạt động kinh doanh | 4 | 4 | 0 |  | 10 |  |
| 2. | **Chương 2**: **PHÂN TÍCH KẾT QUẢ SẢN XUẤT** | 2.1. Ý nghĩa của phân tích kết quả sản xuất  2.2 Phân tích kết quả sản xuất về mặt khối lượng  2.2.1 Phân tích quy mô sản xuất  2.2.2 Phân tích quy mô sản xuất và sự thích ứng với thị trường  2.2.3 Phân tích kết quả sản xuất theo mặt hàng chủ yếu  2.2.4 Phân tích tính chất đồng bộ trong sản xuất  2.3 Phân tích kết quả sản xuất về mặt chất lượng sản phẩm  2.3.1 Sản phẩm có phân chia thứ hạng về mặt chất lượng sản phẩm  2.3.2 Sản phẩm không phân chia thứ hạng về mặt chất lượng sản phẩm | 8 | 4 | 4 |  | 20 |  |
| 3. | **Chương 3**: **PHÂN TÍCH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM** | 3.1 Ý nghĩa, nhiệm vụ phân tích giá thành sản phẩm  3.2 Phân tích chung tình hình thực hiện giá thành  3.3 Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch hạ giá thành sản phẩm so sánh được  3.4 Phân tích chỉ tiêu chi phí trên 1000 đồng sản phẩm  3.5 Phân tích các khoản mục giá thành | 12 | 6 | 6 |  | 30 |  |
| 4. | **Chương 4**: **PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TIÊU THỤ VÀ LỢI NHUẬN** | 4.1 Phân tích tình hình tiêu thụ  4.1.1 Ý nghĩa, nhiệm vụ  4.1.2 Phân tích tình hình tiêu thụ về khối lượng  4.1.3 Phân tích tình hình tiêu thụ về doanh thu  4.1.4 Phân tích tình hình tiêu thụ mặt hàng chủ yếu  4.1.5 Phân tích nguyên nhân ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ  4.2 Phân tích tình hình lợi nhuận  4.2.1 Ý nghĩa, nhiệm vụ  4.2.2 Các bộ phận cấu thành lợi nhuận  4.2.3 Phân tích chung tình hình lợi nhuận  4.2.4 Phân tích tình hình lợi nhuận từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ  4.2.5 Phân tích tình hình lợi nhuận về hoạt động tài chính  4.2.6 Phân tích tình hình lợi nhuận khác | 8 | 4 | 4 |  | 20 |  |
| 5. | **Chương 5**: **PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** | * 1. Ý nghĩa, mục đích và nội dung phân tích tình hình tài chính   2. Các tiêu chuẩn để phân tích BCTC   3. Nguồn tài liệu phân tích   4. Phân tích ảnh hưởng của kế toán đến tính xác thực của thông tin trên BCTC   5. Nội dung phân tích BCTC | 8 | 4 | 4 |  | 20 |  |
| **6.** | **ÔN TẬP** |  | **5** | **2** | **3** |  | **35** |  |
|  | **Tổng cộng** |  | **45** | **24** | **21** |  | **135** |  |

**10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:**

Học phần giúp sinh viên phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, tìm hiểu, thảo luận và phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp.

* Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 11 buổi. Những thắc mắc (nếu có) của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
* Phần bài tập được giao cho từng cá nhân. Sinh viên phải hoàn thành những yêu cầu sau:

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận bài tập do giảng viên cung cấp để giải các bài tập này và sinh viên xung phong lên sửa bài tập.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

* Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
* Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình
* Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
* Vào **tuần thứ 6,** sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **10 %** tổng số điểm
* ***Cuối học kỳ***, sinh viên sẽ có một bài thi dài 75 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

**11. Phương pháp đánh giá học phần:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Những nội dung**  **cần đánh giá** | **Số lần đánh giá** | **Trọng số (%)** |
| Dự lớp | 11 | 10 |
| Thảo luận |  |  |
| Bản thu hoạch |  |  |
| Thuyết trình | 1 | 10 |
| Bài tập | 1 | 10 |
| Thi giữa học kỳ | 1 | 10 |
| Thi cuối học kỳ | 1 | 60 |
|  |  | **Tổng: 100%** |

Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 11 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên ***đi học trễ 15 phút*** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.

**Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)

**Có hành động gian dối**: Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn…) thì sẽ bị điểm 0.

**12. Học liệu**

**12.1. Tài liệu chính:**

* Bộ môn Kế toán quản trị - phân tích hoạt động kinh doanh, khoa Kế toán – Kiểm toán, trường ĐH Kinh tế TP.HCM, *phân tích hoạt động kinh doanh,* NXB kinh tế TP.HCM, 2015
* Phạm Văn Dược, trường ĐH Kinh tế TP.HCM, *Bài tập và bài giải phân tích hoạt động kinh doanh,* NXB thống kê, 2015

**12.2 Tài liệu tham khảo:**

Phạm Văn Dược, trường ĐH Kinh tế TP.HCM, P*hân tích hoạt động kinh doanh,* NXB thống kê, 2015

Phạm Văn Dược, Huỳnh Đức Lộng, Lê Thị Minh Tuyết, (2011), *Phân tích hoạt động kinh doanh*, Tái bản lần 1, bộ môn kế toán quản trị - Phân tích hoạt động kinh doanh, trường Đại học Kinh tế TP.HCM, NXB. Lao Động.

Wahlen J.M, Baginski S.P and Bradshaw M.T (2011), Financial Reporting, Financial Statement Analysis, and Valuation: A strategic Perspective, 7th edition, South – Western Cengage Learning.

**12.3. Tư liệu trực tuyến:**

* **13. Tổ chức giảng dạy và học tập**

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

**14. Kế hoạch giảng dạy:**

**TUẦN 1 (4 tiết) :****NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Phương pháp giảng dạy: hỏi đáp, thuyết trình

Phương pháp đánh giá học phần: Chuyên cần, thi giữa kỳ, thi cuối kỳ

Kết quả mong muốn: Học phần giúp sinh viên phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, tìm hiểu, thảo luận và phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Giới thiệu tài liệu học tập.

Nội dung học tập:

* Vai trò của của phân tích hoạt động kinh doanh trong quản lý doanh nghiệp
* Đối tượng, mục tiêu của phân tích hoạt động kinh doanh
* Các phương pháp dùng trong phân tích hoạt động kinh doanh
* Phân loại, tổ chức công tác phân tích hoạt động kinh doanh

Chuẩn bị cho bữa sau: Đọc chương 2 trong giáo trình

**TUẦN 2 (4 tiết) PHÂN TÍCH KẾT QUẢ SẢN XUẤT**

Phương pháp giảng dạy: hỏi đáp, thuyết trình

Nhắc lại nội dung bài cũ

Giảng nội dung bài mới:

* Đánh giá sự thay đổi về quy mô sản xuất của doanh nghiệp thông qua phân tích chỉ tiêu giá trị sản xuất
* Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất mặt hàng chủ yếu
* Phân tích tính chất đồng bộ của sản xuất
* Phân tích kết quả sản xuất về chất lượng sản phẩm đối với những sản phẩm có phân chia thứ hạng
* Phân tích kết quả sản xuất về chất lượng sản phẩm đối với những sản phẩm không có phân chia thứ hạng

Chuẩn bị cho bữa sau: làm bài tập chương 2

**TUẦN 3 (4 tiết) PHÂN TÍCH KẾT QUẢ SẢN XUẤT**

Nhắc lại nội dung bài cũ

Phương pháp giảng dạy: hỏi đáp, sửa bài tập

Sinh viên xung phong lên sửa bài tập

Chuẩn bị cho bữa sau: xem chương 3 trong giáo trình

**TUẦN 4 (4 tiết) PHÂN TÍCH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM**

Phương pháp giảng dạy: hỏi đáp, thuyết trình

Nhắc lại nội dung bài cũ

Giảng nội dung bài mới:

* Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phân tích giá thành sản phẩm trong quá trình quản lý doanh nghiệp
* Nội dung và phương pháp phân tích chung tình hình biến động giá thành và tổng giá thành
* Phân tích tình hình thực hiện nhiệm vụ hạ giá thành sản phẩm so sánh được, phân tích chỉ tiêu chi phí trên 1.000 đồng sản phẩm, phân tích các khoản mục giá thành.

Chuẩn bị cho bữa sau: xem chương 3 trong giáo trình, làm bài tập

**TUẦN 5 (4 tiết) PHÂN TÍCH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM**

Phương pháp giảng dạy: hỏi đáp, thuyết trình

Nhắc lại nội dung bài cũ

Giảng nội dung bài mới:

* Nhận diện các nhân tố tác động tới công tác quản lý chi phí sản xuất tại doanh nghiệp
* Làm bài tập chương 3

Chuẩn bị cho bữa sau: Làm bài tập chương 3

**TUẦN 6 (4 tiết) PHÂN TÍCH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM**

Nhắc lại nội dung bài cũ

Phương pháp giảng dạy: hỏi đáp, sửa bài tập

Sinh viên xung phong lên sửa bài tập

Kiểm tra giữa kỳ

Chuẩn bị cho bữa sau: xem chương 4 trong giáo trình

**TUẦN 7 (4 tiết) PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TIÊU THỤ VÀ LỢI NHUẬN**

Phương pháp giảng dạy: hỏi đáp, thuyết trình

Nhắc lại nội dung bài cũ

Giảng nội dung bài mới:

* Khái quát về tình hình tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp, cũng như thấy được sự biến động của doanh thu và tình hình thực hiện các mặt hàng chủ yếu
* Chỉ ra những nguyên nhân khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ
* Đánh giá tình hình biến động lợi nhuận của toàn doanh nghiệp trên cơ sở biến động lợi nhuận của từng hoạt động

Chuẩn bị cho bữa sau: làm bài tập chương 4

**TUẦN 8 (4 tiết) PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TIÊU THỤ VÀ LỢI NHUẬN**

Nhắc lại nội dung bài cũ

Phương pháp giảng dạy: hỏi đáp, sửa bài tập

Sinh viên xung phong lên sửa bài tập

Chuẩn bị cho bữa sau: xem chương 4 trong giáo trình

Chuẩn bị cho bữa sau: làm bài tập chương 5

**TUẦN 9 (4 tiết) PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Nhắc lại nội dung bài cũ

Phương pháp giảng dạy: hỏi đáp, sửa bài tập

Giảng nội dung bài mới:

* Mục tiêu phân tích BCTC của các đối tượng bên trong và ngoài doanh nghiệp
* Xác định các tiêu chuẩn, nguồn thông tin để phân tích BCTC
* Phân tích theo chiều ngang, phân tích xu hướng, phân tích theo chiều dọc và phân tích tỷ số để đánh giá khái quát và toàn diện tình hình tài chính của một doanh nghiệp.

Chuẩn bị cho bữa sau: làm bài tập chương 5

**TUẦN 10 (4 tiết) BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP**

Nhắc lại nội dung bài cũ

Phương pháp giảng dạy: hỏi đáp, sửa bài tập

Sinh viên xung phong lên sửa bài tập

Chuẩn bị cho bữa sau: làm bài tập

**TUẦN 11 (5 tiết) ÔN TẬP**

Phương pháp giảng dạy: hỏi đáp, thuyết trình

Hệ thống hóa các kiến thức toàn chương trình

Làm bài tập vận dụng

Giải đáp thắc mắc của sinh viên.

**15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:**

**- Thời gian: Theo lịch thi chung của trường**

**- Hình thức thi: tự luận và trắc nghiệm**

***Bình Thuận, ngày tháng năm 2015***

**Trưởng khoa**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: Toán tài chính - Mã học phần :10133**

**2. Khoa phụ trách: Tài chính ngân hàng**

**3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**

**Họ và tên: Lê Thị Thanh Loan**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Tài chính Ngân hàng
* ĐT: 0908161851; email: [lttloan@upt.edu.vn](mailto:lttloan@upt.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Nghiệp vụ ngân hàng, thanh toán quốc tế

**4. Số tín chỉ: 2**

**5. Phân bổ thời gian (tiết): 30 tiết**

* Lên lớp: 30 tiết
* Tự học: 120 tiết

**6. Học phần tiên quyết:** Tài chính tiền tệ.

**7. Mục tiêu của học phần:** Cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về: Lãi đơn, lãi kép, giá trị tiền tệ theo thời gian, cách tính toán các nghiệp vụ của ngân hàng như huy động vốn, vay vốn, chiết khấu giấy tờ có giá.

**8. Chuẩn đầu ra học phần:** Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

***- Kiến thức:***

* + Hiểu được cách tính lãi đơn, lãi kép.
  + Hiểu được Giá trị tương lai, giá trị hiện tại của một khoản tiền, một chuỗi tiền
  + Hiểu được cách tính lãi trong các nghiệp vụ huy động vốn, vay vốn, chiết khấu giấy tờ có giá.

***- Kỹ năng:***

* + . Thực hành tính toán các bài toán về lãi đơn, lãi kép.
  + . Thực hành tính giá trị tiền tệ theo thời gian
  + . Vận dụng các cách tính lãi vào thực tế các nghiệp vụ ngân hàng: huy động vốn, vay vốn, chiết khấu giấy tờ có giá.
  + Kỹ năng tính toán, suy luận, làm việc độc lập, quản lý thời gian.

***- Thái độ:***

* + Có thái độ học tập nghiêm túc, cẩn thận.

***- Năng lực tự chủ và trách nhiệm***

* + Có năng lực tự học, tự nghiên cứu và tự chịu trách nhiệm về kết quả học tập của mình.

**9. Nội dung học phần:**

**9.1. Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần toán tài chính bao gồm những kiến thức nền tảng về: Lãi đơn, lãi kép, giá trị tiền tệ theo thời gian, cách tính toán các nghiệp vụ của ngân hàng như huy động vốn, vay vốn, chiết khấu giấy tờ có giá.

**9.2. Nội dung học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chương** | **Mục, tiểu mục** | **Số tiết** | | | | **TL**  **TH** | **CĐR** |
| **TC** | **LT** | **BT** | **TH** |  |
| 1 | **Lãi đơn** | 1. Giới thiệu 2. Các khái niệm cơ bản 3. Các ký hiệu 4. Phương pháp lãi đơn 5. Lãi suất trung bình 6. Lãi suất thực | 4 | 2 | 2 |  | 12 | 1, 4, 7, 8, 9 |
| 2 | **Lãi kép** | 1. Giới thiệu 2. Phương pháp lãi kép 3. Lãi suất tương đương 4. Lãi suất tỷ lệ 5. Lãi suất rung bình 6. Lãi suất thực hay lãi suất hiệu dụng 7. So sánh lãi đơn và lãi kép | 6 | 3 | 3 |  | 18 | 1, 4, 7, 8, 9 |
| 3 | **Thời giá của tiền tệ** | 1. Những hiểu biết chung 2. Giá trị tương lai của một khoản tiền 3. Giá trị hiện tại của một khoản tiền 4. Giá trị tương lai của một chuỗi tiền 5. Giá trị hiện tại của chuỗi tiền | 6 | 3 | 3 |  | 18 | 2, 5, 7, 8, 9 |
| 4 | **Chiết khấu giấy tờ có giá** | 1. Các khái niệm cơ bản 2. Các loại giấy tờ có giá 3. Chiết khấu thương phiếu 4. Chiết khấu tín phiếu kho bạc 5. Chiết khấu chứng chỉ tiền gởi 6. Chiết khấu sổ tiết kiệm 7. Chiết khấu theo lãi kép | 4 | 2 | 2 |  | 12 | 3, 6, 7, 8, 9 |
| 5 | **Tài khoản vãng lai** | 1. Các khái niệm 2. Tài khoản vãng lai 3. Phương pháp trình bày tài khoản vãng lai 4. Tài khoản tiền gửi thanh toán 5. Tài khoản cho vay luân chuyển | 4 | 2 | 2 |  | 12 | 3, 6, 7, 8, 9 |
| 6 | **Vay vốn** | 1. Trả nợ vay và lãi 1 lần khi đáo hạn 2. Trả lãi định kỳ - trả nợ gốc khi đáo hạn 3. Trả nợ theo phương thức vốn và lãi chia đều 4. Trả nợ theo phương thức dư nợ giảm dần | 4 | 2 | 2 |  | 12 | 3, 6, 7, 8, 9 |
| 7 | **Ôn tập** |  |  |  |  |  |  |  |

**10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:**

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc thực hiện tính toán các nghiệp vụ liên quan đến tài chính và ngân hàng.

* Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 8 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
* Phần bài tập được thực hiện sau khi học lý thuyết theo từng nội dung cụ thể.
* Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép và thực hành thêm.
* Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
* Vào **tuần thứ 4,** sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm 30 %tổng số điểm.
* ***Cuối học kỳ***, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức tự luận.

**11. Phương pháp đánh giá học phần:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Những nội dung**  **cần đánh giá** | **Số lần đánh giá** | **Trọng số (%)** |
| Dự lớp | 10 | 10 |
| Thảo luận |  |  |
| Bản thu hoạch |  |  |
| Thuyết trình |  |  |
| Bài tập |  |  |
| Thi giữa học kỳ | 1 | 30 |
| Thi cuối học kỳ | 1 | 60 |
|  |  | **Tổng: 100%** |

* Giảng viên sẽ điểm danh 7 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên ***đi học trễ 15 phút*** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó.
* Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài hoặc làm bài tập trên bảng**:** Sinh viên khi phát biểu đúng hoặc làm bài tập trên bảng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm thi giữa học kỳ.
* Có hành động gian dối: Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra;…) thì sẽ bị điểm 0.

**12. Học liệu**

**12.1.Tài liệu chính:**

* TS Đỗ Thiên Anh Tuấn, “*Toán tài chính ứng dụng*”,NXBThống kê, 2010.
* TS. Bùi Hữu Phước, “Toán tài chính”, NXB Thống kê, 2012

**12.2 Tài liệu tham khảo:**

* TS. Trần Trọng Nguyên, “Cơ sở Toán Tài chính”, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ Thuật, 2011.
* ThS. Nguyễn Văn Nông, “Toán tài chính & ứng dụng”, Nhà xuất bản Lao động xã hội, 2006.

**12.3. Tư liệu trực tuyến:**

**13. Tổ chức giảng dạy và học tập**

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

**14. Kế hoạch giảng dạy :**

**Buổi 1 (4 tiết) Lãi đơn**

* + **Nội dung:**
  + Giới thiệu về môn học, nội dung môn học, phương pháp kiểm tra đánh giá, tài liệu học tập.
  + Nêu các phương pháp giảng dạy đối với môn học
  + Kết quả mong muốn: đạt được cái gì trong chuẩn đầu ra của môn học
  + Chương 1: Lãi đơn
  + **Phương pháp:**
  + Giảng viên diễn giải.
  + Sinh viên nghe giảng lý thuyết và làm bài tập
  + **Tài liệu:**
  + Chương 1 giáo trình Toán tài chính ứng dụng, TS Đỗ Thiên Anh Tuấn.
  + Chương 1 giáo trình Toán Tài chính, TS Bùi Hữu Phước.
  + **Kết quả mong muốn:**
  + Sinh viên hiểu được cách tính lãi đơn.
  + Sinh viên vận dụng kiến thức để làm được các bài tập về tính lãi đơn

**Buổi 2 (4 tiết) Lãi kép**

* + **Nội dung:**
* Chương 2: Lãi kép
  + **Phương pháp**
* Giảng viên diễn giải.
* Sinh viên nghe giảng lý thuyết và làm bài tập
  + **Tài liệu**
* Chương 2 giáo trình Toán tài chính ứng dụng, TS Đỗ Thiên Anh Tuấn.
* Chương 2 giáo trình Toán Tài chính, TS Bùi Hữu Phước.
  + **Kết quả mong muốn**
  + Sinh viên hiểu được cách tính lãi kép, phân biệt lãi đơn và lãi kép.
  + Sinh viên vận dụng kiến thức để tính toán các bài liên quan về lãi kép.

**Buổi 3 (4 tiết) Lãi kép & Thời giá của tiền tệ**

* + **Nội dung:**
* Lãi kép (tt)
* Thời giá của tiền tệ: giá trị tương lai của một khoản tiền và một chuỗi tiền
  + **Phương pháp**
* Kiểm tra, củng cố lại bài cũ.
  + Giảng viên dạy nội dung mới
* Sinh viên nghe giảng lý thuyết và làm bài tập
  + **Tài liệu**
* Chương 2, 5 giáo trình Toán tài chính ứng dụng, TS Đỗ Thiên Anh Tuấn.
* Chương 2, 3 giáo trình Toán Tài chính, TS Bùi Hữu Phước.
  + **Kết quả mong muốn**
  + Thành thạo cách tính lãi kép trong các trường hợp.
  + Hiểu được tiền tệ có giá trị theo thời gian.
  + Tính được giá trị tương lai của một khoản tiền và một chuỗi tiền.

**Buổi 4 (4 tiết) Thời giá của tiền tệ**

* + **Nội dung:**
* Giá trị hiện tại của một khoản tiền và một chuỗi tiền
* Ôn lại chương 3
  + **Phương pháp**
* Kiểm tra bài cũ.
  + Giảng dạy nội dung mới
  + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập.
  + **Tài liệu**
* Chương 5 giáo trình Toán tài chính ứng dụng, TS Đỗ Thiên Anh Tuấn.
* Chương 3 giáo trình Toán Tài chính, TS Bùi Hữu Phước.
  + **Kết quả mong muốn**
  + Hiểu được tiền tệ có giá trị theo thời gian.
  + Tính được giá trị hiện tại của một khoản tiền và một chuỗi tiền.
  + Kiểm tra giữa kỳ

**Buổi 5 (4 tiết) Chiết khấu giấy tờ có giá**

* + **Nội dung:**
* Các nghiệp vụ chiết khấu giấy tờ có giá
  + **Phương pháp**
  + Giảng viên giảng dạy lý thuyết.
* Sinh viên nghe giảng và làm bài tập thực hành.
  + **Tài liệu**
* Chương 3 giáo trình Toán tài chính ứng dụng, TS Đỗ Thiên Anh Tuấn.
* Chương 5 giáo trình Toán Tài chính, TS Bùi Hữu Phước.
  + **Kết quả mong muốn**
  + Hiểu được cách chiết khấu đối với từng loại giấy tờ có giá.
  + Vận dụng kiến thức để tính chiết khấu các loại giấy tờ có giá..

**Buổi 6 (4 tiết) Tài khoản vãng lai**

* + **Nội dung:**
* Tài khoản vãng lai
  + **Phương pháp**
* Giảng viên giảng dạy lý thuyết.
* Sinh viên nghe giảng và làm bài tập thực hành.
  + **Tài liệu**
* Chương 4 giáo trình Toán tài chính ứng dụng, TS Đỗ Thiên Anh Tuấn.
* Chương 4 giáo trình Toán Tài chính, TS Bùi Hữu Phước.
  + **Kết quả mong muốn**
  + Hiểu được tài khoản vãng lai, tài khoản tiết kiệm, tài khoản vay vốn.
  + Thực hành tính lãi cho từng loại tài khoản.

**Buổi 7 (4 tiết) Vay vốn**

* + **Nội dung:**
* Các hình thức vay vốn và trả lãi
  + **Phương pháp**
* Giảng viên giảng dạy lý thuyết.
* Sinh viên nghe giảng và làm bài tập thực hành.
  + **Tài liệu**
* Chương 6 giáo trình Toán tài chính ứng dụng, TS Đỗ Thiên Anh Tuấn.
* Chương 6 giáo trình Toán Tài chính, TS Bùi Hữu Phước.
  + **Kết quả mong muốn**
  + Hiểu được các hình thức vay vốn và trả nợ ngân hàng.
  + Vận dụng kiến thức để lập kế hoạch trả nợ trong từng trường hợp cụ thể.

**Buổi 8 (2 tiết) Ôn tập**

* + **Nội dung:**
* Ôn tập lại các nội dung của học phần
  + **Phương pháp**
* Giảng viên củng cố lại các nội dung học phần, giải đáp thắc mắc của sinh viên.

**15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:**

- Thời gian: Theo lịch thi chung của trường

- Hình thức thi: tự luận, được sử dụng tài liệu

***Phan Thiết, ngày 20 tháng 5 năm 2015***

**Trưởng khoa**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: Kế toán tài chính 3 Mã học phần: 23009**

**2. Khoa phụ trách: Kế toán – Kiểm toán**

**3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**

**3.1. Họ và tên: Mai Bình Dương**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Kế toán – Kiểm toán
* ĐT:0978.505.911 email: maibinhduong2001@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán

**3.2. Họ và tên: Nguyễn Tường Vy**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Kế toán – Kiểm toán
* ĐT:0985.247.087 email: nguyentuongvy22@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán

**4. Số tín chỉ: 3**

**5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết**

* Lên lớp: 45 tiết
* Tự học: 135 tiết

**6. Học phần tiên quyết:** Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1, Kế toán tài chính 2, Tài chính tiền tệ

**7. Mục tiêu của học phần:**

* ***Về kiến thức:*** Học phần này mong muốn sinh viên:
* Nắm vững các thủ tục, phương pháp kế toán; các chế độ, chính sách về kế toán tài chính do nhà nước ban hành.
* Hiểu rõ nội dung, biết cách phân biệt và ghi nhận các yếu tố cơ bản của báo cáo tài chính theo đúng chuẩn mực kế toán và thông tư hướng dẫn.
* Nhận dạng và phân tích các nghiệp vụ liên quan đến các hoạt động đặc thù như đầu tư bất động sản, thuê tài sản, đầu tư tài chính, vay, dự phòng phải trả và hoạt động huy động vốn trong công ty cổ phần.
* Hiểu thêm các kiến thức cơ bản về hoạt động kiểm soát nội bộ liên quan đến một số hoạt động của doanh nghiệp.
* ***Về kỹ năng:*** Học phần này kỳ vọng sinh viên vận dụng kiến thức đã học để:
* Nhận biết và xử lý được một số chứng từ liên quan một số phần hành kế toán cơ bản trong một doanh nghiệp.
* Nhận biết và thực hiện được một số phần hành kế toán cơ bản trong một doanh nghiệp.
* ***Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:***

Học phần này kỳ vọng sinh viên sau khi hoàn thành sẽ có khả năng tiếp cận công việc kế toán liên quan đến các hoạt động đặc thù của doanh nghiệp từ đó giúp sinh viên tự tin hơn khi tiếp xúc với bất kỳ bộ máy kế toán của bất kỳ loại hình doanh nghiệp nào.

**8. Chuẩn đầu ra học phần:** Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

* **Kiến thức**

1. ***Mô tả*** quy trình cơ bản về hoạt động đầu tư bất động sản, hoạt động thuê tài sản, hoạt động mua bán các khoản đầu tư tài chính, hoạt động huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu và phát hành cổ phiếu
2. ***Áp dụng*** các nguyên tắc, quy định pháp lý và phương pháp kế toán ***để xử lý*** các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến: (1) hoạt động đầu tư bất động sản; (2) hoạt động đi thuê và cho thuê hoạt động, hoạt động đi thuê tài chính; (3) các hoạt động liên quan đến khoản đầu tư tài chính: cho vay, đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và các khoản đầu tư khác; (4) hoạt động huy động vốn bằng cách phát hành trái phiếu, và các khoản dự phòng phải trả; (5) hoạt động huy động vốn tại công ty cổ phần.
3. ***Giải thích và phân biệt*** các quy trình kế toán liên quan đến hoạt động thuê tài chính và thuê hoạt động; bất động sản đầu tư và các loại bất động sản khác; hoạt động huy động vốn và đầu tư vốn; phát hành trái phiếu và phát hành cổ phiếu.
4. ***Xác định*** được nguyên tắc trình bày thông tin cơ bản về các khoản đầu tư bất động sản, tài sản đi thuê và cho thuê, các khoản thuê tài chính, trái phiếu, các khoản dự phòng phải trả, cổ phiếu lên Báo cáo tài chính

* **Kỹ năng**

1. Phân tích và ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến: (1) hoạt động đầu tư bất động sản; (2) hoạt động đi thuê và cho thuê hoạt động, hoạt động đi thuê tài chính; (3) các hoạt động liên quan đến khoản đầu tư tài chính: cho vay, đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và các khoản đầu tư khác; (4) hoạt động huy động vốn bằng cách phát hành trái phiếu, và các khoản dự phòng phải trả; (5) hoạt động huy động vốn tại công ty cổ phần
2. Trình bày thông tin các khoản đầu tư bất động sản, tài sản đi thuê và cho thuê, các khoản thuê tài chính, trái phiếu, các khoản dự phòng phải trả, cổ phiếu lên Báo cáo tài chính
3. Đọc và vận dụng các nguyên tắc, hướng dẫn của các văn bản pháp lý về kế toán vào xử lý công việc kế toán
4. Quản lý thời gian cá nhân để tự làm việc và hợp tác được với các thành viên trong nhóm.
5. Phân loại tài liệu và vận dụng tài liệu vào học tập.

* **Thái độ**

1. Có tác phong làm việc tích cực và có kỷ luật; ý thức thực hiện công việc kế toán theo hướng dẫn và quy định của pháp luật
2. Có ý thức tự học, tự nghiên cứu tài liệu và văn bản pháp luật liên quan đến công việc kế toán
3. Có ý thức tìm hiểu, cập nhật kiến thức mới nhằm trau dồi và nâng cao hơn trong nghề nghiệp

**9. Nội dung học phần:**

**9.1. Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Kế toán tài chính 2 thuộc khối kiến thức cốt lõi của chuyên ngành trong chương trình đào tạo của ngành Kế toán, cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu hơn về kế toán tài chính.

Với học phần này, sinh viên sẽ nghiên cứu những lý thuyết, nguyên tắc, thủ tục và các quy định pháp lý gắn liền với công việc kế toán của các đối tượng kế toán phức tạp và một số giao dịch đặc thù của doanh nghiệp như đầu tư bất động sản, thuê tài sản, các khoản đầu tư tài chính, các khoản vay và dự phòng phải trả và kế toán hoạt động huy động vốn trong công ty cổ phần.

Ở mức độ học phần này, sinh viên cần giải thích được bản chất kinh tế của giao dịch, áp dụng chuẩn mực kế toán cùng các quy định pháp lý khác để xử lý các giao dịch ấy.

**9.2. Nội dung học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chương** | **Mục, tiểu mục** | **Số tiết** | | | | **TL TH** | **CĐR** |
| **TC** | **LT** | **BT** | **TH** |
| 1 | **Chương I: Kế toán bất động sản đầu tư** | 1.1 Những vấn đề chung  1.1.1 Khái niệm  1.1.2 Các trường hợp được ghi nhận là bất động sản đầu tư.  1.1.3 Điều kiện ghi nhận Bất động sản đầu tư  1.1.4 Đặc điểm và yêu cầu quản lý  1.1.5 Kiểm soát nội bộ  1.1.6 Xác định giá trị của Bất động sản đầu tư  1.1.7 Xử lý chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu  1.2 Kế toán bất động sản đầu tư  1.2.1 Chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng sang bất động sản đầu tư  1.2.2 Chuyển hàng hóa bất động sản thành bất động sản đầu tư  1.2.3 Chuyển bất động sản đầu tư thành hàng hóa bất động sản  1.2.4 Chuyển bất động sản đầu tư thành bất động sản chủ sở hữu sử dụng  1.2.5 Bất động sản đầu tư hình thành từ thuê tài chính  1.2.6 Bán bất động sản đầu tư  1.3 Thông tin bất động sản đầu tư trình bày trên BCTC | **3** | **3** |  | **6** |  | **1**  **2**  **5**  **7**  **8**  **11**  **12** |
| 2 | **Chương II: Kế toán thuê tài sản** | 2.1 Những vấn đề chung  2.1.1 Phân biệt thuê tài chính và thuê hoạt động  2.1.2 Tài sản thuê đối với doanh nghiệp thuê  2.1.3 Tài sản cho thuê đối với doanh nghiệp cho thuê  2.1.4 Những thuận lợi của thuê tài sản  2.1.5 Những bất lợi của thuê tài sản  2.2 Xác định giá trị ban đầu của TSCĐ thuê tài chính  2.3 Kế toán thuê và cho thuê hoạt động  2.3.1 Kế toán thuê hoạt động  2.3.2 Kế toán cho thuê hoạt động  2.4 Kế toán đi thuê tài chính  2.5 Kế toán bán TSCĐ và thuê lại  2.5.1 Kế toán giao dịch bán và thuê lại TSCĐ là thuê tài chính  2.5.2 Kế toán giao dịch bán và thuê lại TSCĐ là thuê hoạt động  2.6 Thông tin tài sản thuê trình bày trên BCTC | **6** | **6** |  | **9** |  | **2**  **4**  **5**  **8**  **10** |
| 3 | **Chương III: Kế toán các khoản đầu tư tài chính** | 3.1 Những vấn đề chung  3.1.1 Khái niệm và phân loại  3.1.2 Quy định kế toán  3.2 Kế toán các khoản chứng khoán kinh doanh  3.3 Kế toán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn  3.4 Kế toán các khoản đầu tư vốn dài hạn vào đơn vị khác  3.4.1 Kế toán khoản đầu tư vào công ty con  3.4.2 Kế toán khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết  3.4.3 Kế toán khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác  3.5 Kế toán giao dịch hợp đồng hợp tác kinh doanh  3.5.1 Hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức liên doanh hoạt động kinh doanh được đồng kiểm soát  3.5.2 Hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức liên doanh tài sản đồng kiểm soát  3.5.3 Trường hợp hợp đồng hợp tác kinh doanh chia lợi nhuận sau thuế  3.6 Kế toán dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính  3.7 Thông tin các khoản đầu tư tài chính trình bày trên BCTC | **9** | **9** |  | **12** |  | **1**  **2**  **3**  **4**  **5** |
| 4 | **Chương IV: Kế toán nợ vay và dự phòng phải trả** | 4.1 Những vấn đề chung  4.1.1 Khái niệm  4.1.2 Phân biệt các khoản nợ vay, dự phòng phải trả với nợ phải trả  4.1.3 Phân biệt dự phòng phải trả với nợ tiềm tàng  4.1.4 Phân biệt dự phòng phải trả với các khoản dự phòng khác 4.2 Kế toán các khoản nợ vay4.2.1 Kiểm soát nội bộ và quy định kế toán. 4.2.2 Kế toán các khoản vay  4.2.3 Kế toán chi phí đi vay 4.3 Kế toán nợ thuê tài chính4.3.1 Nội dung4.3.2 Phương pháp kế toán4.4 Kế toán phát hành trái phiếu doanh nghiệp4.4.1 Nội dung 4.4.2 Phương pháp phân bổ chi phí phát hành, chiết khấu trái phiếu và phụ trội trái phiếu.  4.4.3 Phương pháp kế toán phát hành trái phiếu thường  4.4.3 Phương pháp kế toán phát hành trái chuyển đổi 4.5 Kế toán dự phòng phải trả 4.5.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả  4.5.2 Nội dung và thời điểm lập dự phòng phải trả  4.5.3 Xác định giá trị ghi nhận một khoản dự phòng ước tính hợp lý  4.5.4 Phương pháp kế toán dự phòng phải trả  4.6 Thông tin các khoản nợ vay và dự phòng phải trả trên BCTC | **9** | **9** |  | **12** |  | **7**  **8**  **9**  **10**  **11**  **12** |
| 5 | **Chương V: Kế toán công ty cổ phần** | 5.1 Những vấn đề chung  5.2 Kế toán bán cổ phiếu huy động vốn  5.3 Kế toán các nghiệp vụ liên quan đến cổ phiếu quỹ  5.4 Xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu  5.5 Xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu  5.6 Thông tin vốn chủ sở hữu và lãi cơ bản trên cổ phiếu trình bày trên BCTC | **3** | **3** |  | **6** |  | **1**  **5**  **8**  **9**  **10**  **11**  **12** |

**10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:**

1. Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
2. Tham dự tối thiểu 70% thời gian lên lớp
3. Tuyệt đối không được làm việc riêng trong giờ học
4. Đọc tài liệu trước mỗi buổi học

**11. Phương pháp đánh giá học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần** | **Hình thức đánh giá** | **Tỷ trọng trong thành phần** | **Tỉ trọng trong học phần** | **Thời điểm đánh giá** |
| *Quá trình* | *- Theo mức độ chuyên cần làm bài tập về nhà và làm ví dụ trong buổi học*  - Phát biểu | ***100%***  *Điểm cộng tối đa 2 điểm* | *10%* | *- Trong buổi học* |
| *Giữa kỳ* | *- Trắc nghiệm*  *- Tự luận* | *30%*  *70%*  ***100%*** | *30%* | *Sau buổi học thứ 8* |
| *Cuối kỳ* | *- Trắc nghiệm*  *- Tự luận* | *30%*  *70%*  ***100%*** | *60%* | *- Theo lịch của khoa, từ … đến …* |
| ***Cộng*** | | | ***100%***  ***(10/10)*** |  |

**12. Học liệu**

**12.1.Tài liệu chính:**

1. Khoa Kế toán – kiểm toán, Kế toán tài chính 3 – slide, 2017.
2. Vụ chế độ Kế Toán và Kiểm toán, Bộ Tài Chính, Chế độ kế toán doanh nghiệp Quyển 1 – Hệ thống tài khoản kế toán theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Nhà xuất bản Tài Chính Hà Nội, 2015.

**12.2 Tài liệu tham khảo:**

1. Bộ môn Kế toán tài chính - Khoa Kế toán Kiểm toán - Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh, Giáo trình Kế toán tài chính quyển 2,3 Nhà Xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2015.
2. Bộ môn Kế toán tài chính - Khoa Kế toán Kiểm toán - Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh, Bài tập kế toán tài chính TP Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Kinh tế TP. HCM, 2016.
3. Các chuẩn mực kế toán và kiểm toán, các thông tư hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

**12.3. Tư liệu trực tuyến:**

[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn)

**13. Tổ chức giảng dạy và học tập**

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

**14. Kế hoạch giảng dạy: (mô tả cụ thể từ buổi 1 đến buổi cuối cùng, mỗi buổi 4 tiết trên lớp, tối thiểu 12 tiết tự học)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi/tiết** | **Nội dung dạy – học** | **Hình thức dạy – học** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của SV** |
| 1 (3t) | Chương 1 | GV lên lớp giảng | - Giới thiệu môn học  - Thuyết giảng nội dung bài học  - Bài kiểm tra cá nhân | - Thảo luận  - Làm ví dụ minh họa, bài tập |
|  | Chương 1 | SV tự ôn tập và chuẩn bị bài | Giải đáp thắc mắc và hướng dẫn bài tập qua email | - Đọc tài liệu:  + Slide bài giảng chương 1  + Chuẩn mực kế toán số 5  + Thông tư 200 tài khoản 217, 2147, 1567, 1557  - Làm bài tập chương 1 |
| 2 (3t) | Chương 1 | GV lên lớp giảng | - Sửa BT về nhà  - Bài kiểm tra cá nhân | - Làm BT về nhà chương 1  - Làm bài kiểm tra cuối chương  - Thảo luận tình huống |
|  | Chương 2  Mục 1, 2, 3, 4 | SV tự ôn tập và chuẩn bị bài | Giải đáp thắc mắc và hướng dẫn bài tập qua email | - Đọc tài liệu:  + Slide bài giảng chương 2 mục 1, 2, 3, 4  + Chuẩn mực kế toán số 6  + Thông tư 200 tài khoản 242, 212, 515, 635 |
| 3 (3t) | Chương 2  Mục 1, 2, 3, 4 | GV lên lớp giảng | - Thuyết giảng nội dung bài học  - Bài kiểm tra cá nhân | - Thảo luận  - Làm ví dụ minh họa, bài tập |
|  | Chương 2  Mục 5, 6 | SV tự ôn tập và chuẩn bị bài | Giải đáp thắc mắc và hướng dẫn bài tập qua email | - Đọc tài liệu:  + Slide bài giảng chương 2 mục 5, 6  + Thông tư 200 tài khoản 212, 711, 811  - Làm bài tập chương 2 |
| 4 (3t) | Chương 2 | GV lên lớp giảng | - Sửa BT về nhà  - Bài kiểm tra cá nhân | - Làm BT về nhà chương 2  - Làm bài kiểm tra cuối chương  - Thảo luận tình huống |
|  | Chương 3  Mục 1, 2, 3 | SV tự ôn tập và chuẩn bị bài | Giải đáp thắc mắc và hướng dẫn bài tập qua email | - Đọc tài liệu:  + Slide bài giảng chương 3, mục 1, 2, 3  + Chuẩn mực kế toán số 7  + Thông tư 200 tài khoản 121, 128, 515, 635 |
| 5 (3t) | Chương 3  Mục 1, 2, 3 | GV lên lớp giảng | - Thuyết giảng nội dung bài học  - Bài kiểm tra cá nhân | - Thảo luận  - Làm ví dụ minh họa, bài tập |
|  | Chương 3  Mục 4 | SV tự ôn tập và chuẩn bị bài | Giải đáp thắc mắc và hướng dẫn bài tập qua email | - Đọc tài liệu:  + Slide bài giảng chương 3, mục 4  + Chuẩn mực kế toán số 8, 25  + Thông tư 200 tài khoản 221, 222, 228, 515, 635 |
| 6 (3t) | Chương 3  Mục 4 | GV lên lớp giảng | - Thuyết giảng nội dung bài học  - Bài kiểm tra cá nhân | - Thảo luận  - Làm ví dụ minh họa, bài tập |
|  | Chương 3  Mục 5 | SV tự ôn tập và chuẩn bị bài | Giải đáp thắc mắc và hướng dẫn bài tập qua email | - Đọc tài liệu:  + Slide bài giảng chương 3, mục 5  + Thông tư 200, Điều 44 (hợp đồng hợp tác kinh doanh) |
| 7 (3t) | Chương 3  Mục 5 | GV lên lớp giảng | - Thuyết giảng nội dung bài học | - Thảo luận  - Làm ví dụ minh họa, bài tập |
|  | Chương 3  Mục 6, 7 | SV tự ôn tập và chuẩn bị bài | Giải đáp thắc mắc và hướng dẫn bài tập qua email | - Đọc tài liệu:  + Slide bài giảng chương 3, mục 6, 7  + Chuẩn mực kế toán số 18, 25  + Thông tư 200, TK 229 |
| 8 (3t) | Chương 3  Mục 6, 7 | GV lên lớp giảng | - Thuyết giảng nội dung bài học  - Bài kiểm tra cá nhân | - Thảo luận  - Làm ví dụ minh họa, bài tập |
|  | Chương 3 | SV tự ôn tập và chuẩn bị bài | Giải đáp thắc mắc và hướng dẫn bài tập qua email | - Làm bài tập về nhà chương 3 |
| 9 (3t) | Chương 3 | GV lên lớp giảng | - Sửa BT về nhà  - Kiểm tra chương 3  - Bài kiểm tra cá nhân | - Làm BT về nhà chương 3  - Làm bài kiểm tra cuối chương  - Thảo luận tình huống |
|  | Chương 4  Mục 1, 2 | SV tự ôn tập và chuẩn bị bài | Giải đáp thắc mắc và hướng dẫn bài tập qua email | - Đọc tài liệu:  + Slide bài giảng chương 4, mục 1, 2  + Chuẩn mực kế toán số 16  + Thông tư 200 tài khoản 341, 635 |
| 10 (3t) | Chương 4  Mục 1, 2 | GV lên lớp giảng | - Thuyết giảng nội dung bài học  - Bài kiểm tra cá nhân | - Thảo luận  - Làm ví dụ minh họa, bài tập |
|  | Chương 4  Mục 3,4 | SV tự ôn tập và chuẩn bị bài | Giải đáp thắc mắc và hướng dẫn bài tập qua email | - Đọc tài liệu:  + Slide bài giảng chương 4, mục 3, 4  + Thông tư 200 tài khoản 343 |
| 11 (3t) | Chương 4  Mục 3,4 | GV lên lớp giảng | - Thuyết giảng nội dung bài học  - Bài kiểm tra cá nhân | - Thảo luận  - Làm ví dụ minh họa, bài tập |
|  | Chương 4  Mục 5, 6 | SV tự ôn tập và chuẩn bị bài | Giải đáp thắc mắc và hướng dẫn bài tập qua email | - Đọc tài liệu:  + Slide bài giảng chương 5, mục 5, 6  + Chuẩn mực kế toán số 18  + Thông tư 200 tài khoản 352 |
| 12 (3t) | Chương 4  Mục 5, 6 | GV lên lớp giảng | - Thuyết giảng nội dung bài học  - Bài kiểm tra cá nhân | - Thảo luận  - Làm ví dụ minh họa, bài tập |
|  | Chương 4 | SV tự ôn tập và chuẩn bị bài | Giải đáp thắc mắc và hướng dẫn bài tập qua email | - Làm bài tập về nhà chương 4 |
| 13 (3t) | Chương 4 | GV lên lớp giảng | - Sửa BT về nhà  - Kiểm tra chương 4  - Bài kiểm tra cá nhân | - Làm BT về nhà chương 1  - Làm bài kiểm tra cuối chương  - Thảo luận tình huống |
|  | Chương 5 | SV tự ôn tập và chuẩn bị bài | Giải đáp thắc mắc và hướng dẫn bài tập qua email | - Đọc tài liệu  + Slide bài giảng chương 5  + Chuẩn mực kế toán số 30  + Thông tư 200 tài khoản 411 |
| 14 (3t) | Chương 5 | GV lên lớp giảng | - Thuyết giảng nội dung bài học  - Bài kiểm tra cá nhân | - Thảo luận  - Làm ví dụ minh họa, bài tập |
|  | Chương 5 | SV tự ôn tập và chuẩn bị bài | Giải đáp thắc mắc và hướng dẫn bài tập qua email | - Làm bài tập chương 5 |
| 15 (3t) | Chương 5 | GV HD SV tự học tại lớp | - Sửa BT về nhà  - Kiểm tra chương 5  - Bài kiểm tra cá nhân | - Làm BT về nhà chương 1  - Làm bài kiểm tra cuối chương  - Thảo luận tình huống |
|  | Chương 5 | SV tự ôn tập và chuẩn bị bài | Giải đáp thắc mắc và hướng dẫn bài tập qua email | - Ôn tập chuẩn bị thi cuối kỳ |

**15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:**

* **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
* **Hình thức thi:** tự luận, trắc nghiệm (không được sử dụng tài liệu)

***Phan Thiết, ngày tháng năm***

**Trưởng khoa**

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại - Mã học phần:** **10168**

**2. Khoa phụ trách: Tài chính – ngân hàng**

**3. Họ tên giảng viên giảng dạy: Lê Thị Thanh Loan**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ;
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Tài chính – Ngân hàng, Trường Đại học Phan Thiết.
* ĐT: 0908161851;
* Email: lttloan@upt.edu.vn;
* Các hướng nghiên cứu chính: Thanh toán quốc tế, Thẩm định tín dụng.

**4. Số tín chỉ: 3**

**5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết**

* Lên lớp: 45 tiết Tự học: 135 tiết

**6. Học phần tiên quyết:**

***Tài chính tiền tệ, Kinh tế vĩ mô, Nguyên lý kế toán, Thị trường tài chính.***

**7. Mục tiêu của học phần:**

Giới thiệu các nghiệp vụ cơ bản của ngân hàng thương mại: nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng, nghiệp vụ thanh toán, nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ…

**8. Chuẩn đầu ra học phần:** Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

**8.1. Kiến thức:**

8.1.1. Tổng quan về Ngân hàng thương mại của Việt Nam và thế giới;

8.1.2. Các nghiệp vụ cơ bản của ngân hàng thương mại;

8.1.3. Các nghiệp vụ dịch vụ của NHTM;

8.1.4. Các nghiệp vụ Ngân hàng thương mại hiện đại.

**8.2. Kỹ năng:**

8.2.1. Kỹ năng phân tích và nhận định tình huống, giải quyết các vấn đề;

8.2.2. Kỹ năng thuyết trình và phản biện;

8.2.3. Kỹ năng tự nghiên cứu và viết luận đề tài.

**8.3. Thái độ:**

8.3.1. Thái độ tự giác và nghiêm túc;

8.3.2. Thái độ cầu tiến, hợp tác và dân chủ khi làm việc nhóm.

**8.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

8.4.1. Tính tự giác và chịu trách nhiệm cho các vấn đề nghiên cứu;

8.4.2. Khả năng tự chủ và dân chủ trong học tập và làm việc nhóm.

**9. Nội dung học phần:**

**9.1. Tóm tắt nội dung học phần:**

Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (NHTM) là một bộ phận không thể thiếu của hệ thống ngân hàng. Việc nắm vững các kiến thức về Nghiệp vụ cơ bản của NHTM như huy động vốn, tín dụng, bảo lãnh, bao thanh toán….và các nghiệp vụ dịch vụ khác của NHTM có thể giúp người học có thể nhanh chóng nắm bắt và làm chủ các quy trình, cách thức vận hành của hệ thống tài chính nói chung và ngành ngân hàng nói riêng.

**9.2. Nội dung học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chương** | **Mục, tiểu mục** | **Số tiết (45)** | | | | **TL**  **TH** | **CĐR** |
| **TC** | **LT** | **BT** | **TH** |
|  | **Chương 1: Tổng quan hoạt động của kinh doanh ngân hàng** | 1.1. Những vấn đề chung về NHTM. | **4** | 4 | 0 |  | 15 | 8.1.1;  8.2.1;  8.3.1;  8.3.2;  8.4.1;  8.4.2 |
| 1.2. Phân loại NHTM. |
| 1.3. Các hoạt động chủ yếu của NHTM. |
| 1.4. Các nghiệp vụ của NHTM. |
|  | **Chương 2: Nghiệp vụ huy động vốn** | 2.1. Tầm quan trọng của nghiệp vụ huy động vốn. | **8** | 6 | 2 |  | 30 | 8.1.2;  8.2.1;  8.3.1;  8.3.2;  8.4.1;  8.4.2 |
| 2.2. Hoạt động huy động vốn của NHTM. |
| 2.3 Các nghiệp vụ huy động vốn của NHTM. |
| 2.4. Các biện pháp tăng vốn huy động của NHTM. |
| 3. | **Chương 3: Nghiệp vụ tín dụng** | 3.1. Những vấn đề cơ bản về hoạt động tín dụng. | **24** | 16 |  | 8 | 30 | 8.1.2;  8.2.1;  8.2.2;  8.2.3;  8.3.1;  8.3.2;  8.4.1;  8.4.2 |
| 3.2. Nghiệp vụ cho vay. |
| 3.3. Nghiệp vụ cho thuê tài sản. |
| 3.4. Nghiệp vụ bao thanh toán. |
| 3.5. Nghiệp vụ bảo lãnh NH. |
| 3.6. Nghiệp vụ chiết khấu giấy tờ có giá. |
| 4. | **Chương 4: Nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng** | 4.1. Tổng quan về hoạt động thanh toán qua ngân hàng. | **9** | 9 |  |  | 30 | 8.1.3;  8.1.4;  8.2.1;  8.2.2;  8.2.3;  8.3.1;  8.3.2;  8.4.1;  8.4.2 |
| 4.2. Thanh toán giữa các khách hàng. |
| 4.3. Thanh toán giữa các NH. |

**10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:**

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc tổng hợp, phân tích đánh giá, mô phỏng lại cách thức vận hàng của các nghiệp vụ NHTM trên thực tế của Việt Nam.

* ***Phần lý thuyết:*** được giảng dạy trên lớp 11 buổi. Những thắc mắc, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
* ***Phần thực hành:*** được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau:
* Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.
* Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bất chợt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.
* Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)
* ***Phương pháp giảng dạy*** ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
* ***Nội quy lớp học:***
* Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống.
* Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.

**11. Phương pháp đánh giá học phần:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Những nội dung**  **cần đánh giá** | **Số lần đánh giá** | **Trọng số (%)** |
| Dự lớp + bài tập | 11 | 10 |
| Thuyết trình + Bản thu hoạch | 1 | 15 |
| Thi giữa học kỳ | 1 | 15 |
| Thi cuối học kỳ | 1 | 60 |
|  |  | **Tổng: 100%** |

* Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh thông qua các bài tập làm tại lớp và bảng đánh giá đề tài thuyết trình trong suốt 11 buổi học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên ***đi học trễ 15 phút*** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
* **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
* Khigiảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
* **Có hành động gian dối**: Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn…) thì sẽ bị điểm 0.

**12. Học liệu**

**12.1. Tài liệu chính:**

* TS. Nguyễn Minh Kiều, “*Nghiệp vụ ngân hàng thương mại*”, NXB Thống kê 2009.
* TS. Lê Thị Mận, *“Nghiệp vụ ngân hàng thương mại”,* NXB lao động – xã hội, 2010.

**12.2 Tài liệu tham khảo:**

* TS. Nguyễn Minh Kiều, “*Bài tập và bài giải nghiệp vụ ngân hàng thương mại*”, NXB Lao động xã hội 2009.
* PGS.TS.Nguyễn Đăng Dờn,“*Nghiệp vụ ngân hàng thương mại*”, NXBThống kê 2008.
* GS.TS. Lê Văn Tư, “*Nghiệp vụ ngân hàng quốc tế*”, NXB Thanh Niên, 2009.

**12.3. Tư liệu trực tuyến:**

* + Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/)
  + Ngân hàng nhà nước Việt Nam https://www.sbv.gov.vn/
  + Website của các NHTM Việt Nam
  + Bộ kế hoạch và Đầu tư: <http://www.mpi.gov.vn/>
  + Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn)
* **13. Tổ chức giảng dạy và học tập**

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

**14. Kế hoạch giảng dạy:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Buổi 1 (4 tiết)** | **Chương 1: Tổng quan hoạt động của kinh doanh ngân hàng** |
|  | **Nội dung:**   * Giới thiệu ngắn nội dung, yêu cầu và mục đích môn học; * Nêu các phương pháp giảng dạy và đánh giá của môn học; * Giới thiệu tài liệu chính và tham khảo; * Chương 1. |
| **Phương pháp:**   * Giảng giải về: *Những vấn đề chung và Phân loại NHTM; Các hoạt động chủ yếu của NHTM và Các nghiệp vụ của NHTM.* * Cho và giải các Bài tập dựa trên kiến thức đã trình bày và tham khảo thực tế. |
| **Tài liệu:**   * Slide bài giảng và Giáo trình theo yêu cầu; * Website của các NHTM. |
| **Kết quả mong muốn:**   * Người học nhận biết các loại hình NHTM trên địa bàn Bình Thuận nói riêng và hệ thống NHTM của Việt Nam nói chung; * Người học phân loại được nghiệp vụ nội bảng và ngoại bảng từ đó biết cách đọc các BCTC của NHTM. |
| **Tự học:** Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu cho buổi học tiếp theo. |
| **Buổi 2 (4 tiết)** | **Chương 2: Nghiệp vụ huy động vốn (phần 1)** |
|  | **Nội dung:**   * Sửa bài cho Chương 1 để ôn tập; * Chương 2 (phần 1); |
| **Phương pháp:**   * Giảng giải về: *Tầm quan trọng của hoạt động Huy động vốn đối với các NHTM, các hình thức và nghiệp vụ huy động vốn hiện nay của NHTM ở Việt Nam*. * Sinh viên thảo luận và trình bày *Các biện pháp gia tăng vốn huy động của các NHTM Việt Nam hiện nay*. |
| **Tài liệu:**   * Slide bài giảng và Giáo trình theo yêu cầu; Website của các NHTM. |
| **Kết quả mong muốn:**   * Người học nắm được các kiến thức cơ bản của nghiệp vụ huy động vốn và cách các NHTM vận hành nghiệp vụ này trên thực tế; * Người học được cung cấp các kiến thức về cách thức tính lãi suất huy động cho bài tập thực hành của Chương 2. |
| **Tự học:** Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu cho buổi học tiếp theo. |
| **Buổi 3 (4 tiết)** | **Chương 2: Nghiệp vụ huy động vốn (phần 2)** |
|  | **Nội dung:** Chương 2 (phần 2); |
| **Phương pháp:**   * Trình chiếu và tóm tắt các nội dung của phần 1 – Chương 2; * Cho và hướng dẫn sinh viên giải các bài tập thực hành của Nghiệp vụ Huy động vốn của NHTM. |
| **Tài liệu:**   * Slide bài giảng và Giáo trình theo yêu cầu; Website của các NHTM. |
| **Kết quả mong muốn:**   * Người học biết cách thức tính lãi suất cho từng hình thức huy động vốn khác nhau của NHTM. |
| **Tự học:** Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu cho buổi học tiếp theo. |
| **Buổi 4 (4 tiết)** | **Chương 3: Nghiệp vụ tín dụng của NHTM (phần 1)** |
|  | **Nội dung:**   * Chương 3 (phần 1): Tổng quan về Nghiệp vụ Tín dụng NHTM; * Phân nhóm thuyết trình và Các đề tài; |
| **Phương pháp:**   * Trình chiếu video về sự hình thành Tín dụng và tóm tắt các nội dung của phần 1 – Chương 3; * Hướng dẫn sinh viên cách thức chuẩn bị, trình bày và đánh giá của các đề tài thuyết trình. * Hướng dẫn sinh viên những điểm cần chú ý trong các bài báo cáo, thuyết trình. |
| **Tài liệu:**   * Slide bài giảng và Giáo trình theo yêu cầu; * Website của các NHTM. |
| **Kết quả mong muốn:**   * Người học nhận biết tổng quan của nghiệp vụ tín dụng, nhận biết cách thức hạch toán của nghiệp vụ Tín dụng trong BCTC của NHTM. * Nắm được nội dung và cách thức thuyết trình của môn học. |
| **Tự học:** Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và nội dung cho buổi học tiếp theo. |
| **Buổi 5 (4 tiết)** | **Chương 3: Nghiệp vụ tín dụng của NHTM (phần 2)** |
|  | **Nội dung:**   * Chương 3 (phần 2): Thuyết trình Các nghiệp vụ Tín dụng của NHTM |
| **Phương pháp:**   * Sinh viên chuẩn bị bài nhóm và trình bày trước lớp các đề tài về Tín dụng đã được bóc thăm; * Tổng kết và nhận xét các về các đề tài thuyết trình. |
| **Tài liệu:**   * Slide bài giảng và Giáo trình theo yêu cầu; * Website của các NHTM; * Slide thuyết trình. |
| **Kết quả mong muốn:**   * Người học trình bày được cách thức vận hành của nghiệp vụ Tín dụng trên thực tế của các NHTM của Việt Nam. |
| **Tự học:**   * Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và nội dung cho buổi học tiếp theo; * Hoàn thành bài world các đề tài đã thuyết trình tại lớp. |
| **Buổi 6 (4 tiết)** | **Chương 3: Nghiệp vụ tín dụng của NHTM (phần 3)** |
|  | **Nội dung:**   * Chương 3 (phần 3): Thuyết trình Các nghiệp vụ Tín dụng của NHTM |
| **Phương pháp:**   * Sinh viên chuẩn bị bài nhóm và trình bày trước lớp các đề tài đã được bóc thăm; * Tổng kết và nhận xét các về các đề tài thuyết trình. |
| **Tài liệu:**   * Slide bài giảng và Giáo trình theo yêu cầu; * Website của các NHTM; * Slide thuyết trình. |
| **Kết quả mong muốn:**   * Người học trình bày được cách thức vận hành của nghiệp vụ Tín dụng trên thực tế của các NHTM của Việt Nam. |
| **Tự học:**   * Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và nội dung cho buổi học tiếp theo; * Hoàn thành bài world các đề tài đã thuyết trình tại lớp. |
| **Buổi 7 (4 tiết)** | **Chương 3: Nghiệp vụ tín dụng của NHTM (phần 4)** |
|  | **Nội dung:**   * Chương 3 (phần 4): Thuyết trình Các nghiệp vụ Tín dụng của NHTM |
| **Phương pháp:**   * Sinh viên chuẩn bị bài nhóm và trình bày trước lớp các đề tài đã được bóc thăm; * Tổng kết và nhận xét các về các đề tài thuyết trình. |
| **Tài liệu:**   * Slide bài giảng và Giáo trình theo yêu cầu; * Website của các NHTM; * Slide thuyết trình. |
| **Kết quả mong muốn:**   * Người học trình bày được cách thức vận hành của nghiệp vụ Tín dụng trên thực tế của các NHTM của Việt Nam. |
| **Tự học:**   * Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và nội dung cho buổi học tiếp theo; * Hoàn thành bài world các đề tài đã thuyết trình tại lớp. |
| **Buổi 8 (4 tiết)** | **Chương 3: Nghiệp vụ tín dụng của NHTM (phần 5)** |
|  | **Nội dung:**   * Chương 3 (phần 5): Thuyết trình Các nghiệp vụ Tín dụng của NHTM |
| **Phương pháp:**   * Sinh viên chuẩn bị bài nhóm và trình bày trước lớp các đề tài đã được bóc thăm; * Tổng kết và nhận xét các về các đề tài thuyết trình. |
| **Tài liệu:**   * Slide bài giảng và Giáo trình theo yêu cầu; * Website của các NHTM; * Slide thuyết trình. |
| **Kết quả mong muốn:**   * Người học trình bày được cách thức vận hành của nghiệp vụ Tín dụng trên thực tế của các NHTM của Việt Nam. |
| **Tự học:**   * Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và nội dung cho buổi học tiếp theo; * Hoàn thành bài world các đề tài đã thuyết trình tại lớp. |
| **Buổi 9 (4 tiết)** | **Chương 3: Nghiệp vụ tín dụng của NHTM (phần 6)** |
|  | **Nội dung:**   * Chương 3 (phần 6): Thuyết trình Các nghiệp vụ Tín dụng của NHTM |
| **Phương pháp:**   * Sinh viên chuẩn bị bài nhóm và trình bày trước lớp các đề tài đã được bóc thăm; * Tổng kết và nhận xét các về các đề tài thuyết trình. |
| **Tài liệu:**   * Slide bài giảng và Giáo trình theo yêu cầu; * Website của các NHTM; * Slide thuyết trình. |
| **Kết quả mong muốn:**   * Người học trình bày được cách thức vận hành của nghiệp vụ Tín dụng trên thực tế của các NHTM của Việt Nam. |
| **Tự học:**   * Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và nội dung cho buổi học tiếp theo; * Hoàn thành bài world các đề tài đã thuyết trình tại lớp. |
| **Buổi 10 (4 tiết)** | **Chương 4: Nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng (phần 1)** |
|  | **Nội dung:**   * Chương 4 (phần 1); |
| **Phương pháp:**   * Giảng giải về nội dung chương. |
| **Tài liệu:**   * Slide bài giảng và Giáo trình theo yêu cầu; * Website của các NHTM. |
| **Kết quả mong muốn:**   * Người học biết trình bày được các hoạt động tài trợ xuất nhập khẩu của NHTM Việt Nam trong hoạt động tài trợ ngoại thương. |
| **Tự học:**   * Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và nội dung cho buổi học tiếp theo; * Hoàn thành bài world các đề tài đã thuyết trình tại lớp. |
| **Buổi 11 (4 tiết)** | **Chương 4: Nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng (phần 2)**  **Ôn tập + Kiểm tra** |
|  | **Phương pháp:**   * Giảng giải phần tiếp theo nội dung chương 4 * Trình chiếu và tóm tắt các nội dung của từ Chương 1 – Chương 4; * Giải đáp cho sinh viên các bài tập thực hành. |
| **Tài liệu:**   * Slide bài giảng và Giáo trình theo yêu cầu; * Bài world tổng hợp của tất cả các đề tài thuyết trình. |
| **Kết quả mong muốn:**   * Hệ thống lại kiến thức và giải đáp các thắc mắc của người học để chuẩn bị cho thi cuối kỳ |

**15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:**

**- Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường

**- Hình thức thi:** Trắc nghiệm

***Phan Thiết, ngày 20 tháng 5 năm 2015***

**Trưởng khoa**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: Kiểm toán 1 Mã học phần:10091**

**2. Khoa phụ trách: Kế toán – Kiểm toán**

**3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**

**3.1 Họ và tên: Lê Thị Bảo Như**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Kế toán – Kiểm toán
* ĐT: 0917.485.684 email: lebaonhu@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán

**3.2 Họ và tên: Đỗ Văn Tứ**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Kế toán – Kiểm toán
* ĐT:0967.676.696 email: dovantu.vn2010@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán

**4. Số tín chỉ: 2**

**5. Phân bổ thời gian (tiết): 30 tiết**

* Lên lớp: 30 tiết
* Tự học: 90 tiết

**6. Học phần tiên quyết:** Kế toán tài chính 4

**7. Mục tiêu của học phần:**

* ***Về kiến thức***
* Học phần này mong muốn sinh viên nắm vững các khái niệm cơ bản trong kiểm toán như các khái niệm về kiểm toán, bằng chứng kiểm toán, hệ thống kiểm soát nội bộ, mục tiêu kiểm toán, thử nghiệm kiểm toán; các nguyên tắc về đạo đức nghề nghiệp kế toán và kiểm toán; quy trình kiểm toán; vai trò của kiểm toán trong nền kinh tế; các kỹ thuật để thu thập bằng chứng trong kiểm toán; các điều kiện để phát hành từng loại ý kiến kiểm toán.
* Bên cạnh đó, học phần này mong muốn sinh viên hiểu rõ phương pháp đánh giá rủi ro kiểm toán (bao gồm cả rủi ro tiềm tàng, rủi ro kiểm soát và rủi ro phát hiện) và xác định mức trọng yếu để lập kế hoạch kiểm toán, biết thiết kế các thử nghiệm kiểm soát để kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị được kiểm toán, hiểu mối quan hệ giữa mức trọng yếu, rủi ro kiểm toán và bằng chứng kiểm toán để thu thập bằng chứng đầy đủ.
* Ngoài ra, học phần này còn kỳ vọng sinh viên tích lũy thêm các kiến thức mở rộng như cỡ mẫu trong thử nghiệm kiểm toán, một số bằng chứng kiểm toán đặc biệt, kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán độc lập, bài học kinh nghiệm thực tế để sinh viên có thể phát triển thêm về mặt lý luận cũng như vận dụng tốt trên thực tế.
* ***Về kỹ năng:*** Học phần này kỳ vọng sinh viên vận dụng kiến thức đã học để:
* Xác định được mục tiêu kiểm toán đối với một số thủ tục kiểm toán cụ thể;
* Thiết kế được một số thử nghiệm kiểm soát cụ thể;
* Vận dụng quy trình kiểm toán để sau này áp dụng kiểm toán cho 1 khoản mục cụ thể;
* Thu thập được những bằng chứng kiểm toán thích hợp mà có hiệu quả nhất;
* Đưa ra được những ý kiến kiểm toán phù hợp nhất.
* Hợp tác, giao tiếp tốt và biết làm việc nhóm;
* Thiết kế hệ thống kiểm soát nội bộ cho 1 công ty;
* ***Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm***
* Học phần này kỳ vọng sinh viên sau khi hoàn thành sẽ biết tận dụng khả năng tự học, tự nghiên cứu của mình để tìm và học hỏi thêm khối kiến thức muôn màu của thế giới, có thái độ cần cù, tỉ mỉ, tích cực, có trách nhiệm và đạo đức trong công việc để thích nghi trong môi trường tổ chức mới và nâng cao hiệu quả trong công việc.

**8. Chuẩn đầu ra học phần:** Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

* **Kiến thức**

1. Giải thích được định nghĩa và phân loại kiểm toán;
2. Hiểu được vai trò của kiểm toán độc lập trong nền kinh tế
3. Hiểu được hoạt động kiểm toán độc lập, đặc biệt là kiểm toán báo cáo tài chính
4. Hiểu được quy trình kiểm toán báo cáo tài chính;
5. Xác định được vai trò của các chuẩn mực kiểm toán;
6. Hiểu được đạo đức nghề nghiệp trong kiểm toán
7. Giải thích được định nghĩa và các bộ phận hợp thành hệ thống kiểm soát nội bộ
8. Hiểu được các hạn chế tiềm tàng của hệ thống kiểm soát nội bộ
9. Biết được mục tiêu nghiên cứu hệ thống kiểm soát nội bộ của kiểm toán viên
10. Biết được trình tự nghiên cứu hệ thống kiểm soát nội bộ của kiểm toán viên
11. Hiểu được các bước công việc cần thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị kiểm toán
12. Giải thích được khái niệm trọng yếu và mức trọng yếu
13. Hiểu được khái niệm rủi ro kiểm toán, các bộ phận của rủi ro kiểm toán và chiến lược tiếp cận rủi ro kiểm toán dựa trên sự hiểu biết về môi trường kinh doanh và kiểm soát nội bộ của đơn vị;
14. Hiểu được cách thức lập kế hoạch kiểm toán trên cơ sở đánh giá mức trọng yếu và rủi ro kiểm toán
15. Giải thích được khái niệm và tiêu chuẩn của bằng chứng kiểm toán
16. Hiểu được cách thu thập bằng chứng kiểm toán
17. Hiểu được cách thu thập bằng chứng kiểm toán
18. Hiểu được cách thức đánh giá tổng thể trước khi lập báo cáo kiểm toán
19. Hiểu được bản chất và nội dung cơ bản của báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính
20. Hiểu được sự khác nhau giữa các loại ý kiến của kiểm toán viên trên báo cáo kiểm toán

* **Kỹ năng**

1. Vận dụng được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong kiểm toán
2. Có thể tự tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ ở 1 công ty
3. **B**iết cách xác lập mức trọng yếu để phục vụ cho việc lập kế hoạch kiểm toán
4. Thu thập được một số bằng chứng kiểm toán cơ bản
5. Tự đưa ra ý kiến kiểm toán trong 1 số trường hợp cụ thể
6. Tự học, tự nghiên cứu và cập nhật kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ
7. Tự tin trình bày ý tưởng của mình

* **Thái độ**

1. Có thái độ làm việc nghiêm túc tuân thủ theo chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp

**9. Nội dung học phần:**

**9.1. Tóm tắt nội dung học phần:**

Môn Kiểm toán 1 thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhóm ngành Kinh doanh và Quản lý trong chương trình đào tạo của ngành Kế toán.

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kiểm toán như các khái niệm về kiểm toán, bằng chứng kiểm toán, hệ thống kiểm soát nội bộ, mục tiêu kiểm toán, thử nghiệm kiểm toán; các nguyên tắc về đạo đức nghề nghiệp kế toán và kiểm toán; quy trình kiểm toán; vai trò của kiểm toán trong nền kinh tế; các kỹ thuật để thu thập bằng chứng trong kiểm toán; các điều kiện để phát hành từng loại ý kiến kiểm toán.

Bên cạnh đó, các kiến thức nâng cao như đánh giá rủi ro kiểm toán và xác định mức trọng yếu, thiết kế các thử nghiệm kiểm soát, mối quan hệ giữa mức trọng yếu, rủi ro kiểm toán và bằng chứng kiểm toán cũng được cung cấp để sinh viên khi tốt nghiệp có thể vận dụng vào tình huống thực tế nhất là khi làm kiểm toán.

Ngoài ra, kiến thức mở rộng như cỡ mẫu trong thử nghiệm kiểm toán, bằng chứng kiểm toán đặc biệt, kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán độc lập được bổ sung để sinh viên có kiến thức tự nghiên cứu, học tập thêm phục vụ cho nghề nghiệp sau này.

**9.2. Nội dung học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chương** | **Mục, tiểu mục** | **Số tiết** | | | | **TL TH** | **CĐR** |
| **TC** | **LT** | **BT** | **TH** |
| 1 | **Chương 0: Tổng quan về BCTC (4 tiết lên lớp)** | 1. Mục đích của BCTC 2. Yêu cầu về thông tin trên BCTC 3. Nguyên tắc lập và trình bày BCTC (theo VAS 21) 4. Ghi nhận và đánh giá các yếu tố của BCTC | **8** | **8** |  |  |  |  |
| 2 | **Chương 1: Tổng quan về kiểm toán và môi trường kiểm toán (4 tiết lên lớp)** | * 1. Tổng quan về kiểm toán      1. Định nghĩa      2. Phân loại kiểm toán      3. Lịch sử hình thành và phát triển      4. Vai trò của kiểm toán trong nền kinh tế      5. KTV, DN kiểm toán & tổ chức nghề nghiệp      6. Quy trình kiểm toán báo cáo tài chính   2. Môi trường kiểm toán * 1.2.1 Đặc điểm và các nhân tố trong môi trường kiểm toán * 1.2.2 Chuẩn mực kiểm toán * 1.2.3 Đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên * 1.2.4 Trách nhiệm của kiêm toán viên | **8** | **8** |  |  |  | **1**  **2**  **3**  **4**  **5**  **6**  **20**  **21** |
| 3 | **Chương 2: Hệ thống kiểm soát nội bộ (4 tiết lên lớp)** | * 1. Những vấn đề cơ bản về hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB)      1. Định nghĩa      2. Các bộ phận cấu thành của hệ thống KSNB      3. Những hạn chế tiềm tàng của hệ thống KSNB   2. Nghiên cứu và đánh giá hệ thống KSNB của kiểm toán viên      1. Mục đích nghiên cứu hệ thống KSNB      2. Trình tự và phương pháp nghiên cứu và đánh giá hệ thống KSNB của kiểm toán viên | **12** | **12** |  |  |  | **7**  **8**  **9**  **10**  **22** |
| 4 | **Chương 3: Chuẩn bị kiểm toán (8 tiết lên lớp)** | * 1. Trọng yếu và rủi ro kiểm toán      1. Trọng yếu      2. Rủi ro kiểm toán      3. Quan hệ giữa trọng yếu và rủi ro kiểm toán   2. Giai đoạn tiền kế hoạch      1. Tiếp nhận khách hàng mới và duy trì khách hàng cũ.      2. Thỏa thuận sơ bộ với khách hàng      3. Ký hợp đồng kiểm toán hoặc thư hẹn kiểm toán   3. Giai đoạn lập kế hoạch   3.3.1 Tìm hiểu khách hàng  3.3.2 Xác định chiến lược kiểm toán  3.3.3 Lập kế hoạch tổng quát  3.3.4 Thiết kế chương trình chi tiết. | **16** | **16** |  |  |  | **11**  **12**  **13**  **14**  **23** |
| 5 | **Chương 4: Bằng chứng kiểm toán (4tiết lên lớp)** | * 1. Định nghĩa và yêu cầu của bằng chứng kiểm toán      1. Định nghĩa      2. Yêu cầu của bằng chứng kiểm toán   2. Các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán | **8** | **8** |  |  |  | **15**  **16**  **17**  **24** |
| 6 | **Chương 5: Hoàn thành kiểm toán (2 tiết lên lớp)** | * 1. Chuẩn bị hoàn thành kiểm toán   2. Báo cáo kiểm toán      1. Khái niệm và vai trò của báo cáo kiểm toán      2. Các yếu tố của báo cáo kiểm toán      3. Các loại ý kiến về báo cáo tài chính | **8** | **8** |  |  |  | **18**  **19**  **20**  **25** |

**10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:**

1. Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
2. Tham dự tối thiểu 70% thời gian lên lớp
3. Tuyệt đối không được làm việc riêng trong giờ học
4. Đọc tài liệu trước mỗi buổi học
5. **Phương pháp đánh giá học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần** | **Hình thức đánh giá** | **Tỉ trọng trong thành phần** | **Tỉ trọng trong HP** | **Thời điểm đánh giá** |
| Quá trình | - Bài tập cá nhân  - Thảo luận, thuyết trình  - Phát biểu | *50%*  *50%*    ***Điểm cộng tối đa 2đ*** | *10%* | - Mỗi buổi  - Mỗi chương |
| Giữa kỳ | - Tự luận đề đóng | 100% | *30%* | - Sau buổi học thứ 8 |
| Cuối kỳ | Tự luận đề đóng | ***100%*** | *60%* | - Theo lịch của khoa, từ … đến … |
|  | **Cộng** |  | **100%**  **(10/10)** |  |

**12. Học liệu**

**12.1.Tài liệu chính:**

* + **Giáo trình chính:** Sách “Kiểm toán tập 1” **-** Bộ môn Kiểm toán- Khoa Kế toán kiểm toán- Trường Đại học Kinh Tế Thánh phố Hồ Chí Minh**,** Nhà xuất bản Kinh tế TPHCM năm 2014.
  + **Sách “Bài tập kiểm toán” -** Bộ môn Kiểm toán- Khoa Kế toán kiểm toán- Trường Đại học Kinh Tế Thánh phố Hồ Chí Minh**,** Nhà xuất bản Thống kê năm 2015.
  1. **Tài liệu tham khảo:**
  + Bộ Tài chính Việt Nam, *Các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam* (VSA)
  + Chuẩn mực kiểm toán quốc tế -ISA
  + Quốc hội (2011), Luật kiểm toán độc lập

**12.3. Tư liệu trực tuyến:**

* Tiếng Việt

<http://www.vacpa.org.vn>

http:/www.mof.gov.vn

* Tiếng Anh

[www.coso.org/](http://www.coso.org/)

[www.ifac.org/auditing-assurance](http://www.ifac.org/auditing-assurance)

**13. Tổ chức giảng dạy và học tập**

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

**14. Kế hoạch giảng dạy: (mô tả cụ thể từ buổi 1 đến buổi cuối cùng, mỗi buổi 4 tiết trên lớp, tối thiểu 12 tiết tự học)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi/tiết** | **Nội dung dạy-học** | **Hình thức dạy-học** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của SV** |
| 1 (4t) | Chương 0, Mục 1,2,3,4 | GV lên lớp giảng | - Giới thiệu môn học  - Thuyết giảng nội dung bài học | SV tự ôn lại kiến thức đã học về kế toán  Sau buổi học: Xem lại nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính, các nguyên tắc cơ bản trong kế toán |
|  | Chương 0 | SV thuyết trình BT về nhà | - GV sữa BT | Sau buổi học:   * + Đọc slide bài giảng chương 1   + Đọc Giáo trình Lý Thuyết kiểm toán 1: chương 1 (phần I,II,III,IV,V,VII)   + Tự cho 1 ví dụ cho mỗi loại kiểm toán: Kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán báo cáo tài chính (viết ra giấy).   + Chuẩn bị thuyết trình phần I,II,III,IV,V,VII |
| 2 (4t) | Chương 1, mục 1.1 | * + SV thuyết trình phần I,II,III,IV,V,VII trong SGK   + GV lên lớp giảng | - Tóm tắt nội dung bài học sau khi sinh viên thuyết trình | * Sau buổi học:   + SV về tóm tắc lại nội dung bài học bằng sơ đồ cây.   + Đọc Giáo trình Lý Thuyết kiểm toán 1: chương 7 (phần I,II,III,IV,V,VI)   + Tự cho 1 ví dụ cho mỗi nguyên tắc đạo đức (viết ra giấy).   + Tham khảo chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, luật kiểm toán độc lập, VSA 200   + Trả lời câu hỏi: Tại sao kiểm toán viên chỉ có thể “đảm bảo hợp lý” về kết quả kiểm toán? Đặc điểm khác biệt cơ bản của nghề kiểm toán với những nghề khác là gì? (viết ra giấy).   + Chuẩn bị thuyết trình chương 7 phần I,II,III,IV,V,VI |
|  | Chương 1, mục 1.2 | * + SV thuyết trình chương 7 phần I,II,III,IV,V,VI   + GV lên lớp giảng   + SV làm các câu hỏi trác nghiệm và 1 số bài tập | - Tóm tắt nội dung bài học sau khi sinh viên thuyết trình  Sữa BT | Sau buổi học:  - SV về tóm tắc lại nội dung bài học bằng sơ đồ cây.   * + Đọc slide bài giảng chương 2   + Đọc Giáo trình Lý Thuyết kiểm toán 1: chương 2 (phần I)   + Tham khảo VSA 315   + Trả lời câu hỏi: Có mấy bộ phận hợp thành hệ thống KSNB, kể tên và nêu nội dung chủ yếu của từng bộ phận? (viết ra giấy).   Chuẩn bị thuyết trình phần I |
| 3 (4t) | Chương 2, mục 2.1 | * + SV thuyết trình phần I   + GV lên lớp giảng | - Tóm tắt nội dung bài học sau khi sinh viên thuyết trình | * Sau buổi học:   + SV về tóm tắc lại nội dung bài học bằng sơ đồ cây.   + Làm 1 số bài tập do giảng viên phân công.   + Đọc Giáo trình Lý Thuyết kiểm toán 1: chương 2 (phần II)   + Trả lời câu hỏi: Kiểm toán viên tìm hiểu và đánh giá hệ thống KSNB nhằm mục đích gì? Thủ tục kiểm soát do ai thực hiện và nhằm mục đích gì? Thử nghiệm kiểm soát do ai thực hiện và nhằm mục đích gì? (viết ra giấy).   + Chuẩn bị thuyết trình chương 2 phần II |
|  | Chương 2, mục 2.2 | * + SV thuyết trình phần II   + GV lên lớp giảng | - Tóm tắt nội dung bài học sau khi sinh viên thuyết trình | * Sau buổi học:   + SV về tóm tắc lại nội dung bài học bằng sơ đồ cây.   + Làm tất cả câu hỏi trắc nghiệm, bài tập chương 2 trong sách bài tập kiểm toán |
|  | Chương 2 | SV làm BT | - Hướng dẫn SV sửa bài tập | * + Sau buổi học:   + Đọc slide bài giảng chương 3   + Đọc Giáo trình Lý Thuyết kiểm toán 1: chương 3 (phần I)   + Tham khảo VSA 300, 320, 450   + Trả lời câu hỏi: Khái niệm trọng yếu, cho ví dụ? Phân biệt rủi ro kiểm toán, rủi ro tiềm tang, rủi ro kiểm soát, rủi ro phát hiện (viết ra giấy).   + Chuẩn bị thuyết trình phần I |
| 4 (4t) | Chương 3, mục 3.1 | * + SV thuyết trình phần I   + GV lên lớp giảng | - Tóm tắt nội dung bài học sau khi sinh viên thuyết trình | * Sau buổi học:   + SV về tóm tắc lại nội dung bài học bằng sơ đồ cây.   + Làm 1 số bài tập do giảng viên phân công. |
|  | Chương 3, mục 3.1 | * + GV lên lớp giảng | - Thuyết giảng tiếp lý thuyết phần I | * Sau buổi học:   + Đọc Giáo trình Lý Thuyết kiểm toán 1: chương 3 (phần II,III)   + Trả lời câu hỏi: Vì sao kiểm toán viên phải hiểu biết chung về nền kinh tế, môi trường và lĩnh vực hoạt động của đơn vị được kiểm toán? Mục tiêu kiểm toán là gì, có mấy mục tiêu, kể tên?(viết ra giấy).   + Chuẩn bị thuyết trình chương 3 phần II,III |
| 5 (4t) | Chương 3, mục 3.2, 3.3 | * + SV thuyết trình phần II,III   + GV lên lớp giảng | - Tóm tắt nội dung bài học sau khi sinh viên thuyết trình | * Sau buổi học:   + SV về tóm tắc lại nội dung bài học bằng sơ đồ cây.   + Làm 1 số bài tập do giảng viên phân công.   + Làm tất cả câu hỏi trắc nghiệm, bài tập chương 2 trong sách bài tập kiểm toán |
|  | Chương 3 | SV làm BT | - Hướng dẫn SV sửa bài tập | * + Sau buổi học:   + Đọc slide bài giảng chương 4   + Đọc Giáo trình Lý Thuyết kiểm toán 1: chương 4 (phần I,II)   + Tham khảo VSA 500   + Trả lời câu hỏi: Khái niệm Bằng chứng kiểm toán? Yêu cầu của bằng chứng kiểm toán? Các phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán? (viết ra giấy).   + Chuẩn bị thuyết trình phần I,II |
| 6(4t) | Chương 4, mục 4.1, 4.2 | * + SV thuyết trình Phần I,II   + GV lên lớp giảng | - GV tóm tắt bài thuyết trình | * Sau buổi học:   + SV về tóm tắc lại nội dung bài học bằng sơ đồ cây.   + Làm tất cả câu hỏi trắc nghiệm, bài tập chương 4 trong sách bài tập kiểm toán |
|  | Chương 4 | * + SV lam BT | - HD sv sua BT | * Sau buổi học:   + Đọc slide bài giảng chương 5   + Đọc Giáo trình Lý Thuyết kiểm toán 1: chương 6 (phần I,II)   + Tham khảo VSA 700,705,710,720   + Trả lời câu hỏi: Có mấy loại ý kiến kiểm toán? Nêu ngắn gọn tên và điều kiện để đưa ra từng loại ý kiến.(viết ra giấy).   + Chuẩn bị thuyết trình phần I,II |
| 7 (2t) | Chương 5, mục 5.1,5.2 | * + SV thuyết trình Phần I,II   + GV lên lớp giảng | - GV tóm tắt bài thuyết trình | * Sau buổi học:   + SV về tóm tắc lại nội dung bài học bằng sơ đồ cây.   + Làm tất cả câu hỏi trắc nghiệm, bài tập chương 6 trong sách bài tập kiểm toán |
|  | Chương 5 và ôn tập | * + SV làm BT | - GV HD sua BT và ôn tập | * Sau buổi học: * Ôn bài - thi |

**15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:**

* **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
* **Hình thức thi:** tự luận, trắc nghiệm (không được sử dụng tài liệu)

***Phan Thiết, ngày tháng năm 2015***

**Trưởng khoa**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: Kế toán quản trị Mã học phần:23010**

**2. Khoa phụ trách: Kế toán – Kiểm toán**

**3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**

**3.1. Họ và tên: Lê Thị Bảo Như**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Kế toán – Kiểm toán
* ĐT: 0917.485.684 email: lebaonhu@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán

**3.2. Họ và tên: Lại Thanh Bình**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Kế toán – Kiểm toán
* ĐT: 0933.056.701 email: thanhbinh@upt.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán

**4. Số tín chỉ: 3**

**5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết**

* Lên lớp: 45 tiết
* Tự học: 135 tiết

**6. Học phần tiên quyết:** Kế toán tài chính

**7. Mục tiêu của học phần:**

Sau khi hoàn tất học phần này, sinh viên có thể:

* Sử dụng giá thành khả biến như một công cụ cho quản lý.
* Sử dụng giá thành trên cơ sở hoạt động (ABC) như một công cụ hổ trợ cho việc ra quyết định.
* Xác định phạm vi của giá chuyển giao trên cơ sở thương lượng.
* Sử dụng các công cụ khác nhau để hổ trợ cho việc ra các quyết định đầu tư dài hạn.

**8. Chuẩn đầu ra học phần:** Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

* Kiến thức

Nắm vững các kiến thức kế toán quản trị ở mức độ chuyên sâu về:

1. Giá thành khả biến;
2. Giá thành trên cơ sở hoạt động;
3. Giá chuyển giao;
4. Các công cụ hổ trợ việc ra các quyết định đầu tư dài hạn.

* Kỹ năng

1. Giải thích giá thành khả biến và giá thành đầy đủ khác nhau ra sao và tính giá thành đơn vị sản phẩm theo từng phương pháp.
2. Lập báo cáo kết quả kinh doanh bằng cách sử dụng giá thành khả biến và giá thành đầy đủ.
3. Điều chỉnh Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh theo giá thành khả biến sang Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh theo giá thành đầy đủ và giải thích tại sao hai số liệu đó khác nhau.
4. Lập báo cáo bộ phận phân biệt định phí bộ phận và định phí chung và sử dụng nó cho việc ra quyết định.
5. Hiểu được ABC khác với hệ thống tính giá thành truyền thống ra sao.
6. Tập hợp chi phí cho các hoạt động bằng việc sử dụng phân bổ giai đoạn một.
7. Tính tỷ lệ phân bổ của từng hoạt động.
8. Phân bổ chi phí cho đối tượng chịu chi phí bằng cách sử dụng phân bổ giai đoạn hai.
9. Dùng ABC để tính lợi nhuận theo sản phẩm và lợi nhuận theo khách hàng.
10. Lập báo cáo phân tích hành động bằng cách sử dụng dữ liệu ABC và giải thích các báo cáo.
11. Sử dụng kỹ thuật ABC để tính giá thành đơn vị cho báo cáo bên ngoài.
12. Xác định Giá chuyển giao theo thương lượng;
13. Xác định Giá chuyển giao theo chi phí của bộ phận bán;
14. Xác định Chuyển giao theo giá thị trường.
15. Đánh giá khả năng chấp nhận một dự án đầu tư bằng cách sử dụng phương pháp hiện giá thuần (NPV).
16. Đánh giá khả năng chấp nhận một dự án đầu tư bằng cách sử dụng phương pháp tỷ suất sinh lời nội bộ (IRR).
17. Đánh giá một dự án đầu tư có dòng tiền không chắc chắn.
18. Xếp hạng dự án đầu tư theo thứ tự ưu tiên.
19. Xác định kỳ hoàn vốn của một dự án.
20. Tính tỷ suất sinh lời giản đơn của một dự án
21. Hiểu khái niệm giá trị hiện tại và sử dụng bảng giá trị hiện tại.

* Thái độ

1. Có ý thức chuyên cần trong học tập
2. Có tinh thần hợp tác và sẵn sàng làm việc theo nhóm để giải quyết các bài tập tình huống theo nhóm

**9. Nội dung học phần:**

**9.1. Tóm tắt nội dung học phần:**

Kế toán quản trị 2 đề cập đến các công cụ hổ trợ cho các nhà quản trị trong việc ra quyết định: giá thành khả biến; giá thành trên cơ sở hoạt động; giá chuyển giao; các công cụ hổ trợ việc ra các quyết định đầu tư dài hạn.

**9.2. Nội dung học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chương** | **Mục, tiểu mục** | **Số tiết** | | | | **TL TH** | **CĐR** |
| **TC** | **LT** | **BT** | **TH** |
| 1 | **Chương I: GIÁ THÀNH KHẢ BIẾN VÀ BÁO CÁO BỘ PHẬN: CÁC CÔNG CỤ CHO QUẢN TRỊ (10 tiết)** | * 1. Tổng quan về giá thành khả biến và giá thành đầy đủ   2. Ví dụ về giá thành khả biến và giá thành đầy đủ   3. Điều chỉnh lợi nhuận theo giá thành khả biến thành lợi nhuận theo giá thành đầy đủ   4. Những ưu điểm của giá thành khả biến và cách tiếp cận số dư đảm phí   5. Báo cáo bộ phận và cách tiếp cận số dư đảm phí   6. Ví dụ về báo cáo bộ phận   7. Những lỗi phổ biến khi lập báo cáo bộ phận   8. Báo cáo kết quả kinh doanh cho bên ngoài | **6** | **6** |  |  |  | **1**  **2**  **3**  **4**  **5**  **6**  **7**  **8** |
| 2 | **Chương 2. TÍNH GIÁ THÀNH TRÊN CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG: MỘT CÔNG CỤ HỔ TRỢ VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH (15 tiết)** | * 1. Tổng quan về tính giá thành trên cơ sở hoạt động (ABC)   2. Thiết kế hệ thống tính giá thành trên cơ sở hoạt động   3. Kỹ thuật tính giá thành trên cơ sở hoạt động   4. So sánh giá thành sản phẩm truyền thống và giá thành sản phẩm ABC   5. Xác định mục tiêu để cải thiện quá trình hoạt động   6. ABC và báo cáo cho bên ngoài   7. Các hạn chế của ABC   8. Phụ lục A: Phân tích hoạt động ABC   9. Phụ lục B: Sử dụng ABC sửa đổi để xác định giá thành sản phẩm cho báo cáo bên ngoài. | **9** | **9** |  |  |  | **10**  **15**  **19**  **25** |
| 3 | **Chương 3. ĐỊNH GIÁ CHUYỂN GIAO (10 tiết)** | * 1. Khái niệm về giá chuyển giao   2. Giá chuyển giao được thương lượng      1. *Giá chuyển giao tối thiểu được bộ phận bán chấp nhận*      2. *Bộ phận bán còn năng lực thừa*      3. *Bộ phận bán không còn năng lực thừa*      4. *Bộ phận bán còn ít năng lực thừa*      5. *Không có nhà cung cấp từ bên ngoài*      6. *Đánh giá về giá chuyển giao theo thương lượng*   3. Giá chuyển giao theo chi phí của bộ phận bán   4. Giá chuyển giao theo giá thị trường   5. Tự chủ bộ phận và tối ưu hóa bộ phận   6. Các khía cạnh quốc tế của giá chuyển giao | **6** | **6** |  |  |  | **3**  **5**  **7**  **8**  **11**  **15**  **17**  **20**  **22** |
| 4 | **Chương 4 - QUYẾT ĐỊNH VỀ DỰ TOÁN VỐN (10 tiết)** | * 1. Dự toán vốn - Kế hoạch đầu tư   2. Dòng tiền được chiết khấu – Phương pháp hiện giá thuần (NPV)   3. Dòng tiền được chiết khấu – Phương pháp Tỷ suất sinh lời nội bộ (IRR)   4. Mở rộng phương pháp hiện giá thuần (NPV)   5. Dòng tiền không chắc chắn   6. Quyết định ưu tiên – Xếp hạng các dự án đầu tư | **9** | **9** |  |  |  | **17**  **20**  **21**  **23**  **24**  **25**  **26**  **27** |

**10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:**

1. Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
2. Tham dự tối thiểu 70% thời gian lên lớp
3. Tuyệt đối không được làm việc riêng trong giờ học
4. Đọc tài liệu trước mỗi buổi học

**11. Phương pháp đánh giá học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần** | **Hình thức đánh giá** | **Tỷ trọng trong thành phần** | **Tỷ trọng trong học phần** | **Thời điểm đánh giá** |
| *Quá trình* | *- Điểm danh*  *- Bài tập nhóm* | *50 %*  *50 %*  ***100%*** | *10%* | *- Mỗi buổi / tuần*  *- Mỗi chương* |
| *Giữa kỳ* | *- Trắc nghiệm*  *- Tự luận* | *80 %*  *20 %*  ***100%*** | *30%* | *- Tuần 6* |
| *Cuối kỳ* | *- Trắc nghiệm*  *- Tự luận* | *80 %*  *20 %*  ***100%*** | *60%* | *- Theo lịch của khoa* |
| ***Cộng*** | | | ***100%***  ***(10/10)*** |  |

**12. Học liệu**

**12.1.Tài liệu chính:**

1. Ray H. Garrison, Eric Noreen, Peter C. Brewer; *Managerial Accounting, 14th Edition;* The McGraw-Hill Companies, Inc., 2012 (G.14e)

**12.2 Tài liệu tham khảo:**

1. Bộ môn Kế toán quản trị-Phân tích hoạt động kinh doanh, Khoa Kế toán Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế, TP. Hồ Chí Minh; *Kế toán quản trị;* NXB. Kinh tế TP.HCM, 2015 (BM-KTQT)
2. Bộ môn Kế toán quản trị-Phân tích hoạt động kinh doanh, Khoa Kế toán Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế, TP. Hồ Chí Minh; *Kế toán chi phí;* NXB. Kinh tế TP.HCM, 2015 (BM-KTCP)
3. Lê Đình Trực, Nguyễn Bảo Linh, Võ Minh Long; *Kế toán quản trị (Xuất bản lần thứ ba);* NXB. Thống kê; 2012. (TLL.3e)

**12.3. Tư liệu trực tuyến:**

**13. Tổ chức giảng dạy và học tập**

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

**14. Kế hoạch giảng dạy: (mô tả cụ thể từ buổi 1 đến buổi cuối cùng, mỗi buổi 4 tiết trên lớp, tối thiểu 12 tiết tự học)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi/tiết** | **Nội dung dạy – học** | **Hình thức dạy – học** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của SV** |
| 1 (5 tiết) | **Chương I: GIÁ THÀNH KHẢ BIẾN VÀ BÁO CÁO BỘ PHẬN: CÁC CÔNG CỤ CHO QUẢN TRỊ**   * 1. Tổng quan về giá thành khả biến và giá thành đầy đủ   2. Ví dụ về giá thành khả biến và giá thành đầy đủ   3. Điều chỉnh lợi nhuận theo giá thành khả biến thành lợi nhuận theo giá thành đầy đủ   4. Những ưu điểm của giá thành khả biến và cách tiếp cận số dư đảm phí | Giảng tại lớp | *- GV thuyết giảng nội dung* | Bài đọc bắt buộc:  Ch. 6 - G.14e (p.230-240)  Bài đọc tham khảo:  Chương 4 – TLL.3e (p.64-86)  *- Làm BT chương 1* |
| 2 (5 tiết) | **Chương I: GIÁ THÀNH KHẢ BIẾN VÀ BÁO CÁO BỘ PHẬN: CÁC CÔNG CỤ CHO QUẢN TRỊ (tiếp theo)**   * 1. Báo cáo bộ phận và cách tiếp cận số dư đảm phí   2. Ví dụ về báo cáo bộ phận   3. Những lỗi phổ biến khi lập báo cáo bộ phận   4. Báo cáo kết quả kinh doanh cho bên ngoài | Giảng tại lớp | *- GV thuyết giảng nội dung* | Bài đọc bắt buộc:  Ch. 6 - G.14e (p.240-249)  Bài đọc tham khảo:   1. Chương 6 – BM-KTQT (p. 202-209) 2. Chương 7 – TLL.3e (p.169-175)   *- Làm BT chương 1*  *- Bài tập nhóm chương 1* |
| 3(5 tiết) | **Chương 2. TÍNH GIÁ THÀNH TRÊN CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG: MỘT CÔNG CỤ HỔ TRỢ VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH**   * 1. Tổng quan về tính giá thành trên cơ sở hoạt động (ABC)   2. Thiết kế hệ thống tính giá thành trên cơ sở hoạt động   3. Kỹ thuật tính giá thành trên cơ sở hoạt động | Giảng tại lớp | *- GV thuyết giảng nội dung* | -Bài đọc bắt buộc:  Ch. 7 - G.14e (p.272-296)  -Bài đọc tham khảo:  Phụ lục: Hệ thống chi phí dựa trên hoạt động – BM-KTCP (p. 295-315)  *- Làm BT chương 2* |
| 4(5 tiết) | **Chương 2. TÍNH GIÁ THÀNH TRÊN CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG: MỘT CÔNG CỤ HỔ TRỢ VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH (t.t)**   * 1. So sánh giá thành sản phẩm truyền thống và giá thành sản phẩm ABC   2. Xác định mục tiêu để cải thiện quá trình hoạt động   3. ABC và báo cáo cho bên ngoài   4. Các hạn chế của ABC | Giảng tại lớp | *- GV thuyết giảng nội dung* | -Bài đọc bắt buộc:  Ch. 7 - G.14e (p.296-298)  -Bài đọc tham khảo:  Phụ lục: Hệ thống chi phí dựa trên hoạt động – BM-KTCP (p. 295-315)  *- Làm BT chương 2* |
| 5(5 tiết) | **Chương 2. TÍNH GIÁ THÀNH TRÊN CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG: MỘT CÔNG CỤ HỔ TRỢ VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH (t.t)**   * 1. Phụ lục A: Phân tích hoạt động ABC   2. Phụ lục B: Sử dụng ABC sửa đổi để xác định giá thành sản phẩm cho báo cáo bên ngoài. | Giảng tại lớp | *- GV thuyết giảng nội dung* | -Bài đọc bắt buộc:  Ch. 7 - G.14e (p.317-334)  Bài đọc tham khảo:  Phụ lục: Hệ thống chi phí dựa trên hoạt động – BM-KTCP (p. 295-315)  *- Làm BT chương 2*  *- Bài tập nhóm chương 2* |
| 6(5 tiết) | **Chương 3. ĐỊNH GIÁ CHUYỂN GIAO (6 tiết)**   * 1. Khái niệm về giá chuyển giao   2. Giá chuyển giao được thương lượng | Giảng tại lớp | *- GV thuyết giảng nội dung* | -Bài đọc bắt buộc:  Phụ lục 11A-G.14e (p.507-513)  -Bài đọc tham khảo:  Chương 7 – TLL.3e (p.176-182)  Chương 6 – BM-KTQT (p. 197-202)  *- Làm BT chương 3* |
| 7(5 tiết) | **Chương 3. ĐỊNH GIÁ CHUYỂN GIAO (t.t)**   * 1. Giá chuyển giao theo chi phí của bộ phận bán   2. Giá chuyển giao theo giá thị trường   3. Tự chủ bộ phận và tối ưu hóa bộ phận   4. Các khía cạnh quốc tế của giá chuyển giao | Giảng tại lớp | *- GV thuyết giảng nội dung* | -Bài đọc bắt buộc:  Phụ lục 11A-G.14e (p.507-513)  -Bài đọc tham khảo:  Chương 7 – TLL.3e (p.176-182)  Chương 6 – BM-KTQT (p. 197-202)  *- Làm BT chương 3*  *- Bài tập nhóm chương 3* |
| 8(3 tiết) | **Chương 4 - QUYẾT ĐỊNH VỀ DỰ TOÁN VỐN**   * 1. Dự toán vốn - Kế hoạch đầu tư   2. Dòng tiền được chiết khấu – Phương pháp hiện giá thuần (NPV) | Giảng tại lớp | *- GV thuyết giảng nội dung* | -Bài đọc bắt buộc:  Ch. 13 - G.14e (p.579-586)  -Bài đọc tham khảo:  Chương 10 – BM-KTQT (p. 287-308)  *- Làm BT chương 4* |
| 9(2 tiết) | **Chương 4 - QUYẾT ĐỊNH VỀ DỰ TOÁN VỐN (t.t)**   * 1. Dòng tiền được chiết khấu – Phương pháp Tỷ suất sinh lời nội bộ (IRR) | Giảng tại lớp | *- GV thuyết giảng nội dung* | -Bài đọc bắt buộc:  Ch. 13 - G.14e (p.587-596)  -Bài đọc tham khảo:  Chương 10 – BM-KTQT (p. 287-308)  *- Làm BT chương 4* |
| 10(5 tiết) | **Chương 4 - QUYẾT ĐỊNH VỀ DỰ TOÁN VỐN (t.t)**   * 1. Mở rộng phương pháp hiện giá thuần (NPV)   2. Dòng tiền không chắc chắn   3. Quyết định ưu tiên – Xếp hạng các dự án đầu tư | Giảng tại lớp | *- GV thuyết giảng nội dung* | -Bài đọc bắt buộc:  Ch. 13 - G.14e (p.597-635)  -Bài đọc tham khảo:  Chương 10 – BM-KTQT (p.287-308)  *- Làm BT chương 4*  *- Bài tập nhóm chương 4* |

**15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:**

* **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
* **Hình thức thi:** tự luận, trắc nghiệm (không được sử dụng tài liệu)

***Phan Thiết, ngày tháng năm***

**Trưởng khoa**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: Kế toán mô phỏng - Mã học phần : 10102**

**2. Khoa phụ trách: Kế Toán – Kiểm Toán**

**3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**

**3.1 Họ và tên: Đào Tuyết Lan**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Kế toán – Kiểm toán
* ĐT: 0989.002.001 email: daotuyetlan.07@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán

**3.2 Họ và tên: Lê Thị Bảo Như**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Kế toán – Kiểm toán
* ĐT: 0917.485.684 email: lebaonhu@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán

**4. Số tín chỉ: 4**

**5. Phân bổ thời gian (tiết): 60 tiết**

* Lên lớp: 60 tiết
* Tự học: 180 tiết

**6. Học phần tiên quyết:** Nguyên lý kế toán; Tin học căn bản; Kế toán tài chính 1, 2, 3; Kế toán phần mềm, Kế toán chi phí, Thuế thực hành

**7. Mục tiêu của học phần:**

Môn học nhằm cung cấp các kiến thức như:

Về Kiến thức:

Vận dụng được kỹ năng thực hành kế toán vốn bằng tiền, kế toán các khoản đầu tư, kế toán các khoản thanh toán (phải thu, phải trả), kế toán nguồn vốn – quỹ, kế toán nguyên vật liệu, kế tài sản cố định, kế toán tiền lương – các khoản trích theo lương, kế toán chi phí sản xuất – tính giá thành sản phẩm, kế toán thành phẩm – tiêu thụ - xác định kết quả kinh doanh, kế toán thuế để thực hiện trong công tác kế toán tại các vị trí công tác kế toán.

Xử lý được những vấn đề về kỹ năng nghề kế toán cần giải quyết trong công tác kế toán doanh nghiệp.

Vận dụng được kỹ năng nghề trong thực hiện các phần mềm kế toán.

Về Kỹ năng:

Tổ chức được công tác kế toán phù hợp theo từng loại hình doanh nghiệp.

Lập, kiểm tra, phân loại và xử lý chính xác chứng từ kế toán.

Sử dụng thành thạo chứng từ kế toán để ghi sổ kế toán chi tiết và tổng hợp trên 2 hình thức ghi sổ kế toán là Nhật ký chung và chứng từ ghi sổ.

Lập được các báo cáo tài chính theo quy định.

Lập được khai báo thuế GTGT, Thuế TNDN, khai báo tình hình sử dụng hoá đơn.

Kiểm tra, đánh giá được công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp.

Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:

Tuân thủ các chế độ kế toán tài chính do Nhà nước ban hành.

Nghiêm túc thực hiện đầy đủ yêu cầu của giáo viên đối với môn học

Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ kuật, sức khoẻ giúp cho người học sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm tại các doanh nghiệp.

**8. Chuẩn đầu ra học phần:** Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

***-* Kiến thức:**

1. Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản nhất để sử dụng thành thạo chứng từ kế toán trong việc ghi sổ kế toán chi tiết và tổng hợp trên 2 hình thức ghi sổ kế toán là Nhật ký chung và chứng từ ghi sổ.

Lập được các báo cáo tài chính theo quy định.

Lập được khai báo thuế GTGT, Thuế TNDN, khai báo tình hình sử dụng hoá đơn.

2. Giúp cho sinh viên nắm bắt được cách lập, kiểm tra, phân loại và xử lý chính xác chứng từ kế toán.

3.Sinh viên sẽ vận dụng những kiến thức đã nghiên cứu để thực hành trên phần mềm kế toán Misa, tác dụng của nó như thế nào vào công tác kế toán.

**- K*ỹ năng:***

4. Sau khi học xong môn học này, sinh viên nhận thức được cách xử lý được những vấn đề về kỹ năng nghề kế toán cần giải quyết trong công tác kế toán doanh nghiệp 5. Giúp cho cá nhân tự chủ động trong công việc của mình, trong từng phần hành công việc được giao trong bộ phận tài chính, kế toán doanh nghiệp.

6. Rèn luyện kỹ năng xử lý các tình huống liên quan kế toán thuế.

7. Nắm vững được các bước chuẩn bị để có thể lập các báo cáo tài chính theo qui định.

**- Thái độ:**

8. Đối với xã hội: Có tinh thần trách nhiệm với tổ chức, cộng đồng, xã hội. Tôn trọng pháp luật, qui định của tổ chức nơi mình học và làm việc, chấp hành chủ trương, chính sách của nhà nước. Có ý thức phục vụ tổ chức, cộng đồng, thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ với vị trí của mình đối với tổ chức, xã hội, có ý thức bảo vệ tài sản của tổ chức, bảo vệ môi trường sống, học tập và làm việc.

9. Đối với doanh nghiệp: Chấp hành nội qui, qui định, kỷ luật lao động nơi công sở, hiểu và tôn trọng, giữ gìn văn hóa tổ chức, có tác phong công nghiệp.

10. Đối với cá nhân: Có thái độ nghiêm túc và chăm chỉ trong học tập, áp dụng các kiến thức trong học tập vào thực tiễn hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp.

***-* Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

11. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu.

12. Có khả năng đặt mục tiêu và lập kế hoạch cho bản thân trong công việc và cuộc sống.

13. Có khả năng thích nghi trong môi trường tổ chức mới và nâng cao hiệu quả công việc.

**9. Nội dung học phần:**

**9.1. Tóm tắt nội dung học phần:**

Kế toán mô phỏng hướng dẫn về cách thực hiện cơ bản qui trình kế toán bằng phần mềm kế toán Misa trên máy tính tại doanh nghiệp. Giới thiệu về các hình thức sổ kế toán được áp dụng hiện nay. Các loại chứng từ kế toán, thực hành lập chứng từ kế toán. Giới thiệu và thực hành mở sổ kế toán. Cách lập và khai báo cáo thuế và báo cáo tài chính.

**9.2. Nội dung học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chương** | **Mục, tiểu mục** | **Số tiết** | | | | **TL**  **TH** | **CĐR** |
| **TC** | **LT** | **BT** | **TH** |  |
| 1. | **Bài mở đầu: Khái quát môn học** | 1. Giới thiệu tổng quát về môn mô phỏng kế toán (thực hành kế toán)  2. Bộ máy kế toán  3. Mô hình tổ chức kế toán trong Doanh nghiệp hiện nay  4. Hình thức sổ kế toán được áp dụng trong bài tập thực hành | **2** | 2 | 0 |  | 6 | 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 |
| 2. | Chương 1:  **Chứng từ kế toán** | 1. Phân loại chứng từ kế toán  2. Tạo lập và luân chuyển chứng từ kế toán  3. Sử dụng, bảo quản và lưu trữ chứng từ kế toán  4. Thực hành lập chứng từ kế toán thủ công | **10** | 2 |  | 8 | 30 | 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 |
| 3. | Chương 2:  **Sổ sách kế toán** | 1. Giới thiệu các loại sổ kế toán  2. Thực hành mở sổ kế toán thủ công | **12** | 2 |  | 10 | 36 | 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 |
| 4. | Chương 3: **Báo cáo kế toán** | 1. Báo cáo thuế  2. Báo cáo tài chính  3.Thực hành lập báo cáo thuế và báo cáo tài chính | **12** | 2 |  | 10 | 36 | 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 |
| 5. | Chương 4: **Thực hành trên phần mềm kế toán MISA** |  | **24** | 4 |  | 20 | 72 | 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 |

**10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:**

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc tổng hợp. phân tích định khoản tính toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các phần hành kế toán.

* Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 15 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
* Phần bài tập được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm , mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bất chợt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

* Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
* Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng phương pháp tự học kết hợp với việc thảo luận theo nhóm, thuyết trình
* Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
* Vào **buổi thứ 12,** sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
* ***Cuối học kỳ***, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

**11. Phương pháp đánh giá học phần:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Những nội dung**  **cần đánh giá** | **Số lần đánh giá** | **Trọng số (%)** |
| Dự lớp | 10 | 10 |
| Thảo luận |  |  |
| Bản thu hoạch |  |  |
| Thuyết trình | 1 | 5 |
| Bài tập | 1 | 5 |
| Thi giữa học kỳ | 1 | 30 |
| Thi cuối học kỳ | 1 | 50 |
|  |  | **Tổng: 100%** |

* Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên ***đi học trễ 15 phút*** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm ) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
* **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
* Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
* **Có hành động gian dối**: Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn…) thì sẽ bị điểm 0.

**12. Học liệu**

**12.1.Tài liệu chính:**

* Sách Hướng dẫn thực hành lập sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo thuế GTGT theo phương pháp thủ công – Nhà xuất bản Kinh tế TpHCM, năm 2013, Tác giả: Ths. NCS Đặng Văn Sáng.
* Sách Hướng dẫn thực hành kế toán trên sổ kế toán – Nhà xuất bản tài chính, năm 2010, Tác Giả: PGS.TS Võ Văn Nhị, TS. Nguyễn Thế Lộc, ThS. Lý Thị Bích Châu.

**12.2 Tài liệu tham khảo:**

* Sách Bài tập thực hành kế toán lập chứng từ, ghi sổ, lập báo cáo tài chính – Nhà xuất bản Phương Đông, năm 2010, Tác giả: Ths. Trịnh Quốc Hùng, Ths. Trịnh Minh Tân.
* Giáo trình Nguyên lý kế toán – Nhà xuất bản thống kê, năm 2011, Tác giả: TS. Lê Thanh Hà, TS. Trần Thị Kỳ.
* Giáo trình Kế toán tài chính phần 1 và 2 – Nhà xuất bản Lao động, năm 2011, Tác giả: Trường Đại học kinh tế TpHCM.
* Giáo trình Kế toán tài chính phần 3 và 4 – Nhà xuất bản Lao động, năm 2011, Tác giả: Trường Đại học kinh tế TpHCM.

**12.3. Tư liệu trực tuyến:**

* + Tổng cục thuế http:www.gdt.gov.vn
* **13. Tổ chức giảng dạy và học tập**
* Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

**14. Kế hoạch giảng dạy : (mô tả cụ thể từ buổi 1 đến buổi cuối cùng, mỗi buổi 4 tiết trên lớp, tối thiểu 12 tiết tự học)**

**Buổi 1 Khái quát môn học, chứng từ kế toán**

* + Nội dung: Giới thiệu tổng quan về môn mô phỏng kế toán, các hình thức sổ kế toán được áp dụng. Phân loại chứng từ kế toán
  + Phương pháp: thuyết giảng, thực hành
  + Kết quả mong muốn:

Sinh viên hiểu biết cơ bản về môn học thực hành, các hình thức sổ kế toán. Các chứng từ kế toán

* + Tài liệu: Đọc chương 1 giáo trình

**Buổi 2 Chứng từ kế toán**

* + Nội dung: Giới thiệu về cách tạo lập và luân chuyển chứng từ kế toán, cách sử dụng, bảo quản và lưu trữ chứng từ kế toán, thực hành lập chứng từ kế toán.
  + Phương pháp: thuyết giảng, thực hành
  + Kết quả mong muốn:

Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về chứng từ kế toán

* + Tài liệu: Đọc chương 1 giáo trình

**Buổi 3 Chứng từ kế toán**

* + Nội dung: Thực hành lập chứng từ kế toán thủ công
* Phương pháp: Thực hành
  + Kết quả mong muốn:

Sinh viên có thể thực hiện được việc lập các chứng từ kế toán tại doanh nghiệp

* + Tài liệu: Đọc chương 2 giáo trình

**Buổi 4 Sổ sách kế toán**

* + Nội dung: Giới thiệu các loại sổ sách kế toán, thực hành mở sổ kế toán thủ công
* Phương pháp: Thuyết giảng, thực hành
  + Kết quả mong muốn:

Sinh viên hiểu biết cơ bản về các loại sổ sách kế toán cần có. Cách thức thực hiện ghi sổ kế toán cho doanh nghiệp

* + Tài liệu: Đọc chương 2 giáo trình

**Buổi 5 Sổ sách kế toán**

* Nội dung: Thực hành mở Sổ kế toán qua các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
* Phương pháp: Thực hành
  + Kết quả mong muốn:

Sinh viên có thể thưc hiện được việc ghi sổ kế toán.

* + Tài liệu: Đọc chương 2 giáo trình

**Buổi 6 Sổ sách kế toán**

* Nội dung: Thực hành mở Sổ kế toán qua các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
* Phương pháp: Thực hành
  + Kết quả mong muốn:

Sinh viên có thể thưc hiện được việc ghi sổ kế toán.

* + Tài liệu: Đọc chương 2 giáo trình

**Buổi 7 Báo cáo kế toán**

* Nội dung: Giới thiệu tổng quan về báo cáo thuế
* Phương pháp: Thuyết giảng, thực hành.
  + Kết quả mong muốn:

Sinh viên hiểu biết cơ bản về cách thực hiện báo cáo thuế

* + Tài liệu: Đọc chương 3 giáo trình

**Buổi 8 Báo cáo kế toán**

* + Nội dung: Giới thiệu về báo cáo tài chính
* Phương pháp: Thuyết giảng, thực hành
  + Kết quả mong muốn:

Sinh viên hiểu biết cơ bản về cách lập báo cáo tài chính.

* + Tài liệu: Đọc chương 3 giáo trình

**Buổi 9 Báo cáo kế toán**

* + Nội dung: Thực hành lập Báo cáo tài chính và báo cáo thuế.
* Phương pháp: Thực hành
  + Kết quả mong muốn:

Sinh viên có thể lập được một báo cáo tài chính tại doanh nghiệp

* + Tài liệu: Đọc chương 3 giáo trình

**Buổi 10 Thực hành trên phần mềm MISA**

* + Nội dung: Khái quát về phần mềm Misa, cách cài đặt, khai báo ban đầu trên phần mềm. Thực hành kế toán trên phần mềm Misa
* Phương pháp: Thực hành
  + Kết quả mong muốn:

Sinh viên có thể thành thạo phần mềm kế toán Misa áp dụng tại các doanh nghiệp.

* + Tài liệu: Đọc chương 3 giáo trình

**Buổi 11 Thực hành trên phần mềm MISA**

* + Nội dung: Thực hành kế toán trên phần mềm Misa
* Phương pháp: Thực hành
  + Kết quả mong muốn:

Sinh viên có thể thành thạo phần mềm kế toán Misa áp dụng tại các doanh nghiệp.

* + Tài liệu: Đọc chương 3 giáo trình

**Buổi 12 Thực hành trên phần mềm MISA**

* + Nội dung: Thực hành kế toán trên phần mềm Misa
* Phương pháp: Thực hành
  + Kết quả mong muốn:

Sinh viên có thể thành thạo phần mềm kế toán Misa áp dụng tại các doanh nghiệp.

* + Tài liệu: Đọc chương 3 giáo trình

**Buổi 13 Thực hành trên phần mềm MISA**

* + Nội dung: Thực hành kế toán trên phần mềm Misa
* Phương pháp: Thực hành
  + Kết quả mong muốn:

Sinh viên có thể thành thạo phần mềm kế toán Misa áp dụng tại các doanh nghiệp.

* + Tài liệu: Đọc chương 3 giáo trình

**Buổi 14 Thực hành trên phần mềm MISA**

* + Nội dung: Thực hành kế toán trên phần mềm Misa
* Phương pháp: Thực hành
  + Kết quả mong muốn:

Sinh viên có thể thành thạo phần mềm kế toán Misa áp dụng tại các doanh nghiệp.

* + Tài liệu: Đọc chương 3 giáo trình

**Buổi 15 Thực hành trên phần mềm MISA**

* + Nội dung: Thực hành kế toán trên phần mềm Misa
* Phương pháp: Thực hành
  + Kết quả mong muốn:

Sinh viên có thể thành thạo phần mềm kế toán Misa áp dụng tại các doanh nghiệp.

* + Tài liệu: Đọc chương 3 giáo trình

**15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:**

**- Thời gian: Theo lịch thi chung của trường**

**- Hình thức thi: Tự luận và trắc nghiệm, không được sử dụng tài liệu**

***Bình Thuận, ngày tháng năm***

**Trưởng khoa**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: KẾ TOÁN

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 4 - Mã học phần : 10303**

**2. Khoa phụ trách: Kế toán – Kiểm toán**

**3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**

**3.1. Họ và tên: Đào Tuyết Lan**

* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Kế toán – Kiểm toán
* ĐT: 0989.002.001 email: daotuyetlan.07@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán

**3.2. Họ và tên: Nguyễn Thị Thảo**

* Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Kế toán – Kiểm toán
* ĐT: 01662.416.163 email:ntthao@upt.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán

**4. Số tín chỉ: 3**

**5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết**

* Lên lớp: 45 tiết
* Tự học: 135 tiết

**6. Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1, Kế toán tài chính 2, Kế toán tài chính 3.**

**7. Mục tiêu của học phần:**

* **Về kiến thức:** Học phần này mong muốn sinh viên:
* Biết những đặc điểm của sổ kế toán, các hình thức sổ kế, hệ thống báo cáo tài chính và các vấn đề liên quan…
* Hiểu và mô tả được các vấn đề cơ bản về sổ kế toán và các hình thức sổ kế toán, những vấn đề chung về báo cáo tài chính, các nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính, các nguyên tắc ghi nhận sai sót trong kế toán, thay đổi chính sách kế toán và thay đổi ước tính kế toán, các phương pháp điều chỉnh hồi tố và điều chỉnh phi hồi tố, các nguyên tắc ghi nhận kế toán ảnh hưởng do điều chỉnh, trình bày báo cáo những thông tin liên quan do điều chỉnh.
* Vận dụng các kiến thức chung cơ bản liên quan đến sổ kế toán và báo cáo tài chính như đã nêu ở trên vào việc lập chứng từ kế toán, sổ kế toán; lập và phân tích chi tiết Báo cáo tài chính; thực hiện kế toán liên quan đến các sai sót trong kế toán, thay đổi chính sách kế toán và ước tính kế toán, các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
* **Về kỹ năng**: Học phần này kỳ vọng sinh viên đạt được các kỹ năng:
* Vận dụng kiến thức để tổ chức hệ thống sổ kế toán và hệ thống báo cáo tài chính.
* Tìm kiếm và lựa chọn kiến thức để tự giải quyết các vấn đề.
* Hợp tác, giao tiếp tốt và có khả năng quản lý nhóm làm việc;
* Lập mục tiêu và kế hoạch thực hiện cho bản thân và cho công việc.
* **Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm**: Học phần này kỳ vọng sinh viên sau khi hoàn thành sẽ có được thái độ yêu thích môn học; hình thành được khả năng tự học, tự nghiên cứu; biết đặt mục tiêu và kế hoạch cho bản thân trong công việc và cuộc sống; có thái độ tích cực, kỷ luật trong công việc để thích nghi trong môi trường tổ chức mới và nâng cao hiệu quả trong công việc.

**8. Chuẩn đầu ra học phần:** Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

***-* Kiến thức:**

1. ***Mô tả*** được **(1)** các vấn đề cơ bản về sổ kế toán và các hình thức sổ kế toán, **(2)** các vấn đề chung về báo cáo tài chính, **(3)** kết cấu, các nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính, **(4)** các nguyên tắc ghi nhận sai sót trong kế toán, thay đổi chính sách kế toán và thay đổi ước tính kế toán, **(5)** các phương pháp điều chỉnh hồi tố và điều chỉnh phi hồi tố, **(6)** các nguyên tắc ghi nhận kế toán ảnh hưởng do điều chỉnh, trình bày báo cáo những thông tin liên quan do điều chỉnh.

2. ***Phân tích*** được hệ thống báo cáo tài chính

3. ***Áp dụng***được **(1)** các nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính trong việc lập và trình bày Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính, **(2)** các nguyên tắc kế toán trong việc ghi nhận sai sót trong kế toán, thay đổi chính sách kế toán và thay đổi ước tính kế toán, **(3)** phương pháp điều chỉnh trong việc thực hiện kế toán ảnh hưởng do điều chỉnh, trình bày báo cáo những thông tin liên quan do điều chỉnh.

**- Kỹ năng:**

4. Đọc và vận dụng các nguyên tắc, hướng dẫn của các văn bản pháp lý về kế toán vào xử lý thông tin kế toán ở mức độ cơ bản, giản đơn.

5. Quản lý thời gian cá nhân để tự làm việc và hợp tác được với các thành viên trong nhóm.

6. Biết chọn lọc, phân loại tài liệu và vận dụng tài liệu vào học tập.

**- Thái độ:**

7. Có thái độ chủ động, tích cực và nghiêm túc trong việc học tập, nghiên cứu môn học; luôn cố gắng trong việc nắm vững lý thuyết giảng trên lớp, kết hợp với nghiên cứu tài liệu, tham gia thảo luận (theo hướng dẫn của giảng viên) và làm các bài tập cá nhân, bài tập nhóm bắt buộc nhằm vận dụng tốt lý thuyết và rèn luyện các kỹ năng của học phần.

8. Có thái độ tích cực tìm hiểu và vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn.

9. Có tác phong kỷ luật tốt, trung thực trong học tập, thi cử, nghiêm túc tuân thủ các nội quy và yêu cầu mà học phần đặt ra.

**- Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

10. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu.

11. Có khả năng đặt mục tiêu và lập kế hoạch cho bản thân trong công việc và cuộc sống.

12. Có khả năng thích nghi trong môi trường tổ chức mới và nâng cao hiệu quả công việc.

**9. Nội dung học phần:**

**9.1. Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, về việc xử lý các sai sót trong kế toán, thay đổi chính sách kế toán và ước tính kế toán, và các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm.Trong đó, sinh viên được giới thiệu các vấn đề cơ bản về báo cáo tài chính và kế toán điều chỉnh như “Sổ kế toán”, “Hình thức sổ kế toán”, “Bảng cân đối kế toán”, “Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh”, “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”, “Thuyết minh báo cáo tài chính”, “Sai sót trong kế toán”, “Thay đổi chính sách và ước tính kế toán”, “các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm”… Từ các vấn đề đã được học, sinh viên có thể hệ thống thành các kỹ năng nâng cao hơn như: tổ chức và lập chứng từ kế toán, sổ sách kế toán và hệ thống Báo cáo tài chính; giải quyết các vấn đề liên quan đến sai sót kế toán, thay đổi chính sách và ước tính kế toán, và các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Sinh viên được khuyến khích vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn như phân tích chi tiết tình hình tài chính và tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp có công bố Báo cáo tài chính trên các phương tiện thông tin qua từng năm.

**9.2. Nội dung học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chương** | **Mục, tiểu mục** | **Số tiết** | | | | **TL**  **TH** | **CĐR** |
| **TC** | **LT** | **BT** | **TH** |  |
| 1. | **Sổ Kế Toán Và Hình Thức Sổ Kế Toán** | * Sổ kế toán   + - Khái niệm Sổ kế toán     - Phân loại Sổ kế toán     - Nguyên tắc ghi Sổ kế toán     - Kỹ thuật ghi Sổ kế toán     - Các phương pháp sửa sai Sổ kế toán * Các Hình thức sổ kế toán   + - Khái niệm Hình thức sổ kế toán     - Các hình thức sổ kế toán     - Hình thức nhật ký chung     - Hình thức nhật ký – sổ cái     - Hình thức chứng từ ghi sổ     - Hình thức nhật ký chứng từ | 4 | 3 | 1 |  | 12 | 1(1)  4  6  7  8  9  10  11  12 |
| 2. | **Những Vấn Đề Chung Về Báo Cáo Tài Chính** | * Khái niệm và mục đích của Báo cáo tài chính * Hệ thống Báo cáo tài chính * Trách nhiệm lập, trình bày và nộp Báo cáo tài chính * Yêu cầu lập và trình bày Báo cáo tài chính * Các nguyên tắc cần tuân thủ khi lập và trình bày Báo cáo tài chính | **4** | 3 | 1 |  | 12 | 1(2)  3(1)  4  5  6  7  8  9  10  11  12 |
| 3. | **Bảng Cân Đối Kế Toán Và Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh** | * Bảng Cân Đối Kế Toán   + - Khái niệm và mục đích Bảng cân đối kế toán     - Kết cấu Bảng cân đối kế toán     - Nguyên tắc lập và trình bày Bảng cân đối kế toán     - Cơ sở và phương pháp lập Bảng cân đối kế toán * Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh   + - Khái niệm và mục đích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh     - Kết cấu Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh     - Nguyên tắc và cơ sở lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh     - Phương pháp lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | **12** | 8 | 4 |  | 36 | 1(3)  3(1)  2  4  5  6  7  8  9  10  11  12 |
| 4. | **Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ và Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính** | * Báo cáo lưu chuyển tiền tệ   + - Khái niệm và mục đích Báo cáo lưu chuyển tiền tệ     - Kết cấu Báo cáo lưu chuyển tiền tệ     - Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo lưu chuyển tiền tệ     - Cơ sở và phương pháp lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ * Thuyết minh Báo cáo tài chính   + - Khái niệm và mục đích Thuyết minh báo cáo tài chính     - Nguyên tắc lập và trình bày Thuyết minh báo cáo tài chính     - Cơ sở lập Thuyết minh báo cáo tài chính     - Nội dung và phương pháp lập Thuyết minh báo cáo tài chính | **12** | 8 | 4 |  | 36 | 1(3)  3(1)  2  4  5  6  7  8  9  10  11  12 |
| 5. | **Sai Sót Trong Kế Toán, Thay Đổi Chính Sách Kế Toán Và Ước Tính Kế Toán; Các Sự Kiện Phát Sinh Sau Ngày Kết Thúc Kỳ Kế Toán Nam** | * Sai sót trong kế toán, thay đổi chính sách kế toán và thay đổi ước tính kế toán * Điều chỉnh hồi tố và điều chỉnh phi hồi tố * Kế toán ảnh hưởng do điều chỉnh * Trình bày báo cáo những thông tin liên quan do điều chỉnh | **13** | 8 | 5 |  | 39 | 1(4)  1(5)  1(6)  3(2)  3(3)  4  5  6  7  8  9  10  11  12 |

**10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:**

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, giải quyết các tình huống liên quan đến sai sót trong kế toán, thay đổi chính sách kế toán và ước tính kế toán, các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

* Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 11 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
* Phần bài tập được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm , mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào buổi học thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :
* Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.
* Sinh viên sẽ họp nhóm học tập để giải các bài tập do giảng viên cung cấp và các nhóm sẽ được mời bất chợt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học.
* Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được ghi nhận cộng vào điểm quá trình).
* Phương pháp giảng dạy ở học phần này là sử dụng bài giảng bằng phương pháp trình chiếu PowerPoint, Excel kết hợp với việc tóm tắt, ghi chú và triển khai trên bảng đen, vì vậy sinh viên sẽ sử dụng bài giảng do giảng viên cung cấp kết hợp với việc tự ghi chép thêm.
* Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng phương pháp tự học kết hợp với việc thảo luận theo nhóm, thuyết trình.
* Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện, không làm việc riêng và để điện thoại ở chế độ im lặng.
* Vào **buổi học thứ 6,** sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20%** tổng số điểm.
* ***Cuối học kỳ***, sinh viên sẽ có một bài thi dài 75 phút hình thức tự luận.

**11. Phương pháp đánh giá học phần:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Những nội dung**  **cần đánh giá** | **Số lần đánh giá** | **Trọng số (%)** |
| Dự lớp | 10 | 10 |
| Thảo luận | 1 | 5 |
| Bản thu hoạch |  |  |
| Thuyết trình |  |  |
| Bài tập | 1 | 5 |
| Thi giữa học kỳ | 1 | 20 |
| Thi cuối học kỳ | 1 | 60 |
|  |  | **Tổng: 100%** |

* Giảng viên sẽ điểm danh 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 2 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên ***đi học trễ 15 phút*** hoặc không chấp hành đúng quy định của nhà Trường sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm ) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
* **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
* Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm và **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu nhóm không chuẩn bị gì hết. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, hoặc (b) không trả lời theo nội dung câu hỏi.
* **Có hành động gian dối**: Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn…) thì sẽ bị điểm 0.

**12. Học liệu**

**12.1.Tài liệu chính:**

Tài liệu Kế toán tài chính 4, Khoa Kế toán – Kiểm toán, Trường Đại học Phan Thiết.

* Bài giảng
* Bài tập

**12.2 Tài liệu tham khảo:**

* Kế toán tài chính (Quyển 3) – Nhà xuất bản kinh tế TP.Hồ Chí Minh, Năm 2013 – Bộ môn Kế toán tài chính – Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.
* Bài tập kế toán tài chính – Nhà xuất bản kinh tế TP.Hồ Chí Minh, Năm 2013 – Bộ môn Kế toán tài chính – Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.
* Luật kế toán Việt Nam
* Các chuẩn mực kế toán Việt Nam; Các thông tư, nghị quyết, quyết định và các văn bản liên quan đến tài chính kế toán.

**12.3. Tư liệu trực tuyến:**

* + Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn)
* **13. Tổ chức giảng dạy và học tập**

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

**14. Kế hoạch giảng dạy : (mô tả cụ thể từ buổi 1 đến buổi cuối cùng, mỗi buổi 4 tiết trên lớp, tối thiểu 12 tiết tự học)**

**BUỔI 1 Sổ Kế Toán Và Hình Thức Sổ Kế Toán**

* + **Nội dung bài giảng:** Giới thiệu về môn học; Sổ kế toán và các hình thức sổ kế toán.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn bài tập.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên mô tả được các vấn đề cơ bản về sổ kế toán và các hình thức sổ kế toán; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 1 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**BUỔI 2 Những Vấn Đề Chung Về Báo Cáo Tài Chính**

* + **Nội dung bài giảng:** Ôn tập nội dung bài giảng buổi 1; Giới thiệu về Khái niệm và mục đích của Báo cáo tài chính, Hệ thống Báo cáo tài chính, Trách nhiệm lập, trình bày và nộp Báo cáo tài chính, Yêu cầu lập và trình bày Báo cáo tài chính, Các nguyên tắc cần tuân thủ khi lập và trình bày Báo cáo tài chính.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn bài tập.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên mô tả được các vấn đề chung về báo cáo tài chính; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 2 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**BUỔI 3 Bảng Cân Đối Kế Toán Và Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh**

* + **Nội dung bài giảng:** Ôn tập nội dung bài giảng buổi 2; Trình bày Khái niệm và mục đích Bảng cân đối kế toán, Kết cấu Bảng cân đối kế toán, Nguyên tắc lập và trình bày Bảng cân đối kế toán, Cơ sở và phương pháp lập Bảng cân đối kế toán
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn bài tập.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên mô tả được kết cấu Bảng cân đối kế toán, mô tả và vận dụng được các nguyên tắc lập và trình bày Bảng cân đối kế toán; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 3 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**BUỔI 4 Bảng Cân Đối Kế Toán Và Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh**

* + **Nội dung bài giảng:** Ôn tập nội dung bài giảng buổi 3; Trình bày Cơ sở và phương pháp lập Bảng cân đối kế toán.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, thảo luận, hướng dẫn bài tập.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên vận dụng được các nguyên tắc lập và trình bày Bảng cân đối kế toán; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 3 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**BUỔI 5 Bảng Cân Đối Kế Toán Và Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh**

* + **Nội dung bài giảng:** Trình bày Khái niệm và mục đích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Kết cấu Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Nguyên tắc và cơ sở lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Phương pháp lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn bài tập.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên mô tả được kết cấu Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, mô tả và vận dụng được các nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 3 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**BUỔI 6 Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ và Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính**

* + **Nội dung bài giảng:** Kiểm tra giữa kỳ; Trình bày Khái niệm và mục đích Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Kết cấu Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn bài tập.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên mô tả được kết cấu Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, nguyên tắc lâp và trình bày Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 4 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**BUỔI 7 Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ và Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính**

* + **Nội dung bài giảng:** Ôn tập nội dung bài giảng buổi 6; Trình bày Cơ sở và phương pháp lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, thảo luận, hướng dẫn bài tập.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên vận dụng được các nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 4 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**BUỔI 8 Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ và Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính**

* + **Nội dung bài giảng:** Trình bày Khái niệm và mục đích Thuyết minh báo cáo tài chính, Nguyên tắc lập và trình bày Thuyết minh báo cáo tài chính, Cơ sở lập Thuyết minh báo cáo tài chính, Nội dung và phương pháp lập Thuyết minh báo cáo tài chính.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn bài tập.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên mô tả và vận dụng được các nguyên tắc lập và trình bày Thuyết minh báo cáo tài chính; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 4 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**BUỔI 9 Sai Sót Trong Kế Toán, Thay Đổi Chính Sách Kế Toán Và Ước Tính Kế Toán; Các Sự Kiện Phát Sinh Sau Ngày Kết Thúc Kỳ Kế Toán Nam**

* + **Nội dung bài giảng:** Trình bày Sai sót trong kế toán, thay đổi chính sách kế toán và thay đổi ước tính kế toán.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn bài tập.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên mô tả và vận dụng được các nguyên tắc ghi nhận sai sót trong kế toán, thay đổi chính sách kế toán và thay đổi ước tính kế toán; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 5 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**BUỔI 10 Sai Sót Trong Kế Toán, Thay Đổi Chính Sách Kế Toán Và Ước Tính Kế Toán; Các Sự Kiện Phát Sinh Sau Ngày Kết Thúc Kỳ Kế Toán Nam**

* + **Nội dung bài giảng:** Ôn tập nội dung buổi 9; Trình bày Điều chỉnh hồi tố và điều chỉnh phi hồi tố
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn bài tập.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên mô tả và áp dụng được Các phương pháp điều chỉnh hồi tố và điều chỉnh phi hồi tố; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 5 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**BUỔI 11 Sai Sót Trong Kế Toán, Thay Đổi Chính Sách Kế Toán Và Ước Tính Kế Toán; Các Sự Kiện Phát Sinh Sau Ngày Kết Thúc Kỳ Kế Toán Nam**

* + **Nội dung bài giảng:** Ôn tập nội dung buổi 10; Trình bày Kế toán ảnh hưởng do điều chỉnh, Trình bày báo cáo những thông tin liên quan do điều chỉnh.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn bài tập.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên mô tả và áp dụng các nguyên tắc ghi nhận kế toán ảnh hưởng do điều chỉnh, trình bày báo cáo những thông tin liên quan do điều chỉnh; đạt được các kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết.
  + **Đọc tài liệu**: Chương 5 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo)

**BUỔI 12 Ôn Tập Và Dự Trữ**

* + **Nội dung bài giảng:** Ôn tập và giải đáp thắc mắc.
  + **Phương pháp giảng dạy:** Hỏi đáp.
  + **Kết quả mong muốn:** Sinh viên hiểu rõ hơn về nội dung học phần.
  + **Đọc tài liệu**: Chương1, 2, 3, 4, 5 (bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo).

**15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:**

* **Thời gian: Theo lịch thi chung của trường**
* **Hình thức thi:** Thi tự luận trong thời gian 75 phút, không sử dụng tài liệu.

***Bình Thuận, ngày tháng năm***

**Trưởng khoa**